

Giao lưu với cán bộ Viện Nghiên cứu Trung Quốc
(Ngày 05-11-2012)

Giáo sư Đỗ Tiến Sâm (ĐTS): Xin giới thiệu với các anh chị ông , Tổng Giám đốc Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ, đến nói chuyện với Viện. Xuất phát từ tư duy của người làm khoa học công nghệ, ông đã phát hiện những vấn đề khoa học xã hội nhân văn. Hôm nay, chúng tôi mời ông đến để cùng trao đổi về vấn đề phát triển Toà giải bài toán phát triển của Việt Nam trong tương quan với Trung Quốc và các đối tác khác.

Viện chúng tôi chủ yếu triển khai nghiên cứu các đề tài về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và chính sách đối ngoại Trung Quốc. Hiện tại, chúng tôi đang gấp rút hoàn thành một chương trình nghiên cứu gồm 8 đề tài xung quanh sự trỗi dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, do tôi làm chủ nhiệm, trong đó bao gồm: sự trỗi dậy về kinh tế, sự trỗi dậy về quốc phòng an ninh, vấn đề đảm bảo chính trị, vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình trỗi dậy, vấn đề về văn hóa, vấn đề điều chỉnh chính sách đối ngoại, quan hệ Việt - Trung... Bây giờ, xin trân trọng kính mời anh Bạt giới thiệu về mình.

Ông (NTB): Thưa giáo sư, thưa các anh chị! Tất cả các tổ chức ra đời đều có ý nghĩa và động cơ ban đầu của nó, có nguyên do của nó. Thượng đế đặt đất nước chúng ta bên cạnh một đất nước khổng lồ là Trung Quốc, và trạng thái đương đại của nó là nước CHND Trung Hoa, do đó mới có Viện nghiên cứu về Trung Quốc. Chúng tôi là một tổ chức ra đời trong cơ hội Đảng ta mở cửa và đổi mới. Từ giữa những năm 70, tôi đã nghiên cứu các diễn biến của thế giới. Đầu những năm 80, tôi đi đến một nhận định là chắc chắn cộng đồng các nước Xã hội chủ nghĩa có vấn đề về hệ thống. Nếu không cẩn thận, chúng ta mất đi chỗ dựa cả về chính trị, đặc biệt là về kinh tế. Khối SEV là một khối tương trợ, sự tương trợ đi từ nước to, nước có tiền đến các nước như chúng ta. Khi nó có vấn đề thì chắc chắn chúng ta sẽ khủng hoảng. Tôi thấy giải pháp duy nhất của Đảng ta là đổi mới và mở cửa. Đổi mới đi trước một chút để phát huy, để khai thác tiềm lực vốn có của mình là nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Tiếp đó sẽ phải mở cửa, tức là chúng ta phải dần dần thâm nhập vào đời sống kinh tế quốc tế.

Vào thời điểm ấy, tôi nhận định chắc chắn sẽ có hai cộng đồng "người ngon" gặp nhau. Người phương Tây không hiểu gì về người cộng sản, đặc biệt là người cộng sản Việt Nam. Tôi cho rằng người cộng sản Việt Nam là một loại hình đặc thù trong cộng đồng những người cộng sản trên toàn thế giới.

Họ có những đặc điểm khá lạ, khác ngay cả với người cộng sản gần nhất là những người cộng sản Trung Quốc. Lúc đó, Phương Tây không hiểu những người cộng sản và những người cộng sản của chúng ta cũng không hiểu phương Tây cả về mặt chính trị, tư tưởng lẫn kinh tế. Ở những thời điểm như vậy, cần có một tổ chức phiên dịch sự khác biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, làm giảm

thiếu sự không hiểu biết ấy và cung cấp các dịch vụ để tạo lập những quan hệ đầu tiên giữa cộng đồng xã hội Việt Nam với phương Tây. Chúng tôi đã làm được việc ấy.

Vào đầu những năm 1990, Thủ tướng Võ Văn Kiệt ký quyết định cho phép 6 tổ chức tư vấn được hoạt động, trong đó có Công ty của chúng tôi thuộc về Viện Khoa học Việt Nam, một công ty thuộc Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước, một công ty của Bộ Công nghiệp nặng, một công ty của Bộ Công nghiệp nhẹ, một công ty của đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo, một công ty của thành phố Hồ Chí Minh. Có đồng chí lãnh đạo cấp cao ở Bộ Công an nói rằng trong 6 tổ chức ấy, bây giờ chỉ còn lại công ty chúng tôi.

Chúng tôi không định làm dịch vụ một cách thông thường. Kiếm tiền chỉ là một trong các động cơ và không phải là động Cơ chính. Động cơ chính của chúng tôi là làm cho hai cộng đồng này thâm nhập vào nhau một cách thuận lợi. Cách đây hai hôm, khi nói chuyện với một số cán bộ giảng dạy cũ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tôi nói rằng một dân tộc như chúng ta vừa bẻ và trong những giai đoạn nhất định nào đấy lại vừa yếu nữa, nên cần phải được bù bằng một đội ngũ lãnh đạo ưu tú và một tập thể công dân thông thái. Tôi đưa ra ví dụ về Jordan. Đây là một quốc gia bé, yếu, không có tài nguyên, nghèo khổ, nhưng thượng đế bù cho nhân dân Jordan vua Hussein. Ông ấy đã trở thành người điều phối và cân bằng chính trị của khu vực Trung Đông trong một thời gian rất dài. Khi ông ấy mất, con ông ấy lên thay nhưng chưa đạt được ngưỡng mà ông ấy đã tạo lập ra trong vai trò điều phối sự cân bằng chính trị của khu vực. Chúng tôi không thể tham gia vào quá trình làm xuất hiện những yếu tố bù ở các nhà lãnh đạo, nhưng ở mức những công dân tích cực, chúng tôi có thể chủ động bù được. Chúng tôi cố gắng đóng góp vào vùng ấy một số người để có thể làm cho các cộng đồng khác trên thế giới nhìn vào chúng ta mà không có thái độ coi thường. Năng lực đối thoại của những người đó và của các nhà lãnh đạo sẽ góp phần khắc phục cách nhìn tiêu cực đối với dân tộc chúng ta. Chính từ những động cơ như vậy, chúng tôi lập ra công ty này. Vì nó đúng về mặt luận lý cho nên chắc chắn về mặt thành quả kinh tế, tự nhiên nó có.

Trong những năm vàng son của chính sách mở cửa, công ty chúng tôi là một địa chỉ khá tốt, lương chúng tôi trả cho cán bộ của mình không hề kém các công ty nước ngoài. Bây giờ tình hình kinh tế khủng hoảng cho nên chúng tôi phải lui mức sống từ tiêu chuẩn Hoa Kỳ về đến tiêu chuẩn châu Âu, về đến tiêu chuẩn Singapore, rồi lùi đến tiêu chuẩn Malaysia. Chúng tôi cung cấp dịch vụ để hình thành các quan hệ kinh doanh ở Việt Nam, quan hệ kinh doanh trên một hợp đồng căn bản, quan hệ kinh doanh trên một hợp tác đầu tư liên doanh, quan hệ kinh doanh trên các dự án v.v... Chúng tôi cung cấp dịch vụ trên một phổ khá rộng trong lĩnh vực kinh tế.

Cá nhân tôi có một hoạt động quốc tế về lĩnh vực này khá phong phú. Tôi đã từng 25 năm đi lang thang. Ở đâu người ta biết đến Việt Nam, quan tâm đến

Việt Nam, tôi đều đến, cố gắng trao đổi với các nhà kinh doanh, nhà lãnh đạo kinh doanh hay tầng lớp lãnh đạo cao hơn trên thế giới để họ có thể hiểu về chúng ta hơn, hiểu cả tiềm năng và nhược điểm của người Việt. Đôi khi chúng ta trang hoàng phòng khách rất đẹp, nhưng quên mất có lúc khách phải đi vệ sinh. Nếu nhà vệ sinh không được chuẩn bị (tức là không chuẩn bị hậu trường cho các quan hệ quốc tế) thì đôi khi, chúng ta bị phát hiện là dối trá. Cá nhân tôi làm chuyện như vậy, còn đại bộ phận các đồng nghiệp của tôi cung cấp những dịch vụ có chất lượng kiến thức hay có chất lượng tạo dựng các quan hệ về các dự án cụ thể.

Hơn 10 năm trước đây, tôi thấy tất cả những gì tích lũy được trong hoạt động hàng ngày ở trong nước cũng như quốc tế làm cho tôi có một số kinh nghiệm, một số ấn tượng và thức tỉnh về một số vấn đề. Tôi cho rằng có thể tạo ra được một số sản phẩm nghiên cứu để phổ biến kinh nghiệm của mình cho xã hội nên tôi bắt đầu viết sách, đến bây giờ được 13 năm. Tôi rất tự hào về những đóng góp của mình, ngoài mục đích làm sáng tỏ các sự thật kinh tế còn có một phần các sự thật chính trị và một phần các chính sách đối ngoại.

Ở tuổi 68, tôi không có động cơ thăng quan tiến chức, kiếm tiền, bởi bằng cái nhạy cảm của mình, tôi đã kiếm được một số tiền đủ để cho các con tôi, thậm chí có thể cả các cháu tôi sống. Nhu cầu của tôi là thấy được một nước Việt Nam tỏa sáng, thấy được tập thể lãnh đạo đất nước của chúng ta làm tỏa sáng dân tộc. Đây là tất cả động cơ chính trị của tôi. Cách làm việc của tôi là các bạn hỏi, tôi trả lời. Đây là một cơ sở nghiên cứu, bởi vì các vấn đề, các khúc mắc đã tồn tại ngay trong chính suy nghĩ của các bạn rồi.

ĐTS: Ông có thể kể một vài góp ý của ông trước đây về chính sách đối ngoại của Việt Nam với Trung Quốc? Ông dựa trên cơ sở nào để góp ý được như thế? Ông có thể dự báo sắp tới đường lối đối ngoại của Việt Nam với Trung Quốc nên như thế nào?

NTB: Mở đầu tôi đã nói Thượng đế sắp đặt chúng ta sống cạnh nước Trung Quốc và một trạng thái đương đại của nó là nước CHND Trung Hoa. Chúng ta buộc phải nghiên cứu về Trung Quốc và nghiên cứu về nước CHND Trung Hoa. Phải phân biệt hai đối tượng ấy một cách rõ ràng. Giải pháp để quan hệ với nước CHND Trung Hoa là chính trị, nhưng giải pháp lâu dài để quan hệ với Trung Quốc là văn hóa. Phải kết hợp hai công cụ ấy, chúng ta mới có thể tạo ra mối quan hệ ổn định lâu dài. Cần phải làm điều đó vì bây giờ nó không còn đơn giản chỉ là ổn định quan hệ của hai nước nữa. Trung Quốc đã trở thành một cường quốc, còn Việt Nam đã ra khỏi bóng tối của sự phát triển, trở thành một quốc gia bình đẳng với nhiều quốc gia trên thế giới trong đối thoại (không phải bình đẳng về mặt thực lực), vì cùng là đảng viên "đảng WTO". Quan hệ ấy ảnh hưởng đến khu vực và thế giới, cho nên không phải ngẫu nhiên tất cả các đại sứ quán có mặt Hà Nội đều rất quan tâm đến mọi động thái chính trị ở nước ta, cũng như quan hệ của chúng ta với nước CHND Trung Hoa.

Người Nhật quan tâm số một, người Mỹ xa hơn một chút nhưng cũng quan tâm số một. Đại bộ phận các nước khác đều quan tâm như vậy. Chúng ta xử lý quan hệ với Trung Quốc và CHND Trung Hoa không phải vì quan hệ riêng của mình mà vì môi trường của cả khu vực. Môi trường ấy bắt đầu trở thành một tham số tham gia trực tiếp vào điều kiện phát triển của mỗi nước.

Tiếp theo, tôi xin trả lời phần đầu câu hỏi của anh là tôi tham vấn như thế nào. Chúng ta đều biết những người lãnh đạo là những người bận bịu, họ có thể quan liêu hoặc bị bao vây bởi nhiều người, cho nên có khi họ là người tốt, người trung thực, người có thể lắng nghe, nhưng đi qua được đám đông bao vây họ là cả một cuộc trường chinh. Nếu chúng ta không may gặp lúc họ bận thì họ không tiếp, không may gặp lúc họ quan liêu là họ không để ý, hoặc gặp lúc họ bị bao vây thì chúng ta không tiếp cận được. Đến gần những người lãnh đạo có cả ba cái rủi ro như vậy. Gần 20 năm nghiên cứu, tôi tìm cách để những thông tin, những gợi ý của mình đến họ mà mình không phải đến. Nếu đến họ thì rất có thể tôi chìm ngập trong đám các cá nhân muốn lợi dụng các quan hệ. Tôi từ chối đến gặp trực tiếp các nhà lãnh đạo nếu họ không gọi, để tránh tiếng là gia nhập nhóm người đi tìm kiếm cơ hội.

Tôi tìm một cách viết để các nội dung tham vấn của mình lọt qua được các hàng rào,

Có một vị nguyên là lãnh đạo cấp cao mời tôi đến nhà chơi, anh ấy hỏi: "Sao tớ viết có hai bài mà thiên hạ đã kêu ầm lên, cậu viết đến năm quyển mà họ không kêu gì?". Tôi nói rằng, về luận lý thì anh đúng, nhưng về thái độ, anh chưa đúng, không bao giờ nên biến đồng chí của mình thành đối tượng phê phán trực tiếp. Trong quyển "Đắc nhân tâm" Dale Carnegie có kể câu chuyện hai kẻ ăn xin. Khi tìm một người nhà giàu để xin tiền, một anh đi đổi diện để xin, đúng lúc ông ấy bực mình nên không cho. Còn anh kia khôn hơn, xin chuyên nghiệp hơn thì sang đường, đi cùng chiều với ông nhà giàu. Đi cùng chiều thì thời lượng để năn nỉ dài hơn, do đó anh ta đạt được hiệu quả.

Còn tham vấn về Trung Quốc, tôi có nói một cách công khai tại Viện Nghiên cứu Chiến lược của Bộ Ngoại giao rằng dân tộc chúng ta có một nhược điểm là luôn luôn cố gắng biến địch thành thù. Địch là kẻ đối thoại với mình, là kẻ đối đầu và kẻ đó có thể thương lượng được. Chúng ta thương lượng một cách cực kỳ thành công trong nửa thế kỷ chiến tranh. Trong thương lượng ấy chúng ta chẻ tư, chẻ tám kẻ địch ra để tìm thấy đồng minh, thậm chí tìm thấy trong cả Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton với việc ông ấy đã từng biểu tình chống chiến tranh Việt Nam. Bây giờ chúng ta không có chiến tranh, nhưng trong quan hệ với nước CHND Trung Hoa, một bộ phận không ít trong xã hội chúng ta cố gắng biến họ thành thù.

Theo nghiên cứu của tôi, tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc là động lực cơ bản để hình thành các quốc gia. Nhưng chủ nghĩa dân tộc là tinh thần dân tộc đã bị chính trị hóa và trở thành thuốc độc của các quan hệ quốc tế. Cho

nên chúng ta tận dụng, khai thác, biểu dương tinh thần dân tộc, nhưng phải rất cẩn thận trong việc dụng dưỡng chủ nghĩa dân tộc. Để sử dụng tinh thần dân tộc, những người cầm quyền buộc phải rất có bản lĩnh, phải biết cách điều khiển những cuộc biểu tình (ví dụ biểu tình chống Nhật ở Bắc Kinh hay ở Thượng Hải), nếu không nó có thể biến chủ nghĩa dân tộc trở thành công cụ chính trị để đầu độc và phá vỡ tương lai thương thảo của hai dân tộc.

Trong quan hệ với nước CHND Trung Hoa, sự thương thảo ấy khó khăn vô cùng, bởi đây là thương thảo với một con sư tử. Nếu đã thương thảo là phải có đủ lòng dũng cảm, không phải là dũng cảm thông thường mà là dũng cảm để giữ được sự thông thái, sự linh hoạt của mình để đối thoại với con sư tử ấy. Kể cả các nhà lãnh đạo của Trung Quốc ở đây thì tôi cũng nói rằng, sống với các ông khó lắm nhưng không thể không sống với các ông được, bởi các ông và chúng tôi là những thực thể được Chúa đặt cạnh nhau.

ĐTS: Vừa rồi nghe ông chia sẻ những kinh nghiệm từng trải qua, tôi cảm thấy rất thán phục. Tôi là người được giao làm Giám đốc Trung tâm tư vấn doanh nghiệp mới thành lập. Chủ tịch Viện cho phép thành lập trung tâm nhưng không có kinh phí. Đầu tiên tôi nghĩ kinh phí chỉ là một phần, còn cơ chế để hoạt động được mới là quan trọng. Nhưng khi trong tay không có tiền mà cũng chưa có thương hiệu thì làm như thế nào phát triển được thành một trung tâm như dự kiến và làm thế nào để xây dựng được đội ngũ chuyên gia hợp tác với mình? Ông có thể chia sẻ kinh nghiệm về vấn đề này?

NTB: Đây là một vấn đề khó. Không có tiền thì chắc chắn không làm được gì, cho nên phải có tiền. Nhiều người bạn đầu không có tiền thì đi vay nên mới sinh ra khái niệm "tín dụng". Các ngân hàng nếu được định nghĩa theo giá trị trong sạch, nguyên sơ của nó là kẻ cung ứng tiền ban đầu cho các ý tưởng. Nói cách khác, ngân hàng là nơi kết hôn giữa ý tưởng thương mại và tiền. Với tư cách là Giám đốc trung tâm, anh phải chuẩn bị tinh thần làm thế nào để có tiền. Nếu có tiền bằng cách đi xin thì ngay từ đầu mình đã mất địa vị đối với xã hội. Một kẻ tư vấn tức là người chấp môi, xây dựng các mối quan hệ thương mại, người đó phải chứng minh mình vừa khôn ngoan, vừa trong sạch. Anh làm thế nào thì đây là tài năng của anh. Còn kinh nghiệm của tôi là đầu tiên phải bỏ tiền túi, khi số cán bộ của tôi lên đến 20 thì tôi phải đi vay tiền để trả lương. Tôi buộc phải tính toán là khoản vay này được trả vào lúc nào. Lúc đó, có một anh chồng của một chị có hàm vụ trưởng ở Bộ Ngoại giao đi làm cho tôi chỉ mong kiếm được 100.000 đồng/tháng, tôi trả anh ấy 500.000 đồng/tháng bằng tiền đi vay ở thời điểm lãi suất là 12-13%/tháng. Tôi phải tính trong đầu là tình trạng này kéo dài chỉ 3 tháng. Rất nhiều người nghi ngờ không biết tôi có trả lương cho họ được không.

Bây giờ những người ấy đã có thu nhập rất cao, họ nói rằng anh là người nói được và làm được. Giữ gìn địa vị, uy tín xã hội là một trong những yếu tố quan trọng nhất để tạo ra tương lai của mình. Như vậy anh phải liên kết ở đâu

đó. Còn nội dung cụ thể, anh có thể gặp những đồng nghiệp của tôi ở đây, họ có thể giúp anh cấu tạo ra một lộ trình đi từ tay không đến tay có như thế nào.

ĐTS: Trong quá trình làm việc, ông đã làm ăn hay đàm phán với đối tác nào là người Trung Quốc chưa? Ông đánh giá như thế nào về doanh nghiệp Trung Quốc?

NTB: Số lượng người Trung Quốc trả tiền cho công ty của tôi rất ít, nhưng quan hệ với Trung Quốc thì tôi làm rất nhiều. Tôi tìm hiểu về Trung Quốc một cách có hệ thống. Tôi đến Bắc Kinh nhiều lần, đến Thượng Hải, Thẩm Quyển một số lần. Tôi thảo luận với Phó thống đốc Ngân hàng Đầu tư Trung Quốc, với Chủ tịch Hiệp hội Phân bón Trung Quốc. Tôi làm quen và nói chuyện với Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán của nước CHND Trung Hoa. Phó Chủ tịch của nó là một luật sư đã từng hành nghề tại Los Angeles trong 5 năm, về làm cho Ủy ban chứng khoán Trung Quốc không được ưu đãi nên ông ta bỏ sang Hồng Kông. Sau đó, Chính phủ Trung Quốc nhận thấy mình sai, mời ông ta quay trở lại và bổ nhiệm làm Phó chủ nhiệm Ủy ban chứng khoán quốc gia. Tôi nghiên cứu cách những người cộng sản Trung Quốc dùng người và đo cả độ tự do của các quan chức Trung Quốc trong quan hệ với xã hội dân sự. Có lần tôi đến gặp một người Mỹ là Trưởng đại diện của Ngân hàng Citibank tại Bắc Kinh. Lúc 11h đêm, chúng tôi đi từ sân bay về đây ngồi chơi. Ông ta gọi điện cho ai đó và nửa tiếng sau thì có một người đi bộ đến, mặc quần áo thể thao. Đây là Phó chủ tịch Ủy ban chứng khoán nước CHND Trung Hoa. Tôi nói với một đồng chí làm việc ở Văn phòng Chính phủ, nguyên trợ lý của Thủ tướng Võ Văn Kiệt rằng: "Anh thấy không, đến nhà một người Mỹ vào 11h30 đêm mà vui như Tết thì có nghĩa là họ tự do hơn các anh. Trung Quốc là như thế."

Còn thu tiền của người Trung Quốc thì không bao nhiêu, bởi họ mới bắt đầu có thói quen trả tiền cho luật sư và họ cũng trả khá nhiều tiền để giấy ra khỏi các vụ án hình sự chứ chưa nhiều người trả tiền cho các tư vấn kinh tế. Người Nhật Bản cũng vậy. Người châu Á chúng ta luôn luôn có một ý nghĩ rằng mình là kẻ khôn nhất cho nên không cần ai tư vấn cho mình, điều đó vô tình trở thành một đặc trưng tâm lý của dân tộc, tạo ra bệnh chủ quan của rất nhiều nhà chính trị.

ĐTS: Chúng tôi rất quan tâm đến mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Ông có thể bàn sâu hơn về thách thức của Trung Quốc đối với Việt Nam và chuyển hóa nó thành cơ hội như thế nào, đặc biệt là xử lý vấn đề Biển Đông?

NTB: Đây là một vấn đề không lồ. Gọi Trung Quốc là một thách thức đối với Việt Nam có lẽ không chính xác. Về kinh tế, Trung Quốc không phải là một thách thức, vì Việt Nam không phải là đối tượng để nền kinh tế Trung Quốc thách thức. Việt Nam mới chỉ chịu ảnh hưởng của các thói quen kinh tế vô chính phủ từ một số lực lượng kinh doanh trong xã hội Trung Quốc. Cho nên nghiên cứu về quan hệ kinh tế với Trung Quốc phải phân biệt đâu là động thái chính sách và đâu là động thái văn hóa do thói quen kinh doanh vô chính phủ.

Nếu không phân biệt được như vậy thì chúng ta gán mọi thất thiệt của mình cho nước CHND Trung Hoa và do đó, vô tình làm mất đi những ưu thế, những cố gắng mà mình tạo lập được trong các quan hệ có chất lượng nhà nước. Phân loại được như vậy là một công việc thống kê khổng lồ. Công ty của chúng tôi hợp tác với Tổng cục hải quan rất cẩn thận. Chúng tôi thường xuyên cử người đưa cán bộ hải quan đi đến các thành phố châu Á cũng như châu Âu để quan trắc các môi trường thương mại và môi trường quản lý thương mại.

Phân loại được những động thái đó là một công việc khổng lồ, nếu không phân loại được, mọi cố gắng chính trị từ ban lãnh đạo của Đảng sẽ bị giảm thiểu do sự nhầm lẫn giữa bản năng tiêu cực hay bản năng lạc hậu của một nền kinh tế với sự lạc hậu của một chính sách kinh tế của một chính phủ. Đây là một vấn đề phải nghiên cứu. Chúng ta không phải là đối tượng Trung Quốc thách thức, mà là đối tượng họ lôi kéo. Đối tượng thách thức với Trung Quốc là Hoa Kỳ và trong một chừng mực nào đó có cả Nhật Bản. Chúng ta phải định nghĩa được địa vị của mình là kẻ được lôi kéo, bị lôi kéo hay là kẻ thách thức, kẻ đối đầu.

Trên tổng thể chúng ta là đối tượng bị lôi kéo. Tôi nói ở Bộ Ngoại giao rằng, về mặt chiến thuật đối với Trung Quốc, chúng ta phải phản ứng linh hoạt, nhưng về mặt chiến lược, phải định nghĩa rất rõ ràng và ổn định. Nếu không, chúng ta sẽ nhầm lẫn chiến lược và chiến thuật, dẫn đến chỗ nghi kỵ lẫn nhau, nghi kỵ cả các nhà lãnh đạo. Điều ấy làm giảm thiểu, làm hỏng, làm mất đi năng lượng chính trị vốn có của một dân tộc. Cần phải có những phát hiện thì mới tìm được lối thoát cho chuyện này.

Còn Biển Đông là một vấn đề có tính chất đặc thù. Trung Quốc chắc chắn phải phát triển hải quân. Nhưng phát triển hải quân có phải là lối thoát duy nhất của nước CHND Trung Hoa trong việc trở thành siêu cường thế giới hay không? Tôi nghĩ chưa chắc. Bất kỳ cường quốc nào cũng có những sai lầm của nó. Rất có thể đây là một sai lầm của người Trung Quốc. Chúng ta phải nghiên cứu những sai lầm có thể có của Trung Quốc để giải thích tất cả nhược điểm và chính sách của họ. Chúng ta có một lợi thế là có cùng một loại đảng chính trị với họ, phải biết sử dụng lợi thế đó để thương lượng. Nhưng đôi khi có những luồng ý kiến trong xã hội lại hiểu rằng sự tồn tại hai đảng giống nhau ấy trở thành một vùng tôi để né tránh tất cả những sự đối đầu. Tôi chưa thể kết luận gì và cũng không phản đối bất kỳ hoạt động thực tiễn nào ở bên ngoài, xung quanh vấn đề Biển Đông và Trung Quốc, nhưng tôi khuyên xã hội phải tỉnh táo trong chuyện này. Những tương đồng có chất lượng văn hóa nếu nói một cách lý thuyết thì sẽ bị lên án ngay, nhưng những ai đã từng trải sẽ hiểu rằng nó giúp người ta đến gần nhau nhanh hơn.

Phải phân biệt được những thói quen lạc hậu về mặt kinh doanh, về mặt văn hóa, về mặt chính trị với những chính sách của Chính phủ hay của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đây là một sự phân loại để làm giảm bớt khối lượng mà chúng ta buộc phải đối mặt. Chúng ta phải nghiên cứu để phân biệt được đâu là

một chính sách sai. Ví dụ, người Trung Quốc có một giai đoạn làm âm ỉ về Biển Đông, nhưng sau đó họ thấy hổ và lạng đi. Bây giờ thỉnh thoảng họ cũng làm căng lên một chút, nhưng có lẽ đó là trạng thái trước Đại hội 18. Những trạng thái này không đặc trưng cho quan hệ ổn định giữa Việt Nam với Trung Quốc. Chúng ta phải có một thống kê, một phân tích, một nghiên cứu có tính chất tinh thể để hiểu sâu sắc hơn về chuyện này. Tôi cho rằng về tổng thể, Biển Đông là một vấn đề gay gắt, nhưng Việt Nam không phải là đối tượng trong câu chuyện Biển Đông. Mục tiêu của Trung Quốc đối với Biển Đông không phải là khai thác tài nguyên. Chúng ta khai thác tài nguyên Biển Đông từ lâu rồi, cuối những năm 70, chúng ta đã phải tính đến câu chuyện khai thác dầu khí, khai thác từ thời tướng Đinh Đức Thiện, tướng Nguyễn Hòa. Chúng ta đã khai thác nhưng Trung Quốc không hề khai thác. Nếu là lý do tài nguyên thì tại sao họ để lạng một thời gian rất dài như thế?

Tôi cho rằng Biển Đông là lối thoát chiến lược của Trung Quốc để xây dựng lực lượng hải quân, cho nên Biển Đông sẽ trở thành vấn đề gay gắt. Nhưng nếu Trung Quốc chiếm được Biển Đông với tư cách là một căn cứ hải quân khổng lồ để làm hậu phương cho việc đi ra Thái Bình Dương hoặc đi sang Ấn Độ Dương thì đối tượng phải chịu thất thiệt không phải chỉ chúng ta. Chúng ta có vẻ bị lấn chiếm, bị mất đất, nhưng mất toàn bộ sức mạnh quân sự, sức mạnh không chỉ là Hoa Kỳ, Nhật Bản và Nga. Khi phân tích được điều ấy, chúng ta sẽ thư giãn hơn, bớt bức xúc và do đó sẽ tỉnh táo hơn. Anh hỏi và tôi trả lời ngay cho nên đôi khi nó không thể chính xác một cách tuyệt đối, nhưng chắc chắn nó đi theo khuynh hướng như vậy.

ĐTS: Tôi là Tạ Cao Sơn, nguyên Đại tá quân đội. Những câu hỏi vừa rồi rất đúng với vấn đề chúng tôi với anh Đạt đã thảo luận cách đây 5 năm. Anh Đạt có một phương hướng, đường lối gần thế này. Tinh thần là đừng để Trung Quốc gần chúng ta quá, đừng để Mỹ và phương Tây xa chúng ta quá, chung nhất là đi theo con đường độc lập tự chủ Hồ Chí Minh. Chúng tôi đưa ra phương hướng đó và kiến nghị với các vị ở trên, nhưng đến giờ hầu như không được trả lời. Hôm nay, tôi thấy rất rõ tâm huyết của anh em nghiên cứu Trung Quốc là đều muốn có những giải pháp và để kiến nghị lên trên, đây là một việc làm chúng tôi rất tán thành và ủng hộ.

NTB: Tôi đã quen bác Tạ Cao Sơn, bác Quách Hải Lượng năm nay là năm thứ 5. Chúng tôi thảo luận mọi chuyện, từ chủ nghĩa Mác - Lênin đến quan hệ với Trung Quốc. Về mặt tình cảm, tôi rất yêu mến các bác, vì đây là những người tâm huyết với sự nghiệp của Đảng, của đất nước. Nhưng về mặt phương pháp, các bác ấy là những người sốt ruột. Chúng ta có một môi trường chính trị phức tạp hơn nhiều so với sự tưởng tượng của các bác. Ban chấp hành Trung ương, Bộ chính trị hay các nhà lãnh đạo cao nhất của đất nước có nghe các bác thì cũng không thông báo là họ nghe đến đâu. Phải quan trắc các hành vi chính trị, các phát ngôn của họ thật kỹ mới phát hiện ra người ta có nghe hay không.

Càng nghe các bác bao nhiêu thì họ càng lờ các bác đi bấy nhiêu, bởi đây là kế sách. Kế sách không thể nói công khai trên báo hay ngoài chợ được. Kế sách chính trị là những điều còn phải giữ nửa thế kỷ, sau đó mới được giải mật. Cho nên khi động đến các lĩnh vực khoa học chính trị là phải chuẩn bị một thái độ đủ kiên nhẫn, không thể sốt ruột được. Quan điểm của tôi không thay đổi gì sau 5-6 năm qua. Bác Lượng là một nhà tình báo đồng thời là nhà nghiên cứu về Trung Quốc, bác Sơn là phó tham mưu trưởng quân khu. Đây là những người mà nếu Đảng không tin thì không tin ai được nữa. Tuy nhiên, Đảng tin bác về lòng trung thành nhưng chưa chắc đã tin bác ở góc độ sự sốt ruột và bức xúc.

Đây là một cộng đồng rất trẻ, không nên lôi kéo anh em nghiên cứu để tìm ra các lối thoát của tương lai bằng cách nhúng họ vào trong nội thăng cố của quá khứ. Tôi nghĩ đất nước chúng ta sẽ bền vững, được bảo vệ, được giải phóng và phát triển bằng trí tưởng tượng của các bạn trẻ, không phải bằng sự sôi sục, các bức xúc của lớp già như bác và tôi. Tôi nói những điều này như là tâm sự của một người trung gian giữa các anh chị với bác Tạ Cao Sơn. Bác Sơn hơn 80 tuổi, tôi gần 70, vì thế tôi phiên dịch cả ưu điểm lẫn nhược điểm của đàn anh của tôi, và cha chú của các anh chị. Tôi kính trọng và yêu mến họ, nhưng không vì thế mà quên đi ý các nhược điểm của thế hệ ấy, đó là sốt ruột và quan niệm một cách khá đơn giản đời sống chính trị.

Tôi nói rõ với các anh chị là bác Sơn, bác Lượng là những người nhiệt huyết, là cái gương để nhìn vào theo khía cạnh nếu chúng ta không còn yêu nước, không còn quan tâm đến vận mệnh quốc gia như họ thì chúng ta thoái hóa. Thế nhưng quan tâm theo cách của họ thì chúng ta cũng thoái hóa. Chúng tôi bắt chước các bác quan tâm đến đất nước bằng nhiệt tình cách mạng của các bác, nhưng chúng tôi sử dụng các phương pháp khác.

ĐTS: Cách đây ba năm tôi có đọc bài viết của ông về ứng xử trong đạo đức kinh doanh. Tôi thấy cách tiếp cận của ông rất khoa học, có chủ kiến và hấp dẫn. Tôi có hai hướng suy nghĩ muốn chia sẻ. Thứ nhất, khi tôi nghiên cứu về văn hóa, tìm hiểu cách ứng xử của văn hóa Việt Nam trong mối quan hệ với Trung Quốc, tôi thấy dường như mối quan hệ giữa hai nước là bất đối xứng. Cũng khó tạo ra sự đối xứng vì họ là nước lớn, mình là nước nhỏ. Mặc dù chúng ta không có một lý thuyết gì về quan hệ quốc tế, nhưng trong quá khứ, chúng ta đã duy trì được mối quan hệ bất đối xứng ấy một cách khá mềm dẻo. Sự mềm dẻo ấy khiến cho chúng ta rơi vào một trạng thái tư duy nô dịch. Tức là chúng ta quen với tất cả mọi thứ như thể chế, đường lối chính trị của Trung Quốc và những tư tưởng triết lý rất hấp dẫn, thuyết phục, phù hợp với Việt Nam. Cho nên trong sự phát triển Việt Nam bao giờ cũng phụ thuộc vào đường lối nào đấy, một cách tư duy nào đấy, ít khi có sự độc lập và đưa ra chủ kiến, trừ trường hợp Trung Quốc có sự đụng chạm chủ quyền về mặt lãnh thổ.

Tôi thấy chúng ta chưa có cơ hội để trở thành một nước độc lập tư duy. Thời kỳ Pháp xâm lược, chúng ta một mặt chống Pháp, nhưng một mặt lại chịu

ảnh hưởng của văn hóa Pháp. Nhờ Pháp mà chúng ta có được hiệp định Pháp-Thanh và có được sự công nhận của Trung Quốc về đường biên giới Việt Nam. Sự công nhận ấy là may cho Việt Nam. Đảng Cộng sản và dân tộc Việt Nam trong suốt thời gian dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh có quan hệ với rất nhiều đối tác trên thế giới và dựa rất ít vào Trung Quốc (chỉ trừ khi có chiến dịch biên giới năm 1951, lúc đó chúng ta còn có liên hệ cả với Liên Xô). Nhưng hiện nay, Việt Nam phụ thuộc oào mối quan hệ với Trung Quốc nhiều hơn. Tôi thấy chúng ta cần có mối quan hệ với các quốc gia khác. Nhưng chúng ta có sự thân thiện, hấp dẫn, tin cậy hay không? Câu chuyện ASEAN và Campuchia cho thấy chúng ta đang gặp phải vấn đề ứng xử. Tôi nghĩ quan hệ giữa hai Đảng Cộng sản mang lại cơ hội cho chúng ta nhưng đồng thời cũng là rào cản, làm chúng ta khó tìm được các đồng minh khác. Theo ông, trong bối cảnh như thế, làm sao để chúng ta có đồng minh thực sự?

NTB: Tôi nghĩ các lý giải, các mô phỏng của bạn rất chi tiết và tổng thể, nhưng chưa thành giải pháp vì nó chưa có tư tưởng. Sắp tới, Trung Quốc sẽ xóa bỏ chế độ một con, người Trung Quốc có thể sẽ là 2.6 tỷ chứ không phải là 1.3 tỷ nữa. Cộng đồng dân cư càng đông thì yếu tố lựa chọn tài hoa càng cao, và động lực để tạo ra các nền kinh tế đơn giản như hiện nay của Trung Quốc càng lớn. Tôi có đọc một bài phân tích về Trung Quốc, trong đó nói rằng người công nhân nhập cư chính là động lực cơ bản để tạo ra thịnh vượng hiện nay của họ. Tôi có nói trên Đài tiếng nói Việt Nam là toàn bộ bi kịch của con người là đi từ nông thôn ra mà không bao giờ đến được thành thị.

Trung Quốc là một đối tượng mà chúng ta buộc phải có chiến lược rất ổn định để quan hệ. Chiến lược ấy phải đủ sáng suốt, đủ tầm nhìn và phải thích ứng với mọi thực trạng chính trị. Chúng ta luôn luôn đặt cọc vào các trạng thái chính trị mà không có một chiến lược ổn định và chiến thuật linh hoạt. Nước bé bao giờ cũng thế. Con chuột bao giờ cũng lâu linh hơn con mèo, còn con mèo thì lâu linh hơn con hổ. Tất cả các con bé đều như thế. Việc chúng ta phấn đấu để cân bằng, để đối đầu là ảo tưởng. Tuy nhiên, đối với xã hội, với số đông thì đôi khi ảo tưởng cũng cần thiết, cho nên đừng trách các nhà lãnh đạo có lúc nói những câu tạo ra các ảo tưởng. Bởi đây là những liều doping về mặt tinh thần mà mọi nhà chính trị phải biết khôn ngoan sử dụng để tập hợp lực lượng. Tôi không lên án những chuyện như vậy. Nhưng là một cơ quan nghiên cứu, chúng ta phải hiểu rất rõ rằng linh hoạt về chiến thuật, ổn định và chắc chắn về chiến lược là công thức để tổ chức mối quan hệ với Trung Quốc.

Chúng ta còn sống hàng triệu năm nữa bên cạnh Trung Quốc, chúng ta không thể căn cứ vào thái độ của ông Tập Cận Bình hay dựa vào vẻ hiền lành bên ngoài của ông Hồ Cẩm Đào để phán đoán chính trị. Nếu nói đến sự hiền lành, ông Tập Cận Bình trông còn hiền lành hơn. Chúng ta đôi khi nhìn mặt các ông ấy để đoán độ lương thiện một cách nghiệp dư, và xây dựng niềm tin chính

trị trên sự phỏng đoán hình thức như vậy là chúng ta hồ. Nếu các đồng chí lãnh đạo của chúng ta đôi khi nói ngược lại cảm giác của nhân dân thì lập tức bị xem như kẻ bán nước hoặc đối địch với nhân dân. Tất cả những cảm giác ấy đều phi khoa học. Vậy làm thế nào để cung cấp cho xã hội các luận cứ khoa học, các hướng dẫn khoa học để suy nghĩ và hành động một cách có cơ sở? Đây là công việc của các anh chị. Tôi có một bài viết trong đó nói rằng luật pháp không có năng lực biến thành văn hóa thì nó không bao giờ có hiệu lực trên thực tế, bởi vì chính văn hóa điều chỉnh hành vi con người, chứ không phải luật pháp. Không phải ai cũng thuộc luật. Khi kiện nhau, người ta phải thuê luật sư bởi vì đây là người thuộc luật. Còn khi người ta hành động thì đa số hành động theo thói quen, theo văn hóa. Văn hóa điều chỉnh hành vi hàng ngày của con người, còn luật pháp chỉ là một trong các yếu tố có tính chất xương sống mà thôi.

Nghiên cứu về vai trò của văn hóa trong quan hệ Việt - Trung thì có rất nhiều việc để làm. Trung Quốc từng nổi giận với phương Tây vì việc tặng giải thưởng Nobel cho ông Lưu Hiểu Ba, nhưng họ nói gì khi ông Mạc Ngôn, một sĩ quan quân đội Trung Quốc và là một người rất bênh chính quyền được giải Nobel? Điều ấy phản ánh tính khách quan của các tiêu chuẩn phương Tây. Nếu phương Tây không mô tả đúng Trung Quốc thì đó là do thiếu kinh nghiệm mô tả chứ không phải do dụng ý họ như thế, chúng ta cũng vậy. Ở khu vực này, chúng ta là một nước có yếu tố "phương Tây". Văn hóa Việt Nam đương đại là một nền văn hóa có khá nhiều yếu tố "phương Tây". Chúng ta thấy tất cả các tư tưởng tân tự do trong kinh tế đến Việt Nam rất nhanh. Hệ thống ngân hàng của chúng ta bây giờ đang rối loạn và đang khủng hoảng là kết quả của việc chúng ta tiếp nhận chủ nghĩa "tân tự do" một cách bản năng, do đoạn sau cùng của việc hình thành các tiêu chuẩn văn hóa Việt Nam là đoạn phương Tây. Đây là những sự trộn lẫn. Nếu chúng ta không nghiên cứu thật kỹ, chúng ta không có chỗ đứng trong hệ thống công việc tạo công ích cho đời sống xã hội. Quan hệ đối với nước CHND Trung Hoa là một vấn đề công ích cực kỳ quan trọng đối với thân phận, với số phận dân tộc chúng ta.

ĐTS: Câu hỏi thứ hai của tôi là vấn đề ứng xử trong các doanh nghiệp. Khi nghiên cứu về sức mạnh mềm của văn hóa, dường như trong ứng xử của Việt Nam, văn hóa tiêu dùng vẫn mang tính bản năng. Tôi thấy trên thực tế, người Việt thích hàng hóa Nhật Bản và hiện đang dấy lên phong trào tẩy chay hàng tiêu dùng Trung Quốc. Là người nghiên cứu sâu về ứng xử văn hóa trong kinh doanh, ông nhận thấy nhận thức về ứng xử trong tiêu dùng của người Việt Nam hiện nay ở tầm nào? Các doanh nghiệp Việt Nam bây giờ so với trước đây có cải thiện chút nào về thái độ ứng xử với người tiêu dùng không? Văn hóa ứng xử của người kinh doanh Việt Nam so với mặt bằng chung các nước trong khu vực thì thế nào? Ông đánh giá giữa ba miền Bắc, Trung, Nam có gì khác nhau?

NTB: Tôi cho rằng văn hóa ứng xử trong quan hệ tiêu dùng được cải thiện hơn so với 20 - 25 năm trước đây, nhưng với tốc độ chậm, và sự tiến bộ là không đồng đều. Không đồng đều theo địa phương, theo quy mô của doanh nghiệp, và theo chất lượng được đào tạo của những người chủ kinh doanh. Điều này phản ánh chúng ta không có các chính sách hợp lý để phát triển văn hóa tiêu dùng, đặc biệt là trong quan hệ giữa nhà cung ứng và người tiêu dùng với phương châm "người tiêu dùng là thượng đế" Cho nên trong suốt mấy chục năm qua, chúng ta xây dựng một nền kinh tế lấy xuất khẩu làm chính mà không chú trọng kinh tế nội địa, và vì thế không huấn luyện được những năng lực phù hợp. Tôi đã có phân tích rằng nền kinh tế đảm bảo sự ổn định xã hội là nền kinh tế vừa và nhỏ, các đại công ty chỉ đóng vai trò xúc tiến các quan hệ quốc tế xuyên quốc gia mà thôi. Nếu không xây dựng được nền kinh tế nội địa, trong đó người tiêu dùng Việt Nam là quan trọng thì nền kinh tế của chúng ta sẽ bị hút tuột trong quá trình toàn cầu hóa. Nó là nạn nhân đương nhiên của các biến động quốc tế về kinh tế.

Vì không xem thị trường nội địa là quan trọng, cho nên chúng ta không giáo dục để xã hội ứng xử với nhau một cách văn minh trong quan hệ thương mại. Đó là kết quả của các sai lầm trong các chính sách vĩ mô về phát triển. Người Nhật tự tôn trọng mình, các sản phẩm nội địa của họ đều có điện áp 100V không giống với các quốc gia khác, nhưng chất lượng của nó thì vô cùng tốt. Họ ưu tiên nền kinh tế bên trong, ưu tiên người tiêu dùng nội địa. Đây là sự tự kính trọng mình.

Còn sự khác nhau về mặt vùng miền, tôi kể các anh chị nghe một câu chuyện. Vợ tôi là một nhà báo năm nay hơn 60 tuổi, đã về hưu, cô ấy từng là chị Thanh Tâm của báo Phụ nữ Việt Nam. Khi mới giải phóng miền Nam, cô ấy vào tiếp quản nền báo chí miền Nam. Mấy cô phóng viên trong Sài Gòn nhận xét về các chị miền Bắc như thế này: Các chị buồn cười lắm, ra ngoài diện như bà hoàng, nhưng về nhà ăn mặc như người giúp việc, vậy thì làm sao các anh ấy yêu các chị được mà đòi có hạnh phúc gia đình? Tức là cách quan niệm của chúng ta đã tạo ra một trạng thái rất coi thường lẫn nhau. Trong một gia đình, trong một xã hội cũng coi thường lẫn nhau, bởi vì chúng ta không xem nhau là đối tác của một quan hệ dịch vụ. Tôi nghĩ nên nghiên cứu xem làm thế nào để tạo ra một chính sách phát triển các chỉ dẫn văn hóa tối thiểu để tạo ra một xã hội thương mại chuyên nghiệp. Việc đó rất quan trọng. Tuy nhiên chúng ta cũng không nên tự chế mình quá vì Trung Quốc cũng thế. Trung Quốc thậm chí còn khái quát hóa các nhược điểm xã hội và sử dụng nó nữa. Đó là đặc điểm chung của hầu hết các quốc gia có nhu cầu phát triển kinh tế nhưng chậm phát triển về mặt chính trị. Bản chất của phát triển chính trị là thừa nhận các tiêu chuẩn phổ quát, mà trong thế kỷ XXI là nhân quyền. Nếu thế kỷ XX là thế kỷ của dân chủ tự do, thì thế kỷ XXI đã phát triển đến mức tinh tế hơn. Tự do và dân chủ trở

thành khẩu hiệu hình thức nếu nó thiếu vắng việc tôn trọng các quyền con người. Cho nên có thể nói thế kỷ XXI là thế kỷ của nhân quyền.

ĐTS: Ông nhắc nhiều đến chiến thuật và chiến lược, nhưng gần đây, nhiều người nói Việt Nam không có chiến thuật, chiến lược gì đối với Trung Quốc. Ông nghĩ sao về vấn đề này? Nhiều người nói rằng Đảng Cộng sản Trung Quốc không còn là cộng sản, Chủ nghĩa xã hội Trung Quốc không còn. Nếu nó trở thành hiện thực thì quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc sẽ như thế nào khi hai hệ ý thức khác nhau?

NTB: Chúng ta phải xem cái giống nhau về hệ tư tưởng là một yếu tố ngẫu nhiên có được trong lịch sử quan hệ giữa hai quốc gia. Xem đấy là yếu tố vĩnh cửu, yếu tố chắc chắn, yếu tố để nương tựa thì chúng ta sai. Không được phép nương tựa vào bất kỳ yếu tố nào. Bởi vì dù yếu tố ấy có thật thì nó cũng chỉ là một yếu tố tham gia vào tiến trình chi phối sự phát triển của các mối quan hệ mà thôi. Cho nên giả sử Đảng Cộng sản Trung Quốc không còn là Đảng Cộng sản nữa, mà chúng ta muốn giữ Đảng Cộng sản thì chúng ta phải quan hệ với Trung Quốc giống như quan hệ với các quốc gia bình thường khác không có chung hệ tư tưởng. Chúng ta tận dụng cái đồng nhất về tư tưởng, và bây giờ chúng ta lại tận dụng và thức tỉnh giá trị không đồng nhất về mặt tư tưởng. Để bảo vệ đất nước và bảo vệ danh dự của đất nước thì chúng ta tận dụng tất cả mọi đặc điểm vốn có trong đời sống tự nhiên, tận dụng nhưng không lệ thuộc.

Có người vẫn suy luận theo kiểu khi Đảng Cộng sản Trung Quốc tồn tại thì những người cộng sản Việt Nam mới có lý do tồn tại. Đây là một lập luận hoàn toàn sai, bởi vì những người cộng sản Việt Nam hình thành không phải do Trung Quốc tạo ra. Trung Quốc là yếu tố thuận lợi, yếu tố hỗ trợ trong những lúc khó khăn, non trẻ của những người cộng sản chứ Đảng Cộng sản Việt Nam không phát triển bằng sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đảng Cộng sản Trung Quốc hay Đảng Cộng sản Liên Xô trước đây muốn lãnh đạo những người cộng sản Việt Nam, chứ không phải những người cộng sản Việt Nam tự nguyện chịu sự lãnh đạo của họ. Không hiểu được điều ấy thì chúng ta nhận thức sai về các vị lãnh đạo và Đảng này. Các anh chị và các bác đều là những đảng viên. Ở đây tôi bênh những người cộng sản với tư cách một người không phải là đảng viên cộng sản. Khi nghiên cứu khoa học thì phải khách quan. Chúng ta phải đánh giá công lao khách quan của nó, chứ không phải là mù quáng trước nó.

ĐTS: Tôi muốn hỏi ông đánh giá thế nào về tiềm năng hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc? Ông có thể phân tích rõ hơn về chiến lược kinh doanh, con người và văn hóa kinh doanh?

NTB: Hợp tác với Trung Quốc vừa khó vừa dễ. Để họ hợp tác với mình tạo ra sự tiến bộ có tính chất kinh tế và thương mại thì khó, nhưng để trở thành một nền kinh tế đầy rẫy các mặt tiêu cực, các mặt phi chuyên nghiệp, phi chính thống thì rất dễ. Làm thế nào để tránh được điều ấy? Khi quan hệ với Trung

Quốc, các anh chị phải biểu dương yếu tố chuyên nghiệp, bởi vì Trung Quốc và chúng ta đều là thành viên của WTO, tức là sinh hoạt trong Đảng bộ toàn cầu về mặt thương mại. Dân tộc nào cũng có danh dự riêng, có sĩ diện riêng của họ. Không chuyên nghiệp là một nhược điểm, chứ không phải là một biện pháp mà Chính phủ CHND Trung Hoa sử dụng. Nếu những yếu tố bản năng, yếu tố tự nhiên, yếu tố phi chuyên nghiệp

trong cộng đồng kinh doanh lẫn lộn, vượt qua các rào cản có tính chất quản lý nhà nước của chính họ thì họ sẽ phi chuyên nghiệp rầm rộ hơn, và tác động tiêu cực đến chúng ta lớn hơn. Phải nói rằng quan hệ với Trung Quốc nếu không chuyên nghiệp hóa thì sẽ là khó khăn rất lớn cho nền kinh tế của ta. Tôi biết được vai trò lâu dài của các doanh nghiệp Trung Quốc và nền kinh tế Trung Quốc cho nên tôi duy trì quan hệ nghiên cứu hợp tác, nhưng tôi không nhận nhiều tiền của họ, bởi trên thực tế, họ là người không muốn trả tiền cho các dịch vụ chuyên nghiệp. Đôi khi phải cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp mà không lấy tiền thì mới lôi kéo được họ vào hệ thống ngôn ngữ chuyên nghiệp.

ĐTS: Anh đã có một luận điểm rất hay là hiện nay, thế giới đang bị chi phối bởi sự đong đánh của nền kinh tế tri thức. Bây giờ ý tưởng của anh về vấn đề này như thế nào?

NTB: Tôi được mời tham gia và viết tham luận cho hai hội thảo để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương 6 về vấn đề chính sách khoa học công nghệ và vấn đề cải cách giáo dục. Tôi vẫn kiên trì quan điểm nếu không có một đảng lãnh đạo thông thái, một chính phủ thông thái thì chúng ta không thể nào quản lý được nền kinh tế tri thức. Nền kinh tế tri thức lừa đảo chúng ta và lừa đảo các chính phủ trên toàn thế giới. Mỗi năm ở Trung Quốc, tham nhũng làm thất thoát biết bao nhiêu tiền, mà tham nhũng bằng những biện pháp rất tri thức. Trên thế giới trong mấy tuần vừa rồi có hai hiện tượng. Các chính phủ châu Âu thống nhất đưa ra nghị quyết cải cách hệ thống ngân hàng để đưa nó trở về với định nghĩa cổ điển của nó, tức là phân biệt rõ ràng giữa ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư. Trong khi đó, chúng ta đang phổ biến một số chứng khoán được trộn lẫn lung tung. Tức là nhạy cảm thương mại ngắn hạn làm cho chúng ta quên mất mục tiêu xây dựng một nền kinh tế lâu dài của mình.

Chúng ta đã không phổ biến câu chuyện cần phải hướng ứng việc cộng đồng châu Âu cổ điển hóa lại hệ thống ngân hàng và tài chính. Cuối những năm 80, hệ thống ngân hàng của chúng ta vẫn tách bạch hai loại hình ngân hàng đầu tư và ngân hàng thương mại. Ngân hàng nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa và Ngân hàng nước CHXHCN Việt Nam cho đến năm 1995 vẫn theo định nghĩa này. Nhưng khoảng 10 năm nay, chúng ta thay đổi. Tôi đã từng là Phó chủ tịch Ngân hàng Habubank, từng sở hữu 30% ngân hàng ấy. Tất nhiên 30% lúc bấy giờ chỉ tương đương với 3 tỷ thôi, vì vốn pháp định vào thời điểm những năm ấy mới chỉ có 10 tỷ. Ai cũng biết rằng nếu duy trì địa vị ấy thì bây giờ, tài sản

của tôi phải hàng nghìn tỷ, cho dù nó có bị thôn tính đi nữa. Nhưng tôi đã rút ngay từ đầu những năm 1990, lý do là tôi không muốn nướng cuộc đời mình vào những chuyện như thế. Khi để ý vào đời sống bấp bực của ngân hàng, tôi hiểu ngay rằng may thì được ít tiền, không may thì đi tù với tư cách là Tổng giám đốc. Nhìn cách làm ăn của chúng ta thì thấy, để có tiền, nhiều khi người ta phải bán rẻ danh dự hoặc lương tâm của mình. Đó chính là tính đồng danh của kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức không phải là hàm lượng khoa học công nghệ ở trong các sản phẩm, đó chỉ là một loại biểu hiện. Kinh tế tri thức còn là các mẹo mục để cộng đồng kinh tế vượt qua các rào cản quản lý của bất kỳ nhà nước nào. Năng lực luôn được qua kiểm soát của nhà nước là một trong các năng lực quan trọng nhất của nền kinh tế tri thức. Nhà nước mà không chuẩn bị đủ tri thức để quản lý nền kinh tế thì nhà nước sẽ thua.

Hiện nay, chúng ta đang bị thương thập tử nhất sinh. Chúng ta cứ trách ông nọ bà kia, trách cá nhân là một loại trách nhưng phải nhìn thấy khuyết tật của cả một hệ thống. Mà nhìn thấy khuyết tật của cả hệ thống cũng không đủ. Nhìn thấy khuyết tật triết học của việc xây dựng hệ thống ấy mới là quan trọng. Hôm kia, khi gặp các giáo chức của Trường Đảng, tôi nói là cải cách cơ cấu, tái cấu trúc mới chỉ là biện pháp để vượt qua những khó khăn trước mắt của nền kinh tế; tìm ra một lối thoát lý luận mới là nhiệm vụ chiến lược. Tất nhiên, kỳ vọng vào loại công việc như vậy cho một cộng đồng những người nghiên cứu có lương trung bình là 5 triệu thì quả thật, nó giống như bắt trẻ con gánh đá!

ĐTS: Tôi vẫn thắc mắc một vấn đề là Trung Quốc là cái gì hiện nay, và chúng ta ứng xử như thế nào?

NTB: Bác không nên xoáy vào Trung Quốc. Cái đại của thế hệ các bác là không biết cách sử dụng các phương pháp khoa học để tránh đi tất cả những bức xúc về chính trị. Trung Quốc, Mỹ hay các quốc gia khác thì khác gì nhau? Đó là các cộng đồng người có các quyền lợi kinh tế, chính trị, xã hội như nhau, và các đặc điểm dân tộc của họ cả thế giới đều biết. Ví dụ nghiên cứu nước Nhật là chúng ta có ngay đáp án về Trung Quốc. Tại sao chúng ta cứ xoáy vào Trung Quốc để đẩy cái khó về thái độ như vậy cho các nhà điều hành đất nước? Nghiên cứu là hoạt động thầm lặng nhất trong tất cả các loại thầm lặng. Không có nghiên cứu khoa học náo nhiệt, bởi vì khi náo nhiệt hóa khoa học là thành chính trị và nó trở thành một loại biểu tình về ý thức.

ĐTS: Xin cảm ơn anh Bạt! Chúng tôi rất bất ngờ là anh đến thăm Viện và có buổi thuyết trình hôm nay. Tôi mong đây mới là khởi đầu mà chúng ta sẽ tiếp tục hợp tác với nhau, bởi vì chúng ta có một điểm chung là nghiên cứu khoa học cần có sự sáng tạo. Cái khó nhất hiện nay là phải nhận diện một cách khách quan, khoa học về Trung Quốc thì mới có đối sách đúng đắn. Nhận diện Trung Quốc đang là điểm khó không chỉ với Việt Nam mà cả với thế giới.

NTB: Nhận diện Trung Quốc còn khó cả chính với người Trung Quốc.

ĐTS: Đúng thế! Sắp tới, chúng tôi sẽ có một buổi hội thảo về Đại hội 18 của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chúng tôi đã nắm được cơ bản tinh thần chính của Đại hội 18 cả về văn kiện, nhân sự và những điểm mới về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Đại hội này có 2270 đại biểu, nhưng 93% có trình độ đại học trở lên, và 72% số đại biểu đi dự là kết nạp sau cách mạng văn hóa, tức là kết nạp trong thời kỳ cải cách mở cửa. Hiện nay, Trung Quốc có 82 triệu đảng viên, nhưng 26 triệu đảng viên kết nạp sau đại hội 16/2002, tức là sau khi thuyết Ba đại diện ra đời. Như thế, 1/3 số đảng viên được kết nạp trong 10 năm gần đây, trong đó có nhiều người học ở phương Tây về. Họ khác với số lão thành ngày xưa kết nạp trong thời kỳ chiến tranh cách mạng, trong thời kỳ kinh tế truyền thống.

Như anh nói thế kỷ XXI là vấn đề nhân quyền, trong căn kiện Trung Quốc, họ cũng đã nắm bắt được rồi. Họ đã hé mở mô hình mới "ba phát triển" là phát triển xanh, phát triển tuần hoàn và phát triển ít cacbon, nó sẽ được triển khai vào Hội nghị Trung ương III khóa 18. Chúng ta hiện nay vẫn tìm con đường phát triển, còn họ thì tìm thấy rồi. Mô hình phát triển trước đây của họ là ba cao một thấp, đầu tư cao, tiêu cao, ô nhiễm cao, hiệu quả thấp. Mô hình mới hiện nay là ba phát triển. Tất nhiên chuyển từ mô hình cũ sang mô hình mới không đơn giản, vì tất cả các tập đoàn đều gắn với mô hình cũ, chuyển sang cái mới không dễ.

Hiện nay Trung Quốc có ba tập đoàn lợi ích đang chi phối xã hội và Đảng Cộng sản Trung Quốc. Anh có ý rất hay mà tôi muốn Phòng nghiên cứu xã hội phải theo dõi là: Trung Quốc có các tập đoàn lợi ích quyền quý, tập đoàn lợi ích độc quyền, tập đoàn lợi ích về tài nguyên khoáng sản và bất động sản. Sau này, tập đoàn lợi ích quyền quý sẽ tác động và chi phối sự phát triển Trung Quốc. Đây chính là tầng lớp có trách nhiệm với đất nước. Tầng lớp trung lưu chỉ ổn định xã hội chứ không giúp xã hội phát triển, tầng lớp tinh hoa chỉ làm tư vấn chứ không thể làm

quyết sách.

Bài toán của Trung Quốc trong mười năm tới vẫn là thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình. Nếu không vượt qua thì Trung Quốc sẽ trì trệ, dậm chân tại chỗ. Đã có một con số thống kê là năm 1913, GDP bình quân đầu người của Mỹ và Argentina bằng nhau là 4.000 USD, nhưng đến 2010 thì GDP của Mỹ là 47.000 USD, Argentina có 6.000 USD, Trung Quốc 2010 cũng là 4.000 USD. Trung Quốc 10 năm tới sẽ như Mỹ hay Argentina? Đại hội 18 của Đảng Cộng sản Trung Quốc phải giải bài toán vượt qua cái bẫy thu nhập ấy.

NTB: Chìa khóa nằm trong nhiều thứ, nhưng quan trọng nhất là cải cách giáo dục. Cải cách giáo dục để nâng cao năng lực.

ĐTS: Có một điểm chúng tôi đang theo dõi để dự báo, đó là để vượt qua bẫy thu nhập trung bình, Trung Quốc phải duy trì nhịp độ tăng trưởng bình quân

7%/năm trong 10 năm liền. Vậy thì dựa vào đâu? Tiêu dùng có vấn đề, xuất khẩu có vấn đề, dựa vào đầu tư thì có đầu tư tư nhân và đầu tư công. Đầu tư tư nhân hiện nay của Trung Quốc được tháo gỡ rất nhiều, cho phép tư nhân tham gia quá trình cải tạo, sáp nhập doanh nghiệp nhà nước. Nhưng cho đến tháng 6-2012, đầu tư tư nhân cũng chỉ chiếm 26%, 74% vẫn là đầu tư công. Vậy đầu tư công sắp tới vào đâu?

NTB: Đầu tư tư nhân ấy cũng là kết quả của đầu tư công. Vì nó là bình thông nhau, đồng tiền nợ cũng đồng tiền kia, đồng tiền nợ mặc áo khoác của đồng tiền kia, thông qua một công nghệ mà chúng ta vẫn lên án là tham nhũng.

ĐTS: Trong 10 năm tới, họ đặt vấn đề sẽ tăng cường kinh tế biển và chắc chắn là sẽ có những va chạm với các nước có tranh chấp về lãnh hải. Đây là điểm mà chúng tôi đang theo dõi. Thu nhập cho ngư dân được nhà nước hỗ trợ cao hơn thu nhập của người nông dân. Họ đang huấn luyện các nông dân dôi dư ở các làng xã ra ven biển để trở thành ngư dân đánh cá. Kinh tế biển gồm đánh bắt hải sản, dầu khí, vận tải biển và lực lượng chấp pháp để bảo vệ nó là ngư chính, hải giám. Họ đề ra đến năm 2015, đóng 350 tàu hải giám, đến năm 2020 là 500 cái, đóng mỗi một tàu hải giám giải quyết được bao nhiêu việc làm, bao nhiêu vấn đề sắt thép, lấy cái đấy để duy trì nhịp độ tăng trưởng. Còn ở ta thì mua sắm là chính.

NTB: Tôi có viết một bài trên báo, nói tại sao Vinashin không lấy thị trường tàu đánh cá làm mục tiêu phát triển, mà lại đóng tàu viễn dương? Đây là ảo tưởng về sự dễ dãi trong phát triển kinh tế. Người đời khôn lắm, không dễ bị lừa, chỉ có một đối tượng dễ lừa nhất là nhà nước chúng ta mà thôi.

ĐTS: Mong rằng trong thời gian tới, chúng ta sẽ tiếp tục thảo luận với nhau. Tôi rất muốn anh giúp đỡ Trung tâm Hợp tác, Nghiên cứu, Đào tạo, Tư vấn doanh nghiệp. Như anh nói là các doanh nghiệp Trung Quốc thường ít khi bỏ tiền, giờ ta phải cung cấp miễn phí dịch vụ cho họ. Nhưng nếu để họ hiểu Việt Nam, tăng cường yêu tiếng Việt trong người Trung Quốc mà trước hết là doanh nghiệp thì cũng tốt. Xin cảm ơn anh!

Việt Nam - chặng đường 40 năm (Trả lời phỏng vấn Truyền hình Phần Lan - Finnish Broadcasting Company, ngày 16-3-2015) Nhà báo Annastina Abonde (Abonde): Năm nay, Việt Nam kỷ niệm 40 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nhân dịp này, chúng tôi thực hiện một phóng sự tìm hiểu về những gì Việt Nam đã làm được sau 40 năm. Đầu tiên, chúng tôi muốn nghe ông kể về mình để chúng tôi có một số phác họa về ông.

(NTB): Tôi là người sinh ra cùng với nền cộng hòa đầu tiên của Việt Nam là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào năm 1946. Tôi gắn bó với đất nước này và nhà nước này. Tôi nghèo khó cùng với những sai lầm của nhà nước và hoàn cảnh đất nước, giờ đây tôi trở nên giàu có cũng bởi sự đúng đắn của nó. Đời sống của tôi và gia đình tôi thay đổi khi đất nước chúng tôi mở cửa. Tôi vốn là một kỹ sư, một nhà nghiên cứu trong một cơ quan của Chính phủ, nhưng

làm việc ở đây rất nghèo và đôi khi đói. Có một chuyện cười để mô tả sự đói của cơ quan tối. Có hai con ma xếp hàng mua gạo, người ta hỏi con ma thứ nhất: Anh chết năm nào? Con ma ấy trả lời: Tôi chết vào thời kỳ chiến tranh năm 1972, khi người Mỹ thả bom ở Khâm Thiên. Con ma thứ hai được hỏi: Anh chết năm nào mà gầy gò thế? Con ma ấy trả lời: Tôi đã chết đâu, tôi đang làm việc ở Viện Khoa học Việt Nam. Vào thời kỳ chưa mở cửa, đất nước chúng tôi khó khăn như thế. Những trí thức như tôi là ví dụ về sự đói kém của những năm ấy. Nhưng sau khi mở cửa, do nhận ra được các cơ hội nên tôi nhanh chóng thoát ra khỏi sự nghèo đói và trở thành người khá thành công.

Nói như vậy để các bạn thấy rằng thành công của tôi gắn liền với chính sách đổi mới và mở cửa của Nhà nước chúng tôi. Hiện nay, tôi hành nghề luật sư và công ty của tôi là một trong các công ty luật thành công nhất ở Việt Nam. Công ty của chúng tôi hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư và phát triển doanh nghiệp. Tôi tự đặt ra cho mình nghĩa vụ là cầu nối giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nền kinh tế Việt Nam. Cá nhân tôi vừa là nhân chứng, vừa là một trong những người tham gia dẫn lối cho quá trình hội nhập của Việt Nam.

Abonde: Sau chiến tranh ở Việt Nam, có một chương trình cụ thể nào nối giữa hai miền Bắc và Nam không, thưa ông?

NTB: Có chứ, trên tất cả các phương diện. Trước hết, phải nói rằng nhà nước CHXHCN Việt Nam là một nhà nước hợp nhất và kế thừa các nghĩa vụ của các nhà nước trước đó trên lãnh thổ Việt Nam. Họ đã làm tất cả những việc tạo ra sự hòa hợp giữa hai miền. Tôi là một chiến binh cho nên tôi chứng kiến từng phút một sự hòa giải này. Những ngày đầu tiên khi quân đội của miền Bắc Việt Nam có mặt ở miền Nam Việt Nam, chúng tôi đã được dặn dò và kiểm soát trong thái độ cư xử với người dân. Tuy chúng tôi chưa hoàn toàn kiểm soát được một cách chặt chẽ tất cả các hiện tượng tiêu cực, nhưng đại bộ phận các hành vi của binh lính đã được kiểm soát một cách thành công. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng có những hoạt động kiểm soát hành vi của các công chức của mình. Ngay lập tức, họ đã tổ chức các hình thức chính quyền lâm thời để ổn định trật tự xã hội. Dài hơn một chút là tiến hành kiểm soát chặt chẽ hơn các lực lượng chống đối chính quyền mới.

Phải nói rằng tất cả những việc kiểm soát như vậy rất thành công vì không xảy ra đổ máu. Sau chiến tranh một số năm, các bạn thấy rằng nhiều người Việt Nam chạy ra nước ngoài đã trở về và họ tìm kiếm được hạnh phúc khá phổ biến trong nước. Do sự khác nhau về chế độ chính trị, đôi khi, người ta cũng tranh cãi về các tiêu chuẩn nhân quyền, về vấn đề hòa giải, về các vấn đề dân sự... Tuy nhiên, xét trên bình diện quyền lợi cơ bản của con người, những hoạt động hòa giải ấy khá thành công. Bây giờ, nếu như chịu khó nghiên cứu, chúng ta sẽ thấy có những người từng làm việc cho chế độ cũ đã bắt đầu có địa vị trong hệ thống chính trị mới.

Tôi nghĩ đối với một đất nước có cuộc chiến tranh lâu dài như thế thì cách hòa giải như hiện nay là tốt nhất có thể. Hiện nay, không còn dấu vết phân biệt Nam Bắc nữa. Trong Cơ cấu quyền lực của chúng tôi, sự phân bố Nam Bắc gần như bình đẳng đến mức tuyệt đối. Có thể nói những gì diễn ra trên thực tế tiến bộ hơn rất nhiều so với các định kiến chính trị hay định kiến xã hội có trong từng người. Tôi không phải là đảng viên, tôi nói những điều này cho một sự công bằng chung về mặt chính trị.

Abonde: Sau đổi mới, Việt Nam phát triển kinh tế quá nhanh. Ông có nhìn thấy vấn đề gì trong sự phát triển quá nhanh này không, không phải chỉ cần đề kinh tế mà cả vấn đề tâm lý?

NTB: Tôi là một người nghiên cứu chính trị học, tôi nghiên cứu về các hậu quả của chính sách đổi mới và mở cửa, các hậu quả từ sự hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế quốc tế. Việt Nam có một hiện tượng giống như tất cả các nước có nền kinh tế và chính trị chuyển đổi là khoảng cách giàu nghèo đang tăng lên một cách tiêu cực. Do đó, nó làm nảy sinh những hậu quả chính trị, những sức ép chính trị lên nhà cầm quyền, đặt ra đòi hỏi phải tiến hành cải cách. Sự lạc hậu của nền kinh tế Việt Nam không chỉ là kết quả của sự không đổi mới và không mở cửa mà còn là kết quả của chiến tranh, không phải chỉ ở miền Bắc mà cả ở miền Nam. Hệ thống giáo dục trong thời kỳ chiến tranh rất chậm phát triển, cho nên trình độ con người, trình độ người lao động khá thấp, gần như không có hoạt động kinh tế chuyên nghiệp. Do đó, sự đào tạo những năng lực để phục vụ cho một nền kinh tế chuyên nghiệp dường như không có, trong khi chúng tôi buộc phải cạnh tranh với những nền kinh tế chuyên nghiệp hơn ở bên cạnh và không phải chịu đựng chiến tranh như chúng tôi.

Giữa miền Bắc và miền Nam cũng có những sự chênh lệch. Miền Bắc Việt Nam chịu đựng cuộc chiến tranh lâu hơn, cho nên họ không có kinh nghiệm điều hành nền kinh tế sau chiến tranh. Hơn nữa về mặt hệ tư tưởng kinh tế, họ theo một trường phái khác với các nền kinh tế trên thế giới. Do vậy, kinh nghiệm về kinh tế thị trường giữa miền Bắc và miền Nam khác nhau khá lớn. Vì thế, để tạo ra sự cân bằng, bình đẳng giữa kinh tế Nam - Bắc là cả một vấn đề khó khăn của Chính phủ chúng tôi. Để có thể hòa nhập được hai khối này đã là khó, chưa nói chuyện chúng tôi phải hội nhập với các nền kinh tế 100% là kinh tế thị trường ở bên ngoài.

Đưa ra ví dụ về Nam - Bắc để các bạn thấy rằng cái khó khăn của chúng tôi thể hiện cả trong quan hệ đối nội lẫn quan hệ đối ngoại. Đối ngoại là khi hội nhập, đối nội là giải quyết vấn đề cân bằng giữa Nam - Bắc về mặt phát triển kinh tế. Tôi mượn diễn đàn này để nói cho người bên ngoài Việt Nam thấy rõ những vấn đề như vậy, để có thể dàn xếp một sự hội nhập êm ái giữa hai khối xã hội khác nhau.

Abonde: Một vấn đề mà tôi thấy ở Việt Nam là sự đô thị hóa rất nhanh. Ông có thấy đây là một vấn đề cần quan tâm?

NTB: Nó là một vấn đề rất thú vị, rất phong phú và rất đa dạng. Đô thị hóa là một khuynh hướng để phát triển kinh tế. Kinh tế xây dựng là một trong những ngành kinh tế lớn ở Việt Nam do nhu cầu nhà ở của người Việt Nam sau chiến tranh. Chiến tranh liên miên nửa thế kỷ khiến chúng tôi không dám xây dựng những nhà ở quy mô, cho nên khát vọng có nhà ở là một khát vọng phổ biến trong xã hội chúng tôi hiện nay. Xét về mặt kinh tế, kinh tế xây dựng là một ngành dễ triển khai, dễ hơn chế tạo máy, dễ hơn luyện kim, dễ hơn công nghiệp điện tử. Bởi những nền kinh tế kia đòi hỏi phải huấn luyện kỹ mới có nhân lực, còn kinh tế xây dựng thì những người nông dân chỉ cần học vài tuần là có thể trở thành thợ xây. Nếu đi sâu hơn một chút vào các công trường, các bạn sẽ thấy 80% những người thợ xây dựng đều đến từ nông thôn. Như vậy kinh tế xây dựng trở thành chỗ dựa cho việc tăng trưởng kinh tế. Vấn đề đô thị hóa trông có vẻ giống nhau giữa chúng tôi với các nước phương Tây, nhưng động cơ của lạm phát công nghiệp xây dựng ở Việt Nam và phương Tây (ví dụ ở Mỹ) là hoàn toàn khác nhau. Lạm phát công nghiệp xây dựng ở Việt Nam hay bong bóng bất động sản ở Việt Nam là sự quá đà của một giải pháp kinh tế sau mở cửa.

Abonde: Khoảng cách về xây dựng giữa nông thôn và thành thị cũng khá lớn?

NTB: Tôi nghĩ ở đâu cũng thế. Khoảng cách giữa nông thôn và thành thị ở những nước phát triển dễ khắc phục hơn Việt Nam. Ở Mỹ chẳng hạn, khoảng cách giữa nông thôn và thành thị là khoảng cách đầu tư. Do người ta không đầu tư vào nông thôn thì nó tạo ra khoảng cách so với thành thị. Còn ở Việt Nam có cả khoảng cách giữa trình độ học vấn của người nông dân và dân cư đô thị. Cho nên để khắc phục khoảng cách giữa nông thôn và thành thị ở Mỹ chỉ cần đầu tư về mặt kinh tế. Còn ở Việt Nam chúng tôi phải giải quyết bằng đầu tư vào cả kinh tế và giáo dục.

Abonde: Theo ông sẽ mất khoảng bao lâu?

NTB: Tôi nghĩ cùng với thời gian, trình độ của người nông dân chúng tôi sẽ tốt dần lên. 25 năm trước đây, tôi tham dự một lớp đào tạo cán bộ công chức của Chính phủ do Ngân hàng Thế giới tổ chức. Một giáo sư của trường Harvard hỏi một quan chức của chúng tôi là: Trâu bò của các ông là tài sản cố định hay tài sản lưu động? Quan chức ấy trả lời: Nó thuộc tài sản lưu động. Ông ta hỏi tại sao. Vị quan chức trả lời một cách rất hồn nhiên: Vì nó đi lại được. Nhưng 25 năm sau, mọi chuyện đã thay đổi. Các bạn có thể nhìn thấy điều đó ở các bạn trẻ đang làm việc với tôi. Họ là những người rất thông thái, tôi có thể thảo luận với họ về nhiều vấn đề. Họ hiểu các Công ước quốc tế, các Hiệp định mà những tổ chức quốc tế ký với Việt Nam. Đây là một bước tiến khổng lồ. Thời gian chữa lành tất cả các căn bệnh mà chiến tranh để lại cho người Việt.

Abonde: Tôi thấy rất thú vị về những câu trả lời của ông. Theo ông, còn có những vấn đề gì mà tôi chưa đủ hiểu biết để hỏi ông?

NTB: Chúng tôi có nhiều vấn đề lắm. Tôi lấy ví dụ, nếu chúng tôi tiếp tục hội nhập sâu hơn nữa vào đời sống kinh tế thị trường, đời sống kinh tế quốc tế thì chúng tôi buộc phải cải cách chính trị. Mô hình nào giúp cho người

Việt Nam cải cách chính trị mà không làm mất đi trật tự vốn có của nó, đây là vấn đề khổng lồ đang được thảo luận cả ở Việt Nam lẫn ở Trung Quốc. Người Việt Nam chúng tôi cũng tranh luận mãi về chuyện này. Những người bảo thủ cho rằng không cần thiết phải cải cách chính trị, còn những người cấp tiến cho rằng không thể không cải cách chính trị nếu muốn tiếp tục phát triển kinh tế. Có người nói rằng không thể mặc cái áo may năm lên 3 tuổi để làm người lớn được.

Một ví dụ nữa là, chúng tôi ở cạnh một nền kinh tế khổng lồ, đó là nền kinh tế Trung Quốc, nhưng chúng tôi cũng có một chàng trai thỉnh thoảng đưa ra những lời tán tỉnh rất ngọt ngào, đấy là người Mỹ. Người Phần Lan các bạn khôn ngoan, làm bạn với tất cả, với cả người Trung Quốc, người Nga và người Mỹ. Các bạn có thể cho người Việt Nam một lời khuyên trong ba anh to cao như vậy, chúng tôi nên chọn anh nào và có nhất thiết phải chọn một anh nào đấy không?

Người Phần Lan có một kinh nghiệm rất giống với kinh nghiệm người Việt Nam có, đó là: các bạn ở cạnh người khổng lồ Nga, các bạn có thể cung cấp cho chúng tôi những kinh nghiệm xử lý quan hệ với người khổng lồ ấy, để chúng tôi có cách thức xử lý quan hệ với người khổng lồ của chúng tôi.

Tôi đưa ra ba ví dụ để các bạn đặt cho tôi câu hỏi. Chúng tôi rất muốn thảo luận không phải cho tôi hay cho các bạn, mà cho cả một cộng đồng 90 triệu người Việt Nam học cách xử lý các vấn đề giống ở Phần Lan.

Abonde: Tôi muốn quay lại vấn đề cải cách chính trị, ông nghĩ rằng Việt Nam có thể cải cách chính trị?

NTB: Tôi nghĩ không có gì không thể làm được. Chúng ta càng suy nghĩ sâu sắc, càng xây dựng lý thuyết một cách ổn định để phổ biến nó thành những kinh nghiệm rộng lớn thì khả năng thành công trong cải cách chính trị càng lớn.

Tôi đã viết quyển "Cải cách và sự phát triển", trong đó nói về bốn cuộc cải cách cơ bản. Tôi xem cải cách kinh tế là số một, bởi vì Việt Nam là một nước chậm phát triển cho nên cần phải ưu tiên cải cách kinh tế. Thứ hai là cải cách chính trị, thứ ba là cải cách văn hóa và thứ tư là cải cách giáo dục. Bốn cuộc cải cách ấy là các mô-đun cơ bản của hoạt động cải cách và phải tiến hành đồng bộ với nhau, một cách thận trọng, phù hợp với sức chịu đựng của tất cả các lực lượng xã hội. Tôi đã thấy cuốn sách ấy bắt đầu được một số nhà chính trị chú ý.

Chúng tôi nghiên cứu những việc như vậy và kỳ vọng vào sự thay đổi của chính trị.

Trong diễn văn bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ X, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đã nói rằng: Việt Nam sẽ đổi mới về chính trị đồng bộ với đổi mới về kinh tế. Đây là tuyên ngôn chính trị. Tôi rất mừng là những tư tưởng như thế của những người cầm quyền phù hợp với những tư tưởng của chúng tôi. Tôi nghĩ đó là con đường duy nhất đảm bảo cho Việt Nam yên ổn, nếu không, khoảng cách giàu nghèo ngày càng khuếch đại và Việt Nam sẽ rơi vào tình trạng mất ổn định do những cuộc cách mạng. Chính vì Sa hoàng Romanov không dám thực hiện những cuộc cải cách nên mới phải nhường cơ hội cho Lênin.

Abonde: Những người đang cầm quyền không bao giờ muốn mất quyền lực. Tại sao ông có thể tự tin nói rằng sẽ không có đổ máu?

NTB: Tôi nghĩ không ai muốn mất quyền lực. Để đổ máu xảy ra cũng là mất quyền lực. Quyền lực không phải chỉ là của một đảng mà còn là của từng người. Việc tiến hành cải cách sẽ biến rủi ro của một đảng thành rủi ro của từng người, bởi những người thất bại trong cải cách hoặc không chịu cải cách sẽ bị mất quyền lực. Đây chính là nghệ thuật tiến hành các cuộc cải cách chính trị trong những nước có nền chính trị cần thiết phải chuyển đổi như Việt Nam.

Người Trung Quốc đã điều khiển nền chính trị của họ một cách rất khôn ngoan. Họ thay thế một cuộc cách mạng có thể xảy ra do khoảng cách giàu nghèo, do sự phát triển chênh lệch bằng các cuộc thanh toán hay những sự thay đổi trong hệ thống cầm quyền của họ. Quan sát những gì mà ông Tập Cận Bình đang làm ở Trung Quốc, các bạn sẽ thấy các hệ thống chính trị khác nên học cách ông ấy tiến hành các cuộc cải cách nội bộ để thay thế một cuộc cách mạng trên tổng thể.

Abonde: Nhưng theo tôi, cải cách chính trị phải dẫn đến hệ thống chính trị nhiều đảng?

NTB: Đây là điểm đến cuối cùng của quá trình cải cách chính trị. Với tư cách là người nghiên cứu, tôi không thể phủ nhận cái đích cuối cùng của cải cách chính trị là một chế độ chính trị dân chủ và nhiều đảng. Cùng với thời gian, người ta sẽ không tham làm chính trị một mình nữa. Chống tham nhũng triệt để cũng là một cách làm cho người ta không tham làm chính trị một mình. Cái chúng ta tưởng là một chân lý chính trị thì nó là một quá trình chính trị, và quá trình để tiến đến dân chủ là một quá trình càng từ tốn bao nhiêu càng hòa bình bấy nhiêu.

Abonde: Về cái cách văn hóa, có thể quan niệm về nó như thế nào trong bối cảnh hiện nay, với sự phát triển của truyền thông cực nhanh, ví dụ những người trẻ có thể lấy thông tin từ bất kì nguồn nào mà không thể chặn lại được?

NTB: Tôi nghĩ đó là một khía cạnh khác của hội nhập. Năm 1995, Tiến sĩ Henry Kissinger mời tôi đến Washington DC để thảo luận về toàn cầu hóa. Ở đây, chúng tôi thảo luận về vai trò của toàn cầu hóa với văn hóa, bởi vì các quốc gia không chỉ tham gia hội nhập với tư cách là một chủ thể kinh tế, mà còn tham gia với tư cách trọn vẹn của một chủ thể văn hóa. Các bạn biết rằng đối với mọi nền văn hóa, đạo đức luôn là yếu tố có chất lượng nền tảng. Tất cả những hiện tượng tội ác diễn ra trong quá trình hội nhập là vì nó không mang theo bên cạnh yếu tố kiểm soát của văn hóa. Nó bắt nguồn từ chỗ người ta nhìn sự hội nhập như là hành động của những kẻ đi ra chợ, biệt lập nó với tất cả các cộng đồng văn hóa. Nếu con người hội nhập với cả tư cách là một cộng đồng văn hóa thì con người tự kiểm soát, cân bằng lẫn nhau, làm giảm bớt sự khốc liệt của quá trình cạnh tranh quốc tế. Khuyến khích sự hội nhập về văn hóa chính là khuyến khích tính tự kiểm soát của các cộng đồng khi tham gia hội nhập.

Việt Nam chúng tôi có giai đoạn là thuộc địa của Pháp. Một số trí thức Việt Nam đến Pháp để nghiên cứu xem tại sao một quốc gia có những nhà văn hóa lớn như Rousseau, Victor Hugo mà lại có những hành vi thực dân tệ hại như vậy

Đông Dương. Nhiều nhà nghiên cứu của chúng tôi, trong đó có Chủ tịch Hồ Chí Minh phát hiện ra một thực tế là: người Pháp khi đến Đông Dương không mang theo sự kiểm soát văn hóa Pháp. Tôi nghĩ hội nhập về văn hóa là một trong những cách thức tốt nhất để hạn chế tính thực dân của quá trình hội nhập, và giải quyết khá căn bản tương quan giàu nghèo và phát triển giữa các cộng đồng hội nhập ấy.

Abonde: Những cuốn sách ông biết có gây phản ứng gì không? Những cuốn sách ấy đã được dịch chưa? Tôi rất muốn đọc!

NTB: Hiện tại, tôi vẫn chưa dịch. Bây giờ, tôi đang cố gắng để cho người Việt đọc. Khi nào người Việt đọc mà nó trở thành một thành tựu xã hội thì tôi sẽ đầu tư để dịch. Tôi rất vui mừng khi một số nhà chính trị đã gọi điện cho tôi, bình luận một đôi lần về những cuốn sách của tôi. Và rất ngạc nhiên là: sách của tôi là những cuốn sách chính trị hiếm hoi ở Việt Nam bị người ta in lậu để bán, thậm chí có những quyển đã tái bản đến lần thứ tư rồi.

Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ

(Trả lời phỏng vấn The Straits Times, ngày 28-03-2008)

Hỏi: Hôm nay, chúng tôi muốn phỏng vấn ông về vấn đề quan hệ Việt - Mỹ. Chúng tôi được biết Thủ tướng Việt Nam dự định sang Mỹ vào tháng 6, nhưng vẫn chưa đưa ra thời điểm chính xác. Điều này cũng gây cho phía Mỹ sự chờ đợi. Chúng tôi muốn đăng một bài trước thềm chuyến thăm này. Xin ông cho biết quan hệ Việt - Mỹ Toà thời điểm hiện tại ở mức nào, tốt, khá hay trung bình?

Trả lời: Theo quan niệm của tôi, lúc nào quan hệ Việt - Mỹ cũng là một trong những quan hệ quan trọng nhất phản ánh chính sách đối ngoại và thái độ quốc tế của Việt Nam. Nhân dân Việt Nam chờ đợi những chuyến viếng thăm của các nhà lãnh đạo đến Hoa Kỳ như một bằng chứng cho việc Đảng và Chính phủ chúng tôi vẫn tiếp tục và kiên trì chính sách cải cách và mở cửa. Dù muốn hay không, trong thực tế chính trị thế giới, thái độ với Hoa Kỳ và phương Tây được xem như là một biểu hiện của việc khẳng định phát triển xã hội theo hướng xây dựng nền kinh tế thị trường và tiếp cận một cách hợp lý đến tự do, dân chủ. Xã hội chúng tôi chờ đợi và mong muốn cả hai điều này, vì thế, xã hội luôn hoan nghênh, luôn hồi hộp và luôn đo đếm một cách rất tỉ mỉ thành công của các nhà lãnh đạo Việt Nam trong những chuyến đi thăm Hoa Kỳ và phương Tây.

Xã hội Việt Nam, nhất là giới trí thức, càng ngày càng dành nhiều thời gian để phân tích về vai trò của Hoa Kỳ. Bước đầu, chúng tôi đã nhận thức được rằng, những biến động kinh tế và chính trị ở Hoa Kỳ ảnh hưởng một cách rõ rệt đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều quốc gia trên thế giới. Tư duy biệt lập rằng Việt Nam có thể không chịu ảnh hưởng của những biến động bên ngoài lãnh thổ đã bắt đầu hết. Xã hội Việt Nam chờ đón những ứng xử khôn khéo, kịp thời của Chính phủ trong việc điều chỉnh mối quan hệ để đón nhận mặt tích cực của các biến động về kinh tế, chính trị Hoa Kỳ cũng như phương Tây. Nói tóm lại, chúng tôi bắt đầu hiểu biết xã hội Hoa Kỳ, những vấn đề chính trị nội bộ của Hoa Kỳ, và bắt đầu hiểu ảnh hưởng của những biến động kinh tế, chính trị của Hoa Kỳ đến các xã hội như Việt Nam.

Việt Nam nằm cạnh một quốc gia rất to lớn là nước CHND Trung Hoa, đây là một thực tế vĩnh viễn, cho nên sự cân bằng quốc tế vô cùng cần thiết cho sự phát triển Việt Nam. Tạo ra được một sự cân bằng về khuynh hướng phát triển giữa những khuynh hướng chính trị khác nhau là vô cùng cần thiết, vì thế, người Việt Nam chờ đợi các yếu tố tích cực trong quan hệ với Hoa Kỳ. Tôi không phải là công chức, cũng không phải là một nhà chính trị, tôi không thể nắm rõ suy nghĩ bên trong của Chính phủ chúng tôi, nhưng tôi cho rằng chắc

chấn họ cũng nghĩ như vậy. Tuy nhiên, vì phải cân bằng với nhiều khuynh hướng khác nhau trên thế giới để tạo ra sự ổn định bên trong nền Chính phủ chúng tôi buộc phải cân nhắc những bước tiến về những phía khác nhau trong các quan hệ ảnh hưởng một cách chiến lược đến xã hội. Do vậy, sự lần chần trước một chuyến đi như thế này phản ánh sự cân nhắc của các nhà lãnh đạo Việt Nam để khai thác được lợi ích lớn nhất trong mỗi quan hệ hai bên.

Hỏi: Hiện nay, quan hệ Việt - Mỹ đang ở mức tương đối tốt đẹp. Năm ngoái, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã đi thăm Hoa Kỳ, cậu năm nay, một chuyến đi như vậy có cần thiết nữa không? Cần lưu ý rằng đây là một thời điểm không thuận lợi cho Việt Nam, người ta gọi là thời điểm "vịt què" khi ông Bush sắp hết nhiệm kỳ, hơn nữa, Hoa Kỳ đang có những dấu hiệu bất ổn của nền kinh tế. Nhiều ý kiến cho rằng nên hoãn lại chuyến đi này để tập trung giải quyết những vấn đề đối nội trước. Ông có đồng ý với quan điểm đó không? Dự luận có ý kiến cho rằng dường như có sự chia rẽ trong Đảng liên quan đến vấn đề này. Phải chăng trong sự cân nhắc về quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ còn tiềm ẩn cả sự cân nhắc về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc?

Trả lời: Trước hết, cần phải nói rằng, trạng thái "vịt què" là một trạng thái người ta hay nói đến đối với cá nhân một ông Tổng thống, còn nhà nước Hoa Kỳ là một nhà nước phi chính trị và hoạt động liên tục, các cam kết nếu có của Tổng thống ở năm cuối cùng của nhiệm kỳ vẫn phải được tôn trọng, vì thế trạng thái "vịt què" không ảnh hưởng đến thời điểm của chuyến đi. Nếu lấy đó là lý do để trì hoãn thì lý do ấy sai. Với những quốc gia quan trọng như Hoa Kỳ, không vì chuyện thay đổi nhiệm kỳ, thay đổi Tổng thống mà các cam kết có tính chất nhà nước không được tôn trọng.

Vấn đề anh đặt ra là có cần thiết phải có chuyến đi của Thủ tướng nữa hay không. Chúng ta biết rằng trong cấu trúc của nhà nước Việt Nam, Chủ tịch nước là biểu hiện của quyền lực chính trị, quyền lực văn hóa của dân tộc chúng tôi. Chủ tịch nước không phải là Chủ tịch cơ quan hành pháp, tức là không phải chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành công việc hàng ngày của sự phát triển đất nước. Khác với nước Mỹ, Tổng thống bao gồm cả hai chức năng này, vừa là Nguyên thủ quốc gia, vừa là Chủ tịch cơ quan hành pháp. Do đó, sự gặp gỡ giữa Chủ tịch nước Việt Nam với Tổng thống Hoa Kỳ có giá trị khẳng định ở mức những cam kết chính trị và văn hóa. Nhưng những cam kết có tính chất hợp tác trong đời sống phát triển của quốc gia hàng ngày thì đây là việc mà Tổng thống Mỹ cần phải bàn với Thủ tướng. Vì thế, sự đi thăm của Thủ tướng có một ý nghĩa khác với sự đi thăm của Chủ tịch nước. Tôi không nghĩ rằng chuyến đi này có thể thay thế chuyến đi kia.

Còn ý thứ ba mà anh hỏi, trong sự cân nhắc ấy, các nhà lãnh đạo của chúng tôi

có phân vân về chuyện cân bằng quan hệ với nước CHD Trung Hoa hay không, tôi cho rằng điều đó là đương nhiên. Chính vì cần phải cân bằng nên mới có chuyến thăm Hoa Kỳ của Chủ tịch nước và Thủ tướng.

Chúng tôi không cần che giấu việc người Việt Nam tìm kiếm những quan hệ quốc tế đủ để cân bằng nhằm duy trì hoà bình và ổn định khu vực, nhằm duy trì lòng tin của chúng tôi đối với sự phát triển, đối với sự hoà hợp với thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây. Đây là sự cân nhắc chính đáng, không ai có quyền can thiệp, ngăn cản.

Phải nói rõ rằng những sự cân nhắc với mức độ hiểu biết hoặc quan điểm khác nhau đôi chút là hoàn toàn có thể có, nhưng nếu xem nó là sự chia rẽ nội bộ Đảng thì cần phải rất thận trọng. Sự cân nhắc khác với sự phân vân do chia rẽ. Tôi không thấy có bằng chứng nào để nói sự phân vân này là kết quả của sự chia rẽ. Lâu nay, khi Chính phủ chúng tôi xử lý quan hệ quốc tế, trong nội bộ vẫn có những quan điểm khác nhau. Trong cuộc chiến tranh lâu dài tới nửa thế kỷ cũng có cả sự cân nhắc như vậy. Nhưng những cân nhắc như thế thể hiện sự thận trọng của những người cầm quyền.

Hỏi: Theo truyền thống trong việc xử lý các mối quan hệ đối ngoại, bao giờ các nhà chính trị Việt Nam cũng chọn đi thăm Trung Quốc trước Mỹ. Lần này, thế giới đang phân vân không biết Thủ tướng có đi thăm Trung Quốc trước chuyến thăm Mỹ hay không. Nếu Việt Nam có được mối quan hệ tin cậy với Hoa Kỳ thì thăm nước nào trước không thành vấn đề, nhưng hiện nay, quan hệ hai nước chưa đến mức đó. Vì vậy, người ta đang e ngại Thủ tướng sẽ phải thực hiện một chuyến thăm Trung Quốc trước chuyến thăm Hoa Kỳ. Quan điểm của ông về vấn đề này như thế nào?

Trả lời: Tôi cho rằng Trung Quốc là một thực thể chính trị gắn liền một cách lâu dài và rất phức tạp đối với Việt Nam, hay nói cách khác, nó là một gánh nặng có chất lượng lịch sử đối với dân tộc chúng tôi. Vì thế, ưu tiên giải quyết các vấn đề với nước CHND Trung Hoa là chuyện bình thường. Các nhà chính trị đôi khi phải vượt qua những sự khéo léo, những xác lập thông thường để giải quyết các vấn đề trước mắt. Trung Quốc hiện nay đang tổ chức Olympic Bắc Kinh, họ cũng lỡ gây khó cho thế giới trong một loạt vấn đề, ví dụ vấn đề Hoàng Sa, Trường Sa. Tôi vẫn kiên trì quan điểm của mình rằng: đây là một sự cân nhắc chưa được kỹ lưỡng về chính trị. Tôi nghĩ vấn đề Tây Tạng cũng không được lường trước và cân nhắc đầy đủ về mặt chính trị, vì thế, Trung Quốc gặp một số khó khăn nhất định trong việc làm êm thuận sự kiện Olympic như là một cơ hội PR không lồ đối với nền kinh tế của họ. Rất có thể Thủ tướng chúng tôi sẽ chọn chuyến đi đến Trung Quốc trước, bởi vì vào lúc này, người Trung Quốc cần một chuyến đi như thế để giúp họ sửa sang lại bộ mặt, hay làm

cho không khí hoà dịu hơn trước khi diễn ra Olympic Bắc Kinh. Bởi vậy, người Mỹ cũng như thế giới đừng ngạc nhiên nếu như Thủ tướng của chúng tôi tiến hành một lịch trình như thế. Đây là sự lựa chọn đem lại lợi ích lớn hơn so với một chuyến đi vào những thời điểm thông thường khác.

Hiện nay, Việt Nam đang dần dần trở thành quốc gia tham gia một cách tích cực, chủ động vào các tiến trình chính trị quốc tế. Sau khi chúng tôi gia nhập WTO và trở thành thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, các động thái của các nhà lãnh đạo cũng có những ý nghĩa chính trị quốc tế nhất định. Nhưng Chính phủ chúng tôi sẽ không giải thích với thế giới về những hành vi của mình, do đó, thế giới nên tập phỏng đoán động thái của các nhà chính trị Việt Nam. Tuy nhiên, cần khẳng định lại rằng nếu như có một chuyến đi như vậy của Thủ tướng trước khi đến Hoa Kỳ thì đây không phải là thái độ thân Trung Quốc, mà đây là thái độ chiếu cố đến sự cần thiết của các hành vi mang chất lượng chính trị quốc tế của một vị Thủ tướng Việt Nam vào những thời điểm có ích.

Song, ngay cả chuyến đi như vậy không phải là không có khó khăn. Có ai chắc Trung Quốc chào đón một chuyến đi như vậy không? Người Việt Nam có hoan nghênh một chuyến đi như vậy không? Nội bộ những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam có đồng thuận trong một chuyến đi như vậy không cũng là một phán đoán. Chân dung chính trị của Thủ tướng Chính phủ chúng tôi thông qua chuyến đi ấy có còn nguyên vẹn không, cũng phải cân nhắc. Những sự cân nhắc như vậy là công việc thông thường và là nghĩa vụ của các nhà chính trị hàng đầu. Điều tôi có thể nói với anh một cách chắc chắn là ở Việt Nam có thể có những nhà chính trị xem yếu tố chính trị ảnh hưởng từ Trung Quốc quan trọng hơn những yếu tố khác, nhưng không có những nhà chính trị thân Trung Quốc. Vì thế, đôi lúc, chúng ta phải mất thời gian phân tích một cách thấu đáo chất lượng chính trị trong mỗi hành vi của các nhà lãnh đạo cấp nguyên thủ quốc gia để giúp chúng ta phán đoán bản chất chính trị của họ. Tổng thống G. Bush đang ở những tháng cuối nhiệm kỳ của mình, những sự cam kết mà ông ấy có thể có đối với Thủ tướng chúng tôi vẫn được tôn trọng, tuy nhiên cũng không bức bách để thực hiện nó như là cam kết của người chưa hết nhiệm kỳ. Đây cũng là những lợi ích cần phải đong đếm, cho nên Thủ tướng chúng tôi phải cân nhắc.

Tóm lại, một trong những kết luận có tính chất nguyên tắc của tôi là không nên xem những sự cân nhắc thông thường trong nội bộ của hệ thống chính trị này như là một thái độ quốc tế có tính chất bè phái. Người Việt Nam không đủ năng lực để tham gia vào các bè phái hiện nay. Người Việt Nam chưa cần thiết phải có bè phái, mà cần thể hiện thái độ trung lập, trong sạch trong các quan hệ quốc tế. Sự trung lập, trong sạch trong các quan hệ quốc tế phù hợp với địa vị của

một thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc. Trong thời điểm hiện nay, đó là thái độ cần có của Chính phủ chúng tôi.

Hỏi: Quay lại mối quan hệ Việt - Mỹ. Nhiều ý kiến cho rằng nếu ông McCain được lựa chọn làm Tổng thống Mỹ thì có thể sẽ có những yếu tố bất lợi cho mối quan hệ này. Bởi về già, con người đôi khi cũng cố chấp, cũng cay đắng, ông ấy có thể sẽ có những hành động không thiện chí với Việt Nam. Ông có cho rằng mối quan hệ Việt - Mỹ sẽ có những bất lợi không?

Trả lời: Tôi có một may mắn là đã gặp Thượng Nghị sĩ John McCain 3 lần trong những buổi chiêu đãi của cơ quan đại diện cho Hoa Kỳ trước khi họ bỏ cấm vận Việt Nam về kinh tế. Tôi cũng có gặp Thượng Nghị sĩ John Kerry một lần.

Là một nhà nghiên cứu, tôi luôn luôn quan sát chân dung hoặc con người cụ thể của những nhà chính trị quan trọng của Hoa Kỳ. Tôi không nghĩ rằng Thượng Nghị sĩ John McCain khi trở thành Tổng thống sẽ có hại cho Việt Nam. Tôi cũng không tin Việt Nam sẽ có lợi một cách thiên vị từ các chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ.

Tôi cho rằng có những đặc điểm có tính chất truyền thống giữa Đảng Cộng hoà và Đảng Dân chủ trong những vấn đề quốc tế. Chúng ta biết đảng Dân chủ Hoa Kỳ là một đảng có tính chất xã hội thuần túy, những đảng như vậy chiều có nhiều đến quyền lợi xã hội, đặc biệt là của dân chúng. Họ quan tâm về vấn đề rất nhạy cảm trong đời sống chính trị nội bộ của Việt Nam như dân chủ và nhân quyền. Họ xem đây là xương sống hay là phong cách chính trị chủ yếu của Việt Nam. Đảng Cộng hoà thì đặc trưng cho việc nhận thức về lợi ích, đặc biệt là lợi ích cụ thể của nước Mỹ. Vì thế, nếu xét về mặt truyền thống, những người lãnh đạo Việt Nam dễ nói chuyện hơn với một vị Tổng thống thuộc đảng Cộng hoà, bởi họ có đủ quyền để thương lượng và trao đổi. Còn đối với những vấn đề sống còn thuộc đời sống nhân dân như dân chủ và nhân quyền, có thể nói rằng Việt Nam khó thỏa mãn tiêu chuẩn Hoa Kỳ trong giai đoạn chính trị hiện nay.

Chúng ta không nên xem Tổng thống Bill Clinton là một hiện tượng phổ biến của sự thuận lợi quan hệ Việt - Mỹ, bởi vì ông Bill Clinton trở thành Tổng thống trong giai đoạn mà nước Mỹ rất phấn khởi sau khi chấm dứt Chiến tranh Lạnh.

Sự phấn khởi của hậu Chiến tranh Lạnh tạo ra một sự tự tin và lạc quan của Hoa Kỳ đối với quan hệ quốc tế. Vì thế, việc ông Bill Clinton với tư cách là

Tổng thống thuộc đảng Dân chủ tỏ ra dễ dàng hơn đối với Việt Nam không phản ánh thái độ truyền thống của đảng Dân chủ, mà phản ánh một giai đoạn thuận lợi, phần khởi của Hoa Kỳ sau khi Chiến tranh Lạnh chấm dứt mà phần thắng được cho là nghiêng về phương Tây.

Bây giờ, giai đoạn hưởng thụ những thành quả do chiến tranh Lạnh kết thúc đã qua, phương Tây và Hoa Kỳ đang phải đối mặt với những khó khăn của hậu chiến tranh Lạnh. Bắt đầu từ nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống Bush cho đến giờ là giai đoạn trả giá. Những sự thương lượng về quyền lợi quốc tế trở thành nội dung chính của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với các khu vực khác nhau trên thế giới. Việt Nam cũng nằm trong bối cảnh như vậy. Ông John McCain đã từng là tù binh tại Việt Nam, tôi nghĩ một Thượng Nghị sĩ Hoa Kỳ sẽ không để những sự khó chịu lặt vặt ảnh hưởng đến thái độ đối ngoại của mình. Vì thế, hãy

qua những phỏng đoán rằng do ân oán của cuộc chiến tranh lâu dài trước đây, ông John McCain sẽ khó chịu hoặc dễ chịu với Việt Nam. Phân tích như vậy không phản ánh đúng bản chất hay tầm vóc của một nhà chính trị cỡ Tổng thống Hoa Kỳ. Tôi nghĩ, nếu ông John McCain trở thành Tổng thống Hoa Kỳ thì sẽ có thuận lợi cho Việt Nam, bởi ông ấy hiểu biết Việt Nam để có thể thảo luận hoặc thỏa thuận nhằm trao đổi lợi ích.

Hỏi: Đúng là đảng Dân chủ thường chú trọng đến những vấn đề dân chủ, nhân quyền, và tiếng nói của họ mạnh hơn. Các buổi điều trần về dân chủ, nhân quyền của Việt Nam thường được họ hưởng ứng. Nếu như đảng Dân chủ giành thắng lợi, hoặc là ông Obama, hoặc là bà Clinton thì liệu những chỉ trích về thành tích nhân quyền của Việt Nam trong thời gian qua có làm tổn hại đến quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không?

Trả lời: Không, bởi vì chỉ trích dân chủ và nhân quyền thực chất là công việc phải làm của các nhà chính trị Hoa Kỳ đối với nhân dân của họ. Họ biểu thị thái độ chính trị đối với nhân dân của họ nhiều hơn là biểu hiện thái độ chính trị đối với các quốc gia mà họ quan hệ. Nếu tôi là nhà chính trị Việt Nam, tôi xem đây là việc thông thường của các nhà chính trị Hoa Kỳ, dù họ thuộc đảng Dân chủ hay Cộng hòa. Nó không phải là nội dung câu thành chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Đối với đảng Dân chủ, những người ủng hộ họ là dân chúng thông thường, vì thế, họ chú ý hơn đến vấn đề nhân quyền chứ họ cũng không thật sự là người quyết định. Những nhà chính trị tầm cỡ Tổng thống Hoa Kỳ hay các Thượng Nghị sĩ Hoa Kỳ biết rất rõ sức ép là để thể hiện nhiều hơn là để thu hiệu quả. Bởi vậy, dù lên án dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam để gây sức ép thì nó vẫn không ảnh hưởng đến thái độ thật sự của Hoa Kỳ đối với các vấn đề Việt Nam và không ảnh hưởng đến quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam.

Tôi nghĩ, các nhà chính trị Việt Nam càng hiểu rõ đây là hoạt động nội bộ của nền chính trị Hoa Kỳ, và không vì họ nhắc nhở nhiều đến chuyện này mà chúng ta quan niệm xấu hay quan niệm sai về thái độ quốc tế của Hoa Kỳ đối với các nước mà họ có quan hệ. Những sự đòi hỏi về dân chủ, nhân quyền từ phía các nhà chính trị Hoa Kỳ còn diễn ra lâu dài và không chỉ đối với những nước cộng sản như Việt Nam và Trung Quốc, nó còn diễn ra ngay cả với những đồng minh truyền thống của họ. Báo cáo, đánh giá về nhân quyền của các nước là câu chuyện bình thường của họ. Còn nghĩa vụ của các nhà chính trị Việt Nam trong chuyện này là phản ứng lại, nếu Hoa Kỳ nói thế thì ta phải lên án là tại sao các anh lại nói như thế. Đây cũng là thông điệp nội bộ của các nhà chính trị Việt Nam. Bởi vì nếu không làm vậy, nhân dân ở những nước ấy không hiểu tại sao người ta chỉ trích anh mà anh không phản ứng lại. Đây là hai công việc hàng ngày mà mỗi một chính phủ cần phải làm để gửi thông điệp đến nhân dân của chính họ, chứ không phải là để đối thoại chính trị giữa hai quốc gia.

Hỏi: Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với những nhận định của ông. Tôi nghĩ Hoa Kỳ có công việc nội bộ của họ, Việt Nam cũng có công việc nội bộ của mình. Trước đây, mỗi khi bị Hoa Kỳ phê phán, Việt Nam đều phản ứng rất mạnh và cho rằng họ có ý để không tốt. Nhưng dần dần, tư tưởng đó đã được xóa đi, người Việt Nam cũng đủ tỉnh táo để nhận thức rằng đó chỉ là công việc nội bộ của nước Mỹ. Ở nước Mỹ hiện nay, trong số hơn 400 nghệ sĩ của Hạ viện và 100 Thượng nghị sĩ của Thượng viện, số có quan điểm như ông chiếm đến 80%, còn 20% muốn lợi dụng chuyện đó cho những mục đích riêng để phục vụ động cơ đối nội bên trong.

Chuyển sang một sự kiện mới đây, Trung Quốc giành được quyền đăng cai Olympic ở dự định lộ trình rước đuốc trong đó có một ngọn đi qua Trường Sa, một ngọn lên Tây Tạng. Nhưng đến bây giờ, Trung Quốc không khẳng định có chuyện rước đuốc đó với Việt Nam. Người ta vẫn e ngại họ có thể âm thầm làm việc đó mà không quảng cáo, tức là vẫn kích động tinh thần dân tộc của họ bằng cách rước một ngọn đuốc qua Trường Sa, dù đâu không phải ngọn đuốc Olympic. Ông đánh giá thế nào nếu Trung Quốc vẫn tiếp tục rước đuốc ra Hoàng Sa, Trường Sa?

Trả lời: Rước đuốc là nghi lễ. Những hoạt động có tính chất nghi lễ thì kết quả thu được cuối cùng chính là quảng bá hình ảnh. Nếu họ vẫn làm thì cái họ nhận được là quảng bá một hình ảnh xấu. Một hình ảnh xấu lại xuất hiện trong một cơ hội tốt thì chứng tỏ về mặt trí tuệ chính trị là kém. Về mặt pháp lý, Tây Tạng là lãnh thổ của nước CHDN Trung Hoa, Chính phủ Trung quốc có quyền làm như vậy, nhưng họ không thể làm trong vùng mà mình đơn phương nhận là có chủ quyền và cũng không thể làm như vậy trong những vùng lãnh thổ có tranh

chấp. Tây Tạng là vùng tranh chấp có chất lượng lịch sử và văn hóa, do vậy, việc làm ấy không khôn ngoan. Không cần làm bất kỳ việc gì thêm để khẳng định chủ quyền của nước CHND Trung Hoa ở Tây Tạng, rước đuốc lên đó không có ý nghĩa, nó chỉ làm thế giới chú ý hơn đến vấn đề Tây Tạng trong lúc này.

Còn chuyện rước đuốc qua thành phố Hồ Chí Minh thì đây là một công việc theo nghi lễ của thế giới đối với Việt Nam. Olympic dù tổ chức ở nước nào cũng có công đoạn như vậy. Tuy nhiên, do ứng xử không khéo léo trong một loạt vấn đề, do không may xuất hiện các sự cố có chất lượng chính trị cho chặng rước đuốc đầu tiên ở Hy Lạp, Trung Quốc đã vướng phải biểu tình. Phải nói rằng nền chính trị Trung Hoa đem lại cho Chính phủ

họ rất nhiều thuận lợi trong việc điều hành, nhưng cũng đem lại cho họ không ít khó khăn. Họ đã có cơ hội hưởng những thuận lợi thì cũng phải có trách nhiệm đi qua những khó khăn. Tôi không nghĩ những vấn đề này là quan trọng. Thường thường, các nhà chính trị châu Á có thói quen "nhân dịp", nhân dịp Olympic, nhân dịp 100 năm ngày sinh Các Mác, Lênin... Nhưng dân trí khu vực này đã phát triển lên một mức mà nền văn hóa "nhân dịp" không còn ảnh hưởng, không còn gây ấn tượng nữa. Olympic Bắc Kinh là dịp để thiên hạ đi chơi chứ không phải là dịp họ để ý nhiều đến cơ hội quảng bá chính trị. Tôi nghĩ với một phần không nhỏ trong bộ phận lãnh đạo Trung Quốc, đây chính là nhân dịp để quảng bá thương mại hơn là quảng bá chính trị. Tất nhiên, nền chính trị nào cũng có yếu tố bảo thủ, yếu tố truyền thống, mọi lực lượng có chất lượng chính trị khác nhau đều tận dụng một sự kiện theo những quan điểm khác nhau, và đấy chính là tính đa dạng một cách bản năng của nền chính trị Trung Quốc.

Hỏi: Nếu Trung Quốc tiếp tục rước đuốc ra Trường Sa, Hoàng Sa, ông nghĩ phản ứng của dân chúng Việt Nam sẽ như thế nào? Trong tình huống như vậy, Chính phủ Việt Nam nên làm gì?

Trả lời: Nếu Trung Quốc tiếp tục rước đuốc ra Trường Sa, Hoàng Sa thì chắc chắn phản ứng của người Việt Nam sẽ vô cùng sôi sục. Trung Quốc mới in cái bản đồ rồi cải chính rằng in lộn mà dân chúng Việt Nam đã sôi sục, một lực lượng dân chúng sẽ chống lại, sẽ biểu tình ngoài đường hoặc là biểu tình ảo trên mạng để tẩy chay Olympic Bắc Kinh. Còn về phía Chính phủ Việt Nam, họ buộc phải cân nhắc giữa uy tín của mình đối với dân chúng và sự êm thuận của mình trong quan hệ với nước CHND Trung Hoa. Cái xương sống của sự cân nhắc ấy vẫn là những lợi ích. Không thể không chiều dân chúng, nhưng không thể nhất nhất phải chiều dân chúng. Đây là bản lĩnh của Chính phủ, của hệ thống quản lý nhà nước, hệ thống lãnh đạo. Khi sự phản ứng của dân chúng lên đến mức mà nếu không chiều cố, anh sẽ mất nhân dân thì anh buộc phải chiều

theo. Nhưng nếu nó mới ở một mức nào đó mà anh đã chiều theo thì anh làm hư nó và khuyến khích sự phản ứng. Cái đó hoàn toàn lệ thuộc vào trí tuệ và sự nhạy cảm của nhà cầm quyền.

Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc

(Trả lời phỏng vấn The Straits Times, ngày 28-5-2008)

Hỏi: Hôm nay, chúng tôi muốn trao đổi với ông về vấn đề quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Chúng tôi được biết, ngày 17-5-2008, bản chiếc tàu hải quân Trung Quốc đã hộ tống hai dàn khoan ra thăm dò ở ngoài khơi cách bán đảo Sơn Trà khoảng 200 km. Chúng tôi đã kiểm chứng thông tin. Đặc biệt, sự kiện này xảy ra ngay trước thời điểm Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh sang thăm Trung Quốc. Là một nhà quan sát chính trị, ông lý giải hành động này của Trung Quốc như thế nào?

Trả lời: Đây là một câu hỏi rất khó cho tôi vì hai lý do. Thứ nhất là sự thiếu thông tin. Các bạn biết rằng người Việt Nam có rất ít thông tin về những mối quan hệ nhạy cảm. Lọt ra ngoài được một số thông tin nào thì đều bắt đầu từ những nguồn được xem là không chính thống. Cho nên, những thông tin như vậy hoàn toàn không đủ làm căn cứ để đưa ra những bình luận có giá trị pháp lý và đưa lên các cơ quan truyền thông. Thứ hai là quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trên thực tế ẩn chứa rất nhiều phức tạp, đặc biệt giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung quốc. Tất cả những phát biểu không có Cơ sở thông tin trong lĩnh vực nhạy cảm này đều là thiếu trách nhiệm. Tuy nhiên, với tư cách là một người nghiên cứu tình hình đất nước, tôi sẽ đưa ra những phát biểu có tính chất phỏng đoán. Các bạn nên sử dụng phát biểu của tôi như một phân tích có chất lượng phỏng đoán hơn là một phát biểu có tính chất chính thống.

Các bạn biết rằng Việt Nam và Trung Quốc có một quan hệ cực kỳ phức tạp. Trung Quốc là quốc gia mà các động thái chính trị đối ngoại rất phức tạp. Họ lại đang ở trong một tình thế lờ mờ gây khó cho chính họ trong một loạt vấn đề. Cho nên, người Trung Hoa đang đánh trận thật hay đánh trận giả, buộc chúng ta phải cùng nhau phân tích. Nếu là một động thái thực lợi, tức là có chuyện thăm dò và chính thức tổ chức khai thác ở khu vực biển Đông thì phải nói rằng không có cơ sở pháp lý để người Trung Quốc làm chuyện ấy. Mặc dù cũng có những thỏa thuận nào đó về nguyên tắc cùng khai thác biển Đông nhưng sự cùng khai thác như vậy phải dựa trên những hợp đồng rõ ràng. Hiện nay tôi chưa thấy có bất kỳ một văn kiện nào, một tuyên bố nào như thế. Việc Trung Quốc cho tàu và giàn khoan đi lại ở Biển Đông mới dừng ở động thái diễu binh hơn là chiến tranh, hay nói cách khác, ở trạng thái thử thách về chính trị để thăm dò phản ứng đối ngoại hơn là một chương trình kinh tế cụ thể. Cho nên, với câu hỏi của

các bạn, tôi cần phải có thời gian để xác định tính cụ thể, tính có thật của sự kiện ấy. Hơn nữa, tôi cho rằng, cũng phải kiên nhẫn chờ đợi phản ứng chính thức của Chính phủ chúng tôi nếu có những hoạt động công khai như vậy của người Trung Quốc.

Trong lịch sử Việt Nam, ở từng triều đại đôi lúc cũng có một vài nhân vật hy sinh quyền lợi quốc gia trong quan hệ đối với Trung Quốc, nhưng những hiện tượng ấy rất không phổ biến và nó bị cả xã hội lên án, thậm chí trở thành những ví dụ xấu để nói về thái độ của người dân đối với lợi ích quốc gia. Tôi tin rằng trong thời đại của chúng ta, nếu để mất một cách rõ ràng lợi ích quốc gia thì bất kỳ ai cũng sẽ gạt hái sự phản đối của xã hội. Hiện nay, có thể có những nhân nhượng chiến lược hoặc chiến thuật, hoặc thái độ, nhưng phải nói rằng chưa có bằng chứng xác thực nào về sự đánh mất lợi ích dân tộc. Trong quá khứ, vào những năm 50 của thế kỷ trước, Chính phủ chúng tôi thừa nhận một số tuyên bố của Chính phủ Trung Quốc về lãnh thổ, nhưng nó diễn ra trong điều kiện chiến tranh rất khốc liệt và Chính phủ chúng tôi buộc phải cân nhắc giữa lợi ích cụ thể với những lợi ích xa hơn để đổi lấy những điều kiện có lợi cho việc tiến hành chiến tranh. Còn gần đây, tôi chưa thấy một bằng chứng rõ ràng nào về chuyện đánh mất hay hy sinh các quyền lợi dân tộc về mặt lãnh thổ, ngoài sự nhân nhượng có chất lượng thái độ. Cho nên, sự kiện các bạn vừa hỏi rất nghiêm trọng, cần phải theo dõi một cách nghiêm túc nếu muốn đưa ra kết luận khoa học.

Hỏi: Vậy theo ông, nếu coiệc Trung Quốc triển khai thăm dò và khai thác trong khu vực mà Việt Nam khẳng định chủ quyền là có thực, thì có làm tổn hại đến quan hệ Việt Nam - Trung Quốc không?

Trả lời: Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc là một quan hệ rất nhiều nội dung. Quan hệ giữa Trung Quốc với nhân dân Việt Nam chắc chắn sẽ tổn hại, sẽ diễn ra tiêu cực, cho dù họ mới chỉ dùng khai thác để khiêu khích chứ chưa khai thác một cách thực sự. Còn mối quan hệ giữa Trung Quốc với Chính phủ Việt Nam là một cuộc đấu trí. Nó có những lớp lang có tính chất chiến thuật và những diễn biến chiến thuật. Hiện nay, chưa có đầy đủ thông tin để có thể đưa ra một kết luận nào về vấn đề này, nhưng cái đáy của sự việc là: nếu Trung Quốc tiến hành thăm dò, khai thác tài nguyên trên vùng lãnh thổ Việt Nam tuyên bố có chủ quyền mà không thông qua các thỏa thuận hợp pháp về mặt kinh tế, không thông qua những thỏa thuận đã được nhân dân ủng hộ, thì chắc chắn sẽ làm tổn hại không chỉ quan hệ giữa Chính phủ Trung quốc và nhân dân Việt Nam mà cả quan hệ giữa chính phủ hai nước.

Hỏi: Hiện tại, người dân gần như không biết gì về thông tin này. Còn về phía Chính phủ Việt Nam, trong một buổi họp báo, khi phóng viên của AFP hỏi về

chuyện này, người phát ngôn đã trả lời: Chúng tôi hiện chưa có thông tin nào và sẽ cho điều tra việc này. Nhưng đến nay cũng chưa thấy họ trả lời AFP. Ông có thể lý giải việc này?

Trả lời: Tôi cho rằng cần phải phân biệt giữa sự phản ứng thông qua giới báo chí và sự phản ứng trên thực tế của Chính phủ chúng tôi. Phải nói rằng Chính phủ chúng tôi chưa xây dựng được thói quen công bố một cách rộng rãi những phản ứng chính trị của mình về các vấn đề thuộc lợi ích quốc gia với giới báo chí, nên không thể căn cứ vào lời người phát ngôn Bộ Ngoại giao để khẳng định Chính phủ chúng tôi có hay không có thông tin. Đồng thời cũng không thể khẳng định như thế là Chính phủ chúng tôi không có phản ứng khi lợi ích quốc gia bị xâm phạm. Cần phân biệt rất rõ điều ấy, nhất là đối với hoạt động báo chí trong điều kiện một quốc gia như Việt Nam. Nếu không, sẽ rơi vào cái bẫy là đổ oan cho Chính phủ rằng họ để mất lợi ích quốc gia mà không có phản ứng gì. Tôi nhắc lại là không nên nhầm lẫn giữa việc Chính phủ chúng tôi không thể hiện phản ứng của mình với báo chí và việc không có phản ứng trên thực tế.

Hỏi: Chúng tôi hiểu cách trả lời thận trọng của ông, nhất là ở oào địa vị một nhà nghiên cứu. Không nhiều người có thể đưa ra câu trả lời như ông. Tôi cũng hiểu ông Lê Dũng ở vào cương vị ấy thì cũng phải nói thế thôi. Câu hỏi tiếp theo, như chúng tôi được biết, từ ngày 30-5 đến 02-6-2008, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh sẽ đi thăm Trung Quốc, nhân dịp này sẽ trao một số phần quà hiện trợ cho nhân dân Tứ Xuyên sau thảm họa động đất. Là một người Việt Nam, ông có trông chờ Tổng Bí thư sẽ thảo luận với phía lãnh đạo Trung Quốc về vấn đề chủ quyền không, đặc biệt sau khi xảy ra sự kiện nói trên?

Trả lời: Là một người Việt Nam, về mặt tình cảm, tự nhiên tôi đặt lên địa vị của ngài Tổng Bí thư một nhiệm vụ chính trị rất quan trọng là phải bảo vệ các lợi ích của quốc gia. Xét về mặt pháp lý, Tổng Bí thư không phải là người có địa vị nguyên thủ nhưng xét về mặt chính trị lại là người có địa vị nguyên thủ. Tổng Bí thư có nghĩa vụ phải bảo vệ lợi ích của đất nước, không chỉ lợi ích vật chất, tức là lãnh thổ hoặc tài nguyên, mà còn phải bảo vệ cả những lợi ích tinh thần, tức là sự độc lập tinh thần của người Việt trước những sự can thiệp có thể có đối với Việt Nam. Vì thế, trong tình huống cụ thể này, tôi kỳ vọng Tổng Bí thư sẽ thảo luận với Trung

Quốc những vấn đề tồn tại hay vấn đề can thiệp, xâm phạm vào chủ quyền của người Việt Nam trong nhiều khía cạnh chứ không chỉ trong khía cạnh lãnh thổ hoặc lợi ích cụ thể.

Hỏi: Khoảng tháng 8-2008, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết cũng đi thăm Trung Quốc và tham dự lễ khai mạc thể vận hội Olympic Bắc Kinh. Như vậy, ngay trong năm nay, có hai chuyến thăm của hai nhà lãnh đạo cao cấp nhất Việt

Nam tới Trung Quốc. Liệu thông qua những chuyến thăm này, mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc có được cải thiện không? Một số người cho rằng chính vì có những vấn đề trở ngại giữa hai nước thì mới cần đến những chuyến thăm như vậy. Ông phân tích như thế nào về những chuyến thăm này?

Trả lời: Phải nói rằng sống bên cạnh hay có mối quan hệ với một quốc gia khổng lồ như vậy thì gánh nặng trong chính sách đối ngoại cũng như trong ứng xử quốc tế đặt lên vai những nhà lãnh đạo của chúng tôi rất nặng nề. Vì thế, việc đi thăm những quốc gia khổng lồ như vậy, đối với những nhà lãnh đạo quốc gia bé như chúng tôi, thường là những chuyến Công du không mong muốn và rất vất vả. Bởi họ phải giải quyết những vấn đề lớn, nặng nề và rất rắc rối. Tôi chúc Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đủ sức khoẻ gánh được những gánh nặng rắc rối để bảo vệ quyền lợi dân tộc của chúng tôi.

Hỏi: Tôi hoàn toàn đồng ý với ông đây là một chuyến thăm không hứng thú gì về mặt cá nhân, nhưng thông qua chuyến thăm này, ông có kỳ vọng mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc được cải thiện không?

Trả lời: Tôi nghĩ rằng Tổng Bí thư và Chủ tịch nước của chúng tôi đều là những nhà chính trị có kinh nghiệm. Cho đến nay, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã làm Tổng Bí thư được gần hai nhiệm kỳ và trước đó, đã có hơn hai nhiệm kỳ làm Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã là uỷ viên Bộ Chính trị nhiều khóa, đã làm công tác dân vận của Đảng, làm Bí thư một trong những thành phố quan trọng nhất của Việt Nam và năm giữ cương vị Chủ tịch nước một nửa nhiệm kỳ. Tôi nghĩ chắc chắn họ có đủ kinh nghiệm, ít nhất là nhìn thấy trước những sự phức tạp trong chuyến đi của mình.

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà các quan hệ đối ngoại với các nước lớn hoàn toàn không phải là quan hệ thuần túy song phương. Để giải quyết một cách thuận lợi mối quan hệ của các nước lớn với những nước như Việt Nam còn phụ thuộc vào sự tích tụ những tình thế đa phương. Cho nên, nếu phỏng đoán một cách cá nhân thì tôi hy vọng chuyến đi mang lại kết quả tốt bởi hiện nay, nước CHND Trung Hoa đang ở trong tình thế cần một hình ảnh tốt, cần các quan tốt. Vài tháng nữa Olympic Bắc Kinh sẽ diễn ra, đây là một hội chợ chính trị và văn hóa cực kỳ quan trọng đối với sinh hoạt của họ. Hiện nay họ cũng đang có một số khó khăn như phải khắc phục những thiệt hại khủng khiếp của vụ động đất Tứ Xuyên... Họ cũng cần huy động một sự cảm thông xã hội rộng lớn trên thế giới để giải quyết những bức xúc diễn ra trong lòng quốc gia mình. Sự tốt đẹp, sự hồ hởi bên ngoài có thể làm giảm bớt những bức xúc ấy. Vì thế, ở giai đoạn này, tôi không nghĩ Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

không sẵn lòng để làm tốt hơn các mối quan hệ song phương, không chỉ với Việt Nam. Hay nói cách khác, tôi không nghĩ rằng quan hệ Việt Nam - Trung Quốc sẽ khó khăn hơn trong chuyến đi của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết. Có thể các vấn đề của chúng tôi sẽ được giải quyết tốt. Nó tốt đến đâu thì còn tùy vào tình thế và cả tài năng của các nhà lãnh đạo, nhưng khuynh hướng ngắn hạn là có thể tốt lên được.

Hỏi: Gần đây, mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không phức tạp như quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Hoa Kỳ đã dành cho Việt Nam, một quốc gia mà họ coi là cộng sản, rất nhiều ưu đãi. Ví dụ, họ đang xem xét để cho Việt Nam hưởng quy chế ưu đãi về mặt thuế quan. Trong hai năm tới, Hoa Kỳ hy vọng sẽ trở thành nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam. Qua những thông tin đó, giới quan sát đánh giá quan hệ giữa hai nước đang tốt đẹp lên. Có dư luận cho rằng quan hệ giữa Việt Nam - Hoa Kỳ đang tốt đẹp lên thì quan hệ giữa Việt Nam với nước CHND Trung Hoa dừng lại. Vì thế, có những phản ứng dường như không thuận lợi từ phía Trung Hoa đối với Việt Nam. Ông nhìn nhận sự việc đó như thế nào?

Trả lời: Các tiến trình chính trị là một quá trình phức tạp, ngẫu hứng, vì thế, bên này tiến thì bên kia lui, bên này tốt lên thì bên kia dường như xấu đi là một phản ứng có chất lượng bản năng trong tất cả các quan hệ song phương, không phải chỉ trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc và Việt Nam - Hoa Kỳ. Cho nên, kết luận quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ tốt lên thì quan hệ Việt Nam - Trung Quốc xấu đi là một kết luận có tính chất quan sát thuần túy. Để nó trở thành một nguyên lý, một kết luận có chất lượng khoa học thì phải rất cẩn thận. Bởi còn có một cặp quan hệ thứ ba chưa được phản ánh trong logic mà các bạn vừa nói là: nếu quan hệ Trung Quốc - Hoa Kỳ tốt lên thì quan hệ của Việt Nam - Hoa Kỳ và Việt Nam - Trung Quốc có tốt lên theo không?

Xét về ngôn ngữ toán học, đây là một bài toán quy hoạch động rất phức tạp và chất lượng các quan hệ ấy phụ thuộc vào sự xác định các mục tiêu quyền lợi của các quốc gia, nhất là các quốc gia lớn vào từng giai đoạn và từng thời điểm khác nhau. Vì thế, nếu nhìn một cách đơn giản chỉ thấy mối quan hệ này tốt lên thì mối quan hệ kia xấu đi, hay dừng lại. Cách nhìn này không khoa học vì đã bỏ qua một cặp phạm trù nữa, đó là sự đồng thuận quyền lợi giữa người Mỹ và người Trung Quốc. Trong chừng mực quan hệ giữa Việt Nam - Hoa Kỳ hay Việt Nam - Trung Quốc tốt lên mà nó không làm xấu đi quan hệ giữa Trung Quốc - Hoa Kỳ thì đó là sự tốt lên một cách tự nhiên. Tuy nhiên, cũng chỉ là sự tốt lên trong những vấn đề cụ thể.

Trong chuyện này, tôi hoàn toàn không né tránh trả lời vì lý do chính trị, mà vì đây là một đối tượng khoa học rất phức tạp, không thể kết luận một cách máy

móc được. Ví dụ, trong chiến tranh Việt Nam, rõ ràng sự hoà hoãn với Trung Quốc đã tạo ra tiền đề để người Mỹ rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam năm 1972. Nếu không có sự hoà hoãn ấy, năm 1975 chúng tôi khó có thể kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam một cách thuận lợi. Xét về mặt lý thuyết, nếu những quan hệ chính trị thuần túy của Việt Nam - Trung Quốc mà tốt lên thì rất có thể, quan hệ chính trị của Việt Nam - Hoa Kỳ xấu đi hoặc ngược lại. Nhưng chúng ta đang sống trong thời đại toàn cầu hoá, còn có những quan hệ tổng thể khác như kinh tế, văn hóa nên kết luận như vậy chưa chắc đã chính xác. Và điều đó còn tùy thuộc vào Chính phủ Việt Nam xem vấn đề gì là quan trọng.

Hơn nữa, đây là một cuộc kéo co giữa hai nước lớn bên cạnh một nước nhỏ và người chủ động, tinh khôn để tìm kiếm lợi ích trong sự rắc rối này chính là Việt Nam với tư cách là một nước bé. Việt Nam phải đủ tinh khôn để tận dụng những mặt tích cực trong quan hệ tay đôi với Trung Quốc và Hoa Kỳ. Rất nhiều người Việt Nam ở nước ngoài gọi Chính phủ chúng tôi là "đi dây". Tất cả các Chính phủ Việt Nam từ xưa đến nay đều phải "đi dây" trong những quan hệ quốc tế như vậy. Nếu chính phủ nào giỏi thì "đi dây" hay, và mỗi một lần thành công tôi rất khâm phục.

Hỏi: Ngày 29 và 30-5-2008, Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ tổ chức đối thoại nhân quyền tại Hà Nội. Nhiều ý kiến cho rằng Hoa Kỳ luôn sử dụng nhân quyền như một thứ vũ khí trong quan hệ song phương với các nước khác. Nhưng cũng có ý kiến ủng hộ chuyện này, cho rằng Hoa Kỳ là nước mạnh, kẻ mạnh thì bao giờ cũng có quyền. Theo chúng tôi được biết, lần đối thoại trước, Mêu cầu đầu tiên của Hoa Kỳ là thả người nhưng lần này là yêu cầu tự do về Internet, sau đó mới đến việc thả một số người mà phía Hoa Kỳ cho là bất đồng chính kiến, còn phía Việt Nam cho là vi phạm luật pháp.

Rất dễ nhận thấy trong tất cả các cuộc đối thoại về nhân quyền giữa Việt Nam - Hoa Kỳ, bao giờ Việt Nam cũng có cảm giác rất dị ứng. Theo ông, có công bằng không khi Hoa Kỳ chỉ trích những vấn đề nhân quyền của Việt Nam và nên lý giải như thế nào để không những Việt Nam mà Hoa Kỳ cũng hiểu được quan niệm của người Việt về vấn đề nhân quyền?

Trả lời: Tôi hiểu câu hỏi của các bạn. Nhiều nhà báo có chất lượng phương Tây cũng thường đặt ra câu hỏi ấy với tôi. Nhưng trước khi đi vào câu trả lời thì phải nói thế này: Khi được các tờ báo phương Tây khen, Việt Nam chúng tôi thường phản ứng rất nhanh, chúng tôi nhặt nhạnh tất cả sự sung sướng khi được khen. Điều ấy xác nhận một thực tế là Việt Nam không phải là đối tượng trơ lì trong bất kỳ vấn đề gì. Nhưng Việt Nam cảm ứng có định hướng, tức là cảm ứng những điều mình được khen và dị ứng với những điều mình bị chê. Vậy phải chăng báo chí phương Tây nên khen Việt Nam về vấn đề nhân quyền hơn

là chỉ trích? Vì các bạn cũng nhận thấy rằng sau mỗi lần bị tác động hay bị chỉ trích, Việt Nam đều có cái gì đó tiến bộ. Hãy nhặt nhạnh những mẫu tiến bộ như vậy để cố vũ Việt Nam đi theo khuynh hướng ấy.

Nhân quyền là một thực tế chính trị có tính chất phổ biến và là một nguyên lý chính trị hiện đại. Với tư cách là một nhà nghiên cứu, tôi cho rằng ở nơi nào nhân quyền không được đảm bảo thì nơi đó không thể phát triển được. Nhưng đối với chúng tôi, có được cái nhân quyền thỏa mãn các tiêu chuẩn của Hoa Kỳ hoặc của phương Tây nói chung không phải là một việc dễ dàng. Thỏa mãn các tiêu chuẩn nhân quyền là một vấn đề đầu tư. Trong rất nhiều thảo luận, tôi đã gợi ý một số nhà khoa học nên nghiên cứu tạo ra một môn là Kinh tế học nhân quyền. Bởi một vài năm gần đây đã xuất hiện Kinh tế học môi trường, tức là nền kinh tế trong điều kiện con người buộc phải thân thiện với thiên nhiên. Vậy phải nghiên cứu một nền kinh tế thân thiện với con người, tức là nhân quyền. Và khi đưa khái niệm nhân quyền vào phạm trù của bộ môn kinh tế học, sẽ nhận thấy nhân quyền là một quá trình đầu tư. Trước hết là đầu tư vào giáo dục. Một quốc gia mà ngay cả tiền bạc để đầu tư vào nền giáo dục thông thường cũng không đủ thì rất khó để đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nhân quyền. Vì thế, nếu Chính phủ chúng tôi không thừa nhận nhân quyền như một thực tế chính trị thì tôi không tự hào về họ lắm. Nhưng nếu Chính phủ chúng tôi thừa nhận nhân quyền như một tiêu chuẩn của nền chính trị hiện đại và xác nhận được, ý thức được sự khó khăn để tạo ra nó thì tôi rất tự hào về họ. Bởi ý thức được sự khó khăn trong việc triển khai các tiêu chuẩn nhân quyền vào trong đời sống chính là một nhận thức cực kỳ quan trọng để triển khai nó trên thực tế.

Tôi nói với Straits Times chuyện này là muốn nhờ các bạn nhắn đến các nhà đàm phán Hoa Kỳ về nhân quyền rằng: "Thay vì chỉ trích, Hoa Kỳ nên vạch ra cho Chính phủ chúng tôi những lợi ích về mặt phát triển đối với việc triển khai những tiêu chuẩn của nhân quyền. Đồng thời cũng cần chỉ ra cho Chính phủ chúng tôi, những người chưa có kinh nghiệm triển khai nó trên thực tế về những sự đầu tư cần thiết để làm cho quyền con người trở thành một trong những tiêu chuẩn sống". Tôi nghĩ đây là nội dung cực kỳ quan trọng để sự đối thoại này tạo ra một hoà khí giữa những quốc gia như chúng tôi và những quốc gia như Hoa Kỳ. Đây cũng là một con đường để hiện thực hoá việc triển khai các quyền con người trong đời sống nhân loại.

Đã đến lúc, chính phủ của các nước phát triển nên xem nhân quyền là một vấn đề của kinh tế học. Khi đó, người ta sẽ vạch ra được những lợi ích kinh tế từ việc triển khai một cách đầy đủ các tiêu chuẩn nhân quyền hiện đại, và cũng vạch ra được những chi phí, những đầu tư cần thiết để triển khai nhân quyền trên thực tế, tức là triển khai một nền giáo dục trong đó con người ý thức được đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình. Quốc gia nào trợ giúp các dân tộc đang

phát triển triển khai quyền con người bằng các công cụ kinh tế học thì quốc gia ấy thể hiện thiện chí chính trị. Và như thế, chính phủ các nước phát triển sẽ tránh được điều tiếng áp đặt nhân quyền. Bằng cách đó, họ cũng thông cảm được với các nước đang phát triển về việc trì hoãn triển khai những vấn đề liên quan đến quyền con người.

Hỏi: Còn một vấn đề chúng tôi rất muốn biết ý kiến của ông. Nó có thể không thú vị với ông, nhưng chúng tôi vẫn phải hỏi vì chúng tôi làm báo để giải thích với toàn xã hội. Câu hỏi của chúng tôi liên quan đến vấn đề mở rộng địa giới hành chính Hà Nội. Các nhà ngoại giao nước ngoài hiện nay không hiểu tại sao phải mở rộng Hà Nội đến thế. Rất nhiều phỏng đoán được đặt ra. Có dư luận thì cho rằng phần lớn đất đai ở Hà Tây đã được đầu tư bởi các quan chức, và đây sẽ là cơ hội để người ta thu hoạch. Chúng tôi chưa có dịp kiểm chứng hết nhưng cũng có những hiện tượng như thế thật. Tuy nhiên, cũng có nhiều ý kiến phản đối vấn đề mở rộng Hà Nội vì cho rằng nó không hợp lý.

Liên quan đến văn hóa, tôi cho rằng, dần dần nó cũng có sự giao thoa và sự đồng nhất thôi nhưng chắc chắn sẽ còn nhiều tranh luận. Phần lớn những người nước ngoài sống tại Việt Nam mà chúng tôi gặp đều cho rằng mở rộng Hà Nội là cần thiết nhưng mở rộng với phạm vi ghê gớm như thế thì mục đích chính là để cạnh tranh. Họ đưa ra một nhận định có vẻ hơi lạ là miền Bắc muốn xây dựng Hà Nội to hơn thành phố Hồ Chí Minh. Và như vậy họ thấy là không cần thiết. Quan điểm của ông về việc mở rộng Hà Nội là như thế nào?

Trả lời: Tôi rất thích đề án quy hoạch vùng thủ đô, còn sáp nhập địa giới thì phải nói thật là tôi không thích, vì đây là một quyết định không đầy đủ cơ sở khoa học. Bài toán quy hoạch không phải thuần túy là bài toán của nhà xây dựng. Việc tổ chức Ủy ban xây dựng quy hoạch thủ đô không phải là công việc đơn giản của Bộ xây dựng. Hiện nay, Bộ Xây dựng vẫn là cơ quan duy nhất đưa ra đề án, nguyên việc ấy đã phản ánh quan niệm khiếm khuyết về hoạt động quy hoạch.

Ở những vùng đất đã có dân cư, việc quy hoạch ít nhất phải bao gồm các yếu tố cơ bản như sau: Thứ nhất là liên quan đến quy hoạch đô thị và cơ sở hạ tầng của nó. Thứ hai phải quy hoạch xã hội, tức là chuyển đổi cơ cấu dân cư, công việc ấy không chỉ của Bộ xây dựng mà cần phải có sự tham gia của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Chuyển đổi cơ cấu dân cư từ hàng triệu nông dân trở thành những người sinh hoạt và sống trong các môi trường đô thị là một việc vô cùng phức tạp, chi phí của nó lớn đôi khi không kém gì việc xây dựng một đô thị.

Thứ ba là phải quy hoạch về mặt văn hóa. Hà Tây, Hà Bắc, Hà Nội là một trong

những tiểu vùng văn hóa đặc trưng tiêu biểu nhất cho nền văn hóa châu thổ sông Hồng. Hà Tây đã sản sinh ra những đặc trưng văn hóa, những danh nhân văn hóa quan trọng nhất của Việt Nam trong gần 1000 năm trở lại đây như Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm, Đặng Tiến Đông... Nhưng hiện nay, trong khi trình bày quy hoạch không hề nêu lên nội dung giải quyết vấn đề ấy như thế nào. Tất nhiên, tường trình của Bộ Xây dựng có nói đến câu chuyện quy hoạch nhân sự cho chính quyền ở Hà Nội, nhưng tất cả những chuyện ấy tôi cho rằng vẫn còn rất nhỏ, rất đơn giản so với việc giải quyết các hệ quả văn hóa hàng ngàn năm.

Thứ tư là phải tính đến là quy hoạch lịch sử Việt Nam là một dân tộc có lịch sử hàng ngàn năm, nhưng tôi không thấy nói đến các tiến trình, hay là các yếu tố lịch sử trong nội dung của quy hoạch đưa ra. Xử lý các vấn đề lịch sử trong quá trình sáp nhập, làm biến mất một tỉnh Hà Tây, một tiểu vùng văn hóa Hà Tây là một việc buộc phải nghiên cứu, và tôi cho rằng phải có tiếng nói của giới sử học.

Tóm lại, giới sử học, giới văn hóa, giới lao động và giới xây dựng là những thành phần phải có trong hội đồng tổ chức quy hoạch vùng thủ đô và quy hoạch sáp nhập. Nếu Quốc hội chấp nhận một đề xuất từ một trong bốn lực lượng cần phải có mặt trong quy hoạch này thì đây là một sự không cân đối về mặt khoa học trong quá trình phê chuẩn, cũng như quá trình xây dựng dự án. Còn nếu thừa nhận và phê chuẩn ngay đề xuất của Chính phủ về quy hoạch vùng thủ đô thì tôi cho là hợp lý.

Những lý giải đưa ra để ủng hộ việc mở rộng cũng rất khiên cưỡng, ví dụ có người giải thích mở rộng Hà Nội để tổ chức phòng thủ tốt. Chúng tôi đã tiến hành một cách cực kỳ thành công ba cuộc chiến tranh của thế kỷ XX mà có cần phải sáp nhập thủ đô với tỉnh nào đâu! Chúng tôi vẫn bảo vệ Hà Nội bằng sân bay Đa Phúc ở Sóc Sơn, bằng sân bay Sao Vàng

Thanh Hoá, bằng mọi năng lực phòng thủ của quốc gia chứ không phải năng lực phòng thủ riêng của Bộ Tư lệnh Hà Nội.

Nói tóm lại, cách trình bày, tổ chức, xây dựng đề án này là có vấn đề. Nó không phản ánh một quan niệm đầy đủ và toàn diện về việc tổ chức một thủ đô như thế nào. Cần nhớ là mất 1000 năm mới có được một đô thị 900 km², vậy làm thế nào trong vòng vài chục năm, có một đô thị 3.300 km² được? Nhiều người nói rằng nếu không phê chuẩn việc mở rộng ấy, nó sẽ thành một dự án treo, nhưng nếu phê chuẩn, nó sẽ trở thành một đại công trường treo. Theo quan niệm của tôi, đây là một đề xuất chưa được xem xét một cách thấu đáo trên tất cả các phương diện cần thiết. Còn giải thích bản chất của hiện tượng này một

cách tiêu cực như các bạn nói là do có nhiều quan chức đã đầu cơ đất từ lâu thì tôi không muốn đi theo hướng ấy. Đi theo hướng ấy, sẽ không giải thích được các sai lầm căn bản trong chuyện này.

Không nên nhầm lẫn giữa động cơ sai lầm của một vài người với sai lầm của cả một quốc gia khi Quốc hội và Chính phủ đề xuất và phê chuẩn nó. Không phải ai cũng có lợi trong chuyện buôn bán đất đai ở Hà Tây. Không phải tất cả các đại biểu Quốc hội đều có lợi trong việc mở rộng này. Nếu đi theo hướng ấy, giả sử ngày 29-5 tới đây, trong cuộc biểu quyết phê chuẩn, có khoảng 70-80% đại biểu Quốc hội đồng ý thì chúng ta vô tình đưa ra một kết luận là: 70-80% các đại biểu Quốc hội đều có đất mua trước ở Hà Tây. Điều đó rõ ràng là không khoa học và cũng không công bằng với thực tế. Nhưng chắc chắn là nếu phê chuẩn thông qua thì sẽ có sai lầm, và sai lầm như tôi vừa nói là: Đề án này không được xây dựng một cách cẩn kẽ và toàn diện.

Nếu Quốc hội phê chuẩn như thế này thì tôi thích nhất: Quốc hội nhất trí phê chuẩn 100% dự án quy hoạch vùng thủ đô của Chính phủ, sau đó Quốc hội sẽ phê chuẩn những tiểu dự án để mở rộng thủ đô. Tức là phải mở rộng có lộ trình chứ không thể mở rộng ngay một lúc mấy nghìn cây số vuông. Nếu còn làm hấp tấp như thế này thì mất mát không phải ở chỗ chúng tôi có quy hoạch treo mà trong con mắt quan sát của cộng đồng quốc tế chúng tôi xử lý những việc hệ trọng như vậy một cách vội vã và không chín chắn. Nếu được phê chuẩn thì sự mất mát không phải ở chỗ có một dự án sai mà chúng tôi đã thể hiện mình sai, đã tạo ra một tập thể sai trong việc quyết định một dự án quan trọng đối với đất nước.

Các vấn đề địa chính trị của Việt Nam và khu vực (I)
(Trao đổi với các nhà ngoại giao, tháng 6-2014)

Hỏi: Thủ tướng Abe của chúng tôi rất quan tâm về Việt Nam mà chúng tôi rất chú ý đến sự hành xử đơn phương nhằm thay đổi tình trạng ở Biển Đông. Chúng tôi muốn trao đổi với ông về vấn đề này.

Trả lời: Trong một bài viết gần đây nói đến phản ứng của người Nhật trước vấn đề Biển Đông, tôi nói rằng đây là đối tượng duy nhất trên thế giới hiện nay có thể nói một cách rõ ràng về vấn đề này, người Mỹ cũng không nói rõ ràng được. Tôi không phải là người dân tộc chủ nghĩa, xem cái gì của nước mình cũng là nhất thiên hạ. Trên thế giới này có nhiều lẽ phải, các lẽ phải ấy không phụ thuộc vào dân tộc nào, chúng phải được tuân thủ và điều đó được gọi là văn minh. Với tư cách là một người nghiên cứu, tôi không hiểu người Trung Quốc làm thế

để làm gì. Để bắt nạt một nước như Việt Nam cũng chẳng oai gì và liệu có bắt nạt được thật không? Có thể thấy rất rõ rằng chỉ cần một sự khôn ngoan nào đó, người Trung Quốc đã đạt được một hiệp định mua khí đốt của người Nga trị giá tới 400 tỷ đô la. Trong thế giới hiện đại này, người ta có thể mua năng lượng ở mọi nơi và nếu đủ thông minh về chính trị thì có thể mua với một cái giá rất rẻ và hợp lý. Còn để phát triển, chỉ có thể dựa trên việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên chiến lược, chứ không phải bằng xâm chiếm hoặc bằng ưu thế. Người Nhật đã chứng minh một chân lý khổng lồ là có thể phát triển từ sự eo hẹp của tất cả mọi thứ tài nguyên. Cái vĩ đại của nước Nhật là ở chỗ ấy chứ không phải ở chỗ nó là nền kinh tế lớn thứ hai, thứ ba thế giới. Người Nhật đã đưa ra một bằng chứng, một khẳng định vĩ đại là: có thể phát triển một cách hợp lý, một cách rục rờ dựa vào sự khôn ngoan của trí tuệ mà không cần bất kỳ ưu thế nào khác.

Trong quá khứ, về mặt tinh thần, Nhật Bản là một nước bại trận vào năm 1945, tức là tinh thần xuống đến đáy. Thế mà các bạn đã vươn lên được từ đáy. Người Việt chưa bao giờ rơi vào thảm cảnh như vậy mà vẫn cứ ngoi ngóp. Người Nhật các bạn vừa đưa ra một thông điệp không rõ ràng lắm về ODA là báo chí Việt Nam nháo nhác cả lên. Tôi nhận được nhiều cuộc điện thoại thảo luận về chuyện này. Nhân đây tôi muốn nói với các bạn có lẽ, người Nhật nên giải thích rõ hơn để người Việt yên tâm. Tôi từng nói với báo chí rằng sự có mặt của người Nhật ở châu Á này là vĩnh viễn, người Nhật ý thức rất rõ điều đó nên chính sách của họ cũng ổn định, họ không cắt ODA dành cho Việt Nam một cách ngẫu hứng, lật vặt. Chúng tôi chưa ý thức được rõ giá trị chiến lược của niềm tin cho nên dễ dao động và nổi cáu, kể cả với người Trung Quốc. Đó không phải là đối tượng để vui thì khen, không vui thì chê. Đối với dân tộc chúng tôi, đây là bài toán phải giải quyết một cách vĩnh viễn và thường xuyên cho đến cả triệu năm nữa. Thái độ người Việt cần có đối với người Trung Quốc là sự tỉnh táo chứ không phải lòng yêu nước nhiệt thành. Tôi cho rằng ai là đồng minh của Việt Nam lâu dài và vĩnh viễn mới là quan trọng. Trong những lần trước, tiếp xúc với đồng nghiệp của các bạn, tôi đã nói rằng Nhật Bản là đồng minh vĩnh viễn của Việt Nam, bởi vì Trung Quốc là nguy cơ vĩnh viễn của Việt Nam.

Hỏi: Điều này sẽ không bao giờ thay đổi, đặc biệt trong quan hệ với Trung Quốc?

Trả lời: Không bao giờ thay đổi, đây là nguy cơ vĩnh viễn của người Việt. Tất cả những biểu hiện có vẻ thay đổi là do một vài sự lợi dụng những mặt đồng cảm, đồng điệu của nền chính trị hai nước, đây không phải là cái quan trọng. Những đối lập về mặt quyền lợi mới quan trọng, còn thái độ chính trị chỉ là một trạng thái tạm thời. Nếu không nhận thức được điều ấy, người Việt chúng tôi

không biết cách hành động. Tôi có viết một bài báo trong đó nói rằng chỉ nguyên việc người Nhật lên tiếng ủng hộ Việt Nam về vấn đề Biển Đông là đủ để nghiên cứu kỹ hơn đằng sau đó là gì. Đằng sau đó là một loạt các đồng minh chính trị khác, bởi người Nhật không chỉ có một mình. Người Nhật có rất nhiều đồng minh, đồng minh lớn nhất và rõ rệt nhất là người Mỹ. Trong khi đó, người Mỹ chưa chắc đã có sự ủng hộ một cách rõ ràng đối với Việt Nam.

Người Việt chúng tôi muốn tiếp cận trực tiếp với người Mỹ mà không đi qua các đồng minh khu vực thì rất khó thành công. Với các bạn, những nhà nghiên cứu chính trị, những người chịu trách nhiệm về đời sống chính trị giữa hai nước nên tôi mới nói như thế. Đương nhiên, chúng tôi muốn phấn đấu để có quan hệ chính trị trực tiếp một cách thuận lợi đối với người Mỹ, nhưng chúng tôi phải ý thức rằng, ngay cả khi có điều đó rồi mà không có đồng minh khu vực là Nhật Bản thì cũng không phát huy tác dụng gì. Nếu xét về mặt quyền lợi của Việt Nam thì Nhật Bản quan trọng hơn cả Mỹ. Lý do là nếu có Nhật Bản thì chúng tôi đương nhiên có Mỹ, còn có Mỹ thì chưa chắc đã có Nhật Bản.

Chúng ta đang ở trong một giai đoạn rất tế nhị, nếu những sự trao đổi có tính chất chuyên gia, có tính chất ngoại giao nhận dân mà không rõ thì sẽ càng khó khăn. Đôi khi do tính quan liêu, các lực lượng quản lý chính sách đối ngoại của nhà nước chúng tôi không đủ khả năng để đưa ra những thái độ mềm dẻo trong chính sách đối ngoại, phù hợp với từng điều kiện. Bây giờ chúng tôi không những cần biểu dương quan hệ đối với Nhật Bản mà còn phải làm rõ rằng có quan hệ trực tiếp với Hoa Kỳ mà không có Nhật Bản thì tính hữu ích của quan hệ ấy rất thấp. Hay nói cách khác, phải phân tích được tính không thể thiếu được của người Nhật Bản trong quan hệ giữa Việt Nam và phương Tây.

Hỏi: Xin cảm ơn ông đánh giá cao và có sự tin cậy với Nhật Bản chúng tôi. Gần đây Tổng thống Obama có chủ trương hướng về châu Á, chúng tôi thấy thực sự Mỹ bắt đầu trở lại châu Á, trong đó có Việt Nam. Những tháng này liên tục có các Nghị sĩ Quốc hội Mỹ, các Bộ trưởng đến đây tìm hiểu về vấn đề Biển Đông, TPP và nhân quyền. Chúng tôi đã có quan hệ đồng minh với Mỹ, luôn hợp tác với Mỹ trong nhiều vấn đề.

Trả lời: Người Nhật chắc chắn hợp tác với người Mỹ lâu dài, tôi không nghi ngờ gì chuyện ấy. Trong những lần tiếp xúc với người Mỹ, tôi có đề cập đến chuyện này và thấy hình như họ không có bản khoản gì về các bạn. Ở đây, tôi không nói về thái độ của Chính phủ Hoa Kỳ hay của Tổng thống Obama mà về thái độ chính trị thông thường của các Nghị sĩ Hoa Kỳ. Họ thể hiện một cách rất rõ ràng các bạn là một trong những tiền đề để họ xây dựng chính sách Đông Á. Tôi nghĩ nếu họ có bản khoản thì đó là bản khoản về Việt Nam. Chính giới Hoa Kỳ tỏ ra khá phân vân.

Hỏi: Tại sao lại phân vân với Việt Nam?

Trả lời: Họ phân vân vì Việt Nam có những tiêu chuẩn chính trị không thỏa mãn hệ thống chính trị của họ, không tạo ra độ tin cậy về mặt chính trị. Tham nhũng nhìn bên ngoài là vấn đề hình sự, nhưng bản chất nó là vấn đề chính trị. Tôi nghĩ họ không phân vân về các bạn, họ dựa vào các bạn thật sự. Các lãnh đạo của chúng tôi cần thấy rằng nếu không có các bạn, mọi kế sách có tính chất đối ngoại của Việt Nam không có mấy giá trị. Bằng giá nào người Việt chúng tôi cũng phải tổ chức cho được quan hệ với Nhật Bản. Càng những lúc như thế này, độ tin cậy trong quan hệ giữa người Nhật với người Việt Nam càng cần phải đề cao. Bây giờ, nếu để sơ sễ dù một chút thôi thì người hưởng lợi từ sự không hiểu nhau giữa người Nhật và người Việt Nam chính là người Trung Quốc.

Tôi không hiểu người Trung Quốc cần sự chà đạp lên các dân tộc be bé như chúng tôi để làm gì. Điều đó cũng chẳng làm họ oai hơn. Họ không hiểu rằng tất cả những quốc gia be bé như thế này về cơ bản là thị trường của nền kinh tế Trung Quốc trong tương lai. Hiện nay, nền kinh tế Trung Quốc chưa phải là một nền kinh tế lớn. Người Trung Quốc có thể bán dăm chục triệu cái quây để có lượng tiền ngang với bán một cái máy bay Boeing, tức là thay thế việc có thể sản xuất Boeing bằng cách bán dăm chục triệu cái quây. Tiền của họ không phản ánh sự phát triển của nền kinh tế. Qua nghiên cứu tôi thấy rằng sự nhiều tiền của họ là kết quả tự nhiên của sự nỗ lực về lao động và nô dịch các dân tộc thuộc cộng đồng chính trị Trung Quốc.

Trung Quốc sẽ phải trả giá, nhưng họ sẽ tỉnh ngộ chứ không tan rã giống như nhiều người đoán. Nhận định ấy rất quan trọng để chúng ta có một chính sách trong tương lai cho thích hợp. Nếu biết rằng ngày mai nó tỉnh, tuần sau nó tỉnh, chúng ta sẽ cảnh giác hơn để chuẩn bị đối phó với nó. Nhận định về tương lai của Trung Quốc là cực kỳ quan trọng. Tôi cho rằng họ sẽ là một quốc gia tử tế, và phải đủ kiên nhẫn để chờ đợi sự tử tế xuất hiện, mà có lẽ là phải vài trăm năm nữa.

Hỏi: Về vấn đề Trung Quốc đặt giàn khoan ở Biển Đông, chúng tôi vẫn đang nghe nhiều luồng ý kiến để thu thập thông tin. Theo ông, mục đích thật của Trung Quốc là gì? Theo nhiều chuyên gia dầu khí Nhật Bản, tiềm năng dầu khí ở khu vực đó rất ít, nếu khai thác thì mất nhiều tiền hơn so với lợi ích thu được; và nếu là họ thì cũng không thể nào hoạt động như thế, vì nó không có lợi nhuận.

Những người nghiên cứu chính trị Việt Nam nói rằng mục đích chính là bá quyền thì rõ ràng rồi, nhưng tại sao họ lại hành động như thế vào thời điểm

này? Họ có thể tính toán rất kỹ, hoặc có thể là ngẫu nhiên. Bây giờ, bên trong nội bộ của họ có những bất ổn, dư luận quốc tế, các nước Mỹ, châu Âu hiện đều tập trung vào vấn đề Ukraina và còn nhiều yếu tố khác nữa... phải chăng đây là thời điểm thuận lợi cho Trung Quốc?

Trả lời: Nhiều phán đoán đều cho rằng về mặt kinh tế thì không có lợi gì, có lẽ mục đích của họ là bành trướng hay thể hiện uy quyền của mình. Người Trung Quốc có cách tính toán khác với chúng ta. Tất cả những quốc gia táo, có trách nhiệm cụ thể, hay nói cách khác là những quốc gia mà sự giàu có của họ không xây dựng trên sự nô dịch nhân dân thì họ tính toán khác. Đây là nguyên lý cực kỳ quan trọng về mặt chính trị học để có thể hiểu được Trung Quốc. Tất cả những chính phủ giàu có bằng sự phát triển kinh tế sẽ thấy họ lệ thuộc vào nhân dân, do đó dân chủ trở thành một đòi hỏi tự nhiên. Còn những chính phủ có tiền bằng cách nô dịch và tước đoạt của nhân dân thì họ không cần phải khéo léo.

Chính phủ Trung Quốc như các bạn nói đang có những bế tắc ở bên trong, nhân dịp thế giới mất cảnh giác, mãi chuyện Ukraina mà làm như thế, tôi nghĩ cái đó cũng đúng một phần. Tham vọng bành trướng về lãnh thổ, tham vọng có Biển Đông của Trung Quốc là một tham vọng chiến lược lâu dài. Hiện nay, nhận thức của chính giới Trung Quốc cho rằng sợ dĩ họ bị bắt nạt mấy thế kỷ vì họ không có hải quân. Để lôi Trung Quốc ra khỏi trạng thái như những thế kỷ trước thì buộc phải xây dựng lực lượng quân sự, mà chủ yếu là hải quân. Muốn lực lượng hải quân có giá trị chiến lược có thể cân bằng với Mỹ thì phải có điểm tập kết ban đầu. Trong phân tích địa chính trị Trung Quốc về mặt hàng hải, tôi không thấy có chỗ nào để Trung Quốc tập kết hải quân thuận lợi ngoài Biển Đông. Biển Hoa Đông thì quá phức tạp vì có mặt người Nhật Bản, người Hàn Quốc và đặc biệt là người Mỹ, cho nên Trung Quốc không thể tận dụng biển Hoa Đông được. Chỉ có một lối thoát là Biển Đông. Phải thấy đó là một đòi hỏi chiến lược để phát triển hải quân của Trung Quốc.

Có lẽ 50 - 70 năm nữa, khi thế giới chứng minh hải quân không còn quan trọng cho địa vị quốc tế của Trung Quốc nữa thì may ra, họ không cần Biển Đông. Còn bây giờ, họ vẫn cho rằng hải quân cần thiết cho việc xây dựng địa vị chính trị của mình trên thế giới để cân bằng với người Mỹ. Nói cân bằng với người Mỹ thì Trung Quốc cũng ảo tưởng. Để có thể cân bằng với người Nhật Bản bây giờ cũng không dễ cho Trung Quốc, chưa nói đến chuyện cân bằng với Mỹ. Chính vì thế, người Trung Quốc càng cần một vùng biển để có thể xây dựng lực lượng hải quân của mình. Nếu họ chiếm được Việt Nam, Biển Đông cộng với Việt Nam sẽ trở thành một căn cứ rất quan trọng. Cho nên Việt Nam tự nhiên trở thành một vùng tranh chấp lâu dài đối với người Mỹ và người Trung Quốc. Người Nga trước đây có dính líu một

chút về hệ tư tưởng. Còn dính líu giữa người Trung Quốc với người Việt Nam là dính líu dân tộc chủ nghĩa, và miếng mồi mà người Trung Quốc nghĩ đến thường xuyên là Việt Nam và Biển Đông.

Người Trung Quốc không có khả năng làm như vậy với Malaysia, với Philippines bởi vì trong một chừng mực nào đó, những nước này rất dễ dàng trở thành đồng minh của Mỹ và Nhật Bản, mặc dù lực lượng kinh tế của người Hoa ở Malaysia, Indonesia và Philippines lớn hơn nhiều so với ở Việt Nam. Lực lượng kinh tế của người Hoa ở Việt Nam phần lớn là lực lượng tham nhũng chứ chưa phải lực lượng phát triển thật sự. Lực lượng phát triển như những cơ sở kinh tế của người Hoa ở các nước Malaysia, Indonesia và Philippines lớn hơn nhiều. Mặc dù vậy, người Trung Quốc không có tham vọng gây ảnh hưởng lên những nước đó.

Trước đây, tôi từng thảo luận với một vài nhà nghiên cứu Úc, họ nói rằng người Trung Quốc bảo các cơ sở kinh tế của Đài Loan ở Úc là của họ. Tôi đã nói từ năm 1990 với các nhà lãnh đạo của chúng tôi để họ hiểu rằng đừng mất cảnh giác với Đài Loan chứ chưa nói chuyện với Trung Quốc. Khi người Nhật Bản mở rộng các đầu tư của mình ở Việt Nam thì tôi rất mừng, vì nó tạo ra một sự cân bằng không phải chỉ về đầu tư (đây là cân bằng tối thiểu) mà còn cả về chính trị.

Hỏi: Ông nghĩ Trung Quốc vẫn có tham vọng muốn xâm nhập Việt Nam?

Trả lời: Muốn có Việt Nam không phải như một vùng đất thuộc sở hữu của Trung Quốc, mà như vùng đất thuần hóa về mặt chính trị.

Hỏi: Bây giờ, dư luận quốc tế không bao giờ cho phép điều đó?

Trả lời: Nhưng Trung Quốc chưa bao giờ hỏi ý kiến cộng đồng quốc tế là quốc tế cho phép cái gì.

Hỏi: Họ mặc kệ v kiến của các phía, mặc dù chúng tôi, phía Nhật và Mỹ cũng phê bình. Họ nói rằng hành động bây giờ ở giàn khoan Hải Dương đến 15-8 là kết thúc, nhưng chúng tôi đoán là họ không rút.

Trả lời: Gần đây họ thông báo đóng thêm ba giàn khoan như thế nữa và giàn khoan thứ hai không phải của công ty cũ mà của một công ty khác. Tức là nhiều công ty Trung Quốc tham gia vào việc xây dựng hệ thống giàn khoan có mặt ở Biển Đông không phải để khoan dầu. Hiệp định 400 tỷ đô la của người Nga ký với người Trung Quốc đã tố giác rằng Biển Đông không phải là vấn đề dầu khí. Trung Quốc vừa chiếm được nguồn năng lượng khổng lồ giá 400 tỷ đô la, kéo

dài trong vòng 30 năm. Việc đó cho thấy người ta có thể giải quyết được chuyện cung ứng năng lượng bằng sự khôn ngoan chính trị, chứ không chỉ bằng chuyện xâm chiếm lãnh thổ.

Cho nên sự xâm chiếm lãnh thổ ở Biển Đông hoàn toàn có thể nói thẳng là không phải do vấn đề dầu khí.

Không ai có thể khai thác dầu khí ở Biển Đông nếu mỏ dầu ấy không phải nằm trong vùng chủ quyền của mình, vì không đủ tự tin và nếu làm sẽ bị phá ngay. Người Trung Quốc cũng thừa hiểu rằng nếu Trung Quốc gây gổ với Việt Nam khiến chúng tôi chuyển sang trạng thái chiến tranh thì giàn khoan của Trung Quốc không có giá trị, chỉ một đêm là chúng tôi phá được. Tuy nhiên, nếu phá giàn khoan ấy thì chiến tranh nổ ra, lúc đó, ngay cả người Nhật cũng không thích chúng tôi, vì như vậy là chúng tôi lôi kéo cả khu vực vào đời sống chiến tranh. Cho nên bây giờ, người Việt Nam phải kìm nén một chút, nhân nhượng một chút không phải chỉ vì quyền lợi của người Việt, mà bởi vì nếu đẩy toàn bộ khu vực vào tình trạng chiến tranh, chúng tôi sẽ mất hết cảm tình quốc tế

Việc Chính phủ Nhật Bản chậm cấp tàu tuần ngư, ngưng cấp ODA chưa biết chừng thể hiện một thái độ nhắc nhở Việt Nam cần phải bình tĩnh, cần phải cẩn thận. Mặc dù về lâu dài, chắc chắn, người Nhật Bản không thích chúng tôi hòa hoãn hay có cảm tình với Trung Quốc, nhưng họ không thể thích chúng tôi gây gổ để biến khu vực này thành một khu vực nóng và bộc lộ tất cả các quá trình đang chuẩn bị của người Nhật Bản. Thủ tướng Abe là người rất thông minh, ông ấy rất cẩn thận trong việc chuẩn bị để chuyển sang trạng thái chủ động về mặt quốc phòng. Chính người Nhật rất cần giai đoạn này là giai đoạn yên tĩnh, chúng tôi phải ý thức được quyền lợi của người Nhật mà hành động cho nhịp nhàng.

Hỏi: Ông suy nghĩ như thế nào về những vận động phản đối Trung Quốc của người dân Việt Nam? Vừa rồi, một số địa phương nổi loạn vào tháng 5, còn bây giờ, cả nước sẵn sàng đối phó với Trung Quốc, tích cực ủng hộ ngư dân bám biển.

Trả lời: Hiện nay, nhiều đối tượng được phán đoán đã gây ra câu chuyện này. Thứ nhất là người Trung Quốc. Người ta đoán rằng hoạt động của các cơ quan tình báo Trung Quốc tạo ra các cuộc nổi loạn... Đối tượng thứ hai bị nghi ngờ là tổ chức Việt Tân. Trong dư luận xã hội còn có ý kiến cho rằng có một bộ phận nào đó, một nhóm lợi ích nào đó ở Việt Nam tạo ra.

Hỏi: Chúng tôi biết rằng những nhà lãnh đạo Việt Nam có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này. Trong Bộ Chính trị, một số người có thể có quan hệ với

Trung Quốc, vì quan hệ Việt Nam - Trung Quốc rất đặc biệt, một bộ phận có thể kiềm chế hơn.

Trả lời: Trong cấu trúc nền chính trị của chúng tôi, xung quanh vấn đề Trung Quốc có khá nhiều quan điểm. Các bạn biết rằng Trung Quốc gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những người sáng lập Đảng này đã có một thời gian khá dài ở Trung Quốc. Hơn nữa, tổ chức quốc tế dung dưỡng Đảng Cộng sản Việt Nam là Quốc tế Cộng sản. Quốc tế Cộng sản có hẳn một thứ được gọi là Chủ nghĩa quốc tế để đối lập với Chủ nghĩa dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Stalin xem là một người thuộc nhóm nằm trong dân tộc chủ nghĩa, do đó, ông không có địa vị gì phong trào cộng sản quốc tế một cách có tổ chức. Người cộng sản Việt Nam về cơ bản là những người theo trường phái dân tộc chủ nghĩa, tức là trường phái Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trường phái ấy không phải là duy nhất mà còn có va chạm với những nhóm khác. Các nhóm quan điểm khác nhau trong Đảng Cộng sản Việt Nam có lịch sử của nó. Cùng với nửa thế kỷ đấu tranh, kháng chiến, sự khác biệt dần dần ít đi, mọi thứ đều co lại ở một mục tiêu là độc lập dân tộc, do đó, mâu thuẫn bớt đi. Nhưng khi chiến tranh kết thúc, mâu thuẫn ấy lại bùng lên, nó thể hiện thông qua quan điểm phát triển. Có một số muốn tự do hơn, cấp tiến hơn, gần với phương Tây hơn, có một số thì nói rằng cần phải thận trọng hơn, xuất phát từ nhận định Trung Quốc là một häng số gắn liền lâu dài với độc lập dân tộc của Việt Nam. Hai nhóm quan điểm khác nhau ấy đòi hỏi hai cách ứng xử khác nhau. Bây giờ, vấn đề đặt ra đối với những người nghiên cứu như chúng tôi là ủng hộ thái độ nào trong điều kiện này.

Tôi ủng hộ sự ứng xử mềm dẻo, bởi vào thời điểm hiện nay, kể cả Nhật Bản, kể cả Mỹ, tức là những đồng minh về mặt lý thuyết trong tương lai của nền chính trị Việt Nam, chưa đủ điều kiện để có thể ủng hộ Việt Nam một cách rõ rệt. Có bao nhiêu dự án của người Nhật Bản ở Trung Quốc, bao nhiêu đầu tư của người Mỹ ở Trung Quốc? Tôi đến trường Harvard xem giới trí thức Mỹ quảng bá về thị trường Trung Quốc, tôi thấy sốt ruột và đau khổ bởi chính giới trí thức Mỹ đã nuôi béo con hổ Trung Quốc. Vào những năm sáu mươi, tôi nghe Chu Ân Lai tuyên bố ở trên đài rằng Chính phủ Trung Quốc sẵn sàng hợp tác với bất kỳ chính phủ nào trừ chính phủ của ông Sato. Thời gian ngắn sau đó, chính phủ của ông Sato đổ. Như vậy, phải nói rằng địa vị của Trung Quốc trong việc tạo ra tiền đề phát triển kinh tế cho các nước đã phát triển công nghiệp rất lớn, sự hấp dẫn của Trung Quốc là rất lớn. Nếu không nhận thức được chuyện ấy, chúng tôi sẽ không hiểu được thái độ quốc tế của Nhật Bản cũng như của Mỹ. Người Việt Nam chỉ muốn được việc của mình thôi là sai. Để được việc của mình, chúng tôi phải hành động một cách phù hợp với sự phát triển quyền lợi tự nhiên của người Nhật Bản và người Mỹ. Nếu không xét đến ai nữa thì ít nhất phải xét đến hai đối tượng ấy.

Hỏi: Ý ông nói là mềm dẻo đối với Trung Quốc?

Trả lời: Mềm dẻo đối với Trung Quốc và củng cố một cách dứt khoát sự tin cậy đối với Nhật Bản và Mỹ. Nếu mềm dẻo với Trung Quốc mà không đạt được độ tin cậy thỏa đáng đối với Nhật Bản và Mỹ thì đó là thái độ cơ hội. Nhưng nếu đạt được sự tin cậy chắc chắn với Nhật Bản và Mỹ theo đúng trật tự như vậy thì đó là thái độ khoa học. Tôi cho rằng cần khẳng định các tiêu chuẩn chính trị để có thể thống nhất về lâu dài với quan điểm của người Mỹ và người Nhật Bản, đồng thời mềm dẻo với người Trung Quốc. Hay nói cách khác, mềm dẻo với người Trung Quốc trong bảng tổng phổ có sự tham gia của người Mỹ và người Nhật Bản. Đây là chiến lược mà chúng tôi cần có.

Hỏi: Theo ông đoán thì Tổng Bí thư, Thủ tướng, Chủ tịch nước thuộc về phái ứng xử mềm dẻo hay tng xử cứng rắn?

Trả lời: Sự cứng rắn của người này hay sự mềm mỏng của người kia là các vai khác nhau trong một tổng phổ chính trị. Tổng phổ ấy được tạo ra do sự thống nhất của Bộ Chính trị. Địa vị của Bộ Chính trị quyết định sự tồn vong của Đảng này. Bộ Chính trị mà không thống nhất và không còn hiệu lực trên thực tế tức là Đảng này sụp đổ, mà Đảng này sụp đổ thì sẽ không có gì hết.

Tôi đã nói nhiều lần rằng nếu Đảng Cộng sản Việt Nam mà sụp đổ thì Việt Nam sẽ có biến loạn một trăm năm và không có cách gì để có thể ra khỏi sự biến loạn được. Chuyện biểu tình với đi cướp xí nghiệp không là của ai, mỗi người một tí, nhưng kết cục, nó trở thành một sự biến loạn và chỉ một chút xíu như thế thôi đã đủ cho thấy là nếu biến loạn kéo dài hơn, khoảng 15 ngày thì đất nước tan hoang. Tất cả các tập đoàn lợi ích đang hình thành ở Việt Nam đã đủ tiền để có thể huy động được quân đội riêng và nội chiến cũng như biến loạn mà xuất hiện ở Việt Nam thì nó sẽ kéo dài cả trăm năm.

Hỏi: Điều đó làm cho Việt Nam cần Trung Quốc giúp đỡ để giữ ổn định?

Trả lời: Tất nhiên, Trung Quốc giúp đỡ ổn định hoặc tài trợ cho tất cả các phái giống như ở Philippines. Trước đây, họ từng gây ra biến loạn ở Indonesia, hỗ trợ em vợ của Tổng thống Sukarno, tài trợ cho các nhóm du kích Maoist ở Philippines, Thái Lan và Malaysia, Malaysia có qui định là nếu ai mang dòng máu người Hoa thì trong năm đời không được tham gia chính trị. Ở các nước Đông Nam Á, người ta có rất nhiều kinh nghiệm về Trung Quốc, không dễ gì họ quên những chuyện ấy.

Đảng Cộng sản thực ra là một đảng dân tộc chủ nghĩa lấy mục tiêu là tìm lại

độc lập dân tộc. Giai đoạn hiện nay là vĩ thanh của nó, tức là duy trì giai đoạn cầm quyền sau khi tiến hành cuộc cách mạng thành công. Ở đây không có vấn đề về hệ tư tưởng, tất cả những cái đấy là nói vậ thôi. Nếu có vấn đề hệ tư tưởng, người ta sẽ sẵn sàng tử vì đạo và sụp đổ như người Nga. Đảng Cộng sản Trung Quốc thực ra cũng không phải Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản Trung Quốc là đảng của đại địa chủ.

Hỏi: Ở Việt Nam, người ta nói rằng có phái thân Trung Quốc, cậ ai là người thân Trung Quốc?

Trả lời: Trong suốt gần một thế kỷ hoạt động chính trị, có hai người cộng sản Việt Nam thể hiện mình thân Trung Quốc lộ liễu mà đến cuối cùng, họ vẫn khẳng định là không phải. Một là tướng Nguyễn Sơn, một người Việt Nam gia nhập quân đội của Mao Trạch Đông và trở thành tướng lĩnh của Trung Quốc. Sau này ông ấy về Trung Quốc ở. Còn người thứ hai là Hoàng Văn Hoan. Tôi không tin trong Bộ Chính trị bây giờ có người của Trung Quốc. Tôi nói như một nhà khoa học, tôi không có địa vị gì trong hệ thống chính trị của những người cộng sản. Nếu chúng ta tin trong Bộ Chính trị có người của Trung Quốc thì mọi tiền đề để thảo luận về chính trị Việt Nam là vứt hết. Khi đó, lời khuyên thật sự mà các bạn cần phải nói với chính phủ của mình là không bàn chuyện nghiêm túc với họ được. Tôi nghĩ không có người của Trung Quốc trong Bộ Chính trị. Có thể có những người có cảm tình với các phương pháp Trung Quốc, hay là có những người thiên về phương pháp mềm dẻo trong quan hệ với Trung Quốc để cho mọi việc yên lành. Còn có ai là người của Trung Quốc một cách có tổ chức thì không. Hiện nay, do đấu tranh chính trị nội bộ mà đôi khi, những tay sai cấp dưới gán cho anh này thân Mỹ, anh kia thân Trung Quốc, đấy là sự vu cáo chính trị.

Hỏi: Trong lịch sử Việt Nam, cách đối xử với các nước, với Trung Quốc như thế nào để thuận lợi cho mình luôn là điều quan trọng. Bây giờ là thời đại hòa bình, về mặt kinh tế, về mặt chính trị, Nhật Bản cũng bắt buộc phải có quan hệ tốt với Trung Quốc, Việt Nam cũng làm như thế. Quay trở lại chuyện giàn khoan, chúng tôi thấy Trung Quốc đang rút công nhân về nước và có thể cấm người dân đến Việt Nam du lịch. Việt Nam sẽ ứng xử thế nào?

Trả lời: Tôi là người đã dính vào câu chuyện này cách đây mấy chục năm. Vào những năm 60, người Trung Quốc làm cầu Thăng Long rồi bỏ dở và người Nga phải vào làm tiếp. Tôi đã có thời kỳ làm việc trong một Viện nghiên cứu ở Bộ Giao thông vận tải. Tại đó chúng tôi có một bộ môn nghiên cứu cách thiết kế của người Trung Quốc. Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi hiểu rằng đây là một thiết kế vô cùng lãng phí.

Nếu so với cầu Thanh Trì mà các bạn vừa làm thì xây một cái cầu Thăng Long tốn kém bằng bốn lần cầu Thanh Trì, bởi vì thiết kế của nó quá nặng nề.

Hỏi: Trung Quốc đã rút ra khỏi dự án cầu Thăng Long?

Trả lời: Trung Quốc rút thì Liên Xô vào thay. Trong bài viết gần đây, tôi nói rằng người Trung Quốc rất có kinh nghiệm về việc ra khỏi sự lệ thuộc vào một nền kinh tế. Người Nga đã từng rút ra khỏi nền kinh tế Trung Quốc và để lại cho Trung Quốc một thảm họa. Nếu người Trung Quốc rút ra khỏi Việt Nam thì họ cũng sẽ để lại một thảm họa tương tự, sau 5 năm chúng tôi để cho người Trung Quốc thắng thầu liên tục. Người Trung Quốc có rất nhiều tập đoàn lợi ích. Nếu quan niệm Trung Quốc là một khối chính trị thống nhất là sai. Ngay trong quan hệ với Nhật Bản hay với Việt Nam, không phải nhóm lợi ích nào của Trung Quốc cũng giống nhau. Cho nên, khi thấy thái độ của Trung Quốc, chúng ta buộc phải phân tích kỹ. Trong khối đường sắt có một nhóm lợi ích, trong khối luyện kim có một nhóm lợi ích khác, trong khối sản xuất hàng hóa tiêu dùng có một nhóm lợi ích khác... Khi nghiên cứu về Trung Quốc, không thể nghiên cứu một nước Trung Quốc dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc, mà phải nghiên cứu một nước Trung Quốc bị chia rẽ bởi các nhóm lợi ích khác nhau.

Tất nhiên người Nhật phải ý thức chuyện này từ lâu rồi. Người Việt Nam cũng đã bắt đầu ý thức về chuyện này. Vì thế, nói Việt Nam có nhóm thân Trung Quốc thì không đúng, mà là: Việt Nam có nhiều người thân với những nhóm khác nhau của Trung Quốc. Chính phủ Nhật Bản cũng phải cảnh giác. Khi các tập đoàn công ty của Nhật Bản khuyên Chính phủ các bạn tỏ thái độ, các bạn phải nhớ rằng họ không chỉ khuyên bằng thái độ của chính họ, mà rất có thể họ chịu ảnh hưởng từ thái độ của các nhóm lợi ích Trung Quốc. Trong quan hệ quốc tế, những chuyện ấy là có thật.

Hỏi: Công ty của ông có bị ảnh hưởng bởi khách Trung Quốc? Chính sách của Trung Quốc có hạn chế sự giao lưu kinh tế này không?

Trả lời: Không. Tôi ý thức chuyện này từ lâu, tôi không có khách hàng Trung Quốc. Tôi ý thức rằng nếu dây vào đấy, tôi sẽ dây vào nền chính trị rắc rối của họ. Từ lâu rồi, có hai quốc gia mà tôi không đến dự quốc khánh là Trung Quốc và Nga. Bởi vì nếu chúng tôi bị lôi kéo vào đấy, chúng tôi trở thành một tổ chức chính trị chứ không phải là tổ chức kinh tế nữa.

Tôi đã từng nói chuyện với chủ tịch Keidanren, ông ấy nói rằng khi nào các ngài không có thái độ dứt khoát đối với Trung Quốc thì đừng hy vọng có thái độ thật của người Nhật đối với các bạn. Ông ấy nói điều đó không phải với

mình tôi mà với cả người quen của tôi cũng có mặt ở đó là ông Nguyễn Đình Lộc, nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Tôi hoàn toàn tán thành sự nhạy cảm của người Nhật trong việc điều chỉnh thái độ. Tuy nhiên, hôm nay, tôi muốn nói với các bạn một điều là: nền văn hóa ngoại giao của chúng tôi chưa đủ để hiểu được các thông điệp tinh tế, cho nên đôi khi có thể bắt nhầm tín hiệu và điều đó có thể gây ra sự mất đoàn kết chiến lược. Ví dụ vấn đề làm chậm lại ODA cho các dự án đường sắt, có lẽ người Nhật nên nói rõ hơn một chút. Tôi nghĩ thông điệp ấy không cần phải thay đổi, chỉ cần nói cho rõ. Ví dụ: dư luận Nhật Bản sẽ không ủng hộ các dự án ODA nếu chính phủ nước nhận tài trợ không nghiêm khắc trong việc chống tham nhũng. Ngay cả việc nói cũng phải nói rõ, tránh để những kẻ địch, kẻ cơ hội xuyên tạc thái độ của người Nhật về mặt chính trị. Có thể người ta sẽ đơm đặt là người Mỹ nghĩ thế này, thế kia nên làm cho người Nhật phân vân, hoặc thấy người Việt chuẩn bị nhân nhượng với Trung Quốc nên người Nhật phân vân.

Có nhiều người hỏi tôi người Nhật muốn gì, tôi nói: người Nhật muốn y hệt người Mỹ. Người Nhật có hai vấn đề. Vấn đề lớn nhất là tự do hàng hải ở Biển Đông. Mọi quốc gia tham gia vận chuyển hàng hóa trên biển đều cần tự do hàng hải ở Biển Đông, mà tất cả những sự nhận chủ quyền một cách cưỡng bức và tạo ra mất ổn định ở đó đều không có lợi cho tự do hàng hải. Thứ hai, Nhật Bản là một quốc gia có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc. Như vậy, người Nhật vừa có các vấn đề riêng với Trung Quốc, vừa có vấn đề chung với các quốc gia có quyền lợi liên quan tới tự do hàng hải ở Biển Đông. Hai thái độ ấy phải được chiếu cố trong đánh giá xây dựng quan hệ chiến lược đối với người Nhật.

Hỏi: Cuối cùng chúng tôi muốn nói đến việc xây dựng đường cao tốc từ Lạng Sơn đến Hà Nội do Trung Quốc tài trợ. Tình hình như thế này nhiều người cho rằng có khả năng Trung Quốc rút đi. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ họ không rút đi, vì tuyến đường đó rất thuận lợi cho họ. Ý kiến của ông thế nào?

Trả lời: Tôi nghĩ Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc không đẩy tình hình đến mức mọi chuyện gián đoạn. Chưa có vấn đề gì để làm như thế. Người Trung Quốc cũng chưa tìm đến cái gì ở ngoài Biển Đông, còn nếu xem đó như là một vùng biển để có thể tập kết hải quân thì nói thẳng là bây giờ Trung Quốc cũng chưa có hải quân để cần đến Biển Đông ngay. Đây mới là tham vọng, chưa phải là một thực tế. Phải mất 10-15 năm nữa, thậm chí dài hơn. Tôi nghĩ có lẽ tất cả mọi chính sách kinh tế quốc tế vào lúc này phải đo đếm rất cẩn thận về mặt thời gian, để tận dụng các khoảng hòa bình hay các khoảng không gian yên ổn. Tôi không nghĩ là có chuyện đứt gãy gì với con đường ấy. Tuy nhiên, tôi cũng không hiểu Chính phủ chúng tôi muốn gì khi làm đường cao tốc từ Lạng Sơn đến Hà Nội.

Chúng tôi rất quan tâm đến vai trò của Nhật Bản đối với chính sách đối ngoại của Việt Nam, quan tâm đến việc xây dựng quan hệ chiến lược giữa Việt Nam và Nhật Bản. Nếu không xây dựng nổi quan hệ chiến lược giữa Việt Nam và Nhật Bản thì đây là thất bại hệ trọng nhất của người Việt ở thế kỷ XXI. Không có quan hệ nào quan trọng hơn quan hệ ấy, nó phải diễn ra trong yên tĩnh và ít khoa trương.

Các vấn đề địa chính trị của Việt Nam và khu vực (II)
(Trao đổi với các nhà ngoại giao, tháng 12-2014)

Hỏi: Tôi đã đọc bài viết của ông đăng trên Tạp chí "Thông tin những vấn đề lý luận". Bài viết rất hay, trong đó có nói về cải cách chính trị. Ở đây, cải cách chính trị cụ thể là như thế nào?

Trả lời: Đây là một vấn đề rất khó. Thật ra, tôi đã viết một quyển sách về cải cách, trong đó có nói đến cải cách chính trị. Quyển sách ấy tôi viết 10 năm rồi, với một ý đồ gợi ý những người cầm quyền tổ chức đại hội X. Từ đó đến giờ, theo tôi biết trong giới quan chức trẻ của Đảng Cộng sản, trong các bạn bắt đầu có trao đổi về chuyện này. Họ bắt đầu để ý đến quyển sách này, còn cải cách thì họ để ý từ lâu rồi và theo khuynh hướng càng chậm cải cách càng tốt. Vì chưa đảm bảo được sự đoàn kết và thống nhất cho nên tất cả những sự thay đổi một cách mạnh mẽ rất dễ dẫn đến rủi ro. Mặt khác trong các quan hệ đối ngoại hiện nay cũng xuất hiện những điều khá tế nhị. Quan hệ với Trung Quốc thì những người lãnh đạo của chúng tôi đang cố gắng bằng mọi cách để không làm xấu đi, trong việc ấy họ cũng theo xu hướng quốc tế. Người Mỹ đã có biểu hiện thay đổi thái độ đối với người Trung Quốc. Đỉnh cao của sự thay đổi thái độ ấy là cuộc gặp gỡ của Tổng thống Obama với Chủ tịch Tập Cận Bình

Bắc Kinh. Các nước ở khu vực này cũng tỏ ra khác đi, Nhật Bản cũng thể hiện như vậy, thậm chí Philippines, Indonesia Malaysia, Thái Lan, Lào và Campuchia cũng thế. Do sự thay đổi về mặt thái độ của cả một cộng đồng như vậy đối với Trung Quốc mà người Việt mặc dù không muốn cũng buộc phải thay đổi.

Hỏi: Chính sách quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc bây giờ là vừa muốn giữ vững và cải thiện quan hệ, nhưng vừa kiên quyết đấu tranh để bảo vệ chủ quyền của mình?

Trả lời: Trong quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc không có sự bình đẳng. Nếu không thừa nhận điều ấy, người Việt Nam sẽ có những tính toán sai lầm.

Những người Việt Nam Cộng hòa đã nhầm lẫn trong quan hệ của mình với một nước lớn là Mỹ, cho nên họ không tranh thủ sử dụng được ảnh hưởng của người Mỹ cho cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, và phải nói thẳng là họ thất bại. Không ý thức được địa vị nước lớn của Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, không ý thức được địa vị nước bé là Việt Nam thì mọi chính sách đối ngoại đều không chính xác.

Tôi cho rằng nhận thức về địa vị quốc tế của Việt Nam là một trong những điểm căn bản nhất giúp người Việt có chính sách đối ngoại chính xác. Người Việt Nam tưởng mình độc lập về mặt văn hóa, độc lập về mặt chính trị và kinh tế, nhưng với trạng thái nợ công khoảng trên dưới 100% thì kinh tế không thể độc lập được. Nền kinh tế Việt Nam không có bất kỳ điều kiện gì để độc lập, trừ khi chấp nhận xấp xỉ chết đói như người Triều Tiên. Về mặt văn hóa, với vùng ảnh hưởng của ngôn ngữ tiếng Việt, người Việt Nam không thể được gọi là một nền văn hóa độc lập. Người Việt Nam muốn phấn đấu để có được một nền văn hóa độc lập còn dài lắm, một trăm năm nữa. Không thể sốt ruột có ngay được sự độc lập về văn hóa và kinh tế. Hai mặt đó không độc lập thì chính trị không độc lập là một tất yếu.

Cần phải nhận thức được về trạng thái không độc lập hoàn chỉnh của các đặc điểm kinh tế, chính trị và văn hóa của Việt Nam thì mới xác định chính sách đối ngoại được. Chính sách đối ngoại của các nước bé chính là thái độ quốc tế. Khi nào có chiến tranh, có khủng hoảng, chính sách đối ngoại mới trở thành một chiến lược hay sách lược cụ thể, còn bình thường, chính sách đối ngoại là một thái độ.

Tôi cho rằng đây là những vấn đề phải nhận thức được, nếu không chúng tôi sẽ thua. Đất nước chúng tôi mà thua lần này thì chia cắt. Với tư cách là một người yêu nước, tôi cho rằng các nhà lãnh đạo của chúng tôi phải rất thận trọng. Trong đời sống chính trị quốc tế, nước lớn là một khái niệm khổng lồ. Tại sao người Nhật phấn đấu để nền kinh tế của mình đứng thứ hai, thứ nhất? Tại sao người Trung Quốc cố gắng vượt người Nhật, thậm chí bây giờ cố gắng vượt người Mỹ để lên đến hàng thứ hai, thứ nhất? Đây là sự cạnh tranh để được xem là nước lớn. Tại sao Trung Quốc phải chiếm Biển Đông? Tại sao Trung Quốc lại bỏ tiền ra làm một thứ trừu tượng như con đường tơ lụa? Tất cả những chuyện ấy là phấn đấu vì địa vị nước lớn. Tại sao Thủ tướng Shinzo Abe cố gắng sửa đổi hiến pháp để có thể ra khỏi trạng thái Quốc phòng như hiện nay, để trở thành một nước có lực lượng vũ trang độc lập và chủ động? Tôi nghĩ tất cả những hành động ấy đều bắt đầu từ định nghĩa nước lớn. Nước lớn có quyền chia sẻ thế giới và nền dân chủ trong chính trị đối ngoại chỉ là công cụ của các nước bé.

Người Trung Quốc và người Mỹ đã bàn với nhau về quan hệ chính trị của nước

lớn, tức là phải thừa nhận một nguyên tắc là có nước lớn và không có bình đẳng. Chúng ta biết rằng thế giới đi qua những giai đoạn chính trị rất thú vị. Chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc là một giai đoạn chính trị. Thuộc địa của tất cả các nước Phương Tây lan khắp nơi đến mức ngay cả người Nhật cũng không bình tĩnh được. Cuối những năm 40 của thế kỷ trước, người Nhật cũng cố gắng để có thuộc địa. Giai đoạn thứ hai là giai đoạn phi thực dân hóa, tức là giải phóng các dân tộc thuộc địa. Giai đoạn này nổi lên các nhân vật như Hồ Chí Minh, Gandhi và một số người nữa. Bây giờ người ta đang phấn đấu để dân chủ hóa nền chính trị thế giới, nhưng nó vẫn chưa thực hiện được. Khuynh hướng tạo ra nền ngoại giao nước lớn là một trong những cố gắng của các nước lớn để xây dựng một nền chính trị có chất lượng lãnh đạo, hay nói cách khác, các nước lớn chia sẻ với nhau vai trò lãnh đạo thế giới. Nếu chỉ có một mình thì nước Mỹ có thể ẩn nấp dưới dạng này, dạng kia, nhưng nếu có hai, ba nước trở lên thì buộc phải phân chia. Sự phân chia giữa các nước lớn bộc lộ tính đế quốc của họ. Bây giờ, thế giới đang quay trở lại trạng thái như thế.

Tôi khẳng định Việt Nam là một nước bé, Nhật Bản và Ấn Độ nằm ở ranh giới giữa nước lớn và nước bình thường. Nhật Bản cần phải vươn lên để trở thành nước lớn. Nước lớn về kinh tế chưa đủ để cai trị toàn thế giới. Bắc Triều Tiên mới có vài quả bom nguyên tử thôi nhưng rất to tiếng và thế giới phải năn nỉ để họ không làm liều. Đã là một nước bé thì phải có một số tiêu chuẩn nhất định về thái độ, về chính sách đối ngoại, mà trước hết là phải tương đối trung lập. Nhưng trung lập theo khuynh hướng cởi mở để dễ có liên kết và phải chuẩn bị một số yếu tố liên kết. Yếu tố liên kết gần nhất đối với Việt Nam là Nhật Bản. Nếu Việt Nam không nhận ra được điều ấy thì không thể chuẩn bị gì.

Hỏi: Còn với ASEAN thì sao?

Trả lời: ASEAN cũng cường điệu vai trò của mình. ASEAN là một cộng đồng để làm vui, làm yên lòng, làm đỡ tủi thân các nước bé thì được, còn để làm đối trọng có chất lượng địa chính trị thì không được vì hai lẽ. Thứ nhất, ngay cả các nước ASEAN có thống nhất với nhau thì cộng đồng ấy vẫn còn rất bé. Thứ hai, các nước ấy sẽ không bao giờ thống nhất với nhau khi nó còn ở cạnh Trung Quốc. Tôi đã từng nói với một vài nhà nghiên cứu của Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam rằng tất cả các yếu tố của hai cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất và thứ hai đã tái xuất hiện trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam và Việt Nam phải rất cẩn thận.

Hỏi: Về tình hình bên trong Việt Nam hiện nay, chúng tôi thấy khi thảo luận lấy ý kiến sửa đổi Hiến pháp 2013, có nhiều ý kiến nghiêng về việc tự do hóa nền kinh tế và các khu vực kinh tế. Tuy nhiên, khi Hiến pháp sửa đổi 2013 được thông qua thì lại thống nhất kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo. Bây giờ

trong Đảng và trong đội ngũ cán bộ cao cấp cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Theo ông, tình hình sẽ diễn biến theo hướng nào?

Trả lời: Khuynh hướng cấp tiến nào cũng phải dừng lại trước một điều là có ổn định không. Nếu cấp tiến đến mức không ổn định được là sai. Khi nói là một chuyện, còn khi người ta biểu quyết để xác lập tính chất của trạng thái chính trị thì nó tùy thuộc vào sự thống nhất bằng phiếu trong Đảng. Cho nên các Hội nghị mới có các Nghị quyết. Đảng này được điều hành bởi các Nghị quyết giữa các phiên họp và bằng Cương lĩnh giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương hay Bộ Chính trị là những cơ cấu thường trực giữa hai Đại hội. Đây chính là công nghệ chính trị. Cho nên đôi khi có ý kiến nói to về chuyện này, chuyện khác thì người ta cứ tưởng mọi việc sẽ diễn biến theo hướng ấy, nhưng cuối cùng, Nghị quyết vẫn phải được tạo ra bởi đa số phiếu. Tuy nhiên, tính chất của nền chính trị Việt Nam cũng không hoàn toàn được quy định bởi những điều đó. Việt Nam là một nước không độc lập về chính trị, văn hóa và kinh tế. Vậy nó có thể độc lập về tư tưởng không? Cũng không. Nó chịu ảnh hưởng từ các chỗ dựa quốc tế. Trước 1975, người bảo trợ cho sự tồn tại của những tư tưởng của nền chính trị Việt Nam Cộng hòa là người Mỹ, và người Mỹ không đủ điều kiện để duy trì sự bảo trợ ấy lâu dài cho nên Việt Nam Cộng hòa tan rã, và nước Việt Nam được thống nhất bởi những người cộng sản.

Có một Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam hỏi tôi "tại sao chúng tôi chưa bao giờ thắng". Tôi bảo "các ông không thắng vì các ông không biết cách hợp tác với những người cộng sản". Phải nghiên cứu những người cộng sản thật sự thì mới hiểu được. Nghiên cứu các yếu tố bảo trợ chính trị cho các bộ phận khác nhau của nền chính trị Việt Nam cũng là nghiên cứu chính trị. Người Nhật Bản cần phải nghiên cứu những điều đó. Việc đó vô cùng quan trọng nếu người Nhật Bản muốn có địa vị ổn định lâu dài ở Việt Nam và xem Việt Nam như là một thị trường của mình hoặc khu vực của mình.

Hỏi: Chúng tôi có dự án đào tạo cán bộ viên chức nên thỉnh thoảng được mời đến Học viện Chính trị Hồ Chí Minh để trình bày về việc làm thế nào Việt Nam có thể độc lập được về kinh tế. Đặc biệt sau vụ Trung Quốc đặt giàn khoan, Chính phủ Việt Nam dường như đang cố gắng độc lập về kinh tế, không muốn dựa vào kinh tế Trung Quốc?

Trả lời: Về chuyện ấy, tôi sợ rằng người Việt Nam thiếu tỉnh táo. Tôi chưa tìm thấy một ví dụ nào trên thế giới này bỏ qua Trung Quốc, không khai thác thị trường Trung Quốc mà trở thành một nền kinh tế lớn được. Theo dõi toàn bộ các diễn biến quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc với nhiều quốc gia trên thế giới, tôi thấy tất cả các nền kinh tế sung mãn và phát triển vượt bậc trong thế kỷ vừa qua là kết quả của việc khai thác thị trường Trung Quốc. Tôi đến trường

Harvard vào năm 1990, nói chuyện với giới học giả của trường, tôi thấy họ xem nền kinh tế Trung Quốc như là một miền triển vọng của nền kinh tế Hoa Kỳ.

Ngay từ cuối những năm 1980, bắt đầu xuất hiện sự di chuyển sản xuất công nghiệp từ Mỹ sang Trung Quốc. Đến những vùng hoang vắng, các nhà xưởng để không, tôi hỏi họ đi đâu hết rồi, người ta bảo chuyển hết sang Trung Quốc. Tức là tất cả các máy móc được chuyển đi Trung Quốc vào cuối những năm 1980. Hôm trước, một vị nguyên Đại sứ của các bạn đến đây có nói: dù chúng tôi có quan niệm Trung Quốc như thế nào thì các thương nhân của chúng tôi cũng không rời Bắc Kinh. Tức là giới kinh doanh Nhật Bản kiên quyết khai thác thị trường Trung Quốc. Người Việt Nam không làm được như người Nhật. Mỗi người Việt Nam làm kinh doanh có thể có một số lợi nhuận nào đó từ sự buôn lậu hàng hóa của mình, nhưng nó không giúp xuất hiện các yếu tố của một nền kinh tế. Mấy chục năm làm việc với đầu tư nước ngoài nhưng chúng tôi vẫn không có nổi nền công nghiệp phụ trợ. Bây giờ, cần phải làm thế nào để người Việt Nam xâm nhập được thị trường Trung Quốc. Người Việt Nam phải kết hợp với các nền kinh tế đã có kinh nghiệm trong việc khai thác nền kinh tế Trung Quốc, ví dụ Nhật Bản, Hàn Quốc.

Hỏi: Đại hội năm 2016 hiện nay đang được chuẩn bị, theo ông, tiêu chuẩn nhân sự cấp cao sẽ thế nào?

Trả lời: Tôi nghĩ tiêu chuẩn quan trọng nhất hiện nay là năng lực duy trì các trạng thái cân bằng về mặt chính trị để yếu tố nào cũng sống được. Phương châm của Đại hội năm 2016 là cấp tiến nhất có thể mà không phá vỡ Đảng Cộng sản. Phá vỡ thì không còn gì để nói. Người Trung Quốc, nhất là người được xác nhận là có học, một người kiên quyết nhưng mềm dẻo như Chủ tịch Tập Cận Bình chắc chắn sẽ ủng hộ một nước Việt Nam bình thường như hiện nay. Các bạn thấy Chủ tịch Tập Cận Bình sẵn sàng nói chuyện với Thủ tướng Abe. Tôi nghĩ không chỉ tín hiệu của ông ấy đối với Việt Nam, mà tín hiệu của ông ấy đối với Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều nước khác là khá thống nhất về mặt công nghệ đối ngoại, về thái độ chính trị.

Người Nhật và người Trung Quốc là những nhân tố lớn quy định tính chất chính trị của khu vực, đây là chưa nói đến chuyện có thể còn quy định cả tính chất chính trị của thế giới. Hàng ngày, tôi suy nghĩ về người Nhật, người Trung Quốc và tìm ra các kịch bản dàn xếp, bởi vì những đối tượng này không thể va chạm được, va chạm là có chiến tranh. Kịch bản dàn xếp nào cho Trung Quốc và Nhật Bản, cho Trung Quốc và Mỹ, thậm chí cho Nhật Bản và Hàn Quốc, là những kịch bản phải nghĩ đến. Không có các kịch bản ấy tức là không nghiên cứu chính trị. Một nền chính trị không có các sản phẩm nghiên cứu là một nền chính trị hoang dã, mà chúng ta không phải là vùng hoang dã, nhất là vùng

Đông Bắc Á. Đây vẫn là vùng sáng nhất, văn minh nhất của toàn bộ châu Á. Ở Nam Á, người Afganistan, người Iran còn lâu lắm mới đạt được một trình độ văn minh nào đó về mặt chính trị. Đông Nam Á thì còn khoảng 100 năm nữa mới đạt được trạng thái có thể thảo luận một cách bình đẳng về mặt chính trị. Ở Châu Á chỉ có vùng Đông Bắc Á, bây giờ góí thêm người Nga vào đây trở thành một lực lượng cực kỳ thú vị.

Hỏi: Nên chính trị Nhật cũng rất dân chủ, bây giờ Thủ tướng Abe cũng giải tán Quốc hội rồi, sắp tới sẽ có cuộc bầu cử. Ông ấy đã đưa ra những chính sách bề mặt an ninh quốc phòng và kinh tế. Sau khi đảng cầm quyền thay đổi thì Thủ tướng cũng thay đổi, chưa biết những chính sách ấy có giữ được hay không.

Trả lời: Tôi nghĩ Thủ tướng Abe chưa thất bại, bởi vì cuộc bầu cử lại này là quyết định rất chủ động về mặt chính trị của ông ấy. Tôi nghĩ nó sẽ tốt lên một chút nhưng không tốt lên tuyệt đối.

Hỏi: Ông Abe lần đầu tiên trở thành Thủ tướng cách đây mấy năm, các chính sách lúc đó không thành công và bị phê bình. Sau này ông ấy suy nghĩ, nghiên cứu nhiều để làm sao đưa đất nước Nhật Bản đủ mạnh về kinh tế và an ninh, không phải đủ mạnh để thắng Trung Quốc mà đủ mạnh để bảo vệ đất nước mình như một quốc gia bình thường.

Trả lời: Nếu muốn khôi phục địa vị quốc tế của mình thì nước Nhật phải trở thành quốc gia bình thường và có quân đội bình thường, như thế mới hoàn chỉnh về mặt chính trị. Nước Nhật cho đến trạng thái có những cải cách của Shinzo Abe không phải là một quốc gia bình thường. Nước Nhật không thể khôn quá đến mức nhờ người khác tạo ra sự cân bằng chính trị cho mình được. Hơn nữa, nước Mỹ đang đi xuống. Sự đi xuống của nước Mỹ đòi hỏi nước Nhật phải thay đổi.

Hỏi: Chúng tôi nghĩ quan hệ giữa Trung Quốc với Nhật Bản hiện tại về cơ bản giống như quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam, chỉ khác là Việt Nam có quan hệ chính trị với Trung Quốc.

Trả lời: Nói như thế chưa chính xác. Trung Quốc không đủ điều kiện để chi phối nền chính trị Nhật Bản giống như họ làm với Việt Nam. Tôi nghĩ người Việt Nam không muốn thoát ra khỏi ảnh hưởng của Trung Quốc, nhưng cũng không muốn lệ thuộc vào Trung Quốc. Giữa sự không muốn lệ thuộc hoàn toàn vào Trung Quốc và không muốn thoát ra khỏi Trung Quốc là không gian chính trị dành cho người Nhật Bản. Người Nhật có lợi thế trong khoảng cách giữa lệ thuộc và thoát ra khỏi Trung Quốc của người Việt. Người Mỹ không thể ảo tưởng về việc xây dựng một đội ngũ chính trị gia, trí thức thân Mỹ tuyệt đối.

Bởi vì người Mỹ truyền bá một nền văn hóa bộc lộ, tức là nói thẳng ý nghĩ. Nhiều người thích, nhưng với tư cách là một người nghiên cứu chính trị, tôi không thích. Không bộc lộ được, phải khôn hơn nữa. Có những người trông ù lì nhưng trong đầu họ là hàng triệu phép tính một giây.

Hỏi: Thế còn thân Nhật tuyệt đối thì sao?

Trả lời: Câu hỏi rất hay. Thân Nhật tuyệt đối có thể xuất hiện nếu đạt được một quy tắc văn hóa thật ổn định. Người Nhật kín đáo, thân mấy cũng giấu được, không như người Mỹ, yêu nhau thì ngày mai thông báo với thế giới ngay. Công chúng Mỹ khác với công chúng Nhật Bản. Công chúng Mỹ lấy sự minh bạch làm tiêu chuẩn chính trị, còn công chúng Nhật lấy sự trung thành làm tiêu chuẩn chính trị. Cho nên để có quan hệ tốt với Nhật Bản thì phải đứng đắn và trung thành, để có quan hệ tốt với người Mỹ thì phải minh bạch, bởi vì công chúng Mỹ sẽ không tán thành bất kỳ quan hệ quốc tế nào của Mỹ mà không minh bạch.

Đòi hỏi minh bạch là một đòi hỏi thấm vào máu của các nhà chính trị Mỹ rồi, nên bản chất của quan hệ Việt Nam với Nhật, Việt Nam với Mỹ, Việt Nam với Trung Quốc là khác nhau. Tỏ vẻ nghe lời là đòi hỏi của nền chính trị Trung Quốc đối với Việt Nam. Trung thành và giữ gìn các phẩm chất, nguyên tắc là đòi hỏi của nền chính trị Nhật Bản. Minh bạch và dân chủ là đòi hỏi của nền chính trị Mỹ đối với Việt Nam. Chính phủ chúng tôi cần phải khái quát được những nguyên lý như thế để tạo ra chính sách đối ngoại. Mọi chính sách đối ngoại nghiêm túc đều phải dựa vào thẩm mỹ chính trị của các quốc gia mà mình định xây dựng quan hệ. Đôi khi khôn ngoan lắt léo đối với người Trung Quốc thì không sao, nhưng đối với Nhật Bản là không phù hợp.

Người Mỹ đòi hỏi công khai, người Nhật Bản đòi hỏi chung thủy, trung thành, người Trung Quốc đòi hỏi phải ngoan ngoãn, nghe lời. Ba đòi hỏi ấy cấu tạo ra toàn bộ kinh nghiệm để xây dựng chính sách đối ngoại của người Việt. Tuy nhiên, chúng tôi dường như chưa nhận ra điều ấy một cách phổ quát, chỉ nhận ra do kinh nghiệm. Khi không được khái quát hóa lên thì không thể thành chính sách được. Kinh nghiệm không đủ để xây dựng chính sách đối ngoại mà phải là kinh nghiệm được khái quát hóa thành chính trị học mới đủ.

Hỏi: Việt Nam đang cố gắng để có vị trí lớn trong ASEAN, việc đó rất quan trọng. Những khuôn khổ trong ASEAN có rất nhiều, từ kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng. Ngoại giao Việt Nam đang theo chủ trương đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ trên thế giới. Đây là chủ trương đúng mà chúng tôi đánh giá cao. Hiện nay, các nước đang tranh thủ đến đây để phát triển quan hệ song phương cũng như đa phương.

Trả lời: Các nhà ngoại giao Việt Nam đã xử lý để mình tồn tại về mặt chính trị trong hệ thống này, cho nên ai trong họ cũng thành công, cũng tận dụng đất nước để giữ địa vị của mình. Còn Việt Nam thì chưa thành công. Việt Nam chưa được ăn cái gì thật trong các miếng bánh mà nhân loại có. Miếng bánh gần nhất là Trung Quốc chưa ăn được, miếng bánh rất gần là Nhật Bản cũng chưa ăn được bao nhiêu. Để ăn được miếng bánh Nhật Bản thì phải có một nền công nghiệp thật sự của Nhật Bản ở đây chứ không phải có các công ty, các dự án ODA của Nhật Bản ở đây.

Tôi nói với một vài nhà lãnh đạo của chúng tôi là mỗi một tập đoàn kinh tế Nhật Bản hoàn toàn có thể tạo ra một nền công nghiệp ở Việt Nam. Nếu cho phép họ hợp tác với các công ty vừa và nhỏ ở Việt Nam để tạo ra cái đuôi sao chổi công nghiệp phụ trợ thì mỗi một nhà đầu tư Nhật Bản là tiền để tạo ra một ngành công nghiệp của Việt Nam. Làm như vậy từ đầu những năm 1990 thì bây giờ chúng tôi phát triển lắm rồi.

Hỏi: Nó phải phát triển từ nền?

Trả lời: Nó phải đi từ phát triển nền. Chúng tôi không có nền. Người ta hỏi tôi: Nền kinh tế Việt Nam đã đến đáy chưa? Tôi trả lời: Nó làm gì có đáy mà rơi xuống đáy.

Hỏi: Đại sứ Ucraina nhiều khi cũng nói như ông là đối với người Việt Nam, quan trọng nhất là phát triển công nghiệp phụ trợ. Nhật Bản sẵn sàng giúp đỡ trong chuyện này.

Trả lời: Nhật Bản là một nước vô cùng tài năng trong việc biến sự phụ thuộc của mình trở thành thành tựu. Tôi nói rằng chúng tôi có những đồng minh xuất khẩu. Muốn xuất khẩu hàng hóa công nghiệp Việt Nam sang Mỹ, sang các thị trường châu Âu thì đồng minh số một là Nhật Bản. Việt Nam đi sau họ mà xuất khẩu, đừng chạy đằng trước cản đường họ. Muốn thế phải mở rộng FDI, không phải với tư cách là một vài xí nghiệp công nghiệp mà với tư cách là một ngành công nghiệp, một nền công nghiệp. Nếu làm được như thế, người Nhật sẽ giúp chúng tôi xuất khẩu. Xuất khẩu cái họ làm và xuất khẩu cái họ hỗ trợ mình làm, đó là công nghiệp phụ trợ. Nhưng hình như Việt Nam chưa hiểu được như vậy. Vì thế tôi mới nói rằng các nhà ngoại giao của Việt Nam rất thành công, nhưng đất nước chúng tôi thì chưa thành công.

Hỏi: Chính sách đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa thành công rồi. Đối ngoại để Việt Nam phát triển và giữ gìn hòa bình, ổn định. Ông có nghĩ như vậy không?

Trả lời: Đất nước này chưa phát triển, nó bị kìm hãm bởi các quỹ tài chính. Khi xuất hiện các quỹ tài chính, người Việt chúng tôi biến ngay các quỹ ấy thành các tên sát nhân trên thị trường chứng khoán, biến nó thành một căn bệnh thế giới gọi là tài chính hóa nền kinh tế. Nước Nhật có một nền công nghiệp rất vững chắc, cho nên các bạn tài chính hóa nền công nghiệp ấy. Còn Việt Nam chưa có nền công nghiệp, vậy thì tài chính hóa cái gì? Tài chính hóa tài nguyên, đất đai, tức là nâng giá đất đai, mà nâng giá đất đai là chặt đứt triển vọng có nhà ở của người lao động, làm cho khoảng cách giàu nghèo ngày càng khó khắc phục.

Các vấn đề địa
địa chính trị của Việt Nam và khu vực (III)
(Trao đổi với các nhà ngoại giao, tháng 10-2014)

Hỏi: Xin tự giới thiệu, tôi từng là Đại sứ của Nhật Bản tại Nepal và Srilanka, cũng từng là Phó Đại sứ tại Việt Nam giai đoạn 1999-2001. Năm ngoái, tôi đã nghỉ hưu và hiện nay đang làm cho Viện nghiên cứu chiến lược quốc tế, thuộc Viện Nghiên cứu tổng hợp Nhật Bản, một tổ chức tư nhân. Nghiên cứu của tôi tập trung vào một số nước quan trọng, trong đó có Việt Nam. Hôm nay, tôi muốn hỏi ông một số vấn đề.

Trước tiên, tôi muốn nghe ông phân tích về tương lai phát triển của kinh tế Việt Nam, về vai trò của Việt Nam trong ASEAN. Vấn đề thứ hai là quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc. Rõ ràng đối với Việt Nam, quan hệ tốt với Trung Quốc là rất quan trọng, nhưng Việt Nam vẫn đang có một số tranh chấp chủ quyền với Trung Quốc, Nhật Bản chúng tôi cũng vậy.

Trả lời: Cám ơn ngài tín nhiệm và đặt cho tôi những câu hỏi rất quan trọng. Nền kinh tế Việt Nam về cơ bản đã được người Việt Nam lựa chọn, đó là nền kinh tế thị trường.

Do đặc điểm chính trị mà tính chất thị trường của nó có thể chưa hoàn toàn giống với các tính chất thị trường khác, nhưng về cơ bản, nó vẫn là nền kinh tế đi theo hướng thị trường, chất lượng thị trường sẽ tăng lên cùng với thời gian.

Câu hỏi thứ hai của ngài là địa vị của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á. Việt Nam là một nước trung bình trong khu vực, nếu đem so với Indonesia thì bé, còn đem so với Lào, Campuchia thì lớn. Việt Nam là một nước chưa tiên tiến về chính trị trong khu vực ASEAN. Nó chịu ảnh hưởng và có những quan hệ phức tạp một phần từ người Trung Quốc, cho nên địa vị của người Việt Nam

trong khu vực ASEAN là một địa vị phức tạp. Việt Nam tưởng có thể kéo Lào và Campuchia theo sau mình, nhưng với hoạt động của Trung Quốc hiện nay, ngay cả địa vị ấy cũng không có hoàn toàn. Địa vị chính trị của Việt Nam ở Đông Nam Á là một địa vị có những sự tranh chấp, xung đột và tranh cãi mang tính khu vực. Xét về quan điểm chính trị, người Việt Nam có thể có quan hệ tốt với Trung Quốc và trên thực tế có tính đồng dạng về chính trị với Trung Quốc. Mấy hôm nay, ngài thấy Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an của chúng tôi đi thăm Trung Quốc liên tiếp, những hoạt động ấy cũng thể hiện tính đồng dạng về mặt chính trị. Tuy nhiên, xét theo quan điểm quyền lợi dân tộc, Việt Nam với Trung Quốc chắc chắn là có xung đột và còn xung đột lâu dài. Những đặc điểm đó đặt người Nhật vào vị thế rất tế nhị trong việc xử lý quan hệ giữa Nhật Bản với Trung Quốc và Nhật Bản với Việt Nam.

Hỏi: Tôi muốn giới thiệu về quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc. Xét về mặt nào đó, Việt Nam và Nhật có mối quan hệ với Trung Quốc khá giống nhau. Về mặt kinh tế, quan hệ giữa Nhật và Trung Quốc rất tốt và rất quan trọng. Tuy nhiên, có một số xích mích về chính trị, một số người dân Trung Quốc đã từng biểu tình chống lại Nhật. Nhưng ngay cả khi những điều ấy xảy ra, cộng đồng doanh nhân Nhật vẫn ở lại Trung Quốc và không rút về. Bởi vì Trung Quốc rất quan trọng không chỉ ở năng lực sản xuất mà còn cả năng lực của thị trường.

Chúng tôi có hai vấn đề quan trọng về chính trị. Vấn đề đầu tiên rất giống vấn đề của Việt Nam, đó là quần đảo ở biển Hoa Đông. Người Nhật không thể nào nhân nhượng hay lùi bước được, bởi vì chúng tôi quản lý rất tốt những quần đảo này. Về mặt lịch sử, đảo Senkaku là của người Nhật, nhưng đến năm 1969-1970, khi các nhà khoa học tìm thấy dầu ở dưới quần đảo này thì tự nhiên, Trung Quốc và Hàn Quốc, kể cả Đài Loan cũng bắt đầu nói họ có phần ở đấy.

Vấn đề thứ hai là vấn đề lịch sử. Ông cũng biết rằng trong thế chiến thứ hai, Nhật đã chiếm đóng Trung Quốc. Chính phủ và người dân Nhật đã chính thức xin lỗi những người Trung Quốc và những người châu Á khác, trong đó có cả Việt Nam về những hành động của mình trong thế chiến ấy. Mặc dù vậy, Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn coi vấn đề đó như một xích mích kéo dài. Gần đây, Trung Quốc ngày càng mạnh lên. Theo tôi, năm 2010 là năm bước ngoặt của Trung Quốc. Trước 2010, Trung Quốc là nền kinh tế thứ ba trên thế giới, nhưng từ 2010 trở đi, Trung Quốc đứng thứ hai và Nhật trở thành thứ ba. Khi Trung Quốc đã trở thành một nước lớn về mặt kinh tế, người Nhật chúng tôi và cả người Việt Nam cũng phải chấp nhận điều đó.

Đây là hai lý do vì sao Trung Quốc và Nhật có những xích mích. Tháng sau có Hội nghị APEC ở Bắc Kinh, trong cuộc gặp này, chúng tôi muốn có sự hòa thuận hơn, làm cho hai người là Thủ tướng Nhật và Chủ tịch Trung Quốc gặp

nhau. Tôi muốn hỏi ông một câu hỏi nữa liên quan đến quan Việt Nam với Trung Quốc. Ông vừa nói là Trung Quốc có những ảnh hưởng đến Lào và Campuchia. Tôi vẫn nghĩ Lào, Campuchia, Việt Nam không thể tách rời được gì bắt đầu từ một đảng cầm quyền, là tranh chấp chủ quyền của Việt Nam nằm ở phía bên kia, phía Biển Đông. Vậy tại sao lại ảnh hưởng đến cả bên này là Lào và Campuchia?

Trả lời: Tôi rất thích câu hỏi của ngài, vì đây là chỗ ngửa nhất trong toàn bộ lịch sử quan hệ chính trị của Việt Nam và Trung Quốc. Khu vực Đông Dương khi đó nằm dưới quyền cai trị của người Pháp, do đó ba nước có chung Đảng Cộng sản, đó là Đảng Cộng sản của liên bang Đông Dương. Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ đầu đã ý thức được độc lập dân tộc là vấn đề không thể thay đổi được, cho nên sớm hay muộn, sự hình thành các quốc gia độc lập ở khu vực Đông Dương là tất yếu. Vì vậy, ông tổ chức mối quan hệ chính trị giữa Việt Nam, Lào và Campuchia rất khôn ngoan. Trước đây nó chưa có vấn đề, từ khi người Mỹ can thiệp vào Campuchia thông qua cuộc đảo chính của tướng Lon Non thì Đông Dương bắt đầu phức tạp. Sự phức tạp ấy có từ những năm 50, nhưng người Việt giải quyết mối quan hệ này khá tốt cho đến năm 1975. Sự không tốt thể hiện bằng cuộc chiến tranh Việt - Trung vào năm 1979. Quan hệ Việt Nam với Trung Quốc về bản chất là quan hệ phức tạp về mặt quyền lợi. Do sự kết hợp được của Việt Nam với Lào và Campuchia cho nên Trung Quốc nhìn thấy Việt Nam có thể trở thành một quốc gia hùng mạnh nếu họ không nắm được hai nước ấy. Khi người Trung Quốc có những tham vọng lớn hơn và phải giải quyết cả mối quan hệ của họ với người Myanmar và người Thái Lan thì tình hình lại càng phức tạp.

Nếu lấy Biển Đông làm mặt tiền thì sau lưng Việt Nam là cả một khối các vấn đề phức tạp do Trung Quốc tạo nên. Quân đội Thái Lan đang phải giải quyết hậu quả của chế độ Thaksin. Người Trung Quốc đang lúng túng trước vấn đề Myanmar, họ cũng đang ráo riết giải quyết vấn đề quan hệ với Lào và Campuchia. Đây là tất cả những gánh nặng thật sự của người Việt. Vô cùng may mắn cho người Việt là có người Nhật Bản ở khu vực này. Người Nhật vốn có quan hệ rất trọng lượng với người Thái, cho nên người Trung Quốc không phải muốn làm gì thì làm ở Thái Lan. Người Nhật rất thông minh trong việc ứng xử, tạo địa vị của mình ở Myanmar, cho nên người Trung Quốc không phải muốn gì cũng làm được ở Myanmar. Người Nhật là một trong những niềm hy vọng của người Campuchia và người Lào. Chính phủ chúng tôi bây giờ chưa hiểu được quá trình công nghiệp hóa của Campuchia và Lào quan trọng với nền kinh tế Việt Nam thế nào. Sự phát triển công nghiệp của Lào và Campuchia sẽ tạo ra khả năng khai thác hết những cơ sở hạ tầng mà người Việt đầu tư một cách hơi hào phóng trong mấy chục năm vừa qua. Người Trung Quốc muốn làm

con đường dọc Đông Nam Á, dự án đó làm lệch khuynh hướng phát triển theo hướng Đông - Tây của nền kinh tế Lào, Campuchia và Việt Nam.

Tôi nghĩ về mặt quyền lợi dân tộc, Chính phủ chúng tôi muốn hay không cũng buộc phải có xung đột ở những mức độ khác nhau, với sự khôn khéo khác nhau đối với người Trung Quốc. Yếu tố có cùng Đảng Cộng sản chỉ là yếu tố để trì hoãn những xung đột, chứ không phải là yếu tố cơ bản để tạo ra sự thống nhất chính trị. Tôi đã nói chuyện với nhiều nhà ngoại giao của sứ quán các ngài rằng người Nhật có địa vị rất quan trọng để giúp người Việt Nam xử lý quan hệ của mình với Trung Quốc. Có người Nhật, chúng tôi sẽ tự tin hơn. Sự tự tin đầu tiên chúng tôi có được khi quan hệ với người Nhật là tự tin về kinh tế. Một số bộ phận hư hỏng của xã hội chúng tôi cũng làm mất một phần uy tín của Việt Nam đối với người Nhật thông qua tham nhũng. Tôi có nói ở trên báo rằng người Nhật nhìn vấn đề xa hơn những chuyện tham nhũng vặt vãnh. Một số trí thức của chúng tôi cho rằng quan hệ của chúng tôi với người Mỹ là quan trọng nhất, tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ nếu không có Nhật Bản, người Mỹ không hiện thực hóa các ảnh hưởng của mình ở Việt Nam. Không phải người Mỹ giúp chúng tôi thống nhất hay đoàn kết Việt Nam với các quốc gia của khu vực này, mà chính là Nhật Bản với các chính sách tài trợ của họ. Nếu không hiểu điều ấy thì không xây dựng chính sách đối ngoại được.

Tôi cho rằng lấy Nhật Bản làm trung tâm để xây dựng chính sách đối ngoại của Việt Nam ở khu vực này là giải pháp thông minh nhất mà những nhà chính trị Việt Nam có thể thực hiện. Hầu hết các quốc gia Đông Nam Á khác là những nền kinh tế tốt và họ là đồng minh kinh tế tốt của người Nhật Bản, nhưng sức cạnh tranh trong thời chiến thì những quốc gia ấy không bằng Việt Nam. Vì thế, người Nhật cần phải kết hợp cả tài năng trong phát triển kinh tế của các quốc gia khác cộng với tài năng trong chiến tranh của người Việt.

Hỏi: Rất cảm ơn ông! Tôi cũng muốn nói ý kiến của cá nhân mình, vì bây giờ tôi không còn làm việc cho Chính phủ nữa. Tôi nghĩ quan hệ với Trung Quốc của người Nhật bây giờ rất phức tạp, nhưng quan trọng nhất là không được để xảy ra xích mích; Việt Nam cũng phải như thế.

Trả lời: Tôi hoàn toàn đồng ý với ngài. Lấy xích mích làm gam chính trong quan hệ với người Trung Quốc là không khôn ngoan. Tôi cho rằng trong thái độ của chúng ta đối với Trung Quốc thì sự cứng rắn là giải pháp cuối cùng.

Hỏi: Tôi rất vui khi nghe ông nói là Nhật Bản quan trọng đối với Việt Nam. Khi tôi còn là Phó sứ ở Việt Nam, tôi đã cố gắng làm cho quan hệ ầu tốt đẹp hơn. Chuyến thăm của ngài Thủ tướng Nhật năm ngoái chứng tỏ người Nhật rất coi trọng mối quan hệ Coới Việt Nam. Đương nhiên, tôi cũng nghĩ hai nước sẽ tăng cường quan hệ chính trị, và cũng cần phải tăng cường quan hệ kinh tế.

trả lời: Tăng cường quan hệ kinh tế là cách để người Nhật Bản có quan hệ đối với Việt Nam một cách ổn định.

Hỏi: Trong tinh thần đó, tôi cũng mong muốn nhân dân Việt Nam, Chính phủ Việt Nam làm thế nào để môi trường đầu tư của Việt Nam tốt hơn. Tôi cảm thấy người Việt Nam hình như rất muốn tự mình xây kinh tế, xây đất nước của mình, nhưng sẽ tốt hơn nếu mời những đầu tư trực tiếp (FDI) từ nước ngoài, nhất là từ Nhật.

Trả lời: Tôi sẽ tìm cách nói lại ý của ngài với các quan chức cao cấp của chúng tôi.

Hỏi: Khi còn ở Việt Nam, tôi đã dựng lên một diễn đàn trao đổi giữa hai Chính phủ để phục vụ mục tiêu mở rộng hợp tác và phát triển kinh tế giữa hai nước.

Trả lời: Tất cả các diễn đàn kinh tế do Nhật Bản tổ chức tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh tôi đều tham dự. Năm 1990, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức kinh doanh Nhật Bản Keidanren mời tôi tới Tokyo để nói chuyện với giới kinh doanh Nhật Bản. Không nghi ngờ gì nữa, chúng tôi buộc phải tái xác lập những thái độ chúng tôi đã có với đầu tư nước ngoài từ những năm 1990. Chúng tôi cũng định danh các ưu tiên thương mại cho các công ty Việt Nam, nhưng phần nhiều trong số đó là những công ty hỏng, trong đó có nhiều tập đoàn nhà nước và cả những tập đoàn tư nhân lớn lên bằng các mối quan hệ với nhà nước. Một số tập đoàn tư nhân trở thành tay sai của các thành phần kinh tế đen tối ở Trung Quốc và ở Nga.

Cho nên, có lẽ chúng tôi phải làm lại.

Hỏi: Tôi đồng ý với ông về điều đó. Tôi hiểu những năm 1990 là thời gian thực sự bắt đầu đổi mới của Việt Nam. Chính sách đổi mới đã đạt được rất nhiều kết quả quan trọng. Thời kì đầu đổi mới, Việt Nam có những bước nhảy, kinh tế phát triển rất nhanh, nhưng chỉ sau đó vài năm, kinh tế phát triển chậm lại và đi xuống.

Trả lời: Từ khoảng năm 1995 và những năm tiếp đó, kinh tế đã bắt đầu có dấu hiệu đi xuống.

Hỏi: Vậy bây giờ nền kinh tế Việt Nam tìm cách đi lên như thế nào?

Trả lời: Đổi mới đã biến Việt Nam từ cậu học sinh lớp một ngoan ngoãn trở thành cậu học sinh cấp ba hư hỏng. Vì vậy chúng tôi phải làm lại. Tôi đã viết bài đăng trên báo chí nói rằng tái cấu trúc tức là làm lại nền kinh tế ở Việt Nam.

Hỏi: Tôi cũng khuyên Chính phủ Việt Nam là nên thực hiện Đổi mới lần 2, bởi vì lần đầu không thành công.

Trả lời: Tôi có một đề nghị với ngài. Tôi nghĩ "Đổi mới lần 2" là một cụm từ tốt nếu xét về mặt bản chất, nhưng nó rất dễ bị lợi dụng để tạo ra một thái độ "chống Cộng" tại Việt Nam. Cho nên tôi nghĩ "tiếp tục đổi mới" sẽ hay hơn là thực hiện một cuộc "Đổi mới lần 2".

Hỏi: Việt Nam cần tiếp tục công cuộc đổi mới của mình, nhưng nếu nhận được sự tư vấn từ phía Nhật Bản, sự tiếp tục ấy sẽ nhanh và tốt hơn.

Trả lời: Điều đó là đương nhiên. Tôi luôn luôn cho rằng người Nhật là người tư vấn tốt nhất cho sự phát triển tại Việt Nam. Tôi nói điều đó không phải để xã giao mà đây là phân tích khoa học. Bởi vì có phát triển thế nào đi nữa mà không trở thành đồng minh kinh tế và chính trị của Nhật Bản thì Việt Nam trên thực tế sẽ không thể có địa vị chính trị trong khu vực. Địa vị chính trị cao nhất mà người Việt có thể đạt được ở khu vực này hình thành trong sự xung đột với Trung Quốc và đó là điều không ai muốn, kể cả người Mỹ. Cho nên con đường phát triển tất yếu của Việt Nam là trở thành đồng minh kinh tế và chính trị của Nhật Bản.

Hỏi: Nhật Bản chúng tôi cũng rất muốn ủng hộ Việt Nam, nhất là trong việc mở rộng và làm cho thị trường trở nên tốt hơn, tiêu biểu như những chính sách đầu tư mới của Nhật sang Việt Nam. Người Nhật đã hỗ trợ Việt Nam về phần khung, phần cứng, bên cạnh đó, chúng tôi cũng muốn hỗ trợ sâu hơn về phần mềm. Khi tôi đáp máy bay tới Hà Nội, tôi nhìn thấy nửa mới của sân bay được xây bởi sự giúp đỡ của Nhật, đầu gọi là hỗ trợ phần cứng. Trong quá khứ, Nhật đã giúp Việt Nam xây cầu, xây đường dưới dạng vốn cho hay, điều đó rất quan trọng. Nhưng tôi nghĩ còn việc quan trọng hơn, đó là sự tư vấn về luật pháp, về thị trường, về khoa học... Đó gọi là hỗ trợ phần mềm.

Trả lời: Tôi hiểu rất rõ điều đó. Điều tôi mong muốn là các ngài sẽ hỗ trợ chúng tôi về phần mềm, tức là trí tuệ, bắt đầu bằng giáo dục. Tôi nghĩ rằng nên bắt đầu từ đầu tư cho giáo dục, xây dựng các trường học. Tôi đã nói với các nhà ngoại giao Nhật rằng: đã đến lúc người Nhật Bản không chỉ là đồng minh giàu có mà còn cần phải là đồng minh thông thái của Việt Nam.

Các vấn đề địa chính trị của Việt Nam và khu vực (IV)
(Trao đổi với các nhà ngoại giao, tháng 6-2015)

Hỏi: Tôi cảm ơn vì được gặp ông một lần nữa. Trước tiên, tôi muốn nói về mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản. Tôi thấy hiện nay, mối quan hệ ấy về cơ

bản không có điều gì đáng phàn nàn, tuy nhiên, còn rất nhiều việc phải làm. Theo báo cáo của Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, con số các nhà đầu tư Nhật Bản vào Việt Nam tăng chậm và tổng số tiền đầu tư có xu hướng giảm. Nội dung và mục tiêu đầu tư vào Việt Nam đang thay đổi. Trong quá khứ, có nhiều công ty lớn đầu tư vào Việt Nam nên số tiền đầu tư cao. Còn xu hướng hiện nay là các công ty nhỏ đầu tư nhiều hơn. Trước đây, các công ty lớn của Nhật Bản đến Việt Nam để sản xuất thiết bị và xuất khẩu các sản phẩm ấy ra nước ngoài, còn hiện nay, họ lại hướng vào thị trường Việt Nam. Có một lĩnh vực đang được tập trung đầu tư là lĩnh vực nông nghiệp. Ví dụ, các công ty nông nghiệp nhỏ của Nhật Bản đã bắt đầu vào Đà Lạt sản xuất rau xanh. Tính chất của đầu tư bây giờ đã khác, quy mô của các công ty đầu tư vào đâu cũng nhỏ hơn. Đối với các công ty lớn, họ có thể tự giải quyết được các vấn đề của mình, nhưng các công ty vừa và nhỏ sẽ gặp khó khăn và khó có khả năng tự giải quyết các vấn đề của mình. Nếu Chính phủ Việt Nam muốn kêu gọi nhiều hơn nữa các nhà đầu tư từ Nhật Bản thì phải cân nhắc đến việc tạo môi trường đầu tư tốt hơn. Như đã trình bày trong cuộc gặp trước, tôi mong muốn Việt Nam có sự cải cách về thị trường của mình.

Vấn đề thứ hai là vấn đề chính trị giữa các nước. Hiện nay giữa hai nước chúng ta không có vấn đề gì, nhưng cần phải củng cố thêm quan hệ. Ví dụ, Nhật Bản và Việt Nam đều có những điểm chung trong quan hệ với Trung Quốc. Không phải chúng ta bắt tay nhau để chống Trung Quốc mà cả hai bên đều cần phải duy trì mối quan hệ tốt với họ, và phải rất cẩn thận khi ngoại giao với họ.

Trả lời: Tôi rất cảm ơn đại sứ đã đến thăm chúng tôi một lần nữa. Ngài đã nói rất trúng những vấn đề hiện nay đang diễn ra ở Việt Nam. Vấn đề lớn nhất của người Việt hiện nay là không có năng lực để hình thành vấn đề, cho nên thảo luận về cái gì cũng khó. Còn về quan hệ của chúng tôi với Nhật Bản, càng ngày tôi càng cảm thấy những nhận định của mình là đúng.

Hỏi: Nhật Bản đã có một số hỗ trợ đối với Việt Nam trong lĩnh vực pháp luật. Hỗ trợ và quan hệ giữa hai nước liên quan đến vấn đề pháp luật đã diễn ra trong vòng hai mươi năm nay.

Trả lời: Hai mươi năm nay, tôi cũng là người triển khai sự hợp tác tư pháp giữa Việt Nam và các quốc gia khác, với người Mỹ, với người châu Âu và đặc biệt là người Úc. Tôi là tác giả đầu tiên của luật công ty cùng với World Bank. Tôi đã từng ký hợp đồng với Bộ trưởng Tư pháp Úc để hỗ trợ tư pháp đối với Chính phủ Việt Nam.

Hỏi: Những gì ông vừa nói rất quan trọng. Trước đây, các nhà đầu tư quan tâm nhiều đến cơ sở hạ tầng cứng như đường xá hoặc điện nước, nhưng bây giờ,

Việt Nam đã phát triển đến một mức nào đó rồi mà người ta phải quan tâm đến cơ sở hạ tầng mềm như hệ thống luật pháp. Tôi muốn lấy ví dụ về Nepal bởi tôi từng là đại sứ Nhật Bản ở đó. Đến thời điểm này, Nepal vẫn chưa có một hiến pháp chính thức, cũng không có cả luật dân sự hay luật hình sự chính thức. Các nhà đầu tư Nhật Bản chia sẻ là họ không muốn đầu tư vào một đất nước mà hiến pháp không có, luật dân sự cũng không có, vì như thế sẽ rất rủi ro. Hệ thống luật pháp và việc kêu gọi đầu tư nhìn qua thì có vẻ không liên quan đến nhau, nhưng thực ra thì rất liên quan. Hiện nay, chúng tôi cũng đang hỗ trợ Nepal xây dựng một hệ thống luật pháp. Tôi nghĩ vấn đề ấy cũng đúng với Việt Nam. Nếu có một hệ thống luật pháp tốt hơn, nó sẽ tạo môi trường tốt hơn cho nhà đầu tư.

Trả lời: Tôi hiểu rất rõ ý của ngài đại sứ. Hệ thống luật pháp của chúng tôi có tất cả mọi chuyện, nhưng không có gì hiện hữu trong cuộc sống một cách chuyên nghiệp.

Hỏi: Tôi muốn hỏi một câu ít mang tính chính trị hơn, đây là cải cách các doanh nghiệp nhà nước. Lần cuối đến đây, tôi thấy Việt Nam đang có những cải cách liên quan đến doanh nghiệp nhà nước. Liệu những cải cách ấy đang tiến triển tốt hay còn nhiều vấn đề? Ở Trung Quốc, ông Tập Cận Bình cũng đang tiến hành cải cách những công ty nhà nước.

Trả lời: Từ hôm tôi với Ngài gặp nhau đến bây giờ, việc cải cách các doanh nghiệp nhà nước chưa có tiến triển gì đáng kể. Nhiều công ty nhà nước hiện nay đang ở trạng thái hấp hối. Bán các công ty ấy là rất khó khăn và thường thì bộ phận nhà nước này mua của bộ phận nhà nước khác.

Hỏi: Cuối năm nay, khối ASEAN sẽ hình thành thị trường chung. Không biết Việt Nam có vấn đề gì không. Khi tôi đến một số nước ở khu vực như Campuchia, họ nói họ cũng đã mở cửa sẵn và không có vấn đề gì. Tuy nhiên, Indonesia thì nói nếu mở sẽ gặp rất nhiều khó khăn về thị trường, bởi các doanh nghiệp Indonesia sợ không có đủ khả năng chống chọi với cạnh tranh từ bên ngoài.

Trả lời: Tất cả các khối gọi là thị trường chung ấy đều có vấn đề. Thị trường chung châu Âu có vấn đề của nó, còn thị trường chung ASEAN là một ảo tưởng. Người châu Á tưởng rằng đi một bước ngắn là lên đến thiên đường. Đây là ảo tưởng, là sự không hiểu biết của nhiều nhà chính trị Đông Nam Á. Tôi không tin nó thành công. Campuchia luôn luôn sẵn sàng chào đón tất cả, bởi đây là thị trường của Hun Sen. Hun Sen có thể nói bất kỳ điều gì về Campuchia. Kể từ tuần này, ông ấy hoàn toàn có thể thực hiện những lời nói của mình vì ông ấy đã trở thành chủ tịch Đảng CPP. Không nên tin vào những

gì Campuchia nói vì nó không khái quát cho các nước Đông Nam Á. Nhưng tất cả các nước, nhất là Nhật Bản có thể tận dụng Hun Sen cho các công việc của mình.

Hỏi: Tháng trước, tôi có đi thăm Lào và Campuchia để xem xét tầm ảnh hưởng gia tăng của Trung Quốc trong khu vực này. Vì trong quá khứ, khối Đông Dương là khối tôi thấy khá lớn mạnh, nhưng hiện nay không còn được như thế nữa. Khi đến thăm Lào, tôi thấy rất nhiều người Trung Quốc đầu tư làm ăn ở đó. Việt Nam có định xúc tiến gì để có thêm ảnh hưởng đối với Lào và Campuchia không?

Trả lời: Câu hỏi rất hay! Người Trung Quốc đang làm suy yếu liên minh ba nước Đông Dương và họ thành công. Ảnh hưởng của người Việt ở Campuchia và Lào đang suy giảm một cách đáng kể. Ảnh hưởng của Việt Nam vào Myanmar cũng sẽ suy giảm. Tôi sợ rằng người Thái cũng sẽ có sự cạnh tranh đáng kể với người Việt trong việc gây dựng ảnh hưởng ở Lào, Campuchia và Myanmar bằng sự hỗ trợ của Trung Quốc.

Chúng tôi đã phạm phải sai lầm rất đáng kể trong 10 năm vừa rồi, đó là đã phiêu lưu trong nền kinh tế được gọi là Cơ sở hạ tầng cứng, dẫn đến nợ công trở thành con ngựa chính của Chính phủ. Đây là sai lầm lớn và nó đẩy chúng tôi đến chỗ chịu ảnh hưởng của Trung Quốc ngày càng sâu sắc hơn. Khi khoe ảnh hưởng của mình ở Lào và Campuchia một cách ngốc nghếch, chúng tôi đã kích thích người Trung Quốc đến Lào và Campuchia. Chúng tôi không có nhiều tiềm lực để đầu tư vào Lào, Campuchia và Myanmar. Đáng ra phải tìm cách kết đồng minh với người Nhật Bản để đến Lào, Campuchia và Myanmar thì chúng tôi lại không làm như vậy. Ví dụ, đáng ra chúng tôi phải khuyến khích người Nhật Bản có các xí nghiệp lớn ở Việt Nam và chia chi nhánh của các xí nghiệp ấy cho Lào và Campuchia, nhưng chúng tôi đã không làm như vậy mà làm một mình. Chúng tôi tưởng rằng mình đã trở thành con hổ rồi. Cái ngốc nhất của tất cả các con không phải hổ là ở chỗ nó tưởng nó là hổ.

Hỏi: Ngoài Nhật Bản, quốc gia nào đang có tầm ảnh hưởng tới an nguy của Việt Nam? Mỹ, Hàn Quốc, Nga hay Trung Quốc?

Trả lời: Ở các khía cạnh khác nhau, hình ảnh của các quốc gia cũng khác nhau. Trong lĩnh vực quốc phòng, ảnh hưởng của người Nga tăng lên đáng kể. Trong lĩnh vực chính trị, ảnh hưởng của người Trung Quốc tăng lên một cách không thể đo đếm được. Trong lĩnh vực hy vọng, ảnh hưởng của người Mỹ tăng lên. Còn ảnh hưởng của người Nhật thì có sự tăng lên đáng kể trong thực tế. Thứ nhất là các công trình lớn, đặc biệt trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, người Nhật vẫn chiếm ưu thế. Nhật Bản vẫn là nước tài trợ lớn nhất cho Việt Nam. Niềm hy

vọng vào người Nhật trong việc cân bằng với Trung Quốc ngày càng lớn. Về mặt kinh tế, địa vị của người Nhật ở Việt Nam là số một, thứ hai là Hàn Quốc, sau đó mới đến người Trung Quốc. Người Mỹ đứng vị trí số 7 trong những vấn đề thực, còn trong hy vọng của người Việt thì họ đứng số 1. Người Việt càng cảnh giác với Trung Quốc bao nhiêu thì địa vị của người Mỹ trong hy vọng của người Việt càng lớn bấy nhiêu.

Hỏi: Báo chí có đưa tin tháng tới, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng sẽ thăm Mỹ. Liệu Việt Nam có ý đồ cân bằng quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ hay với một nước nào khác?

Trả lời: Tôi nghĩ Việt Nam hy vọng một kiểu, Tổng Bí thư của chúng tôi hy vọng một kiểu khác. Tôi không thể biết ông ấy nghĩ gì, nhưng tôi cho rằng ông ấy nghĩ đúng hơn người Việt một chút. Đương nhiên, ông ấy có hy vọng cân bằng quan hệ giữa người Việt Nam và người Trung Quốc qua chuyến thăm Mỹ, nhưng ông ấy cũng là người khá mềm dẻo trong việc tiếp cận các vấn đề liên quan đến Trung Quốc. Ông ấy giữ được quan hệ tốt với Trung Quốc và trở thành khách quý của ông Tập Cận Bình.

Dư luận Việt Nam cho rằng thân Mỹ là cấp tiến, nhưng tôi không nghĩ thế. Lần trước tôi đã nói với Đại sứ rằng chúng tôi cần xử lý mỗi quan hệ với Mỹ thông qua Nhật Bản. Nếu không làm khôn khéo, người Việt không bao giờ có người Mỹ thật và trở thành miếng mồi cho sự ghét bỏ của người Trung Quốc.

Hỏi: Vấn đề chính trị của Việt Nam và Nhật Bản có nhiều nét tương đồng. Người Nhật có mối quan hệ kinh tế rất tốt với Trung Quốc, tuy nhiên, lại đối mặt với sự lấn chiếm của họ. Làm thế nào để cân bằng được nó là vấn đề chung.

Trả lời: Nhật - Trung ốc và Việt Nam - Trung Quốc là hai cặp quan hệ rất khác nhau. Người Nhật có kích thước khác người Việt. Nhật Bản là một nước lớn, do đó quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc tuân theo quan hệ giữa các nước lớn với nhau. Nhật Bản có quan hệ đồng minh với Mỹ một cách chính thức. Xét một cách tổng thể, người Nhật Bản có ưu thế hơn nhiều lần so với người Việt trong quan hệ với Trung Quốc. Ưu thế đó bị giảm đi một chút do quan hệ của họ với người Hàn Quốc. Tuy nhiên, tôi nghĩ quan hệ đó được Thủ tướng Abe xử lý khá tốt, nhờ đó, ưu thế của Nhật Bản cũng không bị giảm đi nhiều lắm.

Người Việt chúng tôi rất khó. Về mặt địa lý, vị trí của Việt Nam với Trung Quốc khác hẳn vị trí của Nhật Bản với Trung Quốc, Việt Nam gần khu vực chậm phát triển của Trung Quốc chứ không phải gần khu vực phát triển của họ. Nhật Bản thì ngược lại. Phải nói rằng chính người Nhật đã tạo ra khu vực phát

triển của người Trung Quốc. Do đó, ảnh hưởng của người Nhật Bản là ảnh hưởng có chất lượng lãnh đạo đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc. Kết hợp với người Nhật Bản một cách sâu sắc hơn chính là chiến lược đúng đắn mà Chính phủ chúng tôi nên có trong cách xử lý các vấn đề quốc tế. Thế giới ngày càng phức tạp. Đây là pha thứ hai của toàn cầu hóa. Chính sách đối ngoại trong giai đoạn thứ hai này không phải là sự tương tác giữa hai quả trứng mà là sự tương tác giữa lòng trắng và lòng đỏ của một quả trứng. Tôi nghĩ đây là một vấn đề quan trọng của thời đại chúng ta.

Hỏi: Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng khá mềm dẻo, người dân có vẻ cũng không có quá nhiều bức xúc với Đảng. Không biết còn yếu tố nào ảnh hưởng đến uy tín của Đảng nữa không?

Trả lời: Có hai yếu tố chính. Thứ nhất là tham nhũng, thứ hai là sự lạm dụng hành chính trị. Tham nhũng thì các ngài biết rồi, đó là lấy trộm mọi thứ có thể lấy được bằng quyền lực. Nó làm cho Đảng mất dần uy tín và địa vị hợp pháp. Nó chưa đến mức khiến nhân dân nổi loạn nhưng đã đến mức gây sự bất mãn rộng rãi trong giới công chức. Sự lạm dụng hành chính trị cũng được coi là tham nhũng trong lĩnh vực chính trị. Nó cấu tạo ra các nhóm quyền lực và làm chia rẽ sự thống nhất chính trị trong Đảng, do đó, làm cho sức mạnh chính trị của Đảng yếu đi.

Hỏi: Mỗi lần đến đâu, tôi cảm thấy thú vị vì được trao đổi những quan điểm rất thẳng thắn với ông. Tôi hoàn toàn đồng ý với ông và hy vọng hai nước chúng ta có thể hợp tác lâu dài và phát triển tốt hơn trong tương lai. Tất nhiên, hai nước khác nhau nhiều nên không thể ở vị trí giống nhau hoặc áp dụng các biện pháp hoàn toàn như nhau được, nhưng có thể chia sẻ kiến thức cho nhau để tìm ra giải pháp.

Trả lời: Tôi cũng cảm ơn Đại sứ và đồng nghiệp của ngài đã đến thăm chúng tôi. Cánh cửa của chúng tôi luôn rộng mở đón ngài và đồng nghiệp của ngài. Người Việt chúng tôi có đôi mắt của con ngỗng cho nên ngài đừng nghĩ rằng chúng tôi sợ các ngài to lớn mà không dám hợp tác. Chúng tôi luôn sẵn sàng hợp tác với các ngài.

TRÒ CHUYỆN VỚI GIÁO SƯ ANDRÉ NAYER

Trạng thái nhiệm độc của tự do

Giáo sư André Nayer chuyên nghiên cứu về luật học, nguyên là Hiệu phó Đại học Free University of Brussels - Bỉ. Ông thường xuyên sang làm việc tại Việt

Nam và giảng bài tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Giáo sư Nayer và tác giả đã có nhiều cuộc thảo luận về các vấn đề phát triển và các vấn đề luật học.

Nguyễn Trần Bạt: Tôi nghĩ Châu Âu của ông đang gặp khó khăn. Tôi đã linh cảm về sự khó khăn này từ lâu nhưng không ngờ nó đến với Châu Âu sớm thế.

André Nayer: Nhưng đây cũng chưa phải là đã hết. Cuộc bầu cử tổng thống sắp tới của Pháp sẽ là một cuộc bầu cử rất thú vị, là một điểm cần quan sát để thấy được chiều hướng của châu Âu. Có một cuộc chiến tranh nảy lửa được gây ra bởi những người cánh tả. Những gì diễn ra ở châu Âu, ở Mỹ liên quan đến Donald Trump và Triều Tiên đều là biểu hiện của một hiện tượng.

Nguyễn Trần Bạt: Theo ông đó là hiện tượng gì?

André Nayer: Giá trị của nhà nước pháp quyền có thể bị biến mất.

Nguyễn Trần Bạt: Tôi cho rằng thế giới đang nhiễm độc tự do.

André Nayer: Ông vừa mở ra một vấn đề rất quan trọng. Có lẽ tôi phải suy nghĩ lại về chuyện này.

Nguyễn Trần Bạt: Nhân loại quên mất rằng tự do và dân chủ thật sự là kết quả của giáo dục. Tự do và dân chủ không phải là vô điều kiện. Tôi lấy ví dụ về châu Âu. Châu Âu đã phạm phải sai lầm khi kết nạp khá bừa bãi nhiều quốc gia.

André Nayer: Châu Âu làm như vậy là nhằm ngăn cản chiến tranh có thể diễn ra ở đó.

Nguyễn Trần Bạt: Tôi nghĩ châu Âu đã kéo chiến tranh đến gần mình hơn thông qua việc kết nạp thành viên một cách bừa bãi. Phản ứng của Ba Lan gần đây thể hiện điều ấy rất rõ.

André Nayer: Tôi thấy việc mở rộng ấy chủ yếu là mở rộng về thị trường, chứ không hoàn toàn là vấn đề tư tưởng tư bản chủ nghĩa. Theo tôi sự thiếu giáo dục là không thể tránh khỏi.

Nguyễn Trần Bạt: Thiếu giáo dục và không ra khỏi tâm lý chiến tranh lạnh đã làm cho châu Âu phát triển sang hướng Đông một cách vội vã. Phương Tây phải trả giá cho việc này. Lòng nhân hậu của những người thiếu giáo dục ở tây Âu đến sớm hơn, nhiều hơn và được cổ vũ hơn nhiều so với khả năng giáo dục để con người trở nên cần trọng của phương Đông.

André Nayer: Theo tôi không phải hoàn toàn do sự mở rộng lòng tốt hay tư tưởng, mà do tiền bạc. Họ quá vội vàng phát triển thị trường sang phía Đông mà quên mất rằng ở đây người ta không muốn có giáo dục.

Nguyễn Trần Bạt: Câu nói vừa rồi của ông chứng minh thêm một lần nữa về nhận xét của tôi là lòng tốt của phương Tây phát triển một cách thái quá. Các ông tự nhận khuyết điểm về tính vụ lợi của phương Tây, nhưng tính vụ lợi của phương Tây vẫn ở mức dưới sự thiếu giáo dục. Trong các nhà chính trị phương Tây, chỉ có mỗi Donald Trump nhận ra nhược điểm trong nhận thức về sự phát triển tâm lý của con người. Ông ấy đã làm một cuộc cách mạng chính trị hết sức thành công và nắm quyền một cách ngoạn mục.

André Nayer: Phương Tây là xã hội phúc lợi. Lâu quá rồi họ mất khả năng chiến đấu cho tự do, cho giáo dục. Tâm lý bảo vệ quyền lợi của họ hầu như chỉ hướng vào việc kiếm tiền.

Nguyễn Trần Bạt: Kiếm tiền dần dần trở thành một tâm lý tương đối hòa bình, làm cho người phương Tây mất cảnh giác về các mặt khác. Tôi nghĩ thế giới sẽ gay go.

André Nayer: Như ông nói thì khủng hoảng sắp tới của thế giới cũng ảnh hưởng nặng nề cho thế giới và cho cả người Việt Nam, người Trung Quốc. Công nghệ mới phát triển sẽ kiểm soát từng người một. Tôi rất lo sợ như ông nói dân chủ ngày càng bị bỏ lại phía sau nhiều hơn. Vậy hệ thống chính trị tiếp theo sẽ thế nào, phải chăng là rất kinh khủng?

Nguyễn Trần Bạt: Stephen Hawking đã nói đến sự toàn thắng của trí tuệ nhân tạo và sự cáo chung của con người. Ông ấy đang lo trí tuệ nhân tạo sẽ tiêu diệt con người.

André Nayer: Tôi nghĩ tôi với ông cùng quan tâm đến nhiều thứ giống nhau. Google cách đây vài tháng phát hiện ra hai máy tính ở hai nơi trên thế giới liên lạc với nhau bằng ngôn ngữ không ai biết được, nó tự động làm thế để giải quyết một vấn đề. Các kỹ sư ở Google không ai hiểu được chuyện đó. Stephen Hawking cũng nói rằng phải cẩn thận, chúng ta có thể tạo ra sự kết thúc của mình.

Bây giờ tạm gác chuyện châu Âu lại, chuyển sang châu Á. Ông thấy vấn đề châu Á hiện nay như thế nào?

Nguyễn Trần Bạt: Châu Á sẽ vẫn tiếp tục làm những việc khờ khạo như trước đây họ từng làm. Họ định bắt chước châu Âu để lập cộng đồng ASEAN. Bây

giờ họ còn khuyến khích xã hội bàn về cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4, tức là cuộc cách mạng phát triển trí tuệ nhân tạo. Sự hiện đại của phương Tây về mặt xã hội học và khoa học công nghệ sẽ là hai gọng kìm của một giai đoạn thống trị mới của phương Tây với châu Á. Lần này, phương Tây thiếu một yếu tố trong các cuộc xâm chiếm châu Á mới, đó là âm mưu chính trị, và người châu Á tự cung cấp cho mình âm mưu chính trị. Âm mưu chính trị của châu Á kết hợp với trí tuệ nhân tạo và xã hội học phương Tây sẽ tạo ra một cuộc bao vây mới đối với người châu Á. Người châu Á sẽ tự nô dịch mình một cách cực kỳ thành công. Trump mừng tượng tình huống tương tự như vậy cho mình và sợ. Tất cả các phản ứng của Trump bây giờ là sợ cái mà tôi vừa mô tả, nhưng cái đấy không xảy ra ở Mỹ, chỉ xảy ra Trung Quốc thôi. Không phải Trump vô cơ muốn xây dựng bức tường với Mexico, ông ấy sợ các cuộc cách mạng.

André Nayer: Cuộc cách mạng tiếp theo sẽ không giống với cuộc cách mạng lần trước. Biết đâu lại có sự phối hợp giữa tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Vậy tiếp theo sẽ thế nào?

Nguyễn Trần Bạt: Tiếp theo đó là bắt nạt tất cả những kẻ yếu hơn.

André Nayer: Tương lai có lẽ là rất đen tối ?

Nguyễn Trần Bạt: Châu Âu liệu có trở thành vùng đất nguy hiểm đối với người châu Âu không, đấy là một vấn đề.

André Nayer: Bây giờ ở châu Âu, nhiều người cũng đã bàn đến kế hoạch B, nhưng vấn đề là rời châu Âu thì đi đâu bây giờ.

Nguyễn Trần Bạt: Không có ở đâu an toàn, cho nên tốt nhất phải giữ sự an toàn lại cho mình.

André Nayer: Trong xã hội có rất nhiều loại người. Ví dụ, ở Mỹ có nhiều nhóm người khác nhau, một nhóm thiểu số sẽ nghĩ cách làm thế nào có tự do, có giáo dục. Vậy ở châu Á có sự phân chia như vậy không?

Nguyễn Trần Bạt: Ở châu Á, trên thực tế, các nhóm con người không được phân chia bằng nhau, không được phân chia bằng quyền lợi mà đang được phân chia bằng những thông tin ngẫu nhiên nó nhận được thành một thói quen. Do đó, các nhóm ấy rất nhanh chóng tan rã và trở thành thực phẩm quan trọng cho các âm mưu chính trị.

André Nayer: Đó là vấn đề lớn ở châu Á nhiều hơn là ở châu Âu. Ở Pháp hiện nay có một nhóm rất lạ có tên là Chống lại các thông tin độc. Những thông tin

giả dối, gây chiến chẳng hạn, họ sẽ chứng minh là sai. Nhưng điều này chỉ có thể làm được khi có tự do ngôn luận. Tôi rất lo ở Việt Nam và Trung Quốc không có điều này, vậy ai sẽ chống lại?

Nguyễn Trần Bạt: Tôi hơi nghi ngờ kết luận ở châu Á không có tự do. Ở châu Á chỉ thiếu quyền tự do chứ không thiếu tự do. Đây cũng là tình thế để tạo ra năng lực đề kháng của người châu Á đối với các thông tin như ông nói. Nhưng khả năng ấy phát triển chậm hơn nhiều so với khả năng sử dụng mặt tiêu cực của người châu Á.

André Nayer: Không hiểu ở châu Á có thiếu giáo dục, giáo dục có bị chậm gần như ở châu Âu không?

Nguyễn Trần Bạt: Ở châu Á, Nhà nước chậm trễ, Chính phủ chậm trễ trong việc tiến hành các công việc, còn người dân thì chưa chắc, họ có thể tự giáo dục. Thanh niên châu Á sử dụng các phương tiện thông tin sớm hơn, nhiều hơn và nhanh hơn phương Tây. Vì thế có thể nói rằng Chính phủ các nước châu Á chậm hơn nếu có sự đùng độ về phát triển công nghệ thông tin với các Chính phủ phương Tây, nhưng người dân thì chưa chắc. Ông nên nhớ rằng các công ty phương Tây vẫn đến thuê người Việt làm phần mềm hay từng bộ phận phần mềm và rất nhiều trò chơi thu hút nhất thế giới hiện nay xuất hiện từ châu Á, đặc biệt là Nhật, Đài Loan, bắt đầu có cả ở Việt Nam. Rủi ro của châu Á nằm ở chỗ các chính phủ không ý thức được những rủi ro mà xã hội có thể tạo ra cho chính mình.

André Nayer: Tôi rất đồng ý với ông về chuyện đấy, nhưng tôi nghĩ rủi ro đến do họ không cẩn thận, nghĩ đến quyền lực và lợi ích của mình nhiều hơn là rủi ro. Cho nên lớp trẻ vừa chơi vừa thể hiện.

Nguyễn Trần Bạt: Lớp trẻ nghịch chứ không chơi. Nó không tìm thấy hạnh phúc ở trong các trò chơi của mình, mà nó thể hiện sự liêu lĩnh trong đó, kể cả các trò chơi nghe rất nổi tiếng như khởi nghiệp. Ví dụ, chúng tôi luôn luôn biểu dương nền kinh tế tri thức nhưng quên mất rằng tất cả các máy rút tiền đều bị tấn công hàng đêm ở Sài Gòn bằng những công cụ còn thông minh hơn cả cái máy ấy. Bây giờ Việt Nam bắt đầu là một cửa ngõ, là một lỗ thủng lớn của tội phạm quốc tế về các công nghệ hiện đại.

André Nayer: Chính phủ quá chậm so với công nghệ nói chung chứ không phải người dùng công nghệ, bởi công nghệ phải đi kèm với đầu tư hạ tầng và cả hệ thống luật để điều chỉnh. Việt Nam chưa có cả luật liên quan đến các vấn đề

công nghệ lẫn lực lượng quản lý. Luật không dùng để giúp công nghệ phát triển mà là vũ khí để ngăn chặn nó, đóng cửa nó.

Nguyễn Trần Bạt: Người ta có biết nó là ai đâu mà ủng hộ hay chặn nó. Bây giờ tôi nói với ông hiện tượng thế này, có một thương gia đang chạy đua trở thành tỷ phú theo các tiêu chuẩn của Forbes. Người Việt không hiểu được tại sao ông ta lại có thể trở thành tỷ phú, ông ta không làm gì mà tài sản tăng lên rất nhanh thông qua chứng khoán. Người ta nghi ông ta tổ chức ra một nhóm công ty con, dùng tiền đầu tư lòng vòng trong nhóm công ty này, tạo ra doanh thu ảo, làm đẩy giá cổ phiếu của công ty trên thị trường. Chính vì thế, Forbes không chịu đưa ông ta vào danh sách tỷ phú, mặc dù số cổ phần mà ông ta nắm giữ có giá trị lên đến hàng tỷ đô la ở thời điểm hiện tại. Một nhà báo có tiếng đến hỏi tôi hiện tượng tỷ phú có ảnh hưởng gì đến sự phát triển kinh tế Việt Nam. Tôi trả lời rằng nếu không sản xuất, không có mặt hàng nào xuất hiện thì không có ảnh hưởng gì tích cực đến nền kinh tế. Tương tự, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cũng không ảnh hưởng gì đến sự phát triển kinh tế Việt Nam, các tiến bộ khoa học đến Việt Nam cũng chưa chắc ảnh hưởng một cách tích cực đến nền kinh tế Việt Nam. Tất cả các pha tích cực nhất của sự phát triển các tư tưởng trên thế giới, đặc biệt là của phương Tây sẽ dồn các bộ phận tiêu cực nhất, nghèo nhất của châu Á vào chân tường. Hiện tượng Donald Trump mà người ta đang lo ngại ở Mỹ sẽ xuất hiện ở châu Á và các cuộc cách mạng rất có thể sẽ xuất hiện ở châu Á và châu Mỹ la tinh

André Nayer: Ở châu Âu chúng tôi đang đấu tranh với Hiệp định CETA giữa Châu Âu với Canada, bởi vì nó có những cam kết mà theo chúng tôi là không công bằng. Ông có nghĩ rằng Hiệp định thương mại với châu Âu cũng là một khởi đầu cho một sự áp bức nào đấy đối với người Việt Nam không?

Nguyễn Trần Bạt: Tôi không nghĩ các Hiệp định thương mại có thể áp bức được Việt Nam, bởi vì người Việt Nam không được rèn luyện để cam chịu bất cứ áp bức nào.

André Nayer: Tôi chưa định nói đến thực tế, tôi mới chỉ giả định trên phương diện lý thuyết thôi.

Nguyễn Trần Bạt: Về lý thuyết, người Việt Nam luôn luôn sẵn lòng tuân thủ tất cả những Hiệp định thương mại nào có lợi cho mình, mà với cách giải thích của phương Tây thì bất kỳ Hiệp định thương mại nào cũng có lợi cho Việt Nam. Thực ra, phương Tây sử dụng các FTA để mong làm biến đổi những người cộng

sản Việt Nam. Ví dụ, TPP có một yếu tố là công đoàn độc lập, đây là công cụ có thể khống chế những người cộng sản.

André Nayer: Trong nội dung của FTA châu Âu - Việt Nam cũng có một phần gọi là phần quyền cơ bản, có một phần liên quan đến công đoàn, nhưng nó không như TPP.

Nguyễn Trần Bạt: Người Việt Nam chỉ cần nhờ nhờ thế là đủ rồi. Và đây là cái thông minh của người châu Âu.

André Nayer: Chính phủ có nhận ra được ảnh hưởng của những thứ này đối với người dân không?

Nguyễn Trần Bạt: Chính phủ chưa nhận ra một cách có hệ thống. Để nhận ra một cách có hệ thống đòi hỏi phải đối phó rất cẩn thận và rất có giáo dục, mà làm như vậy rất tốn kém. Cho nên, chống lại tất cả các ngẫu nhiên chính trị bằng sức mạnh của chính quyền vẫn là đối sách cơ bản. Không hiểu điều ấy, không chơi được với những người cộng sản. Tôi có nói chuyện với David Shear, Đại sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam. Ông ấy hỏi: Tại sao chúng tôi không thắng được ở Đông Dương? Tôi trả lời: “Vì các ông không biết hợp tác với những người cộng sản “. Họ thay thế việc cho xã hội tự do bằng việc cho ông tự do đến giảng ở Việt Nam, đây cũng là một sự thay đổi.

André Nayer: Tôi nhận ra điều ấy từ lâu rồi. Tôi đã nói cách đây 10 năm là tôi sẽ không quay lại, nhưng tôi vẫn quay lại tiếp tục chương trình giảng dạy. Có lẽ nếu tôi biết nói tiếng Việt thì tôi sẽ không được tự do giảng bài ở Việt Nam, vì tôi trở nên nguy hiểm.

Nguyễn Trần Bạt: Có lẽ họ hiểu sau ngần ấy năm, ông sẽ đủ khôn ngoan, biết nói những điều để vẫn tiếp tục được chào đón. Không người nước ngoài nào có khả năng đưa tự do đến cho người Việt, nhưng có khả năng giúp người Việt tìm kiếm tự do ở phương Tây.

André Nayer: Lần nào tôi sang đây, các bạn tôi cũng nói y hệt về những người cộng sản, sự khác biệt không nhiều lắm. Những người cộng sản ở Đông Âu, ở Hungary cũng vậy, chẳng có gì thay đổi.

Nguyễn Trần Bạt: Các ông hiểu sai, phương Tây hiểu sai. 30 năm trước đây, những người cộng sản giữ bằng được quyền lãnh đạo của mình. 30 năm sau, họ giữ cả cái đấy lẫn túi tiền mà họ kiếm được trong 30 năm. Không biết giữa hai thứ đó, họ tha thiết giữ cái nào hơn. Nhưng tôi khẳng định rằng họ giữ cả hai với một khát vọng dữ dội như nhau.

André Nayer: Ở châu Âu chắc sẽ có nhiều người nhìn Trump như là biểu tượng cho việc chỉ cần nói dối và nịnh giống như Trump là có thể thành công trong chính trị.

Nguyễn Trần Bạt: Đây là một nhận định hơi hợt. Không ý thức được về sức mạnh của người nghèo, không biết cách lôi kéo người nghèo vào cuộc, không thẳng như Trump được. Nhận ra cái sơ suất của chủ nghĩa tư bản trong toàn cầu hóa thì rất nhiều người làm được, kể cả Joshep Stiglitz cũng sớm nhận ra chuyện này, nhưng ông ta không làm được như Trump. Trump là một người có năng lực chính trị khổng lồ.

André Nayer: Tôi muốn đợi xem tình hình Syria bây giờ, bởi vì đây là khủng hoảng chính trị quốc tế đầu tiên của Trump. Tôi chờ đợi điều thú vị sẽ xảy ra. Ông có nghĩ là Trump sẽ bị mất quyền?

Nguyễn Trần Bạt: Không. Thế giới phải học cách để sống với những điều mình không thích. Trump là ví dụ đầu tiên về sự không thích ấy. Hôm nay, có một người học được cách sống với người mà mình không thích, với những việc mình không thích, đó là Tập Cận Bình. Putin ngày hôm qua cũng học được một bài đau với 59 phút tên lửa của Trump. Tôi cho rằng Trump rất thông minh.

André Nayer: Tôi cảm giác đây là phiên đấu trí giữa Trump và Putin.

Nguyễn Trần Bạt: Tôi nghĩ bằng 59 phút tên lửa, Trump đã cười giễu cả nước Mỹ vì mọi người đang nghi rằng Trump và Putin móc ngoặc với nhau.

André Nayer: Ông thấy quan hệ Việt - Trung có gì thay đổi không?

Nguyễn Trần Bạt: Những người đại dốt nghĩ rằng nó có thể thay đổi, còn những người thông minh biết là nó không thay đổi. Đối với người Việt, Trung Quốc là một vấn đề lớn, xử lý phải rất cẩn thận.

André Nayer: Khi nhìn về tự do và dân chủ của châu Âu mà cụ thể là Tây Âu, tôi thấy trong nền tảng dân chủ của xã hội có những kẽ nứt rất mạnh. Để sống được cuộc sống của mình một cách bình yên, tự do, ngày nào người ta cũng phải chui qua cái khe ấy. Không biết như thế còn được gọi là dân chủ, tự do không?

Nguyễn Trần Bạt: Tôi nghĩ vấn đề của con người không phải là dân chủ, mà là trí khôn và các quyền tự do của mình. Ở đâu con người cũng chỉ tồn tại được nếu đủ trí tuệ, trí khôn và có một số quyền. Con người không mấy khi thảo luận với nhau về những vấn đề này mà chỉ có giới trí thức thảo luận với nhau mà

thôi. Giới trí thức thảo luận với nhau về tự do, dân chủ nói chung chứ không phải các quyền tự do, dân chủ hàng ngày. Đôi khi chúng ta nhầm lẫn là con người thiếu tự do và dân chủ, nhưng thực ra là con người thiếu các quyền cụ thể. Các nhà chính trị khi hoạt động không thể lôi kéo con người bằng các quyền cụ thể, mà chủ yếu bằng tự do, dân chủ mang tính lý thuyết. Thực ra đó chỉ là món khai vị, món thường xuyên của giới trí thức cũng như giới chính trị để lôi kéo công chúng cho mục đích của mình. Đôi khi, họ say mê quá đến mức xem luôn đó là món chính. Người dân bình thường, người nghèo nghe những chuyện ấy chán quá và họ theo Trump. Trump đã thành công trong việc tận dụng sai lầm của giới trí thức cũng như giới chính trị. Ông ấy biết người nghèo chán các khái niệm tự do, dân chủ chung chung nên ông ấy đã trả cho họ một món khác, đó là hứa hẹn về công ăn việc làm và thu nhập để có được sự ủng hộ chính trị và ông ấy thắng.

Tôi đã viết ở đâu đó rằng cách mạng trong điều kiện ngày nay là cơ hội khổng lồ của những kẻ cơ hội. Trump được coi là một kẻ cơ hội. Mọi kẻ cơ hội đều ngắn hạn, nhưng nguy hiểm là ở chỗ họ rất đông và luôn có những kẻ cơ hội kế tục, nhiều khi còn to hơn cả Trump. George Soros đã rất nhiều lần thể hiện tài năng của mình bằng cách bắn phá vào chủ nghĩa tư bản. Sau Trump có phải là George Soros không? Có phải Murdoch không? Sau trường hợp của Trump sẽ là những kẻ cơ hội khổng lồ mà chúng ta không thể lường trước được.

André Nayer: Tôi cũng nói với các học sinh của tôi rằng luật pháp có thể có một chút ý nghĩa khi có xung đột quyền lợi, nhưng vấn đề quyền là cái gì. Tôi đã đọc luật dân sự Việt Nam, trong đó nói rất rõ về quyền tự do kinh doanh. Tôi hỏi sinh viên của tôi điều đó có ý nghĩa gì trong cuộc sống đời thường của bạn không? Rõ ràng nó không có ý nghĩa gì cả, vì cái quan trọng nhất là cái bạn sống hàng ngày.

Nguyễn Trần Bạt: Tôi nghĩ chỉ cần một chút hy vọng nho nhỏ vào công lý, chứ không phải là luật pháp, đã là có giá trị rồi. Nếu nó không quan trọng như vậy thì tại sao giới trí thức và giới chính trị lại nói về nó?

André Nayer: Tôi là người giảng dạy về luật. Khi sang đây dạy, tôi hỏi các bạn bên này cho xem một số bản án đã xử để nghiên cứu. Tôi thấy có những vụ án không thể thua được về mặt luật pháp, nhưng chắc chắn có người đã phải trả tiền cho ai đó. Khi phối hợp vào bài giảng, tôi phải đi tìm một số án lệ được phổ cập hóa làm ví dụ phân tích nhưng không thể tìm thấy. Vậy làm thế nào để chỉ

cho sinh viên thấy được công lý là cái gì? Việc giảng dạy về luật pháp ở đây quả thật là rất khó.

Nguyễn Trần Bạt: Cho nên phải có một bài giảng phụ: số phận là giá của công lý.

André Nayer: Đối với tôi, luật pháp không phải trên giấy mà là những thể chế, những quy trình đang được áp dụng.

Nguyễn Trần Bạt: Khi ông đã hiểu như thế tức là ông hạnh phúc hơn chúng tôi. Ông có thể nhìn thấy công lý bị bẻ cong, bị mua bán, ông có thể định giá công lý được trên các án lệ, còn chúng tôi thì chưa.

André Nayer: Ở phương Tây, cái giá của công lý, sự mua bán công lý là như thế, nó được hợp pháp hóa dưới hình thức trọng tài. Tôi có kinh nghiệm 20 năm là hòa giải viên nên tôi hiểu, nhưng cái tôi muốn hướng tới là lớp trẻ định giải quyết cuộc sống của mình như thế nào? Tôi hỏi sinh viên là bây giờ có một vấn đề gì, bạn sẽ giải quyết như thế nào, ngay lập tức, câu trả lời là họ sẽ dùng mạng lưới quan hệ, gần như không ai nhắc đến công lý hay luật pháp sẽ phán xử như thế nào.

Nguyễn Trần Bạt: Thường người ta chỉ tham khảo pháp luật chừng nào phải ra tòa, còn chưa phải ra tòa thì họ tìm trọng tài như ông. Ở Việt Nam, hàng ngày, trùng trùng điệp điệp các hoạt động trọng tài. Tôi nghĩ những chuyện ấy diễn ra trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa và hội nhập giúp người Việt nhận ra rằng những thứ diễn ra ở đây cũng diễn ra ở mọi nơi trên thế giới. 20 năm trước, tôi tham dự một bữa cơm cùng Đại sứ Anh với sự có mặt của hoàng tử Andrew. Có một người hỏi Đại sứ Anh rằng ở Anh có tham nhũng không. Ngài Đại sứ trả lời lâu quá không thấy nên chúng tôi quên rồi. Nhưng đến nay, không có một vị Đại sứ nào ở phương Tây dám nói như thế, bởi vì tham nhũng chuyên nghiệp nhất là ở phương Tây. Trong những sự tham nhũng lớn nhất Việt Nam có thì có rất nhiều khía cạnh học từ các phương pháp phương Tây.

André Nayer: Trước thời kỳ Pháp đô hộ, theo tôi tham nhũng nằm trong bản chất con người, kể cả phương Tây hay phương Đông. Cái dừng nó lại vẫn phải là công lý. Trọng tài và hòa giải trọng tài đứng đằng sau chỉ là một phần, đến một điểm nào đấy vẫn cần đến tòa án, đấy là tượng trưng cho sự có mặt của công lý.

Nguyễn Trần Bạt: Thời đại nào công lý cũng quan trọng. Trước thời Pháp thuộc, Việt Nam cũng có các thành tích. Trần Thủ Độ đã sử dụng hình phạt chặt

tay những kẻ ăn trộm, cho nên khi đi lên biên giới, thấy những kẻ cụt tay, người ta nhận ra đây là những người đã từng ăn trộm. Các vua triều đại phong kiến Việt Nam cũng từng ban hành luật pháp. Nhà Lê có Bộ luật Hồng Đức rất nổi tiếng, đã từng trở thành đề tài để bảo vệ luận án tiến sĩ của một số luật sư người Việt ở trường Harvard. Ở phương Tây, luật pháp được coi như công cụ cơ bản để thực thi công lý. Còn ở châu Á, công lý được hiểu thành luân lý, công lý nặng về đạo đức.

André Nayer: Tôi mô tả như thế này ông thấy sao: có ba cái vòng tròn, vòng đầu tiên là đạo đức, vòng thứ hai là tôn giáo, vòng thứ ba là luật pháp, phần giao thoa ở giữa ba vòng tròn ấy là công lý.

Nguyễn Trần Bạt: Đây là một mô tả đẹp, thậm chí thông minh. Tuy nhiên, cái vùng giao ấy rất hẹp, mấy ai có đủ may mắn để lọt vào vùng giao giữa ba vòng tròn ấy?

André Nayer: Giờ đây, mỗi người phải tự hỏi mình xem làm người như thế nào và tự tìm cho mình đường để mình tự do nhất.

Nguyễn Trần Bạt: Tôi nghĩ có hai sự đi tìm với hai động lực. Nếu đi tìm công lý như một lối thoát cho mình thì ta đi tìm ở bên ngoài. Nhưng đi tìm công lý như là một lối thoát tinh thần tức là chúng ta đi tìm sự công bằng. Cả hai cái ấy đều khó.

André Nayer: Người Việt hiện nay đang đối mặt với vấn đề gì?

Nguyễn Trần Bạt: Tôi nghĩ người Việt đang đứng trước một sự thay đổi lớn. 2 năm trước đây, người Việt hoàn toàn tin vào toàn cầu hóa, vào hội nhập và các giá trị phương Tây. Tuy nhiên, vẫn có một vài người hoài nghi một cách tỉnh táo, trong đó có tôi. Đây là sự phân vân rất lớn về tương lai của người Việt. Khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng chính trị của Mỹ và khủng hoảng của Châu Âu làm cho người Việt không hoàn toàn tin vào phương Tây nữa. Ngay cả các nhà ngoại giao phương Tây ở Việt Nam cũng không còn tự tin khi nói với chúng tôi về những giá trị mà họ vẫn tuyên truyền trước đây.

André Nayer: Ở châu Âu có rất nhiều người Việt. Những tiếng nói của họ có ảnh hưởng đến quan niệm của người Việt ở đây không?

Nguyễn Trần Bạt: Có ảnh hưởng, nhưng nó không làm cho sự kính trọng tăng lên. Hay nói cách khác, ảnh hưởng của họ không đáng kể. Có một thời kỳ, họ là biểu tượng của sự thành đạt mà chủ yếu là do kiêu hãnh. Dần dần, Việt Nam cũng

phát triển lên, người Việt ở trong nước bắt đầu có những thành công thương mại lớn hơn và nhiều người trở nên giàu có hơn người Việt ở châu Âu.

André Nayer: Ông có nghĩ người Việt ở châu Âu thích về Việt Nam để sống không?

Nguyễn Trần Bạt: Việt Nam là chỗ rất nhiều người muốn đến, không phải chỉ với người Việt. Khi xem bộ phim Đông Dương, tôi mới hiểu ra sự hấp dẫn của xứ này, đặc biệt khi nó được mô tả bằng văn hóa của phương Tây. Tôi là người có may mắn gặp gỡ rất nhiều người quay trở lại Việt Nam. Tôi đã gặp những nhà ngoại giao Hoa Kỳ có trách nhiệm trong việc giải quyết hậu quả của cuộc chiến tranh Đông Dương, như Giáo sư Leonard Unger, Thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ, Đại sứ Wood Cock, người có trách nhiệm trực tiếp trong việc giải quyết vấn đề đền bù chiến tranh ở Việt Nam. Họ rất thích quay trở lại Việt Nam. Tuy nhiên, có một người Mỹ không như thế, đó là Ngoại trưởng Henry Kissinger. Ông ta nói với tôi tại Washington DC rằng “Tôi có một lời thề là không quay trở lại đó nữa”. Trong hàng nghìn người tôi gặp chỉ có một người như thế, bởi vậy tôi vẫn cho rằng Việt Nam là một nước nhiều người muốn quay lại.

Tôi đã hỏi nhiều nhà ngoại giao một cách riêng tư, tại sao nhiều người muốn quay trở lại. Họ cũng không biết phân tích thế nào. Tôi hỏi liệu có phải phụ nữ Việt Nam đẹp không. Tôi nghĩ phụ nữ Việt Nam đẹp có lẽ cũng là một trong yếu tố để họ quay lại. Người phụ nữ Việt Nam rất thích đàn ông phương Tây, giống như phụ nữ của những nước khác. Họ muốn đến phương Tây bằng cách bám vào con tàu có tên là đàn ông phương Tây, vì đó là cách đơn giản nhất. Cho nên trong những sự dễ thương mà người Việt có, có cả những nghi án. Tôi nghĩ người Việt phải cố gắng phấn đấu để trở nên thành đạt đến mức phụ nữ không phải tìm đến giải pháp lấy đàn ông phương Tây nữa. Một trong những yếu tố cần phải phấn đấu để đạt được là Chính phủ Việt Nam đáng để người ta có thể yêu.

André Nayer: Chúng ta rất hiểu nhau. Hẹn ông tiếp tục có dịp cùng nhau trao đổi. Cảm ơn ông!

Trò chuyện với giáo sư John Gillespie

John Gillespie là giáo sư thỉnh giảng của Trường Đại học Luật Deakin - một trong những trường đại học luật danh tiếng của Úc và cũng là một trong những

trường luật có ảnh hưởng lớn trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ông đã nghiên cứu về Việt Nam từ hàng chục năm qua và có nhiều công trình nghiên cứu về Việt Nam. Tháng 3 năm 2005, trong dịp sang Việt Nam nghiên cứu ông đã có cuộc trò chuyện sau đây với tác giả.

GS John Gillespie (JG) : Tôi rất cảm ơn ông đã giành thời gian cho buổi gặp gỡ. Như ông đã biết, tôi rất quan tâm nghiên cứu Việt Nam và cũng tham gia một số dự án do các nhà tài trợ tổ chức. Lần này tôi đang tham gia một đề tài nghiên cứu mà tôi thấy rất thú vị đó là một dự án viết cuốn sách về vấn đề làm thế nào chuyển luật pháp từ quốc gia này đến quốc gia kia và nghiên cứu Việt Nam như một ví dụ (case study). Chúng tôi đang cố gắng tạo ra một mô hình mà qua đó người ta hiểu và du nhập luật pháp vào.

Ông Nguyễn Trần Bạt (NTB): 9 năm trước đây tôi có nói với tiến sỹ Henry Kissinger đúng cái điều ông đang nghiên cứu, không phải trên bình diện pháp luật thuần túy mà rộng hơn là văn hóa. Thực ra, pháp luật phải được xem là một khía cạnh hay một mặt của văn hóa. Hơn một năm gần đây tôi tập trung nghiên cứu về sự giao lưu văn hóa và vai trò của văn hóa với toàn bộ tiến trình cải cách thể chế chính trị ở các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước thế giới thứ ba. Tôi thử giải thích một số quan điểm của Rousseau và Montesquieu dưới khía cạnh văn hóa. Đặc biệt, tôi đang bắt đầu nghiên cứu lại khái niệm "Tự do". Người châu Á chúng tôi ít đặt câu hỏi về tự do. Người châu Âu của các bạn thì nhìn với khái niệm này. Một nửa thế giới sợ tự do còn một nửa thế giới thì coi thường tự do. Vậy, trong điều kiện phát triển của khoa học ở thời đại của chúng ta tự do được hiểu như thế nào, nó thấm vào đời sống như thế nào, nó trở thành sở hữu của mỗi một con người như thế nào, nó cấu tạo ra nhân loại trong thời hiện đại như thế nào? Đó là nền tảng của những nghiên cứu về các vấn đề chính sách, trong đó có vấn đề luật pháp.

Nhân đây, tôi cũng muốn nói rằng, đã đến lúc sự kiên nhẫn của giáo sư bắt buộc người Việt phải đánh giá vai trò của ông đối với sự hiểu biết về Việt Nam.

JG. Không phải chỉ một mình tôi mà có nhiều nhà khoa học nước ngoài quan tâm đến Việt Nam. Nên ông đồng ý, tôi sẽ gửi một số thông tin về một số người, từ những thông tin đó ông có thể biết những nhóm người đang quan tâm đến những vấn đề cụ thể nào. Tuy nhiên, nếu nhìn vào danh sách đó thì đa số đều quan tâm đến vấn đề sửa đổi thương mại ngắn hạn, có rất ít người quan tâm đến vấn đề phát triển lên dài hạn như văn hóa, luật pháp...

NTB: Hoàn toàn đúng. Tất cả các nhà tài trợ cho Việt Nam đều quan tâm đến thái độ của Việt Nam đối với thế giới chứ không quan tâm đến địa vị của Việt Nam ở trên thế giới. Tôi là một trí thức Việt Nam và tôi quan tâm đến địa vị của Việt Nam ở trên thế giới. Chỉ có xác lập được địa vị của những nước như Việt Nam và các nước thế giới thứ ba thì phương Tây mới có thể chống được khủng bố. Ngay cả Chính phủ Hoa Kỳ mới chỉ để ý đến sự hợp tác với người Nga, người Trung Quốc và các nước lớn trong việc chống khủng bố, tức là quan tâm đến tiềm lực và năng lực chống chủ nghĩa khủng bố. Họ không để ý đến sự đóng góp của những quốc gia như Việt Nam trong việc chống khủng bố. Việt Nam là một quốc gia có cuộc chiến tranh dài nhất trong lịch sử hiện đại. Tất cả các thủ đoạn mà chủ nghĩa khủng bố đang sử dụng trên thế giới bây giờ đều đã được người Việt Nam sử dụng với tư cách là những người yêu nước chống lại những kẻ xâm lược. Do đó, sự đóng góp của những quốc gia như Việt Nam đối với việc không chủ nghĩa khủng bố có giá trị về mặt lý luận chứ không chỉ là đóng góp về tiềm lực hay tiền bạc. Nếu ông nghiên cứu kỹ thì ông sẽ thấy rằng trong sự méo mó về các khái niệm của nền văn minh nhân loại mà chúng tôi đang làm, có hơi hướng của cuộc chiến tranh du kích về mặt tinh thần. Người Việt Nam chúng tôi đã sử dụng những nhược điểm của nền dân chủ phương Tây để đánh thắng người Mỹ về mặt chính trị. Nước Mỹ bị chia rẽ bởi cuộc chiến tranh Việt Nam là vì nghệ thuật chiến tranh tâm lý của người Việt, nghệ thuật sử dụng các khái niệm của nền dân chủ hiện đại để đánh thắng những kẻ địch của mình trên nền chính trị của họ.

Khi giáo sư nói rằng đang nghiên cứu đề tài về sự chuyển dịch của pháp luật từ quốc gia này đến quốc gia kia, tôi thấy rằng, nếu chỉ nghiên cứu dưới góc độ luật pháp thì không thể thấy hết được. Phải nghiên cứu dưới nền văn hóa chính trị thì mới thấy được các hiện tượng ấy diễn ra như thế nào trong thực tế.

JG: Tôi hoàn toàn đồng ý với ông. Nên chỉ nhìn vào luật pháp cũng như quy trình tạo ra luật pháp thì hoàn toàn vô nghĩa. Một trong những phương pháp tiếp cận là xem xét thái độ ứng xử của con người khi đứng trước pháp luật, nhìn khía cạnh văn hóa ảnh hưởng thế nào đối với luật pháp và nam mô hình trước khi xây dựng mô hình để quốc. Hồ Chí Minh từng trích một câu nói về luật pháp của Pháp và biểu tượng về công lý của người Pháp là một người phụ nữ bị che mắt; một tay cầm cái cân, một tay cầm kiếm. Biểu tượng ấy ở bên kia họ chỉ bịt một mắt nhưng sang đây thì bịt cả hai mắt và cán cân công lý bị lệch đi bởi tiền và sự tham lam. Còn cái kiếm dùng để bảo vệ công lý thì sang Việt Nam được dùng để chông lại người dân.

Hiện giờ khi nói chuyện với những người có tuổi trong hệ thống tôi thấy họ vẫn có cái gì đây lo ngại, thận trọng do sự mô tả trước đây về vấn đề hệ thống luật pháp khi chuyển vào Việt Nam. Khi luật pháp Xô Viết được đưa vào Việt Nam, nó được triển khai vì bản thân nó chôn cất tất cả các luật của giới tư sản. Bây giờ cần có sự thay đổi về văn hóa, cần thay đổi thái độ của người dân, phải hiểu luật không phải là một công cụ điều khiển như trong quá khứ mà pháp luật phải là của người dân.

NTB: Tôi đã viết bài "[Pháp luật - Tài sản tinh thần của nhân dân](#)". Tôi cũng luôn luôn muốn người Việt phải hiểu lại một cách căn bản hầu hết các khái niệm. Chính vì thế, trong suốt 5 năm nay tôi viết gần 100 bài báo, khoảng 1.000 trang sách để giới thiệu tất cả các khái niệm quan trọng và cần thiết cho xã hội Việt Nam. Hai năm gần đây tôi giành thời gian để giới thiệu lại các khái niệm "Tự do" và "Dân chủ". Tôi phân tích vai trò của hai khái niệm này dựa vào lợi ích của con người nói chung, trong đó có lợi ích của người Việt. Tự do là một cách thức để giải phóng các năng lực phát triển. Gần đây, tôi đi đến kết luận là Tự do sinh ra con người. Nếu không có tự do thì chúng ta cũng đi, cũng nói nhưng chưa phải là con người. Một nửa thế giới bây giờ chưa phải là con người hoàn thiện.

JG: Theo như ông nói thì con người sinh ra không đương nhiên có tự do mà tự do là cái gì đó mà con người phải giành lấy mới có và sau đó thì mới trở thành con người. Rất nhiều học giả cũng cố gắng mô tả khái niệm tự do. Đúng là tự do không phải tự nhiên mà có mà phải chiến đấu để có được tự do. Tôi đồng ý với quan điểm này của ông.

NTB: Chính vì cách lý giải nguồn gốc của tự do như vậy, trong quá trình đi tìm nguồn gốc của tự do tôi đã đi đến một khái niệm nữa, đó là khái niệm "tiền con người". Loài người cần phải hiểu điều ấy, cần phải nhận thức như thế. Cuộc chiến đấu để giành tự do, giữ tự do là cuộc chiến đấu sống còn. Từ đó tôi dẫn đến một khái niệm nữa, đó là: Tinh thần của pháp luật.

Montesquieu trong nhiều trang sách của mình không giải thích về tinh thần của pháp luật một cách cơ bản. Tôi cho rằng, tinh thần của pháp luật là tự do và do đó, nền dân chủ là thể chế để bảo vệ tự do. Chỉ có như thế mới giải thích được tại sao phương Đông không phát triển được bởi vì phương Đông về thực chất chưa có tự do.

Trong một cộng đồng không biết và không hiểu tự do như vậy mà phương Tây lại bàn về khái niệm "nhân quyền" thì chẳng khác gì "đàn gậy tai trâu". Đây là một nỗi đau đớn mà nhân loại cần phải hiểu.

JG: Đây là một hiện tượng kích động. Tôi nghĩ rằng tôi cũng tìm thấy các lý do mà không phải chỉ riêng người phương Đông khó chịu mà người phương Tây cũng có thể khó chịu. Vì tất cả những người bảo vệ nhân quyền theo Thiên chúa giáo đã được học và hiểu rằng tất cả mọi người sinh ra đều có quyền như nhau. Theo quan điểm triết học của Marx thì văn hóa là sản phẩm do hoạt động kinh tế, xã hội tạo thành. Còn theo quan điểm của phương Tây thì tự do được thể chế tạo ra. Tôi cho rằng, nếu đưa các khái niệm này vào các nước Đông Á thì còn phải xem thái độ phản ứng, nhu cầu của xã hội.

NTB: Tôi cho rằng dần dần loài người sẽ tự nhận ra điều ấy. Bởi vì nếu không thì sẽ không thể giải thích được một loạt hiện tượng ở trên thế giới. Nếu tự do là hệ quả của thể chế thì ai sinh ra thể chế? Ai gợi ý cho loài người khái niệm thể chế? Ai làm phiền nhân loại nhiều nhất? Có phải những người không hiểu tự do, không có tự do? Tại sao những người giàu có, những người có học, những người có giáo dục không gài bom mà toàn những người ngốc nghếch ở trong góc hang hốc của nhân loại làm chuyện ấy? Tôi cho rằng, đã đến lúc loài người không được lười biếng nữa. Loài người phải nghĩ lại, phải phân tích lại. Ngay cả đối với những bậc tiền bối của chúng ta - những nhà tư tưởng vĩ đại ở những thế kỷ trước - chúng ta cũng buộc phải đo đạc lại độ chính xác của các lập luận của họ. Tư tưởng của những triết gia ở thế kỷ ánh sáng như Montesquieu, Rousseau hay Vontaire đã tạo ra hai cuộc cách mạng vĩ đại, làm thay đổi nhân loại trong vòng 20 năm trở lại đây. Đó là cách mạng Mỹ và cách mạng Pháp. Nhờ hai cuộc cách mạng này mà loài người đã thức tỉnh về tự do và từ đó, châu Âu và Hoa Kỳ đã phát triển nhanh hơn Trung Quốc - một nước vốn có nền văn hóa phát triển lâu hơn. Châu Âu đã tận dụng những hệ quả của khái niệm tự do và trở thành đế quốc; do đó một bộ phận khác của châu Âu đã tạo ra tư tưởng kiểu Marx nhằm giải thích tự do theo một cách khác và họ giải thích tự do như là quyền của số đông và đó chính là Chủ nghĩa Bolsevic, kết quả là dẫn nhân loại đến một loạt các sai lầm của thế kỷ XX.

JG: Tôi cũng đọc quan điểm của Lemn về khái niệm dân chủ xã hội chủ nghĩa và thấy rằng quan điểm của Lenin về dân chủ đại diện thực ra không phải là dân chủ. Tôi thấy quan điểm dân chủ số đông có ý nghĩa hơn. Vấn đề là cách thực

hiện. Khi một nhóm, một tội chức vận động dân chủ như vậy sẽ không có người chịu trách nhiệm.

NTB: Tôi biết nhược điểm của Marx cũng như của Lenin về các khái niệm dân chủ mà thực chất là cách giải thích tự do. Nền dân chủ đại diện cũng tỏ ra có những nhược điểm vì nó trở thành hàng hóa và có thể buôn bán. Nhưng nền dân chủ số đông vẫn không phải là nền dân chủ trực tiếp. Tôi mới có một nghiên cứu về hiện tượng lộng hành trên thế giới. Chính nền dân chủ số đông tạo ra sự lộng hành và số đông không nhất thiết phải là đúng vì bao giờ cái đúng cũng xuất hiện với sự nhận biết của ít người ngay từ đầu.

JG: Hiện nay, có một nhóm nhà khoa học ở Frankfurt cũng đang đặt lại những vấn đề như vậy, ông có biết gì về nhóm này không?

NTB: Không, tôi không biết về nhóm này và cũng không có ai gợi ý cho tôi cả. Tất cả những gì mà tôi muốn nghiên cứu thì tôi phải tự tìm ra nó ở trong các ý niệm của tôi. Sự thiếu ngoại ngữ của tôi làm cho tôi thiệt thòi nhưng cũng đem lại cho tôi một lợi thế, đó là những sản phẩm nghiên cứu của tôi nếu không phải là của trí tuệ của tôi thì ít nhất cũng là của tâm hồn tôi.

JG: Tôi hiểu những suy nghĩ của ông. Nó là gốc, nó không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ dòng nghiên cứu nào ở bên ngoài. Tôi nhắc đến nhóm nghiên cứu ở Frankfurt vì họ chỉ tập trung nghiên cứu ở châu Âu, họ không có khả năng nghiên cứu châu Á, hay có thể họ không hiểu những vấn đề như vậy ở châu Á. Nhóm này nói rằng, những tư tưởng của Rousseau không áp dụng được nên họ đã sáng tạo ra một lý thuyết mới. Ví dụ, tư tưởng của Voltaire, Montesquieu hay Rousseau về khái niệm nhà nước pháp quyền ứng dụng cho toàn xã hội, là thể chế của toàn xã hội, nhưng với các xã hội hiện tại thì không phải đúng như vậy vì không phải tất cả mọi người đều có khả năng tiếp cận với toà án, với công lý. Chính vì thêm họ cho rằng, khái niệm đó còn phải được xem xét lại.

NTB: Tôi cho rằng đã đến lúc nhân loại phải bàn lại về cách thức sống của mình. Đó là nhiệm vụ của trí thức. Đây cũng không phải là nhiệm vụ của các trí thức thành đạt bởi vì họ đã đi hết những con đường cũng như đã dùng hết những năng lượng của họ mà phải là những trí thức còn trẻ, chưa bao giờ tìm được vinh quang trong hệ thống kiến thức của nhân loại sẵn có.

Hơn 100 năm trước đây, chính sự tự tin của Marx đã tạo ra triết học Marx. Trong đời sống trí tuệ thời kỳ đó, Marx là một người vô sản và do đó sáng tạo

ra Chủ nghĩa cộng sản. Tôi nghĩ rằng, ở đâu đó trên thế giới, chắc chắn đang tiềm ẩn những nghiên cứu để tạo ra một giai đoạn nhận thức mới của nhân loại.

JG: ông có quan điểm rất hay về điều kiện xã hội với trí thức Có thể những ý tưởng thú vị sẽ xuất phát từ Đông Á. Những nhóm người như con trai ông được học ở hệ thống của phương Tây, theo cách của phương Tây nhưng có cách nhìn riêng. Tôi thấy rất thú vị khi người Việt Nam bắt đầu học những vấn đề rộng về triết học, xã hội như thế thay vì học những thứ hẹp như kỹ thuật hay công nghệ thông tin... Tôi tin tất cả sự phát triển mới sẽ bắt đầu từ châu Á. Quan sát tất cả những lĩnh vực khác nhau ở phương Tây đều thấy một hiện tượng mệt mỏi, phương Tây đã đi tới sự kịch trần của các phát hiện triết học. Có một cuốn sách rất thú vị do một nhà sử học Mỹ viết, đầu đề của nó là "The end of the Age" - Sự kết thúc một kỷ nguyên. Lập luận chính của ông ta là thành thủ khoa học kỹ thuật của phương Tây có từ khoảng 500-600 năm trước đây đã đi hết giới hạn rồi, vậy bây giờ người ta sẽ tư duy kiểu gì ?

NTB: Tôi cho rằng cần phải định nghĩa lại tự do. Cách đây 4 năm, tôi có viết một bài về "Sự suy thoái của khoa học", trong đó tôi phân tích khoa học đang trong quá trình suy thoái. Khoa học là một loại hoạt động có sự kết hợp của hai vấn đề: thứ nhất là các khái niệm, thứ hai là phương pháp logic. Các phương pháp logic của nhân loại hình thành trong điều kiện nhân loại phát triển rất đơn điệu. Các khái niệm được lập bởi vì các thông tin bị hạn chế. Cùng với sự phát triển của quá trình toàn cầu hóa, sự phát triển của CNTT thì thông tin càng ngày càng nhiều, do đó, khái niệm lạc hậu từng ngày một. Các phương pháp luận mới càng ngày càng phong phú nhưng các khuynh hướng tư tưởng thì lại được hình thành từ thế kỷ XVII và loài người vẫn tư duy trượt theo thói quen mà vẫn chưa xây dựng được các đường ray mới cho phương pháp luận của mình. Tôi nghĩ rằng cần phải có một cuộc cách mạng trong nhận thức. Cần phải tiến hành cuộc cách mạng trong những khái niệm gốc, những khái niệm quan trọng nhất của đời sống nhân loại. Tự do là một trong số đó. Chính vì thế hai năm nay tôi tập trung nghiên cứu khái niệm tự do từ rất nhiều góc độ khác nhau, ví dụ như mối quan hệ Tự do - Văn hóa - Pháp luật, Tự do và Sự Lộng hành, Tự do và Sự Thịnh vượng...

Tôi không phải là nhà hàn lâm chuyên nghiệp nhưng tôi cố gắng xây dựng một cách tiếp cận các kết luận khoa học khác với cách truyền thống, bởi vì tôi cho rằng các cách truyền thống cũng bắt đầu bộc lộ những giới hạn của nó. Tôi lấy ví dụ về Việt Nam chẳng hạn. Rất nhiều người nghiên cứu về Việt Nam, cả

người Việt lẫn người nước ngoài. Rất nhiều tiền đổ vào nghiên cứu Việt Nam, và cùng nhiều tiền để nghiên cứu Trung Quốc nhưng chưa có công trình nào giải thích đầy đủ về Việt Nam hoặc Trung Quốc. Nếu dùng thông tin như công cụ xây dựng các khái niệm cho nó hiện thực, gần gũi thì cũng không có một khái niệm nào mô phỏng được một đối tượng khổng lồ như Trung Quốc hay cộng đồng dân tộc phức tạp như Việt Nam. Tuy nhiên, tôi đang sử dụng một phương pháp không mới để nghiên cứu, một phương pháp mà nhân loại đã làm từ lâu, đó là "Suy tưởng".

Từ xưa, Socrate hay Democritus đã sử dụng phương pháp này và đã đạt đến một năng lực rất kỳ lạ trong việc giải thích thế giới. Sự phát triển của công nghiệp đã sản sinh ra một loạt các nhà tư tưởng như Decarte. Thực ra, họ có những thành công của thời đại của họ và họ cũng ngay lập tức có những hạn chế của thời đại.

Sau đó chúng ta có cái gọi là triết học duy vật. Tuy nhiên, những tư tưởng của châu Âu không ứng dụng được cho châu Á vì nó không có chất lượng khái quát, không có chất lượng nhân loại mà chỉ có chất lượng khu vực. Cái có lý của tư tưởng phải mang chất lượng phổ biến toàn cầu, không phải chỉ có giá trị khu vực. Nếu chỉ có giá trị khu vực thì chắc chắn nó nằm lẫn ở đâu đó.

Người Việt Nam không hiểu được vai trò, sứ mệnh của những người như ông. Họ không biết rằng những dòng dịch chuyển của những người như ông có tính quy luật giống như Alexandre Yesin, Louis Pasteur - những nhà truyền giáo những năm cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Những người như ông chính là những nhà truyền giáo mới của thời đại chúng ta. Bây giờ không chỉ các ông đến để truyền giáo mà những dân tộc như chúng tôi đã bắt đầu có những người có thể thảo luận cùng với các ông. Đây chính là sự hợp tác giữa một thế giới đã phát triển và một thế giới đang có thể phát triển. Các ông không mang đến sự phát triển mà mang đến cảm hứng phát triển. Đây chính là bản chất của tất cả các hiện tượng đang diễn ra ở Trung Quốc, đó là sự trỗi dậy do bị kích thích bởi cảm hứng từ phương Tây.

JG: Tôi đã nhiều lần đến Việt Nam và gặp rất nhiều người nước ngoài ở Việt Nam và tôi thấy, theo quan sát của tôi, giá trị của nước ngoài đã mất. Họ không phải là người Việt Nam để có thể hiểu hoặc có các giá trị nội địa cho nên sau một thời gian họ mất đi giá trị của họ.

NTB: Tôi đang nghiên cứu một đề tài về "Tổ chức và rèn luyện nền dân chủ Việt Nam". Nếu các ông tổ chức và rèn luyện nền dân chủ cho Việt Nam thì các

ông sẽ thấy rằng có rất nhiều vấn đề. Nếu không phải là một nhà nông học, các ông nhìn ruộng lúa một cách rất đơn giản. Nó xanh, khi có gió thì ngã nghiêng, đến lúc chín thì màu vàng của nó rất rực rỡ và Levitan hay Van Gogh chỉ nhìn để vẽ. Nhưng nếu là một nhà nông học thì các ông sẽ thấy trong sự đẹp đẽ đó, nấm và sâu bệnh đang hoành hành như thế nào. Bây giờ, người nước ngoài mất uy tín ở Việt Nam ở khía cạnh nào? Tôi cho rằng, đó là khía cạnh tiền. Người Việt Nam bắt đầu nhiều tiền hơn và họ thấy các giáo sư Úc khác các giáo sư Hoa Kỳ. Họ tưởng rằng các ông nhiều tiền lắm, rằng hạnh phúc cơ bản của đời người là do tiền mang lại. Và do đó, họ kết luận rằng khi các ông không có nhiều tiền thì các ông chưa chắc, hạnh phúc bằng họ. Một thời gian nữa, họ bắt đầu gặt hái sự bất hạnh của việc có nhiều tiền, lúc đó họ mới hiểu rằng hạnh phúc không phải chỉ là có nhiều tiền. Họ đặt ra câu hỏi vậy hạnh phúc của các ông được cấu tạo bằng gì? Và lúc đó họ lại kính trọng các ông trở lại. Khi họ kính trọng các ông trở lại thì chất lượng Người của họ lớn hơn, tức là họ bắt đầu thoát ra khỏi trạng thái tiền con người để bước sang miền con người.

Tôi vừa đưa ra một vấn đề mới và đang hoàn thiện, đó là Bàn về sự thịnh vượng. Tôi chứng minh Trung Quốc không phải là một nước giàu và còn lâu lắm mới trở thành một nước giàu.

Nhiều người tưởng rằng 20 năm nữa Trung Quốc sẽ bằng Hoa Kỳ và họ theo Trung Quốc vì họ nghĩ rằng Trung Quốc sẽ mang lại cho họ sự thịnh vượng. 1000 năm trước đây, Trung Quốc là một quốc gia văn minh đứng đầu thế giới, do đóng cửa và tự mãn, Trung Quốc đã không giữ được địa vị của mình nữa. Tôi nghĩ rằng, nếu không có được tinh thần của tự do thì Trung Quốc không thể đi tới thịnh vượng được.

JG: Thực ra, rất nhiều nhà tài trợ có tâm lý như ông mô tả. Họ nhìn Việt Nam như một nước nghèo và họ làm từ thiện. Những tổ chức như WB, ADB hay Liên Hợp Quốc thì không có tâm lý như vậy và họ muôn làm cho các hệ thống ở Việt Nam có thể hội nhập được với hệ thống thương mại toàn cầu. Rất thú vị khi quan sát các thể chế này tương tác với các tổ chức của Việt Nam, ví dụ như Viện Quản lý Kinh tế trung ương (CIEM). Tôi gặp tiến sỹ Nguyễn Mạnh Cường ở CIEM năm 1991 và tôi thấy, từ đó tới nay, ông ta đã có những thay đổi cả trong suy nghĩ. Giờ đây ông ta suy nghĩ giống như cách của WB và ADB nhưng lại phải hoạt động trong khuôn khổ của Việt Nam. Các nhà nghiên cứu nước ngoài có thể phát hiện ra vấn đề từ rất nhiều khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, họ

không đưa ra được cách để giải quyết vấn đề, có thêm do chưa hiểu biết sâu về con người và xã hội Việt Nam.

NTB: Thực ra con người có hai loại vấn đề. Thứ nhất là vấn đề tồn tại; thứ hai là vấn đề phát triển. Chiến tranh và những tư tưởng lạc hậu đã chìm chúng tôi xuống cái tầng của những người chuyên giải quyết các vấn đề để tồn tại. Cho nên, khi ông nói những vấn đề về phát triển thì đại bộ phận người Việt không nghe. Rất hiếm có những người Việt như chúng tôi ở đây vì chúng tôi không nói về những vấn đề tồn tại. Chúng tôi cũng không còn thì giờ nghĩ đến vấn đề phát triển cho cá nhân mình. Thậm chí, chúng tôi cũng không bị ràng buộc bởi các vấn đề phát triển của Việt Nam nữa bởi chúng tôi đã hiểu được rằng phát triển là vấn đề của nhân loại. Sự phát triển của nhân loại như một đoàn tàu, nó có vấn đề của cái đầu tàu, có vấn đề của các toa tàu, có vấn đề giữa tiếp xúc của các toa tàu với nhau và vấn đề về việc kết hợp giữa các đầu tàu để tạo ra tốc độ lớn hơn.

JG: Ngay từ khi gặp ông cách đây 16 năm, tôi đã nhận ra rằng ông có rất nhiều tư tưởng triết học tiên tiến. Tôi muốn biết là tại sao ông lại có những sự quan tâm như vậy đối với triết học? Có người sinh ra đã có thiên hướng về triết học. Tôi nghĩ rằng ông cũng là một người như vậy.

NTB: Thực ra không chỉ có ông nhận xét về tôi như vậy. Mỗi người sinh ra đã được Chúa trao cho những khả năng khác nhau. Chúa ưu tiên tôi và cho tôi hai loại khả năng: làm một nhà triết học và làm một nhà buôn. Tôi buôn rất giỏi nên tôi giàu có và tôi có năng lực triết học nên tôi thuyết phục được rất nhiều người. Tôi chỉ có một đóng góp vào đó mà thôi. Đó là phối hợp nhuần nhuyễn hai khả năng đó để làm ra tiền và tạo nên trí tuệ của mình. Và phải nói thực với ông rằng, bây giờ tôi không còn thích kiếm tiền nữa, tôi thích làm những việc như thế này. Cho nên nếu hỏi tôi thích nói chuyện với ông hay với Bill Gates thì tôi sẽ nói rằng tôi thích nói chuyện với ông hơn.

JG: Thực ra có rất nhiều nhà kinh doanh có tư tưởng triết học. Bill Gates cũng là một nhà tư tưởng. Họ có thiên hướng trở thành nhà tư tưởng nhưng họ cũng là những nhà kinh doanh rất thành công. Quay lại ví dụ ông đưa ra về sự phát triển thông qua hình ảnh đoàn tàu. Một số người học theo lối quản lý kinh tế nhà nước và nói với người khác những gì anh ta đã được học, ngoài ra còn có các cơ quan, các viện phát triển và các chương trình.

Nhưng vấn đề là, trong số đó, ai là người có khả năng kết hợp các yếu tố tạo nên bước phát triển nhảy vọt?

NTB: 18 năm trước đây, trong một buổi tiếp đại sứ Thụy Điển, bà đại sứ có hỏi tôi: "Tại sao ở Việt Nam trong thời buổi hiện nay mà ông lại có những hiểu biết về một nền kinh tế tự do?" Tôi đã trả lời rằng, chính vì tôi không thuộc bài cũ nên tôi dễ học bài mới.

Tôi cho rằng con người là đầu ra của quá trình chính trị này và đầu vào của quá trình chính trị khác. Nghiên cứu sự phát triển kinh tế của Cộng hòa Liên bang Đức chẳng hạn. Sau năm 1945, Adnauer được Hoa Kỳ hỗ trợ để xây dựng lại nước Đức và 4 năm sau ông ta đã tạo ra một nền kinh tế tương đối phát triển. Nhưng, 10 năm sau khi thống nhất đất nước, Helmut Kohl và Gerhard Schroeder không làm gì được và hiện nay, Schroeder đang sa lầy trong sự phát triển của nền kinh tế Đức, bởi phải công đả người ở Đông Đức ra khỏi bùn lầy nhận thức. Hơn 15 năm qua đi, nước Nga vẫn chưa ra khỏi không gian hậu Xô Viết. Liên bang Xô Viết đóng góp cho nhân loại Chủ nghĩa cộng sản, sau đó là mafia và tham nhũng. Cho nên người Nga cũng không phải là nguyên liệu cho một tiến trình chính trị lành mạnh khác được. Phải thông qua cải cách văn hóa quyết liệt thì những nước như Nga, Trung Quốc hay các nước Đông Âu mới có thể tiệm cận tới sự phát triển hợp lý được.

JG: Cách đây một năm, trường tôi có tổ chức hội thảo về luật của Trung Quốc và Việt Nam. Kết luận mà hội thảo đưa ra rất thú vị. Đa số cho rằng không còn yếu tố xã hội chủ nghĩa trong hệ thống luật pháp ở Trung Quốc và Việt Nam nữa. Mỗi mình tôi chứng minh là nó vẫn còn tồn tại. Trường Đại học Columbia của Hoa Kỳ cũng tổ chức một hội thảo mang tính chất tương tự ở Bắc Kinh.

NTB: Như ông biết, chính phủ chúng tôi có những chương trình lập pháp rất vĩ đại và họ đang chạy nước rút để ra nhập WTO. Tôi đã suy nghĩ từ lâu là cái gì điều chỉnh các hoạt động xã hội: luật pháp hay văn hóa, và tôi đi đến kết luận là văn hóa chứ không phải luật pháp điều chỉnh các hoạt động xã hội. Nếu không cải cách và sửa đổi về văn hóa, tức là không cải cách về chính trị thì mọi pháp luật được sản sinh ra trong những giai đoạn bệnh hoạn của chính ta sẽ làm cho xã hội càng bệnh hoạn hơn. Càng làm nhiều mặt bao nhiêu thì nhân dân càng mất tự do.

JG: Tôi hiểu khái niệm tự do và tôi rất đồng ý với ông. Để tạo nên những thay đổi, cần có những diễn đàn đặc biệt, cần có không gian tự do để mọi người cùng thảo luận. Thảo luận phải trở thành một hoạt động thường xuyên và những người tham gia đối thoại cũng phải có một ngôn ngữ chung, mọi người đều hình dung ra vấn đề và cách giải quyết vấn đề. Đó cũng chính là vấn đề của Việt

Nam. Theo quan sát của tôi thì các cuộc đối thoại hiện nay ở Việt Nam thường nhỏ lẻ, vụn vặt. Ví dụ như ở Viện Quản lý Kinh tế Trung Ương, một số nhóm làm việc với đối tác nước ngoài, một số nhóm khác đối thoại nội bộ. Tuy nhiên, giữa các nhóm lại không có sự trao đổi qua lại và cùng hình dung ra vấn đề.

Ông đã đưa ra quan điểm rất đúng về tự do, hiểu biết đó như là của một nhà trí thức. Những kinh nghiệm của tôi ở Việt Nam hay Indonesia là người dân phải được giáo dục, phải có hiểu biết thì mình nắm bắt được tất cả các ý tưởng của nước ngoài, là những ý tưởng không phải trong nội tại nó có.

NTB: Tôi nghĩ rằng con người có thể vay vốn. Người Việt hay là bất kỳ ở một nước thế giới thứ ba đều không có vốn liếng và sở hữu ban đầu về dân chủ, về tự do và các khái niệm căn bản khác cho sự phát triển. Vì thế họ phải vay mượn và cùng với thời gian họ sẽ có kinh nghiệm bổ sung và làm phong phú thêm khái niệm tự do dân chủ. Không nhất thiết anh phải có vốn. Không có tiền để kinh doanh anh có thể vay vốn. Vay vốn là một trong các phát hiện quan trọng nhất của nhân loại. Nước Mỹ vĩ đại hình thành từ sự vay vốn của nước Pháp cộng với tự do đến mức Cách mạng Mỹ xuất hiện trước Cách mạng Pháp.

JG: Nhìn lại lịch sử nhân loại, chúng ta có thể tìm được nhiều minh chứng cho quan điểm này. Châu Âu cũng phải vay mượn của người Israel và người La Mã cổ đại.

NTB: Tôi cho rằng con người phải biết học và kính trọng lẫn nhau. Nếu chúng ta, những người trí thức, không nghĩ ra cách gì để các dân tộc tỏ ra kính trọng nhau, tôn trọng các thực thể văn hóa của nhau thì không thể nào giải quyết được bài toán phát triển toàn

cầu. Người ta phải kính trọng nước Úc bởi vì nước Úc đáng kính trọng và con người Úc phát triển chứ không phải người ta sợ tiền của nước Úc. Đó là một trong những cách để hỗ trợ châu Á và châu Phi phát triển.

Nếu như châu Á không phát triển vì một nền văn hóa thiếu tự do thì châu Phi không phát triển bởi sự hoang dã. Có thể nói rằng, hơn một nửa nhân loại không hiểu tự do. Các ông là những người có giáo dục, một vài năm phải đến trường đào tạo lại để không bị lạc hậu, nhưng ở chúng tôi thì không.

JG: Đây là vấn đề nhiều người ở các nước phương Tây cảnh báo, rằng phương Tây hiện giống như ở Trung Quốc thế kỷ XVI - XVII, họ chỉ nghe chính họ. Tôi cho rằng, rất khó để tạo nên sự quan tâm nào đó đối với sự phát triển của luật pháp ở châu Âu, ở Úc hay ở Hoa Kỳ.

NTB: Ông đừng sợ. Châu Âu và Hoa Kỳ phát triển vì họ có Socrate, Democritus, Platon, Rousseau, Montesquieu, Voltaire và biết đâu đến thế kỷ XXI phương Tây sẽ có John Gillespie.

Không nên sợ cái tự mãn của người châu Âu, bởi sự tự mãn của người có giáo dục không đáng sợ bằng sự tự mãn của những kẻ vô giáo dục. Tôi nói vậy không phải vì tôi nhìn người phương Tây bởi xét về mặt văn hóa tôi cũng được giáo dục như những người phương Tây có giáo dục. Cái tôi sợ là sự tự mãn tiếp tục của những người vô giáo dục.

JG: Với điều kiện là những người thiếu giáo dục ấy không được kiểm soát tương lai của xã hội hay sự tự mãn của họ không ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Tôi không biết liệu giáo dục đóng góp đến đâu trong việc nâng cao cách suy nghĩ của con người nhưng rõ ràng, giáo dục giúp con người nâng cao đạo đức. Tuy nhiên, giáo dục như là một công cụ và người ta sử dụng công cụ đó phục vụ lợi ích của chính mình.

NTB: Giáo dục tạo ra một số con người có giá trị hướng dẫn, tạo ra tiêu chuẩn để hướng dẫn xã hội thông qua ảnh hưởng của nền văn hóa của chính họ. Nếu như chúng ta làm biến mất những người có giá trị hướng dẫn như vậy thì nhân loại sẽ trở nên hoang dã. Hướng dẫn ở đây đóng vai trò như một sự gợi ý nhân loại tiệm cận tới sự đúng đắn. Giáo dục chỉ chuẩn bị cho sự phát triển chứ không phải là sự phát triển.

Bên cạnh giáo dục, cần quan tâm đến văn hóa. Phải xây dựng nền văn hóa của thời đại chúng ta, trong đó văn hóa chính trị là mũi nhọn. Phải xây dựng một nền văn hóa kinh doanh toàn cầu, mở rộng giao lưu, mở rộng quyền tự do của tôn giáo. Nhân loại đã tạo ra một số tôn giáo rất quan trọng đối với đời sống của con người. Nó có chức năng kiểm soát rất hiệu quả chất lượng con người, chất lượng nhân hậu của các hành vi con người. Cho nên việc tạo ra tự do cho tất cả các tôn giáo sẽ tạo ra trạng thái cân bằng giữa các khuynh hướng văn hóa, tư tưởng, thói quen và loài người sẽ dễ dàng kiến tạo hòa bình hơn. Loài người không thể sáng tạo ra mình như là một đối tượng mới hoàn toàn được, nhưng loài người có thể làm mới các yếu tố để tạo ra mình. Tất cả các công cụ tinh thần đều bị chính trị lợi dụng trong quá khứ.

Vì thế, làm mới lại các công cụ tinh thần nghĩa là phải giải phóng chúng ra khỏi chính trị, nghĩa là giải phóng ra khỏi các định kiến mang tính nhà nước. Khi giải phóng con người ra khỏi các định kiến mang tính nhà nước, con người có thể thảo luận trên phạm vi toàn cầu những vấn đề thiết thực của đời sống.

JG. Hiện nay, ở các nước phương Tây xuất hiện khái niệm đa văn hóa. Chủ nghĩa đa văn hóa áp dụng rất đặc biệt ở Hoa Kỳ là quốc gia có số người di cư rất đông. Ở nước Úc hiện nay đang có sự tranh luận về chủ nghĩa đa văn hóa. Đa dạng văn hóa được hiểu như là việc chịu đựng, chấp nhận các sự khác biệt.

Nhưng sự chấp nhận ấy cũng tạo ra một trạng thái theo kiểu tôi đồng ý với anh nhưng thực ra tôi cũng chẳng tôn trọng anh.

NTB: Tôi xem sự đa dạng về tinh thần là một lý thuyết; đỉnh cao của nó là sự đa dạng văn hóa tức là sự đa dạng cộng đồng và đỉnh cao nhất của sự đa dạng cộng đồng là sự đa dạng văn hóa chính trị. Sự đa dạng của nền văn hóa chính trị tạo ra năng lực đối thoại tiềm ẩn, một công cụ kìm hãm sự xung đột và chiến tranh.

Cách đây 10 năm, tôi cũng đã nói câu chuyện này với ông Henry Kissinger và tôi nói thêm rằng đó là công việc của giới trí thức nhân loại. Nếu không làm được điều này thì giới trí thức chỉ là người mô tả thế giới một cách hay ho mà không có đóng góp gì.

Tôi cho rằng, sự chịu đựng đó là sự mệt mỏi của người Anh chứ không phải của người Úc, bởi trong mỗi người Úc có cả người Anh. Người Anh luôn tìm kiếm sự thuận chủng. Ví dụ như ở Hoa Kỳ, người Anh đã thất bại trong lý thuyết thuận chủng của mình cũng giống như người Đức:địa thất bại dưới thời Hitler. Tôi nói với đại sứ của ông rằng, nếu 200 năm trước đây, các ông có những chính sách nhập cư như của Hoa Kỳ thì nước Úc sẽ không phải là một nước Úc với 16 triệu dân như hiện nay. Nếu như Úc có những chính sách nhập cư như Hoa Kỳ thì bây giờ người ta cũng không nói tới chuyện Trung Quốc ở khu vực này.

JG: Năm 1991, ngay sau khi Liên Xô sụp đổ, nhà nghiên cứu chính trị Mỹ gốc Nhật Fukuyama đã viết một cuốn sách với nhan đề: "The End of the History". Bây giờ không còn cái gì thay thế để những người tự do ở Phương Tây suy nghĩ nữa. Ông ta viết cuốn sách này như một thách thức về văn hóa và cũng gợi ý cho xã hội một cách nghĩ. Ông ta không nói rằng điều đó là đúng nhưng rất nhiều người lại coi đó là chân lý.

Với cuộc khủng hoảng kinh tế ở Đông Á, người ta càng tin vào cuốn sách này và ngay cả áp dụng vào các thô hình ở Nhật hay Hàn Quốc cũng đúng.

NTB: Khi đọc cuốn "Sự va chạm của các nền văn minh" của Huntington, tôi đã nhận ra đây là một loại tư duy mang tính chất một căn bệnh phổ biến của nhân

loại ở thế kỷ XX. Họ quan niệm về các nền văn minh mà không hiểu rằng thế giới là một nền văn minh, có những chỗ tối sáng khác nhau chứ không phải là các nền văn minh biệt lập. Khi phát hiện ra những vết tích giống nhau về kiến trúc cổ đại ở Ai Cập và ở các vùng Nam Mỹ như Mexico hay Argentina thì người ta hiểu ra rằng nhân loại giống nhau từ lâu lắm rồi. Nhân loại là một nền văn minh và có các vùng chưa phát triển, có những chu kỳ phát triển ở những vùng địa lý khác nhau của đời sống nhân loại. Huntington nhầm lẫn sự va chạm giữa các vùng quyền lợi khác nhau với các vùng văn minh khác nhau. Đó là nhầm lẫn lớn nhất mà ông ta phạm phải. Chính phủ Bush rất thích Huntington và Bush loang nền văn minh mà mình đại diện để va chạm với các nước khác. Đó là điểm tối nhất trong nhận thức của Bush về thế giới. Ông ta biểu dương sự thắng lợi của thế giới văn mà giới không văn minh hay là chủ nghĩa khủng bố. Đó là một sự biểu dương không thông minh vì hoàn toàn có thể có sự sụp đổ của nền văn minh nhân loại do sự va chạm quyền lợi giữa các vùng địa kinh tế, địa văn hóa khác nhau trên thế giới.

JG: Tôi đã nhận được tuyển tập các bài của ông; ý tưởng của ông rất hữu ích, giúp cho tôi thêm hiểu biết về văn hóa, đặc biệt là văn hóa Việt Nam. Phải nói là, cách nghĩ của ông đã ảnh hưởng tới cách nghĩ của tôi. Tôi không hiểu làm thế nào mà ông có nhiều thời gian để suy nghĩ như vậy.

NTB: Tôi quản lý công ty này theo phương pháp của một nhà chính trị nên tôi vừa làm được tiền mà lại vừa làm được những việc như ông thấy. Thực ra con người là một bí mật. Nếu người ta biết cách người ta có thể làm được rất nhiều việc một lúc. Suy ra cho cùng nhân loại tạo ra ảnh hưởng lẫn nhau. Sự ảnh hưởng lẫn nhau tạo ra thế giới và hòa bình thế giới bởi nếu con người ta nói chuyện được với nhau, bắt tay vui vẻ được với nhau thì không cần có chiến tranh.

GS. John Gillespie (J.G): Xin chúc mừng ông về các tác phẩm vừa xuất bản. Tôi đã đọc những quyển sách đó và cảm thấy rất tâm đắc.

Ông Nguyễn Trần Bạt (NTB): Điều thú vị đối với tôi là đã thực hiện được lời hứa với giáo sư, tức là tôi đã công bố được cuộc nói chuyện lần trước giữa chúng ta. Đã gần 20 năm trôi qua từ khi tôi thảo luận với các nhà chính trị của Australia về tương lai của Việt Nam, cũng như với giáo sư về hoạt động lập pháp của Việt Nam, tôi thấy rằng dường như điều khẳng định của tôi là đúng. Nếu không cải cách chính trị, không tạo ra tự do và dân chủ thì mọi hoạt động

lập pháp đều trở thành cái bẫy đối với nhân dân. Bây giờ, người ta không còn tin vào hoạt động lập pháp phi cải cách chính trị nữa. Hiện nay đã có những cuộc khởi nghĩa về mặt báo chí. Tất cả các nhà báo đều vùng lên, họ đã làm "bay đầu" một Bộ trưởng và nhiều Thứ trưởng, và chắc hẳn còn thêm một số Bộ trưởng hoặc một vài quan chức cấp cao hơn. Nhưng điều quan trọng nhất là các nhà báo đã chứng minh với các nhà chính trị của chúng tôi rằng nhân dân có khả năng khởi nghĩa và nhân dân hoàn toàn không mất khả năng ấy. Các nhà báo còn chứng minh một chân lý vĩ đại hơn là có thể khởi nghĩa. Khởi nghĩa ở đây không phải là hình bóng của những hoạt động quá khứ của các cuộc cách mạng ở đất nước chúng tôi, mà là sự nổi giận rất đáng yêu của nhân dân, là sự điều chỉnh thái độ của nhân dân đối với các khuyết tật của nhà nước.

J.G: Trước kia, báo chí cũng tham gia vào những chuyện tương tự như thế, nhưng cuối cùng mọi xử lý đều mang tính chất nội bộ, sau đó người ta chỉ thông báo kết quả. Còn bây giờ phải chăng, theo như ông nói, báo chí tham gia, thúc đẩy vào cả tiến trình xử lý sự việc?

NTB: Hiện nay không còn vấn đề các nhà chính trị đàm phán với nhau, mà họ đàm phán dưới sức ép của sự nổi giận có thể càng ngày càng tăng của nhân dân, nên họ buộc phải thông báo sự thảo luận của họ với nhân dân. Hay nói cách khác, các nhà chính trị của chúng tôi đã phải lên sân khấu để diễn cho nhân dân thấy phản ứng của mình trước sự giận dữ của họ. Tôi cảm thấy hạnh phúc khi biết rằng nhân dân của chúng tôi không mất đi năng lực nổi giận. Tôi rất hạnh phúc khi biết rằng các nhà báo trẻ tuổi của chúng tôi hoàn toàn có đầy đủ phẩm chất của những nhà hoạt động xã hội.

Bên cạnh sức ép của nhân dân còn có một sức ép nữa rất quan trọng. Trước đây, các nhà chính trị của chúng tôi nhân danh nhân dân thảo luận với giới chức quốc tế một cách tương đối bình đẳng, thế nhưng khi nhân dân nổi giận thì họ không còn đại diện cho nhân dân để thảo luận với giới chức quốc tế được nữa. Như vậy, dường như họ buộc phải thay đổi dưới áp lực của nhân dân lẫn áp lực của sự quay lưng của cộng đồng quốc tế.

J.G: Thực ra, sự chỉ trích của cộng đồng tài trợ quốc tế là chưa đủ mạnh.

NTB: Nhưng sự đe dọa của họ rất mạnh. Họ có thể không chỉ trích Việt Nam nhưng họ có quyền cắt đứt các mối liên hệ với Việt Nam và điều đó có áp lực

manh mẽ hơn cả sự giận dữ. Còn nhân dân chúng tôi chỉ có một cách để thể hiện sự giận dữ của mình, đó là sẵn sàng quay lưng lại.

J.G: Đây là sức ép rất lành mạnh bởi vì mong muốn của nhân dân là được nhìn thấy những sự thay đổi.

NTB: Tôi luôn luôn kêu gọi tất cả những ai giận dữ rằng phải bình tĩnh. Sức mạnh không nằm trong sự giận dữ, sức mạnh nằm ở sự bình tĩnh để quan sát. Giận dữ chỉ dẫn đến cách mạng chứ không thể dẫn đến sự tiến bộ được.

J.G: Phải chăng ông ủng hộ một cuộc cách mạng nhưng lựa?

NTB: Không có cuộc cách mạng nào là nhưng lựa cả. Tôi đã từng nói chuyện với đại sứ Ukraine về vấn đề này. Tất cả các cuộc cách mạng màu sắc, cách mạng nhưng lựa... thực ra chỉ là tên gọi khác nhau của khái niệm hết sức cổ điển là "cách mạng". Tôi đã chứng minh với ông ta rằng điều đáng sợ nhất của cách mạng không phải là chết người đổ máu, mà là nỗi lo sợ một cuộc cách mạng tiếp theo. Và những gì diễn ra ở Ukraine đã thể hiện đúng nhận định ấy của tôi. Những thế hệ trực tiếp tham gia cuộc cách mạng của chúng tôi không còn nữa, nhưng nỗi lo sợ của họ đã truyền qua nhiều thế hệ. Đến thế hệ con tôi vẫn còn lo sợ cách mạng. Nỗi lo sợ là di chứng quan trọng nhất, khốc liệt nhất, tai hại nhất của các cuộc cách mạng. Loài người cần sửa chữa các khuyết điểm của mình để tránh xảy ra các cuộc cách mạng. Đây là quan điểm chính trị cũng như quan điểm khoa học của tôi.

J.G: Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy áp lực của nhân dân sẽ tạo nên sự thay đổi. Vấn đề ở đây là hệ thống chính trị cầm quyền có đủ khả năng thay đổi không hay nó sẽ sụp đổ?

NTB: Bây giờ không có một hệ quả nào rõ ràng như hai hệ quả mà ông vừa phân loại, bởi vì sự sụp đổ cả hệ thống và sự sụp đổ của những bộ phận khác nhau của hệ thống đang thay thế nhau. Tôi cho rằng bản chất phi cách mạng của mọi sự thay đổi chính là sự sụp đổ của các bộ phận khác nhau của hệ thống, bởi vì nó thay thế cho sự sụp đổ của cả hệ thống. Vậy khi các bộ phận khác nhau của hệ thống sụp đổ thì chúng được thay thế bằng cái gì về mặt vật lý, về mặt lực lượng? Sau khi sụp đổ, các bộ phận ấy được thay thế bằng các bộ phận khác

nhau được lấy từ xã hội dân sự, và chính vì thế, nhiệm vụ của chúng ta là xây dựng sự hùng mạnh của xã hội dân sự. Xã hội dân sự chỉ hình thành dựa vào sự thức tỉnh của nhân dân, cho nên, nhiệm vụ của chúng ta không phải chỉ là cải tạo các nhà chính trị mà quan trọng hơn là phải thức tỉnh nhân dân, hay nói cách khác là nâng cao dân trí.

Tôi có thể đưa ra những ví dụ cụ thể. Một trong những sự sụp đổ của hệ thống các quan điểm cũ của nhà cầm quyền là vấn đề hệ thống ngân hàng và tài chính. Trước đây chỉ có một Ngân hàng Nhà nước làm tất cả mọi việc. Sau đó người ta định xã hội hoá hoạt động ngân hàng bằng cách mở các hợp tác xã tín dụng. Họ tưởng rằng hợp tác xã tín dụng sẽ thay thế tính kế hoạch của Ngân hàng Nhà nước. Nhưng hệ thống ấy sụp đổ và xuất hiện các ngân hàng thương mại tư nhân và các ngân hàng thương mại nước ngoài. Các ngân hàng thương mại nước ngoài đã phát triển lực lượng những người làm ngân hàng trong xã hội chúng tôi. Các ngân hàng thương mại cổ phần được hình thành từ những sản phẩm được giáo dục bởi các ngân hàng thương mại nước ngoài đã tạo ra cộng đồng các ngân hàng Việt Nam hiện nay. Nếu đem so với tình trạng 10 năm trước đây ở Việt Nam sẽ thấy hệ thống ngân hàng hiện nay rất tiến bộ. Như vậy, sự sụp đổ của hệ thống ngân hàng nhà nước đã tạo ra các lực lượng ngân hàng Việt Nam bây giờ bằng những yếu tố lấy từ xã hội dân sự.

Tôi lấy một ví dụ khác gần với chính trị hơn. 20 năm trước đây tất cả các cơ quan báo chí đều thuộc nhà nước, sử dụng kinh phí của nhà nước. Nhà báo là những người vừa nghèo, vừa khổ, vừa thiếu kinh nghiệm, phần lớn sống dựa vào nhà nước và nói theo quan điểm, chủ trương của nhà nước. Nhưng bây giờ số lượng báo chí nhiều lên và trong xã hội đã xuất hiện một lực lượng đông đảo các nhà báo phục vụ những tờ báo nửa nhà nước. Rõ ràng những gì đang diễn ra ở Việt Nam là kết quả của cuộc tiến công liên tục, dữ dội của các tờ báo nửa nhà nước đối với các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Lực lượng nhà báo đó lấy kinh nghiệm của xã hội dân sự Việt Nam, họ đòi hỏi, kêu gọi phẩm giá của xã hội dân sự. Như vậy, nền báo chí nhà nước thuần túy đã bắt đầu được thay thế bằng nền báo chí có chất lượng nhân dân. Điều thú vị nhất là nhân dân đã bắt đầu thấy rằng nếu không có báo chí thì ngay cả sự chính đáng của cảnh sát cũng không giữ được trật tự xã hội. Đây chính là nguyên lý về việc phi cách mạng hoá đời sống xã hội của tôi.

J.G: Theo quan điểm luật học, sự thay đổi hệ thống không chỉ bằng thay đổi qua báo chí mà phải có diễn đàn để có những tranh luận chính thống. Đối với một nhà nước, để biến những trao đổi xã hội đó trở thành những quy định luật pháp thì cần một cơ quan, một bộ phận nào đó để tổ chức những cuộc thảo luận xã hội như thế.

NTB: Tôi không nghĩ thế. Chúng ta đang sống trong một thời đại mà ngay cả người dân cũng phải rèn luyện một phương pháp quan sát khác đối với những biến động xã hội. Đôi lúc khi đi từ miền màu đỏ sang miền màu da cam, chúng ta nhìn thấy một đường phân biệt hai miền, nhưng trong thời đại này, chúng ta sẽ không nhìn thấy đường phân biệt như vậy. Hiện nay trên đài truyền hình của chúng tôi người ta đang thảo luận về thuế ô tô. Báo chí đã đưa ra những phản ứng rất quyết liệt của xã hội về vấn đề tại sao chúng tôi lại trở thành một quốc gia có giá ô tô đắt nhất thế giới và chất lượng ô tô kém nhất thế giới. Các nhà báo đã đặt ra những câu hỏi rất sắc sảo như: Phải chăng, ngoài những nhà sản xuất ô tô ra, còn có ai đó được hưởng lợi thông qua việc duy trì trạng thái bất hợp lý như hiện nay về chất lượng cũng như giá cả ô tô Việt Nam? Ông thử ngẫm về câu hỏi ấy mà xem.

Điều thú vị là ở chỗ, có những lực lượng khác nhau trong chính quyền đã lên đi theo nhân dân khi tiếng nói của nhân dân bắt đầu tỏ ra có hiệu lực. Đây chính là bản chất của những biến động chính trị phi cách mạng mà tôi đã quan sát thấy trong xã hội của chúng tôi. Rất khó để chúng ta có những diễn đàn ở đó mọi sự đen trắng đều rõ ràng, nhưng chúng ta sẽ thấy mật độ màu đen giảm đi, mật độ màu trắng tăng lên. Và đến một lúc nào đó chúng ta không thấy màu đen nữa, chúng ta thấy một màu nhờ nhờ, có thể là nửa trắng nửa đen. Bản chất của hoạt động phi cách mạng là làm trắng dần lên cuộc sống chứ không phải là tiêu diệt màu đen để thay thế bằng màu trắng.

J.G: Những thay đổi về báo chí ở Việt Nam là rất đáng kể. Phải chăng nền kinh tế thị trường đã góp phần tạo ra điều đó?

NTB: Không đơn giản như thế. Đã có một sự dịch chuyển tích cực của những bộ phận có chất lượng dân sự từ cộng đồng các nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam, do đó chất lượng kiến thức về đời sống dân chủ của cư dân ở các đô thị được cải thiện một cách đáng kể. Vấn đề đặt ra đối với những người xúc tiến sự

tiến bộ xã hội chính là làm thế nào để nông thôn cũng có những biến động như thế. Điều đó được "tiếp tay" bằng sự xuất khẩu lực lượng lao động. Những người lao động Việt Nam đi ra nước ngoài sau một thời gian họ cũng sẽ phải quay trở lại. Họ sẽ nói những tiếng nói về sự vô lý của xã hội. Việt Nam đang thay đổi từng ngày từng giờ, nền dân chủ đang đến từng giờ trên lãnh thổ của chúng tôi. Đây là niềm tin bất di bất dịch của tôi.

J.G: Mặc dù tất cả những biến chuyển của Việt Nam về báo chí là rất tích cực nhưng nó có dẫn đến dân chủ hay không còn phụ thuộc vào quan niệm của nhà cầm quyền chấp nhận những loại ý kiến nào từ xã hội.

NTB: Tôi không tin rằng sự tiến bộ xã hội được hình thành từ sự cân bằng giữa những quan điểm nhà nước và quan điểm của xã hội, của nhân dân, mà sự tiến bộ xã hội được quy định bởi sự cân bằng dân sự, tức là sự cân bằng của những lực lượng khác nhau đối với cùng một khái niệm. Quan hệ giữa nhà nước và nhân dân phản ánh sự cân bằng bên trong của xã hội chứ không phải là sự cân bằng giữa nhà nước và xã hội. Vấn đề đặt ra là chúng ta đi tìm một quy chế thể hiện sự chấp nhận của nhà nước đối với các quan điểm khác nhau của cùng một khái niệm. Tôi cho rằng chúng ta phong cho nhà nước một quyền quá lớn. Chúng ta phải khẳng định ngay trạng thái nhà nước không có quyền có quan điểm, mà nhà nước chỉ có quyền phản ánh sự cân bằng của các quan điểm của xã hội. Tức là, quyền lực của sự chấp nhận những giới hạn thay đổi thuộc về xã hội, không thuộc về nhà nước, giống như nhà nước không có quyền cho một người đàn ông và một người đàn bà lấy nhau mà chỉ làm chứng cho sự lấy nhau đó. Cần phải khẳng định điều đó ngay từ bây giờ để nhân dân ở những xứ chậm phát triển như thế này biết rằng xã hội có một quyền bất khả xâm phạm là quyền tự cân bằng. Chính quyền chỉ là người thừa nhận và phản ánh sự cân bằng ấy và sẽ chấp nhận mọi sự cân bằng khác đến sau đó. Chúng ta phải xây dựng một nguyên lý bất di bất dịch là nhà nước không có quyền có thái độ chính trị, lực lượng có quyền có thái độ chính trị là các bộ phận khác nhau của xã hội dân sự. Đây là bản chất cốt lõi của khái niệm dân chủ.

J.G: Nhưng tôi vẫn mang một niềm tin ám ảnh rằng chính phủ luôn luôn đóng vai trò dẫn dắt. Ví dụ như nước Mỹ, đây là một quốc gia có mức độ dân chủ rất cao, nhưng chính phủ Mỹ luôn nghĩ rằng họ có quyền làm những việc tạo dựng dư luận xã hội.

NTB: Cần phải quan niệm rằng chính phủ cũng là một bộ phận của xã hội dân sự, bởi chính phủ cũng được điều hành bởi những con người cụ thể, và những người làm việc trong chính phủ thể hiện các quan điểm dân sự của họ. Họ có thể đứng trên cái bục cao hơn để nói, nhưng họ vẫn nói tiếng nói từ bên dưới, không phải tiếng nói từ những quan điểm chính trị bên trên, và trên thực tế cũng không có tiếng nói ấy.

J.G: Điều ông đang bán đến rất gần với chương trình nghiên cứu của chính phủ Indonesia mà tôi đang tham gia, đó là nghiên cứu về giới hạn của nhà nước pháp quyền. Vấn đề đặt ra là việc tự cân bằng, tự kiểm soát, tự lãnh đạo quan trọng như thế nào đối với một xã hội dân sự. Nghiên cứu cho thấy trong bộ máy nhà nước có rất nhiều cơ quan khác nhau có quyền kiểm soát hoạt động của xã hội dân sự. Nhưng khi nhà nước bỏ những giấy phép đi, tạo cơ chế tự quản lý thì một loạt các hậu quả xấu đã phát sinh và xã hội không tự cân bằng được.

NTB: Tôi nghĩ rằng những khái niệm này phải được nghiên cứu bởi một chính phủ văn minh hơn chính phủ Indonesia thì mới làm rõ được. Việc chính phủ Indonesia nghiên cứu khái niệm ông vừa nói thể hiện tính không chừng mực của chính phủ. Bởi vì phải đạt đến một trình độ nào đó người ta mới nghiên cứu được các giới hạn của các nhà nước pháp quyền. Indonesia hiện giờ đang ở trình độ nghiên cứu những vấn đề như: liệu Indonesia đã có nhà nước pháp quyền chưa. Họ chưa đạt đến mức nghiên cứu giới hạn hợp lý của nhà nước pháp quyền, bởi vì giới hạn hợp lý của nhà nước pháp quyền không được quy định bởi nhà nước mà quy định bởi sự giác ngộ của xã hội. Nhà nước giống như cảnh sát chống bạo động luôn trực sẵn đấy. Những tranh chấp dân sự sẽ kéo lực lượng cảnh sát đến để phát hiện ra những khủng hoảng vốn có trong đời sống dân sự. Nếu nhà nước xông vào xã hội và sắp đặt trật tự xã hội theo ý muốn của mình thì nhà nước trở thành nhà nước cảnh sát chứ không phải nhà nước pháp quyền.

Xã hội nào cũng là xã hội tự quản nếu là một xã hội lành mạnh. Gia đình là một trong những ví dụ điển hình nhất về cái gọi là xã hội tự quản, vì người ta không bao giờ gọi cảnh sát vào nhà để giải quyết mối quan hệ giữa vợ chồng hoặc quan hệ giữa bố mẹ và con cái. Nhưng nhà nước pháp quyền thì thâm nhập qua cả cánh cửa gia đình. Cho nên, cần phải phân biệt giữa các lực lượng đảm bảo tính ổn định của nhà nước pháp quyền với chính nó. Làm thế nào để người ta

kêu gọi sự có mặt các yếu tố pháp quyền trong gia đình? Các yếu tố pháp quyền có mặt khi con người có sở hữu. Nếu một xã hội chưa phát triển đến mức khá giả thì rất khó có các sở hữu để đòi hỏi pháp quyền hoá các giá trị. Cách đây 20 năm, ở nông thôn người ta không cần đến nhà nước và pháp luật để giải quyết những vấn đề về sở hữu ruộng đất. Ông bố chỉ cần nói rằng cho đứa con này thửa ruộng này, cho đứa con kia thửa ruộng kia mà không cần đến yếu tố pháp quyền nào cả, bởi vì những thửa ruộng ấy không đáng giá. Khi đô thị hoá phát triển, đất đai nông thôn tăng giá thì lập tức người ta cần đến yếu tố pháp quyền của nhà nước để làm cho tất cả những cam kết thừa kế có giá trị. Các yếu tố thừa kế không chỉ có trong mối quan hệ cha con, mà cả trong quan hệ vợ chồng, bởi vì các bà vợ của những đứa con bắt đầu nhòm ngó nhau, tị nạnh nhau, rằng mảnh đất nhà anh to hơn hay mảnh đất nhà tôi, và bắt đầu tranh chấp. Khi đó, xã hội gia đình không thể tự giải quyết được nữa, nó bắt đầu cần đến nhà nước và pháp luật.

Indonesia chưa đến lúc bàn đến giới hạn của nhà nước pháp quyền mà nên xây dựng nhà nước pháp quyền trước, bởi vì nhà nước pháp quyền là công cụ lâu dài chuẩn bị cho những giai đoạn phát triển thật sự của đời sống xã hội. Hay nói cách khác, ở những xã hội đang phát triển như xã hội chúng tôi, nhà nước pháp quyền là công cụ cho tương lai phát triển. Lâu nay, ở những nước lạc hậu, người ta bàn đến nhà nước pháp quyền chỉ trên khía cạnh chính trị của nhà nước, tức là bàn đến quyền của con người, nhưng lại quên mất rằng khi đã trở thành con người rồi thì nó có những vấn đề của con người chứ không phải vấn đề của tiền con người. Những vấn đề của con người cũng khốc liệt không kém gì những vấn đề của tiền con người, tức là những vấn đề chính trị. Cho nên, tôi nghĩ rằng ngay cả khi muốn xây dựng hệ thống pháp luật có vẻ lãng mạn so với đòi hỏi thật sự của đời sống thì người ta cũng phải xây dựng dần dần.

J.G: Tôi nghĩ rằng chính phủ Indonesia cũng ý thức được điều ấy và họ đang cố gắng làm từng bước một.

NTB: Nếu họ không kỳ vọng tác dụng ngay lập tức của nhà nước pháp quyền thì tôi nghĩ rằng đây là sự nhận thức lành mạnh. Còn nếu họ định áp đặt một nhà nước pháp quyền từ bây giờ thì ngay cả khái niệm nhà nước pháp quyền cũng không có những ý nghĩa tích cực. Quan điểm của tôi là không phải pháp luật điều chỉnh hành vi của con người, mà là văn hóa. Cần phải xây dựng một

hệ thống pháp luật như thế nào để nó có thể biến thành văn hoá, bởi có như thế, pháp luật mới có thể điều chỉnh các hành vi. Ví dụ ở Australia bây giờ, tuân thủ pháp luật trở thành văn hoá của người Australia.

J.G:Chuyển sang một vấn đề rất đáng quan tâm ở Việt Nam hiện nay. Tôi đã nghe nhiều chuyện sắp tới liên quan tới Đại hội Đảng X mà tôi cho là rất quan trọng. Quan sát tình hình hiện nay, ông có nhận định gì?

NTB: Đúng thế. Nó quan trọng đến mức là đã thúc đẩy những cuộc chiến tranh thật sự trên mặt trận chống tham nhũng. Nó giống như việc G.W.Bush sử dụng sự kiện 11/9 để tiến hành đưa quân Mỹ đến Trung Á. Chúng tôi đang có một cuộc chiến tranh chống tham nhũng rất dữ dội. Nhân dân chúng tôi có một thời kỳ cực kỳ thuận lợi để nhìn thấy rõ cái gọi là trật tự xã hội của chúng tôi. Chúng tôi đã nhìn thấy bản chất của nền văn minh có chất lượng chính trị của thể chế của chúng tôi. Nhân dân chúng tôi chưa bao giờ thấy sự suy giảm một cách rõ rệt uy tín của nhà cầm quyền đối với xã hội như giai đoạn hiện nay. Cuộc chiến tranh ấy xuất hiện vì sắp đến Đại hội X. Nếu không có Đại hội thì sẽ không có cuộc chiến tranh này và xã hội sẽ không có cơ hội để tiến bộ. Mặc dù Đại hội Đảng lần thứ X chưa được tiến hành nhưng nó đã có những đóng góp vô cùng tích cực cho sự tiến bộ của xã hội Việt Nam trên hai khía cạnh chủ yếu.

Khía cạnh thứ nhất là đã có sự bàn cãi rất sôi nổi trong xã hội về vai trò của chủ nghĩa cộng sản, về những mức độ hợp lý và không hợp lý của nó đối với việc điều hành xã hội. Đã có cuộc thảo luận toàn xã hội rất thú vị liên quan đến chủ nghĩa Marx, về khái niệm bóc lột theo định nghĩa của Marx. Đã có các cuộc thảo luận cực kỳ thú vị về dân chủ hoá, đa nguyên hoá đời sống chính trị. Chưa bao giờ có những cuộc thảo luận như vậy trong 60 năm tồn tại của nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sự thảo luận về những vấn đề cốt lõi như vậy có một nửa sự đóng góp của các lực lượng cấp tiến trong những người cộng sản Việt Nam, một nửa còn lại do sự đóng góp của xã hội. Tất cả những khái niệm cấm kỵ trong suốt 60 năm tồn tại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã mất hết giá trị, bây giờ không còn khái niệm gì là cấm kỵ không được thảo luận. Đó là một sự thay đổi có chất lượng cách mạng của xã hội chúng tôi.

Khía cạnh thứ hai được thảo luận ngoài xã hội là vai trò của nhà nước, các

nhược điểm của nhà nước Việt Nam, thể hiện tập trung ở tham nhũng, thể hiện tập trung ở những nhược điểm của thể chế. Chưa bao giờ trong lịch sử của chúng tôi có một cuộc tổng kiểm thảo toàn xã hội về chất lượng của các hoạt động nhà nước như hiện nay. Đây là hai đóng góp vĩ đại nhất của Đại hội X đối với sự tiến bộ xã hội. Đại hội X chưa diễn ra nhưng những sự tác động tích cực và tiến bộ của nó đối với xã hội thì đã được tạm ứng trước.

J.G: Quay lại vấn đề ban đầu, như ông đã trao đổi, nếu không có cải cách chính trị thì mọi hoạt động lập pháp đều trở thành cái bẫy đối với nhân dân. Trong Nghị quyết của Bộ Chính trị liên quan đến cải cách tư pháp có khẳng định một nguyên lý rằng đối với các hoạt động dân sự như hoạt động kinh tế thì người dân được làm những gì mà luật không cấm. Nhưng trong các dự án đang được thực hiện ở Việt Nam, tôi thấy sự quản lý nhà nước còn rất chặt chẽ chứ không có tinh thần đó.

NTB: Bởi vì hệ thống pháp luật của chúng tôi được xây dựng trên một nền chính trị và nền chính trị ấy hãm không cho pháp luật biến thành văn hoá. Thêm nữa, pháp luật thường được xây dựng trên một nền văn hoá không cởi mở, vì thế tất cả những yếu tố có thể biến thành văn hoá để điều chỉnh hành vi của con người không thể đến với cuộc sống được. Xây dựng luật mà không có cải cách chính trị và cải cách văn hoá thì pháp luật trở thành con tin của chính trị và tù binh của văn hoá. Trong kho có thể nhiều gạo nhưng ngoài kho người ta vẫn có thể chết đói. Nhà cầm quyền có thể sử dụng pháp luật nhưng nhân dân thì không đủ năng lực sử dụng pháp luật, bởi vì không có tất cả các cơ sở hạ tầng khác để pháp luật biến thành tài sản của người dân trên tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội.

Gần đây có một vụ sập hầm mỏ than ở Quảng Ninh. Tổng Giám đốc công ty than nói rằng việc sập hầm là kết quả của việc khai thác than tư nhân vô chính phủ. Giám đốc một công ty của nhà nước có quyền lên án những giám đốc của những công ty phi nhà nước khác thì cái đó được gọi là gì? Tức là giám đốc công ty than quốc doanh có thể biến tất cả những công ty khai thác than phi nhà nước trở thành đối tượng bất hợp pháp và có quyền lên án các đối tượng ấy như là nguồn gốc của các tai nạn. Đó là một ví dụ về quyền sử dụng luật pháp, tức là có luật pháp nhưng người dân không có tất cả các quyền để sử dụng luật pháp. Những tư nhân sử dụng luật pháp về tài nguyên không có quyền lên truyền hình

để nói một cách công khai, hay là họ chỉ có quyền lên truyền hình để nói những điều chính phủ ưa. Tôi xin nhắc lại rằng luật pháp trong điều kiện của một nền chính trị lạc hậu và một nền văn hoá lạc hậu là con tin của chính trị và là tù binh của văn hoá. Chắc chắn rằng những lập luận này của tôi không bao giờ thay đổi chừng nào chúng ta chưa có một xã hội dân chủ thực sự. Một xã hội dân chủ thực sự mới đủ để cho luật pháp xuất hiện, chứ không phải là cho luật pháp xuất hiện một cách có hiệu lực trong đời sống xã hội, vì hiệu quả thực sự của pháp luật còn phụ thuộc vào năng lực sử dụng pháp luật của nhân dân, mà điều đó gắn liền với sự phát triển trí tuệ nhân dân và sự phát triển kinh tế. Điểm tới hạn của sự phát triển kinh tế chính là khi nhân dân bắt đầu có sở hữu thực sự. Việc nhân dân có các vật chất dư thừa để tạo ra sở hữu của mình xuất hiện bằng con đường phát triển kinh tế. Đó chính là vai trò của việc phát triển kinh tế hay là của cải cách kinh tế đối với toàn bộ tiến trình dân chủ về chính trị.

J.G: Ông có thể cho biết vai trò của luật sư ở Việt Nam đang thay đổi như thế nào?

NTB: Vai trò của luật sư lệ thuộc vào một số yếu tố. Trước tiên là yếu tố chính trị. Cần phải có một nền chính trị tốt hơn thì vai trò của luật sư mới thể hiện tốt hơn. Vai trò của luật sư sẽ tốt hơn nếu có một hệ thống pháp luật tốt hơn, tức là pháp luật phải được giải phóng ra khỏi chính trị. Vai trò của luật sư được thể hiện rõ hơn cùng với sự nâng cao năng lực thực thi pháp luật của nhà nước, tức là hệ thống tòa án, hệ thống công tố có trình độ tốt hơn và cũng phải được phi chính trị hóa. Và cuối cùng nó lệ thuộc vào hệ thống đào tạo. Với hệ thống đào tạo hiện nay thì không có luật sư cho nên không thể nói về vai trò của luật sư.

J.G: Trong một hội thảo ở Hạ Long về Luật Luật sư mấy tuần trước đây, có rất nhiều thảo luận từ phía các đoàn luật sư khác nhau và Bộ Tư pháp nói rằng họ đánh giá cao tất cả các ý kiến. Cuối cùng, ông Thứ trưởng kết luận rằng ông ta đánh giá cao những quan điểm đó nhưng ông ta không tin các đoàn luật sư đã đủ chín chắn để có thể tự quản, cho nên, rất khó để thấy được vai trò của luật sư. Theo ông điều đó có đúng không?

NTB: Tôi rất ngạc nhiên khi một ông Thứ trưởng Bộ Tư pháp lại nói như thế. Ông ta cho rằng các đoàn luật sư không chín chắn đủ để tự quản nhưng sự chín chắn của các đoàn luật sư đem so với sự chín của cái gì? Nếu đem so sự chín

của các đoàn luật sư với sự chín của Bộ Tư pháp và của ông Thứ trưởng Bộ Tư pháp thì tôi rất ngạc nhiên vì họ là những thứ không thể chín được, trong khi các đoàn luật sư thì có thể chín dần nhưng chậm. Cần phải nói rằng Việt Nam là quốc gia duy nhất trên thế giới có Bộ trưởng Bộ Tư pháp không phải là một luật sư. Để làm một Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì phải là một luật sư, bởi nếu không thì ông ta sẽ giải quyết công việc như thế nào? Ông ta không có kinh nghiệm về vai trò dân sự của pháp luật thì làm sao ông ta có thể điều hành Bộ Tư pháp? Khi có một nền tư pháp không chín, một tòa án không chín, một Bộ Tư pháp không chín, một Viện công tố không chín và một đội ngũ luật sư không chín, thì chúng ta phải nghiên cứu tại sao những yếu tố như vậy của một nền tư pháp không thể chín được chứ không phải phê phán yếu tố này chín hay không chín.

J.G: Mới đây có một học giả nước ngoài tên là Kingsper đã viết một bài rất thú vị về Việt Nam. Ông ta cho rằng khi kinh tế phát triển sẽ xuất hiện tầng lớp trung lưu, tầng lớp trung lưu này bắt đầu có tài sản và bước đầu muốn có một sự an toàn chính trị đối với những tài sản của mình, do đó họ đòi hỏi về dân chủ. Nhưng tầng lớp trung lưu của Việt Nam tích tụ được tài sản của mình thông qua những mối quan hệ đặc biệt khác nhau với nhà nước, chính vì vậy khi có được tài sản, họ không muốn thay đổi nữa.

NTB: Tôi đồng ý với kết luận của học giả đó. Thực ra điều đó tôi đã nói từ lâu rồi, khoảng 15 năm trước đây. Nhưng tôi muốn nói đến một vấn đề mới hơn, đó là một xã hội phát triển trong danh dự, bởi vì không có cách gì để thiếu danh dự mà phát triển lành mạnh được. Tất cả những cuộc đấu tranh chống tham nhũng của xã hội chúng tôi diễn ra gần đây đều mách bảo một sự thật rằng xã hội chúng tôi là xã hội không có danh dự. Những bộ phận thượng lưu của đời sống chúng tôi như là các bộ trưởng cũng không chứng tỏ mình là người có điều ấy.

Người ta không thể làm cho xã hội trở nên tốt đẹp nếu thiếu danh dự. Cần phải xây dựng một xã hội có danh dự trước khi xây dựng một xã hội tiên tiến về chính trị hoặc kinh tế. Chúng tôi đã xây dựng một xã hội khá giả bằng cách đi ăn cắp và buôn lậu. Chúng tôi không thể phát triển được nếu chúng tôi thiếu danh dự và mọi sự phát triển đều biến thành sự phát triển của những yếu tố tiêu cực. Cần phải hỗ trợ Việt Nam xây dựng một xã hội có danh dự. Các đô thị của chúng tôi đã bắt đầu có những tiện nghi mà ngay cả những người phương Tây trung bình cũng không có, nhưng những người sử dụng những tiện nghi như

vậy là những người không có danh dự. Đây là lời kêu cứu thực sự của tôi.

J.G: Nhiều khi, con người làm một điều gì đó và họ cảm thấy không ổn về đạo đức, nhưng sau đó họ tìm cách giải thích việc đấy một cách đạo đức, họ tự tìm đến sự cân bằng.

NTB: Tôi biết tất cả điều ấy, đó là quy luật của sự tha hóa. Cần phải kiểm soát quá trình tha hóa bởi nếu không kiểm soát được quá trình tha hóa thì không kiểm soát được các quá trình tương tự khác như tham nhũng, vi phạm pháp luật hay là các quá trình chính trị. Vậy tiêu chuẩn nào được gọi là có danh dự? Đó là sự tín nhiệm và tôn trọng lẫn nhau giữa con người với con người, là sự tôn thờ triệt để những giá trị nhân đạo truyền thống. Trong tiểu thuyết "Chiến tranh và hòa bình", Lev Tolstoi có đoạn viết như thế này: Vinh quang thay nhân dân Nga, kẻ đã cùng một lúc biết vứt đi nghệ thuật đấu kiếm cổ điển để huơ lên trên đầu kẻ thù cái vồ của chiến tranh nhân dân... Và nhân dân Nga đã đánh tan được quân đội của Napoleon, đồng thời cũng đánh tan cả nền văn minh của mình. Những kẻ có tầm nhìn chính trị ngắn luôn luôn tàn phá cơ sở của đời sống tinh thần vì những thành tựu trước mắt. Và hệ quả của những sự tàn phá như thế ảnh hưởng rất nhiều đến văn hóa.

Tôi cho rằng một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của sự nghiệp xây dựng một xã hội có danh dự là giải phóng con người ra khỏi nền văn hóa lạc hậu. Đây là một công việc rất vất vả. Đây cũng là lời kêu cứu của tôi với tư cách là một nhà nghiên cứu xã hội đối với cộng đồng quốc tế. Không nên tiếp tay cho một xã hội thiếu danh dự bằng những lời khen vội vã và hời hợt. Không nên tập trung chỉ trích họ về chính trị mà nên bắt đầu sự chỉ trích một cách quyết liệt về mặt văn hóa. Không nên chỉ trích họ về những khía cạnh văn hóa mang tính bản sắc mà nên tập trung chỉ trích họ về việc không thỏa mãn các yêu cầu văn hóa có giá trị phổ biến toàn cầu. Làm như vậy chính là góp phần khôi phục một xã hội có danh dự.

J.G: Phát triển các ý tưởng là công việc của trí thức, nhưng rất ít và rất hiếm người có năng lực để làm việc đó, thậm chí họ không có thời gian để làm việc đó. Vậy có sự điều phối những người có cùng tư tưởng trong xã hội Việt Nam không?

NTB: Không. Từ khi sách của tôi được in ra, tôi có tiếp xúc với một số người thích nó. Rất đáng tiếc là những người chú ý đến nó và khen nó hầu hết đều là những người đã từng có địa vị quan trọng trong xã hội và là những người ý thức được sự bất lực của mình đối với tiến bộ xã hội. Dần dần tầng lớp trí thức cũ chết đi, những người trẻ tuổi liệu có để tâm đến những chuyện như thế này không? Đó là một câu hỏi rất lớn đối với những người có trách nhiệm. Tôi biết rằng ở phương Tây lớp trẻ cũng giống như ở đây, tuy nhiên cha ông của họ đã làm được một việc là đưa xã hội ra khỏi tình trạng thiếu học thức. Còn ở phương Đông chúng tôi thì xã hội đang ở trong tình trạng thiếu học thức bởi chính tầng lớp cha ông của họ. Vậy họ còn tương lai của những người có học thức thật sự nữa không? Tôi cho rằng toàn cầu hóa là cơ hội thứ tư của những người phương Đông để trở thành những người có học, nhưng họ đang mất thì giờ để chứng minh rằng họ có học vấn trong xã hội của họ chứ họ không chấp nhận sự có học theo nghĩa toàn cầu. Và đây chính là tấn bi kịch lớn nhất của những người phương Đông, tạo ra những hiện tượng như ở Trung Đông, ở Trung Á, ở Nam Á, ở Đông Nam Á.

J.G: Có một nhân sỹ tên là Primathoia đã bị đi tù 20 năm từ thời Sukarno, ông ta viết rất nhiều sách. Ông ta có nêu lên một thực tế là khi gặp người Indonesia ở đảo Java, họ thường nói rằng nền văn minh của họ đã đạt đến độ văn minh nhất trên thế giới, và cho rằng khi đã ngộ nhận như vậy thì không thể có phát triển được. Khi người nước ngoài nhìn vào Việt Nam, họ thấy rằng văn hóa Việt Nam đã phát triển, đã tiếp cận đến tất cả những lĩnh vực khác nhau của cuộc sống. Phải chăng đó cũng là cái bẫy để người Việt Nam không ra khỏi được chính mình?

NTB: Tôi biết tất cả điều ấy, người Việt Nam có tất cả mọi thứ mà không có gì. Nguồn gốc của sự có tất cả mà không có cái gì bắt đầu từ nghi lễ tinh thần của người Việt đối với người chết. Họ đốt cho người chết tất cả những thứ mà họ nghĩ là sang trọng ở trên thế giới, kể cả ô tô Mercedes. Kinh nghiệm đó diễn ra trong đời sống, xây dựng trong đời sống một thực tế tương tự, tất nhiên ở cấp độ khác. Chúng tôi có tất cả mọi thứ, có cả luật chống tham nhũng, luật chống tở-rớt, nhưng chúng tôi không có tở-rớt và chúng tôi cũng không chấm dứt được tham nhũng. Chúng tôi chứng minh bàn tay của người Việt có năm ngón và có những bàn tay rất dài như bàn tay Franz Liszt, nhưng chúng tôi không đánh đàn được vì chúng tôi không có âm nhạc. Cái bế tắc của người Việt Nam không phải là thiếu cái đàn mà là không có âm nhạc. Làm thế nào để người Việt Nam có âm nhạc là một công việc vô cùng khó. Làm cho người Việt Nam có

cái đàn thì có thể bằng ODA nhưng làm cho người Việt Nam có âm nhạc thì không bằng ODA được.

J.G: Xin cảm ơn ông về buổi nói chuyện thú vị này!

Ông Nguyễn Trần Bạt trò chuyện với Thomas Friedman

Nguyễn Anh Tuấn: Xin giới thiệu với ông Thomas Friedman, đây là ông Nguyễn Trần Bạt.

Friedman: Chào ông!

NTB: Chào ông Thomas Friedman! Ông không biết là những diễn giả Việt Nam sau khi ông rời Việt Nam rồi sẽ rất khổ, vì những ai nói ngược với ông sẽ bị xã hội lên án. Cho nên tôi sẽ phải buộc phải hoãn các buổi nói chuyện của tôi ít nhất là ba tháng sau khi ông rời Việt Nam. Phải nói là tôi rất hạnh phúc khi có quyền tổ chức một bữa ăn trưa với ông. Và cũng phải nói là trên thế giới không có nhiều người tạo cho tôi cảm giác như vậy. Ở Mỹ thì tôi đã có vinh dự như thế, đó là lần gặp gỡ với ngài Herry Kissinger. Vừa rồi có một nhà báo đến đây đề nghị tôi cho họ có mặt trong bữa ăn này để có thể phỏng vấn ông, tôi từ chối. Tôi nói trong thỏa thuận của tôi với ông Friedman không có sự có mặt của báo chí, mà tôi thì không tiếp cận được bây giờ để thương lượng nên đành để dịp sau. Tôi nói rằng tôi sẽ cố gắng trở tài để có thể tạo cho ông cảm giác có thể đến Việt Nam thêm một lần nữa.

Friedman: Tôi đánh giá cao điều đó. Tôi muốn hỏi ông về công việc của ông?

NTB: Tôi là một luật sư, và tôi làm chủ một hãng luật.

Friedman: Ông làm việc giữa các doanh nghiệp quốc tế với Việt Nam phải không?

NTB: Tôi là người Việt Nam đầu tiên làm việc ấy.

Friedman: Cái gì cho ông ý tưởng ấy?

NTB: Giữa những năm 1970 tôi dự báo chủ nghĩa xã hội sẽ sụp đổ, do đó chúng tôi mất chỗ dựa từ Liên Xô và các đồng minh, và những người cộng sản Việt Nam buộc phải mở cửa. Tôi đi học những kiến thức cơ bản nhất của nền kinh tế thị trường.

Friedman: Ông học về kinh tế thị trường bằng cách nào?

NTB: Tôi học bằng cách dự những hội thảo ở Việt Nam và nhiều nơi trên thế giới, và đặc biệt là học luật. Tôi hợp tác với các công ty luật ở New York từ năm 1988. Có lẽ tôi là người Việt Nam đầu tiên tiến hành các dịch vụ cung cấp cho sự kết nối giữa hai phía công ty Việt Nam và công ty Hoa Kỳ. Ông là người cố vũ chuyên nghiệp cho toàn cầu hóa, còn tôi cũng là người cố vũ nửa chuyên nghiệp.

Friedman: Vâng ông là người thực hành còn tôi là người nghĩ.

NTB: Tôi cũng là người nghĩ, tôi là một trong những người viết sách hàng đầu ở Việt Nam.

Friedman: Ông có nói tiếng Anh?

NTB: Tôi đọc được nhưng không nói được. Thế hệ của tôi không ai biết nói tiếng Anh thật tốt cả.

Friedman: Rất thú vị là một người không biết nói tiếng Anh mà lại trở thành cái cầu nối rất lớn.

NTB: Các hãng công nghiệp lớn nhất của Mỹ đến Việt Nam bằng sự giới thiệu của tôi. Có lẽ đầu tiên phải kể đến Boeing. Tôi là người soạn hợp đồng cho tất cả các vụ mua bán Boeing ở Việt Nam. Tôi có một số năm làm đại diện cho hãng McDonnell Douglas tại Việt Nam. Khách hàng của tôi có cả Lockheed Martin, người bán vệ tinh đầu tiên cho Việt Nam.

Friedman: Công ty của ông có bao nhiêu người?

NTB: Chúng tôi có khoảng 250 người ở mức thấp, và mức cao thì đến 300 người.

Friedman: Trong lĩnh vực của ông cái gì là mới nhất trong giai đoạn hiện nay?

NTB: Tôi nghĩ là có những giai đoạn khác nhau của sự thức tỉnh các khái niệm kinh tế thị trường ở Việt Nam. Giai đoạn đầu tiên là tôi cố vũ các hãng công nghiệp, sau đó thì đến giai đoạn của các hãng dịch vụ tài chính và ngân hàng, sau đó là các hãng liên quan đến công nghệ thông tin. IBM là khách hàng của tôi, thậm chí IBM đã từng làm việc trong văn phòng của tôi. Tôi là người đưa KMPG và Pricewaterhouse vào Việt Nam, đưa Citibank vào Việt Nam. Tất cả những giai đoạn khác nhau tôi gọi sự thức tỉnh các khái niệm kinh tế.

Friedman: Bước tiếp theo là gì?

NTB: Bây giờ thì chúng tôi phải cấu trúc lại hai thứ cùng một lúc. Thứ nhất là tái cấu trúc lại ý thức của người Việt về kinh tế thị trường, tức là tái cấu trúc lại thể chế kinh tế và có những khía cạnh thể chế chính trị. Chúng tôi đang phấn đấu làm như vậy trên thực tế. Thứ hai là tái cấu trúc về bản chất nền kinh tế. Người Việt nói vậy thôi, làm rất nhiều thứ nhưng không ý thức được về việc khái quát hóa thành lý thuyết. Cho nên nếu ông thảo luận với người Việt, ông để ý sẽ thấy nhiều nhà chính trị của chúng tôi họ có trí tuệ như một nhà buôn, như một người làm kinh doanh. Bây giờ phải làm thế nào để các quan chức của chính phủ chúng tôi có ý thức về tư cách của người làm chính sách chứ không phải tư cách của nhà buôn. Ông biết rằng chính phủ chúng tôi vừa phải quản lý nhà nước xét về phương diện vĩ mô, vừa phải quản lý hệ thống xí nghiệp của họ. Vì thế cho nên họ trộn lẫn giữa năng lực của nhà buôn với năng lực của người làm chính sách và đôi khi nhầm lẫn địa vị của mình.

Friedman: Nếu mà ngày nào đó ông trở thành thủ tướng hay một chức vụ cao nhất của Việt Nam thì ông sẽ làm việc gì trước?

NTB: Tôi mời ông đến Việt Nam tư vấn cho tôi, sau một ngày tôi bàn giao mọi việc lại cho ông thủ tướng kế nhiệm tôi và tôi bàn giao luôn cả ông. Tôi nhớ chủ tịch Citibank khi đến Việt Nam tiếp xúc với chúng tôi và nhiều nhà lãnh đạo khác có hỏi: Chính phủ của các ông có ý thức được những sai lầm của họ không. Tôi trả lời: Chẳng có con chuột nào ý thức được sự hôi hám của nó. Ngay cả bây giờ các con chuột cũng chưa ý thức được. Để ý thức được về sự hôi hám ấy là vô cùng khó.

Friedman: Nguồn hôi nhất là gì?

NTB: Nguồn hôi nhất nó nằm giữa khu vực quyền lực và khu vực tài chính, tức là giữa chính trị và kinh tế, đó là một sự liên minh không tự nguyện nhưng rất nhạy cảm. Và sự kết nối có chất lượng tham nhũng nhạy bén hơn nhiều so với kết nối mà ông cổ vũ trong thế giới phẳng.

Friedman: Nó đang thay đổi tốt lên hay xấu đi, hay nó vẫn thế?

NTB: Cái xấu càng ngày càng thông minh lên và cái tốt càng ngày hiếm hoi.

Friedman: Việt Nam vẫn đang phát triển 5,5% đấy thôi, vậy vấn đề là gì?

NTB: Có lẽ mọi người trên thế giới hiểu sai về mấy phần trăm tăng trưởng của Việt Nam. Trong các phép tính về tăng trưởng người Việt Nam không hề tính đến những yếu tố cần khấu trừ. Chi phí về môi trường là không được tính đến, chi phí để đảm bảo cho trí tuệ tăng trưởng, đảm bảo cho xã hội luôn luôn có

việc làm không được tính đến. Tức là cả môi trường tinh thần lẫn môi trường tự nhiên đều không được tính đến trong tất cả các phép tính. Cái đấy không phải chỉ có ở Việt Nam, cả người hàng xóm vĩ đại của chúng tôi cũng rơi vào tình trạng như vậy.

Friedman: Làm thế nào mà ông thông thái thế?

NTB: Tôi nghĩ rằng người ta muốn hiểu được phụ nữ thì phải yêu họ, tôi yêu cuộc sống này và quan sát nó, nhìn lâu là thấy.

Friedman: Nhiều người trẻ hỏi tôi là muốn làm như ông thì phải làm gì. Tôi bảo là, thứ nhất là phải đánh máy rất nhanh, thứ hai là tiếng Anh tốt, thứ ba là phải có kiến thức cơ bản về lịch sử, chính trị, địa lý, nhưng quan trọng nhất là phải thích công việc.

NTB: Yêu con người là động lực cơ bản nhất để con người trở thành kẻ thành đạt.

Friedman: Tại sao?

NTB: Không hiểu con người, không hóa thân vào nó thì bằng mắt thường chúng ta không thể quan sát hết được con người. Tôi dành tất cả ngày làm việc của tôi trong tuần vào bữa trưa với các đồng nghiệp của tôi, nói đủ các khía cạnh, bọn trẻ chưa có người yêu thì tôi bảo làm thế nào để có người yêu, còn đối với những người già thì tôi nói rằng làm thế nào để không phải đến bệnh viện. Lâu lâu chúng tôi nói về Putin, chúng tôi không chỉ nói về Putin, chúng tôi nói về những người thích và không thích ông ấy. Khi biết được ai thích ông ấy và ai không thích thì ta biết được nhiều thứ lắm.

Friedman: Tôi thấy là khi thích con người thì con người nở ra như một đóa hoa.

NTB: Nó không chỉ nở ra như một đóa hoa mà còn nở ra như một cục nam châm có thể hút. Con người có một sức hút rất lớn, tâm lý con người cũng tuân thủ các quy luật của trường hấp dẫn. Durkheim giải thích hiện tượng con người hút lẫn nhau rất thú vị.

Friedman: Ông thấy Putin như thế nào?

NTB: Tôi nghĩ ông ấy là một ví dụ có lẽ cuối cùng của một nền chính trị cũ và đặc điểm phổ biến của nền chính trị ấy chính là không biết ngượng.

Friedman: Ông có nghĩ là ông ấy có tương lai?

NTB: Nếu mà ông ấy có tương lai thì chúng ta không có, loài người không có.

Friedman: *Khi ông ngồi xuống nói chuyện với các nhà lãnh đạo của Việt Nam, ông nói những điều khá thông thái như thế này họ có hiểu không?*

NTB: Có lẽ chúng ta phải cố gắng để hiểu những nhà lãnh đạo của chúng tôi một cách tử tế. Họ là những người thông thái thật chứ họ không ú ớ. Họ là hậu duệ của những người đã điều hành một cuộc chiến tranh khủng khiếp. Để thắng được người Mỹ là việc vô cùng khó.

Friedman: Ông nói chuyện rất hay và tôi có nhiều câu hỏi. Việt Nam là đất nước duy nhất trên thế giới này đánh lại Pháp, Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản, ông có thể giải thích cho tôi điều ấy?

NTB: Người Việt Nam có một năng lực chịu đựng, chịu khổ vượt ra khỏi sự tưởng tượng của con người. Các ông không tưởng tượng nổi sức chịu đựng của họ. Chiến tranh giữa chúng ta với nhau đã kết thúc 40 năm rồi, cho đến bây giờ tôi cũng chưa thấy người Mỹ nào tưởng tượng được. Tôi là bạn của tất cả các thế hệ đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, tôi cho rằng người Mỹ chưa hiểu được sức chịu đựng gian khổ của người Việt Nam. Ví dụ nền kinh tế từ 7 – 8% xuống còn 5%, có thể xuống còn 2 - 3% thôi thì một số bộ phận mong manh trong giới trí thức của chúng tôi tưởng rằng thể chế này sắp sửa sụp đổ, bởi nền kinh tế không tăng trưởng. Đây là một sự nhầm lẫn khổng lồ.

Friedman: *Sự mạnh mẽ trong lòng nó đến từ đâu?*

NTB: Nó đến từ chỗ người Việt rất dễ cảm thông lẫn nhau về chuyện này. Người Việt Nam bao giờ khi đối mặt với nhau họ cũng muốn hơn nhau một chút, vì thế cho nên họ tự làm nở mình trong sự phấn đấu để anh nọ hơn anh kia.

Friedman: *Có rất nhiều người Việt Nam hỏi tôi và bây giờ tôi sẽ hỏi ông là Việt Nam sẽ đối phó với Trung Quốc như thế nào nếu Trung Quốc một ngày nào đó quyết định đưa một cái giàn khoan vào biển Đông?*

NTB: Tôi nghĩ người Trung Quốc nếu có làm việc ấy thì cũng sẽ thất bại. Người Trung Quốc sẽ lắp được cái giàn khoan ấy, nhưng để khai thác được dầu thì không. Người Việt Nam sẵn sàng đốt cái đó. Đối mặt với người Việt Nam về lâu dài là rất khó, bất kỳ ai.

Friedman: *Người Trung Quốc có biết được không?*

NTB: Không có một kẻ mạnh nào biết được tất cả mọi thứ về người Việt. Để biết được người Việt thì phải là kẻ yếu. Người Lào chắc chắn là hiểu chúng tôi hơn, người Campuchia hiểu chúng tôi sâu sắc hơn người Mỹ và người Trung Quốc.

Friedman: *Tôi có một câu nói là ở Mỹ những người có quyền thì chẳng bao giờ nghĩ về nó, còn những người không có quyền thì bao giờ cũng nghĩ về quyền. Điều gì là quan trọng nhất mà tôi có thể nói với người Mỹ về Việt Nam trong thời gian tới?*

NTB: Thứ nhất là người Việt Nam rất thích người Mỹ. Tại sao lại thích người Mỹ? Bởi vì người Việt Nam rất yêu tự do, và người Mỹ là những người tự do. Do đó về mặt tự nhiên hai người cùng yêu chung một thứ là tự do. Ở Việt Nam, người đề phòng người Mỹ, phân vân về người Mỹ là chính phủ chứ không phải người dân. Thế nhưng không phải chỉ có chính phủ của những người cộng sản mới phân vân về người Mỹ, mọi chính phủ Việt Nam trước đây và trong tương lai đều phân vân về người Mỹ. Vì phân vân về người Mỹ như một đối tượng quá mạnh nên họ không thể hiểu được người Mỹ. Những người cộng sản Việt Nam hiện nay phân vân về người Mỹ không nhiều bằng ông Thiệu trước đây.

Friedman: *Tôi cũng đồng ý về mặt văn hóa thì người Việt Nam cũng có cái giống người Mỹ.*

NTB: Việt Nam có rất nhiều giai đoạn di dân, nhưng không có cuộc di dân nào mà hứng thú và gian khổ và phải trả giá đắt như người Việt Nam di dân đến Mỹ. Phải nói là họ di dân một cách cực kỳ thành công, họ hạnh phúc. Gia đình nhà tôi cũng đóng góp vào khoảng 200-300 người.

Friedman: *10 ngày trước đây tôi đã ở Ukraina. Tôi đi từ một nước trung bình sống bên cạnh một con gấu, bây giờ tôi đến một nước trung bình sống bên cạnh con hổ. Cả hai nước đều đang muốn tìm cách đối phó với hai con đấy, con gấu thì đang yếu đi, còn con hổ thì càng ngày càng mạnh hơn. Tôi cảm nhận thấy sự song song rất là phù hợp giữa hai nước. Tôi có lẽ là người duy nhất trên thế giới này đã đến cả Hà Nội và Kiev ở thời điểm này.*

NTB: Tôi xin kể cho ngài nghe một kỷ niệm của tôi. Đại sứ Ukraina cách đây năm năm ở Việt Nam là bạn của tôi. Ông ấy khoe với tôi về cuộc cách mạng Cam. Tôi có hàng tuần liền để nói chuyện với ông ấy và tôi đã phá mọi cuộc cách mạng, không chỉ có cách mạng Cam. Tôi có một lý thuyết gọi là lý thuyết phi cách mạng hóa đời sống chính trị. Ông ấy đề nghị tôi đến Kiev nói chuyện

với hội đồng an ninh quốc gia của Ukraina. Ông ấy chuẩn bị rất cẩn thận, nhưng trong lúc đó thì một cuộc cách mạng khác lại diễn ra và tôi không đi được. Ông ấy đành phải triệu đài truyền hình Kiev đến phỏng vấn tôi tại Hà Nội.

Tất cả các quốc gia thuộc không gian hậu Xô Viết đều trải qua những cuộc cách mạng như vậy. Không gian hậu Xô Viết là đề tài khoa học chính trị mà tôi nghiên cứu 20 năm nay. Kết quả của sự quan sát ấy là tôi viết được một quyển sách có tên là “Cải cách và sự phát triển”, tức là tôi cổ vũ các cuộc cải cách. Ngay cả cuộc cách mạng Pháp vĩ đại thì cái mà nước Pháp nhận được là Bonaparte chứ không phải là tự do. Cách mạng tháng 10 cũng vậy. Có lẽ có một cuộc cách mạng mà người ta không phải trực tiếp nhận được kết quả quá tiêu cực, đó là cách mạng Mỹ. Tôi đang phân vân là không biết cái gọi là cách mạng Mỹ nó có chất lượng cách mạng thật không hay nó là một cuộc cải cách chính trị thông minh. Khi tôi đọc cuốn sách “nền dân trị Mỹ” của Tocqueville, qua sự mô tả của ông ấy thì tôi không có cảm giác cách mạng Mỹ là một cuộc cách mạng. Tôi nghĩ có lẽ không gian quyền lực, không gian chính trị của thế giới càng ngày nó càng phẳng theo lý thuyết của ông. Tôi chưa hoàn toàn đồng ý với ông là thế giới phẳng, nhưng tôi đồng ý với ông là không gian chính trị và thế giới chính trị nó đã phẳng. Tất cả các mẹo mực của các nhà chính trị mọi nơi đều được học và ứng dụng ngay lập tức. Nói thật với ông, có lẽ ông gây cho tôi một ấn tượng là ông là một họa sĩ vĩ đại mô tả thế giới trong giai đoạn toàn cầu hóa hay nhất từ trước đến nay. Nhưng ông chỉ mới mô tả nó thôi, còn phân tích các yếu tố để tạo ra sự phẳng, và sự không phẳng tiềm ẩn bên trong của tất cả các yếu tố là công việc tiếp theo tôi đang làm. Trong buổi trao đổi với tiến sĩ Herry Kissinger vào năm 1995 ở Washington DC, tôi có nói Kissinger rằng toàn cầu hóa về kinh tế không phải là một yếu tố nhân tạo mà là một yếu tố tự nhiên, nó tự nhiên đến. Còn toàn cầu hóa về văn hóa buộc phải có vai trò của tri thức.

Friedman: *Khi công nương Diana còn sống thì cô ấy đã phàn nàn là trong hôn nhân của cô ấy có ba người. Ở Ukraina và Việt Nam có những nét tương tự ở chỗ là khi mà Putin tỉnh dậy thì nhận ra hôn nhân của mình có ba người. Ngày xưa có Putin và tay sai của ông ta ở Ukraina điều khiển mọi thứ, bỗng nhiên một hôm có một người thứ ba đến. Đó là những người trẻ bắt đầu vươn lên, những người có tham vọng muốn làm người của thế giới. Họ dần dần trở nên một giai cấp mới và họ muốn những trở thành người khác. Họ không cần Mỹ, họ không cần NATO. Họ muốn tham gia vào cộng đồng châu Âu. Ở Việt Nam có nhóm nào giống như vậy không, và ông có phải là chủ tịch của họ không?*

NTB: Phải nói với ông là rất nhiều người mời tôi làm chủ tịch của những nhóm như vậy nhưng tôi từ chối. Những trí thức Việt Nam thông minh là những trí thức không tranh dành quần chúng với những người cộng sản cầm quyền. Tôi không định tranh dành quần chúng của họ. Tất nhiên, tôi không làm người thứ ba trong câu chuyện hôn nhân này. Tôi nghĩ là tôi có thể trở thành bố vợ của nhân vật thứ ba. Ở Việt Nam có cả một thế hệ có kinh nghiệm về chuyện mà ông mô tả trong ví dụ của ông, không phải thế hệ ông Tuấn và ông Quang mà thế hệ trước nữa, thế hệ tôi. Người Việt Nam khi lập gia đình vào thế hệ của tôi thường vẽ tình yêu một cách rất đẹp. Hạnh phúc hay sự tồn tại của hôn nhân được xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn có chất lượng vẽ như vậy. Tất cả các cặp vợ chồng chán nhau đến mức nào đó nhưng không dám nói, bởi vì họ bị ràng buộc bằng những tiêu chuẩn vẽ. Khi thời cuộc thay đổi, đất nước chúng tôi mở cửa thì bỗng nhiên những người đàn ông đẹp để theo tiêu chuẩn cũ trở thành những thằng hèn xuất hiện trước mắt tất cả các cô vợ cùng một lúc. Phải nói rằng, do hoàn cảnh, do việc phải đối mặt với sự thiếu thốn, họ bắt đầu thức tỉnh để đòi hỏi. Các trí thức của chúng tôi giải thích là do nhu cầu về tự do làm cho con người đòi hỏi cái nọ, cái kia, nhưng không phải như vậy. Thực ra tự do là phương tiện để con người thay đổi số phận của mình, chứ không phải tự do là cái người ta đòi hỏi để ăn. Và tự do mà người ta đòi hỏi để thay đổi thân phận của mình ở Việt Nam bắt đầu từ người phụ nữ. Ở Việt Nam tất cả các mặt tích cực lẫn tiêu cực bao giờ cũng bắt đầu từ người phụ nữ. Chính phủ chúng tôi muốn chống tham nhũng một cách có hiệu quả thì phải đề nghị những người phụ nữ khuyến bảo chồng hay đòi hỏi chồng là không được đem những đồng tiền ăn cắp mang về nhà. Còn khi họ vẫn yêu cầu đem về nhà thì các ông chồng vẫn tiếp tục ăn cắp.

Tôi có những người bạn có cương vị khá cao ở Trung Quốc. Tôi quen những người Mỹ ba thế hệ có mặt ở Bắc Kinh, người ta nói rằng tham nhũng ở Trung Quốc dần dần sẽ bớt đi, bởi vì khi con cái họ có tiền đi du học, đi làm lương cao thì người ta tự hào và sẽ bớt tham nhũng, tôi chỉ cười. Tôi nói: rồi các bạn xem thực tế sẽ thế nào.

Friedman: *Tầng lớp trung lưu này nó cũng đang phát triển?*

NTB: Nó đang phát triển nhưng nó phát triển không giống như cái mà phương Tây chờ đợi. Những yếu tố xấu là yếu tố chủ yếu cấu tạo ra tầng lớp trung lưu. Tầng lớp trung lưu về cơ bản là tầng lớp xấu.

Friedman: *Những yếu tố xấu ấy là gì?*

NTB: Thứ nhất, các phẩm hạnh con người, các tình cảm cơ bản mà con người cần phải có nó không còn trong giai đoạn hiện nay, hay nói cách khác là tính nhân hậu thoái hóa một cách rất đáng để than phiền. Thứ hai là coi thường lớp dưới. Họ mất đi sự cảm thông đối với tầng lớp dưới, do đó nó không cấu tạo thành tấm gương cho sự phát triển các giá trị, mà nó trở thành thứ Doping thúc đẩy những mặt bệnh hoạn của sự phát triển. Trong tất cả các yếu tố cần phải chăm sóc để phát triển ở Việt Nam thì yếu tố đạo đức vẫn là một yếu tố buộc phải chú ý tới. Chúng ta muốn có một thế giới mà con người vẫn còn tử tế, hay nói cách khác là nó vẫn còn giữ nguyên các tiêu chuẩn cơ bản của con người thì chúng ta buộc phải chăm sóc đạo đức.

Friedman: Gọi nó là quyền công dân có được không?

NTB: Không. Giá trị công dân hay tiêu chuẩn công dân là một khía cạnh tốt, nhưng không phải là khía cạnh cực tốt trong cái tôi vừa nói. Ở phương Tây có một khái niệm mà tôi cho rằng có thể tiếp cận với tương lai của loài người đó chính là “quyền con người”. Tôi đã gọi thế kỷ XXI này là thế kỷ về quyền con người. Đây là động lực cơ bản để phát triển của thế kỷ XXI.

Friedman: *Từ Việt Nam ông nhìn thấy Mỹ như thế nào?*

NTB: Tôi vẫn nói với nhiều người Mỹ, trong đó có cả ông đại sứ là người Mỹ phải cố gắng đi qua cơn khủng hoảng này. Bởi vai trò kéo cỗ xe nhân loại đi lên vẫn tiếp tục đặt trên vai người Mỹ. Tầng lớp trung lưu Hoa Kỳ là tốt nhất trong tất cả các lực lượng trung lưu có ở trên thế giới này.

Friedman: *Ông có nghĩ rằng Trung Quốc sẽ vượt chúng tôi không?*

NTB: Tôi nghĩ rằng thế giới đang có một sự lộn xộn về tiêu chuẩn, do sự khủng hoảng của nền kinh tế Mỹ mà ngay cả người Mỹ cũng không còn tự tin vào giá trị của mình. Nhưng tôi cho rằng điều đó không kéo dài, người Mỹ sẽ lấy lại và đây là điều may của nhân loại. Ông có thể kiểm nghiệm điều ấy ngay mà không cần phải nghe một mình tôi, ông có thể phỏng vấn mọi người trên thế giới. Sự trẻ trung về mặt văn hóa của nước Mỹ tạo ra một khả năng là tầng suy thoái nó không dày như châu Âu. Nước Mỹ là một quốc gia xã hội chủ nghĩa hay quốc gia cộng sản nhất trên thế giới. Bởi vì nước Mỹ là một nước có lượng dân nhập cư khổng lồ và nó luôn luôn được làm nghèo thường xuyên để không trở thành những kẻ giàu có quan liêu. Sự được làm nghèo thường xuyên luôn làm thức tỉnh người Mỹ, làm cho họ có kinh nghiệm về sự nghèo khổ của nhân loại và do đó họ có khả năng lãnh đạo thế giới.

Cách đây hai ngày có một tờ báo phỏng vấn tôi về khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Có một Bộ trưởng nói rằng ông ấy không nhìn thấy ở đâu khái niệm ấy, mô hình ấy. Nhà báo đến hỏi tôi: ông có thấy nó ở đâu không? Tôi trả lời: tôi thấy hàng ngày. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì? Là một nền kinh tế mà ở trong đấy các lực lượng kinh tế của nhà nước là chủ yếu và tất cả các khái niệm liên quan đến sở hữu đều mơ hồ, đều do dự, đều không nhất quán. Đấy là hai đặc điểm cơ bản quy định một nền kinh tế là kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa. Tôi cho rằng trong tất cả các phổ quát của nền văn minh mà chúng ta đang sống thì khái niệm sở hữu là quan trọng nhất. Trên cơ sở của đặc điểm khác nhau, mức độ khác nhau của khái niệm sở hữu mà người ta định ra tính chất chính trị của chế độ. Như thế chúng ta có thể khái quát hóa bản chất của chiến tranh lạnh là sự xung đột của các hệ thống sở hữu.

Friedman: *Có hai loại đất nước trên thế giới bây giờ, một loại đất nước cố làm cho chính phủ mạnh lên, một loại cố làm cho dân giàu lên. Người Việt Nam hơi mắc bệnh sợ không ra ngoài, bởi nó cũng đang muốn chính phủ nó mạnh, nhưng cũng đang muốn dân mạnh?*

NTB: Cũng không phải thế, đấy là một sự hiểu lầm của các ông. Bởi vì các quan chức của chính phủ có hai địa vị, địa vị là quan chức của chính phủ và địa vị là người dân, do đó họ chăm sóc cả hai thứ. Cách ngắn nhất để chăm sóc có hiệu quả bên trái của câu chuyện này, tức là mặt nhân dân ở trong người công chức ấy, đó là tham nhũng. Cách tốt nhất và dễ nhất là tham nhũng. Tôi nhìn thấy hiện tượng tham nhũng và tôi viết về nó thú vị lắm. Bài toán của những dân tộc như chúng tôi, của đất nước chúng tôi là rất khó. Giới trí thức chúng tôi hay chỉ trích Chính phủ, nhưng tôi đang rất phân vân trong việc đổ lỗi cho Chính phủ. Nước Nga chẳng hạn, nước Nga ra khỏi chủ nghĩa cộng sản rồi nhưng nó không đến tự do. Vậy nó ở đâu? Đấy là một câu hỏi không thể trả lời một cách dễ dàng. Nếu trả lời một cách thẳng thắn thì bắt buộc chúng ta phải xúc phạm cá nhân tổng thống Putin, mà tôi không muốn làm việc đấy. Nhưng ông ấy không dắt nước Nga đi đến dân chủ được, bởi ông ấy không có khái niệm về dân chủ thật, ông ấy không có đam mê dân chủ, ông ấy hành động như một chủ tịch của công ty chứ không phải tổng thống nước Nga.

Trung Quốc cũng thế. Rất nhiều người phương Tây cứ mô phỏng, suy đoán về tương lai Trung Quốc. Tương lai của Trung Quốc vô cùng dễ đoán. Một quốc gia phát triển theo khuynh hướng ấy không thể tránh tan rã được, vấn đề là nó

tan rã theo kịch bản nào, tan rã nhà nước hay tan rã một nền kinh tế. Có cả kịch bản tan rã về mặt văn hóa nữa chứ không chỉ đơn thuần là kinh tế hoặc chính trị. Bởi thực ra đây là một cộng đồng văn hóa rất vô lý. Ông cứ thử tưởng tượng xem có một nền văn hóa nào bao vây toàn bộ, tịch thu toàn bộ tự do của hơn một tỷ con người. Tan rã kinh tế vì khoảng cách giàu nghèo, tan rã chính trị vì cát cứ vùng miền, tan rã về văn hóa, đây là những sự tan rã khủng khiếp, không thể nào tưởng tượng được.

Lịch sử của Trung Quốc là lịch sử giữa hai cuộc tan rã, lịch sử Việt Nam là lịch sử giữa hai cuộc chiến tranh, mà là chiến tranh xâm lược. Cho nên để nghiên cứu thân phận những dân tộc như dân tộc chúng tôi buộc phải rất cẩn thận. Tôi lấy ví dụ như người Hàn Quốc hay người Nhật chẳng hạn. Họ tham gia cuộc chiến tranh, họ dấy đưa vào cuộc chiến tranh với một nước Mỹ ở trạng thái trước đây. Nhưng nếu họ dấy đưa vào cuộc chiến tranh với nước Mỹ ở trạng thái hiện nay, chưa chắc họ đã có số phận giống như họ đang có. Ông có thấy nước Mỹ từ thời chiến tranh thế giới thứ hai và nước Mỹ bây giờ là hai nước khác nhau? Nước Mỹ bây giờ là nước Mỹ của những người ngụ cư, còn nước Mỹ của chiến tranh thế giới thứ hai là nước Mỹ đã có màu sắc dân tộc. Giới trí thức chúng tôi bây giờ rất trông đợi vào nước Mỹ vì họ không nghiên cứu về nước Mỹ thật, họ chỉ nghiên cứu nước Mỹ mà họ nghĩ trong đầu, không phải nước Mỹ tồn tại bên ngoài.

Hoàng Anh Tuấn: *Sáng nay ông Friedman có nói chuyện với sinh viên ở Đại học Quốc gia, có một cô sinh viên phát biểu, cô ấy bảo là bây giờ cô ấy cảm thấy mạnh mẽ hơn, được tiếp thêm sức mạnh về không gian kinh tế, không gian về tự do cá nhân, mà không động chạm đến không gian chính trị.*

NTB: Có nhà chính trị thật sự, mà là nhà chính trị cỡ cao cấp, cỡ thứ trưởng còn bảo tôi bày cho ông ấy cách nào không động đến cải cách chính trị mà vẫn phát triển kinh tế được.

Friedman: *Không thể làm được.*

NTB: Tôi nói với các anh ấy là không có cách gì. Tôi đã từng phê bình một ông bộ trưởng. Tôi bảo bây giờ các kinh nghiệm của anh không còn giá trị nữa, anh phải hướng các anh ấy đi tìm giải pháp lý thuyết. Không có giải pháp lý thuyết, không có cách gì để giải bài toán Việt Nam được.

Friedman: *Ở Việt Nam không có vẻ như là có cách mạng?*

NTB: Nó không có khả năng cách mạng. Cách mạng là một khả năng. Thực ra mà nói, chúng tôi giải thích về cuộc cách mạng tạo ra chế độ này không gần khoa học lắm. Chúng tôi không có năng lực cách mạng. Người ta nhầm lẫn giữa năng lực chiến tranh và năng lực cách mạng. Năng lực cách mạng cao hơn nhiều, không so sánh năng lực chiến tranh với năng lực cách mạng được.

Friedman: *Nếu tôi nói là các ông đã làm cho đất nước tự do chứ chưa làm cho con người tự do, ông thấy thế nào?*

NTB: Cái đó thì tôi đã viết trong một bài có tên là “Cuộc giải phóng nửa vời”. Khi nào không giải phóng con người thì không có giải phóng. Nếu chúng ta không giải phóng con người, thì chúng ta chỉ thay thế nhà cầm quyền này bằng một nhà cầm quyền khác. Một nhà cầm quyền chiếm đóng nước ngoài thì dễ đánh nó, nhưng đánh đổ một nhà cầm quyền nội địa vô cùng khó. Chúng tôi không có năng lực cách mạng, chúng tôi chưa làm cuộc cách mạng nào đến đâu đến đâu. Nhiều khi dùng nhiều thời gian để nghĩ quá thì đâm ra cái gì mình cũng nhìn thấy mặt trái và nó làm mình bất hạnh phúc đi. Tôi có hoàn cảnh rất hạnh phúc nếu tôi nghĩ vừa phải.

Friedman: *Tôi thấy mọi người ngồi đây nói chuyện khá là thẳng thắn, tôi ra đường cũng không cần phải tự biên tập mình nhiều lắm. Nhưng chúng ta có thể đi được đến đâu?*

NTB: Tôi nghĩ là nếu riêng tư thì nói được nhiều thứ lắm. Ví dụ ở Việt Nam có một tổ chức khá bảo thủ, đó là trường Đảng, là nơi người ta dạy ra các nhà chính trị để phục vụ sự nghiệp của đảng. Họ kéo một lúc 30 giáo sư đến trao đổi với tôi, mỗi một giáo sư như vậy có thể đưa ra những ý kiến để có thể trói gô cả làng chứ không phải một phó thường dân như tôi. Nhưng tôi nói chuyện với họ rất thoải mái, thậm chí tôi nói phải phi chính trị hóa giáo dục đi. Họ bảo tôi rằng: chúng tôi là người dạy chủ nghĩa Marx-Lenin, bây giờ phi chính trị hóa giáo dục thì chúng tôi dạy ở đâu bây giờ. Có thể nói về nhiều điều, nhưng một điều cực kỳ quan trọng là khi anh nói với người ta kể cả những mặt tiêu cực nhất thì anh không được nói bằng hai giọng: xem người ta là địch, và xem người ta là thấp. Khinh người ta, và xem người ta dưới mình là điều rất cấm kỵ. Có một nhà chính trị cỡ nguyên thủ có gọi tôi đến nhà, ông ấy hỏi tôi là tôi mới viết có hai bài mà dư luận đã ầm ĩ lên, anh viết những năm quyển sách mà không ai nói gì anh, anh giải thích cho tôi. Tôi bảo tôi nói không phải với tư cách một nhà Marxist mà với tư cách một con người.

Friedman: *Cảm ơn ông rất nhiều. Tôi thấy buổi nói chuyện này rất thú vị!*

Ông Nguyễn Trần Bạt đối thoại với sinh viên Học viện Ngoại giao

Sinh viên (SV): Xin kính chào tất cả các vị đại biểu, các quý vị khách quý cùng toàn thể các thầy cô giáo và các bạn sinh viên đã có mặt trong chương trình Đối thoại hướng nghiệp dành cho sinh viên năm cuối của Học viện Ngoại giao ngày hôm nay. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu sự hiện diện của các vị khách quý. Về phía Học viện Ngoại giao, xin trân trọng giới thiệu Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thái Yên Hương - Phó Giám đốc Học viện; cô Nguyễn Thị Thìn - Trưởng phòng Đào tạo Học viện Ngoại giao; cô Đỗ Thu Hiền - Phó phòng chính trị và công tác chính trị quản lý sinh viên, Bí thư đoàn thanh niên; thầy Nguyễn Tiến Cường - Phó phòng Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đối ngoại; thầy Phan Vũ Tuấn Anh – Phó Bí thư đoàn thanh niên, Chủ tịch hội sinh viên. Ngoài ra còn có rất nhiều cán bộ Viện nghiên cứu chiến lược, Viện Biển Đông học, Viện Ngoại giao, rất nhiều thầy cô giáo và sinh viên K37, K38 của nhà trường.

Về phía khách mời, xin trân trọng giới thiệu ông Nguyễn Trần Bạt - Chủ tịch, Tổng giám đốc InvestConsult Group, Tiến sĩ Hoàng Anh Tuấn - Viện trưởng Viện nghiên cứu Chiến lược ngoại giao. Sau đây xin trân trọng kính mời ông Nguyễn Trần Bạt và Tiến sĩ Hoàng Anh Tuấn lên sân khấu.

Hoàng Anh Tuấn (HAT): Kính thưa các thầy cô giáo, kính thưa tất cả các quý vị, thưa các em sinh viên. Hôm nay thực sự là một ngày hết sức trọng đại đối với các em sinh viên. Học viện Ngoại giao tổ chức buổi Đối thoại hướng nghiệp này là một hoạt động hướng các em đến những công việc mình sẽ định hình trong tương lai. Thế hệ của các em mạnh dạn hơn thế hệ của chúng tôi rất nhiều. Khi chúng tôi ra trường cách đây ¼ thế kỷ, chúng tôi rất ít có cơ hội được tiếp xúc với các doanh nhân, với các nhà chính trị, những người có thể giúp chúng tôi có một định hướng tốt về nghề nghiệp. Môi trường hiện nay cũng thay đổi rất nhiều, giúp các em định hình tốt hơn công việc trong tương lai. Tất nhiên chuyện định hướng về công việc không phải chỉ bắt đầu từ tuần lễ hướng nghiệp, mà còn bắt đầu từ gia đình, từ trong nhà trường, và trong xã hội. Tuy nhiên tất cả những điều đó chỉ mang tính định hướng, còn người quyết định công việc nào phù hợp với khả năng của mình, phù hợp với sự phát triển của mình chính là các em.

Hôm nay, khách mời của chúng ta là một nhân vật hết sức đặc biệt. Ông Nguyễn Trần Bạt là một trong những người Việt Nam tôi thực sự ngưỡng mộ về sự hiểu biết, về khả năng phân tích đánh giá và nhìn nhận các vấn đề. Ông Nguyễn Trần Bạt khác với nhiều người mà tôi đã tiếp xúc. Ông không chỉ là người có khả năng truyền đạt thông tin, truyền đạt tri thức đến người nghe ở mức chất lượng, ở sự tổng hợp cao nhất, mà còn là một doanh nhân hết sức thành công trên thương trường. Một người kết hợp giữa nói được với làm được như ông Nguyễn Trần Bạt là rất hiếm. Sau đây xin nhường lời cho ông Nguyễn Trần Bạt.

Nguyễn Trần Bạt (NTB): Thưa các thầy các cô, thưa các anh các chị, thưa các bạn sinh viên. Phải nói rằng tôi xem cơ hội này là một may mắn lớn của tôi. Tôi là người luôn nghĩ đến đất nước của mình, đi tìm lối thoát con người, đi tìm nguồn nhân lực cho sự phát triển đất nước. Tôi nghĩ rằng đất nước của chúng ta là một nước bé và nghèo. Một nước bé cần có những con người lớn, những trí thức giàu trí tưởng tượng để bù vào. Các bạn chính là phần bù vào những thiệt thòi của đất nước chúng ta. Vì thế tôi cảm ơn các bạn đã có mặt trong buổi nói chuyện với tôi ngày hôm nay.

Với những điều kiện cụ thể và với hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà đất nước chúng ta có, hoạt động đối ngoại, hoạt động ngoại giao có địa vị hết sức đặc biệt trong đời sống nói chung. Học viện ngoại giao là nơi đào tạo những con người thay mặt đất nước để đối thoại, để chỉ cho thiên hạ thấy rằng chúng tôi - Việt Nam là gì, đồng thời cũng chỉ cho người dân Việt Nam thấy rằng những phần còn lại của thế giới là cái gì. Các bạn là cầu nối rất quan trọng để người Việt không nhà quê trong các hoạt động quốc tế và để cộng đồng quốc tế hiểu rằng người Việt chúng ta cũng không nhà quê lắm, hoàn toàn có thể hợp tác được. Học viện của các bạn là một cơ sở giáo dục mà tôi rất để ý. Đã từng có giai đoạn tôi sử dụng một số sinh viên tốt nghiệp ở Học viện này trong công ty của tôi. Cùng với sự trưởng thành, rất nhiều người trở thành nhân viên của những tập đoàn công nghiệp lớn, những tập đoàn kinh tế lớn, các tập đoàn nước ngoài. Công ty của tôi là chỗ để rèn luyện, là bước quá độ từ trường ra, còn kích thích của các bạn là kích thích của những GM, GE... Tôi chúc các bạn có những độ may mắn như vậy.

Qua thầy Hoàng Anh Tuấn tôi hiểu rằng chỉ độ 5 - 10% số sinh viên được đào tạo ở Học viện Ngoại giao là được tuyển vào phục vụ trong ngành. Vậy ngành ngoại giao chúng ta có ưu thế như thế nào? Phần nhà quê nhất của toàn bộ nền

kinh tế Việt Nam chính là phần đối ngoại, do vậy tất cả các tập đoàn lớn sẽ phải có những bộ phận đối ngoại để xác lập chiến lược phát triển thị trường. Bởi vì chúng ta có thể đầu tư thế này, đầu tư thế kia nhưng nếu không chiếm lĩnh được, không phát triển được thị trường, tức là không tìm ra được mảnh đất cho hàng hóa - dịch vụ Việt Nam, thì nền kinh tế của chúng ta sẽ không đi đến đâu cả. Nhưng muốn có chỗ để bán hàng trước hết phải hiểu về đối ngoại. Rất nhiều người cho rằng làm Marketing, nghiên cứu Marketing sẽ rất tốt cho sự phát triển thị trường. Tôi nghĩ rằng điều đó không sai nhưng đây không phải là việc đầu tiên. Việc đầu tiên chính là việc mà các bạn được đào tạo, đó là đánh giá tình hình thế giới, đánh giá thị trường quốc tế, đánh giá tiềm năng, đánh giá rủi ro, đánh giá tất cả các triển vọng của toàn bộ thị trường liên quan đến sự phát triển kinh tế Việt Nam. Hôm nay tôi không có tham vọng nói nhiều về các vấn đề liên quan đến những người sau này sẽ làm ở Bộ Ngoại giao, nhưng nếu các bạn hỏi những vấn đề động chạm đến thì tôi cũng không từ chối. Tôi sẽ cố gắng dành nhiều thời gian cho vấn đề nếu không làm ở Bộ ngoại giao thì các bạn có thể tìm thấy công việc, xây dựng sự nghiệp của mình như thế nào. Việc làm không phải là cái khó nhất, cái chính là việc làm tạo ra sự nghiệp của chúng ta.

Tôi tự giới thiệu một chút với các bạn. Tôi khởi nghiệp là một kỹ sư cầu đường, một nghề không liên quan gì đến cái nghề của tôi sau này là luật sư. Tôi làm luật sư cung cấp các dịch vụ phát triển kinh tế quốc tế, hay nói cách khác là cầu nối giữa kinh tế quốc tế với kinh tế Việt Nam. Từ một kỹ sư cầu đường trở thành một luật sư đã là cố gắng rồi, nhưng từ một luật sư trở thành một người có một số hiểu biết nào đó về đối ngoại với tôi là một sự cố gắng lớn hơn nhiều. Vì có những cố gắng như vậy trong quá khứ cho nên tôi có một số kinh nghiệm để nói chuyện với các bạn. Các bạn hãy đặt cho tôi những câu hỏi, tôi không bao giờ nói một cách độc thoại các suy nghĩ của mình, các ý kiến của mình, tôi trả lời các băn khoăn của các bạn, các câu hỏi của các bạn. Nếu các thầy các cô cho phép hỏi cả những câu tế nhị trong đời sống chính trị tôi cũng sẵn sàng trả lời.

Tuy nhiên trước khi đi vào hỏi và đáp giữa tôi với các bạn, tôi đề nghị chúng ta phải rèn mình, phải làm cho đời sống tinh thần của mình phong phú, phải làm cho chất lượng lý tưởng trong không gian tinh thần của mình trở thành một thực thể có thật. Tôi rất sợ gặp phải người không có lý tưởng. Tôi có khoảng hơn 200 nhân viên, không phải ai trong số họ cũng học hành xuất sắc, nhưng có khá nhiều người thành công. Thành công ở trong công ty của tôi nghĩa là gì? Tất cả các hãng nước ngoài quan trọng trong nghề của tôi đều muốn tranh giành họ thì

gọi là thành công, người nào có thu nhập ngang với mức trung bình của châu Âu ở chỗ tôi thì gọi là thành công. Tôi không sợ những người dốt, tôi sợ những người không có lý tưởng, bởi vì nói cái gì nó cũng trơn tuồn tuột. Các bạn cần phải có lý tưởng, cần phải yêu cái gì đó, phải tìm thấy tình yêu ở trong công việc của mình, ở trong cái mình học, ở trong cộng đồng của mình, và sức mạnh của trí tuệ sẽ xuất hiện ở trong giao lưu giữa các bạn với cộng đồng lao động của mình. Không có lý tưởng các bạn sẽ không có cộng đồng lao động.

Tôi từng là một người rất nghèo. Lúc bắt đầu sự nghiệp, tôi chỉ có một cái xe đạp và điểm khởi nghiệp của tôi không phải ở tuổi hai mươi như các bạn, tôi khởi nghiệp vào lúc 45 tuổi, lúc đất nước bắt đầu đổi mới. Sau gần 30 năm chiến đấu trong điều kiện cụ thể như thế, tôi trở thành một người có lẽ cũng thành công, tức là tôi không phải lo đến chuyện tiền bạc, tài chính nữa. Tôi cũng có các tài sản vật chất, tài sản tinh thần. Tôi có những quyển sách được viết ra rất cẩn thận, tôi có các cơ ngơi, tôi có một tập thể hơn 200 người lao động một cách rất vui vẻ và có thu nhập tốt. Nhưng khởi đầu của tôi chậm hơn các bạn và nghèo hơn các bạn, tôi không thể tưởng tượng mình lại có cơ hội học trường Ngoại giao. Tôi chưa bao giờ mơ tưởng mình có thể vào trường Ngoại giao để học. Tôi có mua cho các con của tôi một bức tranh mô tả một cậu bé ăn xin đứng ở cửa lớp học. Các con tôi hỏi tại sao bố lại mua bức tranh này cho bọn con. Tôi bảo, bức tranh này không phải mô tả các con mà mô tả bố. Bố là một đứa trẻ ăn xin, không phải ăn xin thông thường mà ăn xin trí tuệ ở cửa các lớp học. Tôi nghĩ rằng nếu tôi còn trẻ chắc tôi cũng sẽ đến cửa lớp học của các bạn để làm chuyện ấy. Phải có một sự đam mê như vậy, phải có một lý tưởng như vậy, phải có một khát khao như vậy và phải có một cộng đồng cộng tác vui vẻ để chúng ta rèn luyện bản thân mình. Đây là phần mở đầu của tôi.

HAT: Trước khi các em sinh viên đặt câu hỏi với ông Nguyễn Trần Bạt, tôi xin phép được hỏi một câu. Hiện nay các em đang chuẩn bị bước vào đời, bối cảnh của xã hội, bối cảnh của môi trường tất nhiên sẽ khác trước nhiều so với khi anh Bạt bước vào đời. Ngày xưa chủ yếu ta nhìn ở không gian hành chính, chính trị ở quanh nơi chúng ta sống là chính, lúc đó sự đi lại của chúng ta khó. Bây giờ không gian hoạt động, không gian suy tưởng, không gian làm việc của các em lớn hơn, nó không chỉ bó gọn lại ở không gian đất nước mà còn là không gian của khu vực và không gian thế giới. Đứng trước một không gian như thế thì ông nhìn thấy khó khăn, thách thức gì và thuận lợi gì khi các em chuẩn bị bắt đầu sự nghiệp của mình?

NTB: Kẻ thù lớn nhất của tất cả chúng ta là sự lười biếng. Nếu chúng ta không lười biếng thì mọi cái mà chúng ta trông thấy đều là các cơ hội, bởi vì càng khó khăn cơ hội càng lớn. Tôi có một lý thuyết cho cá nhân tôi, gọi là lý thuyết bên bờ vực. Tôi không bao giờ làm việc gì dễ và không làm việc gì mà người khác có thể ngay lập tức làm giống tôi được. Tôi gọi là lý thuyết bên bờ vực bởi vì kẻ địch cạnh tranh với mình không dám theo ra mép vực để cạnh tranh và kẻ thù cũng không dám theo mình ra mép vực. Tôi nghĩ rằng không lười biếng và phải dũng cảm, hai cái đấy tạo ra cơ hội. Các bạn đừng sợ. Tiến sĩ Hoàng Anh Tuấn có gợi ý tôi nói về thách thức, khó khăn. Tôi nghĩ là không có khó khăn. Khó khăn là thuốc kích thích để mỗi con người dũng cảm, sáng suốt và sống có lý tưởng. Mọi khó khăn là điềm báo tạo cơ hội. Có nhiều cơ hội lắm.

Tôi lấy ví dụ, mấy tuần vừa rồi có những sự rắc rối đã diễn ra ở châu Âu. Mới cách đây hơn một tuần, thế vận hội Olympic mùa đông rất đẹp đã diễn ra ở đó, thế mà chỉ một vài tuần sau nó đã trở thành một bãi xấp xỉ chiến trường. Đây chính là một trong những vấn đề địa chính trị sôi động nhất trên thế giới hiện nay. Các bạn thử tưởng tượng xem đây có phải là một cơ hội để tất cả những người trí thức Ukraine, những người được đào tạo cẩn thận thi thố tài năng để cứu đất nước của mình? Và liệu các bạn có đặt câu hỏi vậy thì trí thức Ukraine ở đâu mà để đất nước của họ bị đẩy vào một tình trạng như vậy? Những vấn đề ấy là chuyện của người Ukraine, nhưng nó cũng đặt ra cho người Việt chúng ta suy nghĩ là nếu bị đặt vào tình huống như vậy thì chúng ta nghĩ thế nào, chúng ta có giải pháp nào. Tôi nghĩ rằng tất cả các thành tựu của một quốc gia bắt đầu le lói hình thành từ trong ý tưởng. Rồi chúng ta sẽ tiếp tục suy tưởng rằng liệu đất nước của chúng ta có xảy ra những sự kiện tương tự như vậy không. Cách đây khoảng chừng vài ba chục năm thì Nga và Ucraina không phải là đối thủ mà là những người bạn. Chúng ta có nghiên cứu xem vậy thì tình thế nào đẩy những người bạn thành đối thủ? Cái gì trong tất cả các yếu tố cấu tạo ra đời sống này biến những người bạn trở thành những đối thủ của nhau như hiện tượng Ukraine? Ở Việt Nam, những người chúng ta đã từng gọi là bạn liệu có trở thành kẻ thù hay không và trong trường hợp ấy chúng ta xử lý như thế nào với tư cách là những trí thức? Đương nhiên chúng ta có đảng, chúng ta có Chính phủ, có nhà nước, phải đi qua con đường ấy thì mọi sáng kiến chính trị mới được thực thi. Nhưng nếu không có những sáng kiến tiềm ẩn trong giai đoạn đang còn là sinh viên như các bạn thì làm sao đất nước có sáng kiến được! Đất nước có sáng kiến là vì mỗi một cá nhân trong đó có sáng kiến.

Nhiều thế kỷ trước, vào những năm 1970, khi tôi thấy tiến sĩ Henry Kissinger đi tắt đến Bắc Kinh, tôi giật mình bảo tại sao lại có một người thông minh thế. Và tôi bắt đầu nghiên cứu xem cái gì sẽ xảy ra ở Việt Nam. Chiến tranh Đông Dương sẽ chấm dứt, người Mỹ sẽ ra đi, chúng ta làm thế nào để khi còn người Việt với nhau thì chúng ta thống nhất được đất nước? Vào lúc ấy tôi nghĩ như vậy, và tôi rất phục tiến sĩ Kissinger. Lúc bấy giờ tôi mới yêu nhà tôi, nhà tôi là sinh viên năm cuối của trường Đại học sư phạm, khoa Văn. Tôi bảo cô ấy là ra trường nhanh lên, lấy anh và để cho anh một thằng con trai thông minh như Kissinger. Nhà tôi lúc bấy giờ yêu nước lắm, mà Kissinger lúc bấy giờ đang cho thả bom ở Khâm Thiên. Cô ấy nổi xung lên bảo không cưới xin gì cả. Nhưng rồi tình yêu vẫn lớn hơn sự ghét bỏ chính trị, cuối cùng nhà tôi vẫn lấy tôi. Và không hiểu do số phận thế nào, năm 1995, tôi nhận được thư mời của tiến sĩ Kissinger đến Washington DC để ăn tối với ông ấy và dự một hội thảo quốc tế về kinh tế. Chúng tôi biến hội thảo ấy trở thành hội thảo bàn về vai trò của văn hóa trong toàn cầu hóa.

Phải nói với các bạn rằng, chúng ta cứ mơ tưởng, chúng ta cứ cấu trúc ra tất cả những giải pháp ở trong đầu chúng ta với tư cách một trí thức, thế nào cũng có một nhà chính trị thông minh để sử dụng trí khôn của chúng ta, nếu ý tưởng của chúng ta là thông minh thật. Kissinger khi mới ra trường đã viết quyển sách “Vũ khí hạt nhân và tình hình chính trị thế giới”. Rockefeller lúc bấy giờ với tư cách là chủ tịch một tập đoàn công nghiệp đã tuyển mộ ông ta để làm kinh doanh chứ không phải làm chính trị. Sau này, Rockefeller tham gia chính trị và trở thành Phó Tổng thống Hoa Kỳ, Kissinger trở thành phụ tá của ông ta rồi dần dần trở thành trợ lý an ninh quốc gia, trở thành ngoại trưởng. Nixon phải thương lượng với Rockefeller để có được Henry Kissinger. Tất cả những sáng kiến ấy Kissinger có từ thời ông ta là sinh viên.

Tôi nghĩ rằng trong 500 người ngồi đây biết đâu sẽ có người trở thành Kissinger của Việt Nam. Và tôi cầu mong cho các thầy cô ở trường Ngoại giao có điểm phúc đào tạo ra một người như thế trong ngôi trường của mình. Các bạn sinh viên hãy thể hiện sự can đảm, sự thông thái của mình bằng câu hỏi, tôi sẽ trả lời tận tụy như một người già chèo đò để giúp các bạn đi qua những bước đầu tiên của việc tập làm người lớn giả định trong đời sống chính trị đối ngoại.

SV: Cháu có hai câu hỏi muốn hỏi chú. Câu hỏi đầu tiên là chú đã tuyển một vài nhân viên là sinh viên của Học viện ngoại giao, điều gì khiến chú ấn tượng với những sinh viên này để chú nhận họ vào? Cái cụ thể cháu muốn hỏi là về

kiến thức và kỹ năng mềm khác. Câu hỏi thứ hai là chú đã từng là một kỹ sư, không phải không có những thành công nhất định, tại sao chú lại rẽ sang một ngành khác là luật sư, rồi lại rẽ nữa sang một ngành là kinh tế. Quyết định gì hay cơ duyên gì khiến chú thay đổi như thế?

NTB: Câu hỏi thứ nhất là vì sao tôi có ấn tượng với sinh viên trường ngoại giao, bởi vì sinh viên trường ngoại giao rất bảo thủ. Tôi có một người bạn là tỷ phú, ông ấy là Simon Keswick, chủ tịch tập đoàn Jardines, là một trong hai tập đoàn sáng tạo ra Hồng Kông. Ông ấy nói với tôi là: “Ông Bạt, tôi là người bảo thủ cho nên kiếm tiền ở chỗ tôi khó lắm.” Tôi bảo: “Tôi biết, vì thế cho nên tôi sẽ kiếm tiền ở những người không bảo thủ để duy trì quan hệ với những người bảo thủ như ông.” Tôi chưa nói đến kỹ năng của sinh viên trường ngoại giao, tôi cũng không định để các bạn ấy ở lại làm việc lâu dài ở công ty của tôi. Tôi muốn nhật nhạn một số nhà ngoại giao được đào tạo bài bản như thế này và tôi nối tiếp sự đào tạo để các bạn ấy trở thành những nhà ngoại giao thực thụ cho đất nước. Tôi không biết tôi có làm được không, nhưng tham vọng của tôi là như vậy, lý tưởng của tôi là như vậy. Tôi muốn giống Phó tổng thống Rockefeller. Rockefeller cùng với một chút đào tạo của trường Harvard đã tạo ra cho nước Mỹ Henry Kissinger. Tôi cũng muốn tìm một vài sinh viên như vậy về cơ quan của tôi và góp phần tạo ra hoặc cấu trúc ra một vài nhân vật có kiểu dáng Kissinger. Đây là tham vọng. Trả lời cho câu hỏi thứ nhất của bạn, tôi nói rằng không phải là kỹ năng, mà là lý tưởng. Ngành ngoại giao của đất nước chúng ta cần phải có những chuyên gia hết sức thực tế, hiểu cuộc đời này và có thể cấu tạo ra một cách chủ động chính sách đối ngoại. Chúng ta không tạo ra họ một cách cầu may mà phải tạo ra họ trên cơ sở những kinh nghiệm thực tế, mà ở chỗ tôi, trong quá trình va chạm chắc chắn sẽ có những kinh nghiệm thực tế như vậy.

Câu thứ hai là tại sao tôi lại chuyển nghề. Tôi có nói với bác Hữu Thọ, lúc bác ấy còn là trưởng ban Văn hóa Tư tưởng Trung ương Đảng rằng không có nhà báo, không có nhà văn, không có doanh nhân..., đây chỉ là những trạng thái khác nhau trong cuộc đời lâu dài của một con người. Cho nên tôi không bị trói mình vào nghề nghiệp, tôi tự do. Trong quyển sách của tôi viết về tự do có tên là “Cội nguồn cảm hứng”, tôi nói rằng không gian tinh thần của con người có ba tầng: tầng thứ nhất là tầng thực dụng, tầng thứ hai là tầng tư tưởng, tầng thứ ba là tầng lý tưởng. Nếu như cấu trúc tinh thần của con người không có ba tầng như vậy thì con người không có triển vọng. Con người nào cũng mong về với thượng đế, cũng mong lên thiên đàng, mong đến niết bàn, mong đến những chỗ

đẹp hơn cuộc sống bình thường. Nếu con người không có sẵn một miền tinh thần như vậy thì con người không có cơ hội để đi đến hạnh phúc, và do đó con người sống một cách chấp vá. Tôi nghĩ là chúng ta cần có một miền tinh thần như vậy.

Tôi thay đổi công việc là vì tình thế, chúng ta học cái gì là do tình thế của cuộc đời. Tôi học nhanh lắm. Năm 1990 tôi đến Mỹ, tôi nói chuyện với giới luật gia New York. Sau đó tôi đã đưa Gary Hart, ứng cử viên tổng thống Hoa Kỳ vào thời điểm ấy về đây để giúp Thủ tướng Phan Văn Khải trong việc xử lý tài sản của công dân Mỹ trên lãnh thổ Việt Nam. Khi đó tôi chưa học luật. Sau khi ở Mỹ về tôi bắt đầu học, người dạy tôi là Vụ trưởng Vụ pháp chế của Văn phòng Chính phủ - giáo sư Nguyễn Niên, rồi anh Vũ Đức Khiển - Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật của Quốc hội, anh Nguyễn Đình Lộc, v.v... Tôi có lẽ là lứa học viên đầu tiên của lớp luật tại chức nhưng được dạy bởi những người có kiến thức cao nhất lúc bấy giờ của nền tư pháp. Ba, bốn năm sau tôi trở thành luật sư. Trong khi tôi chưa kịp tốt nghiệp trường luật thì tôi đã tham gia vào hợp đồng hỗ trợ tư pháp của Chính phủ Úc cho Chính phủ Việt Nam. Và tôi ký ngang với trưởng lý của Chính phủ Úc, mà trưởng lý của Chính phủ Úc chính là Bộ trưởng tư pháp.

Các bạn phải đừng cảm thay đổi, cuộc sống bắt chúng ta thay đổi. Tôi không phải là một kỹ sư tầm thường, tôi đã trở thành chủ nhiệm một bộ môn mà trong những viện nghiên cứu chuyên nghiệp, làm chủ nhiệm bộ môn còn khó hơn là làm lãnh đạo một viện. Bởi vì chủ nhiệm bộ môn phải chịu trách nhiệm về khuynh hướng phát triển khoa học của một ngành, một nghề, còn quản lý một viện thì chỉ xử lý hành chính. Tôi rất thành công trong nghề kỹ sư của tôi chứ không phải tôi chán nó. Vấn đề là tôi yêu một cái khác và tôi thành cái đấy chứ không phải tôi chán cái cũ. Bây giờ gần 70 tuổi, đôi lúc tôi vẫn giở quyển giải tích toán học ra làm một số bài tập để cho đỡ nhớ toán học. Không phải do tôi chán cái này, thích cái khác mà cuộc đời bắt tôi phải làm. Chúng ta yêu cuộc đời, yêu cuộc sống của mình, yêu đất nước của mình, đất nước ấy có vấn đề gì chúng ta học vấn đề ấy. Tôi phải nghiên cứu nghề đối thoại, nghiên cứu những kiến thức đối ngoại, nghiên cứu những tập đoàn kinh tế quốc tế hình thành như thế nào, nghiên cứu địa vị của nó đối với việc hình thành các chính sách đối ngoại, hoặc các chính sách của các Chính phủ như thế nào. Thậm chí tôi đã từng cùng với công ty GE nghiên cứu, so sánh luật chống tham nhũng của Hoa Kỳ với các thông tư, chỉ thị về chống hối lộ ở Việt Nam, nhằm giúp các nhà đầu tư Mỹ có một căn cứ để hiểu một cách tương đối gần đúng về luật pháp liên

quan đến tham nhũng của chúng ta. Sau 25 năm chúng ta vẫn sa lầy trong việc chống tham nhũng, và không phải chỉ chúng ta, người Trung Quốc cũng sa lầy như vậy.

Cuộc sống bắt buộc chúng ta đối mặt với rất nhiều vấn đề, một biển mênh mông những vấn đề để học, để thử thách trí thông minh cũng như sự lương thiện. Chúng ta phải sống như thế nào để không đánh mất sự lương thiện và tôi tin rằng Chúa không quên bất kỳ sự cố gắng có chất lượng lương thiện nào.

SV: *Cháu có tìm hiểu và đọc một vài bài phỏng vấn của chú về việc giáo dục giới trẻ hiện nay. Đó là, ngành giáo dục dạy học sinh thi giỏi, nhưng làm chưa chắc đã giỏi, và sống rất tồi. Chú hy vọng thế hệ trẻ có thể có được tầm nhìn hình quạt nan chứ không chỉ nhìn thẳng. Chú có thể nói rõ hơn cho chúng cháu về những quan điểm này, cũng như làm thế nào để sinh viên có thể đạt được những điều đó và khắc phục được những lỗi hiện nay trong giáo dục?*

NTB: Câu hỏi rất hay! Nói cho cùng thì chúng ta phải sống như một con người. Tại sao nền giáo dục của chúng ta sai lầm? Vì chúng ta không xem chất lượng hay giá trị con người là quan trọng trong giáo dục. Chúng ta xem trọng kiến thức, chúng ta bắt trẻ em học thêm nhiều quá, từ cấp 1 cho đến tốt nghiệp đại học, đến mức mất tự do. Do đó, phải xem việc đào tạo con người, đào tạo những phẩm hạnh cơ bản của con người như là một trong những nhiệm vụ quan trọng không kém gì đào tạo chuyên môn. Bởi vì các bạn biết rằng cuối cùng thì chúng ta cũng trả bài cho cuộc sống, và trả bài cho cuộc sống một cách thông minh là trả bài thế nào để nó gần cuộc sống nhất. Nếu như không có kinh nghiệm về cuộc sống, không có kinh nghiệm về con người thì rất khó để chúng ta có thể trả bài một cách hợp lý. Cho nên cần phải cải cách giáo dục, cần phải sửa đổi nền giáo dục của chúng ta để cho các sản phẩm giáo dục có chất lượng con người. Tôi lấy ví dụ, gần đây trong đời sống ở châu Âu có những phản ứng của các nhà chính trị làm cho thế giới không hiểu được. Toàn bộ nền văn minh hiện nay là sự phấn đấu của nhiều thế kỷ, nhiều quốc gia và nhiều nền văn hóa khác nhau để xác lập được trạng thái tôn trọng pháp luật một cách ổn định, và người ta gọi đó là tinh thần pháp quyền. Thế nhưng những hành động, những hành vi bất chấp những chuyện như vậy góp phần phá vỡ tất cả những cam kết đã được hình thành, đã ràng buộc nhân loại với nhau. Nếu như chúng ta không được giáo dục để có những phẩm hạnh con người, mà chẳng may chúng ta trở thành ông nọ bà kia thì chúng ta sẽ hành động xa con người, xa kỳ vọng của con người, và như thế thì rất nguy hiểm.

Tôi nói xa xôi như vậy là bởi vì chúng ta đang sống trong tình thế tế nhị, nói gần hơn nữa là khó cho ví dụ mà tôi vừa đưa ra, nhưng tôi muốn nhấn mạnh phải để ý đến phẩm hạnh là vì thế. Phẩm hạnh vô cùng quan trọng. Giáo dục mà cuối cùng cho ra một sản phẩm có thể rất thông minh, nhưng không gần con người, không thuộc về con người thì nó sẽ không được chào đón, không được chấp nhận. Ngay trong công ty của tôi, tiêu chuẩn mà tôi dùng để lựa chọn cán bộ là năng lực hợp tác với cộng đồng lao động của nó. Chúng ta đang sống trong một thời đại mà rất ít tình huống con người có một sản phẩm chỉ thuần túy là của mình. Tất cả các sản phẩm của nhân loại bây giờ đều là kết quả của sự hợp tác của các yếu tố có thể kết nối với nhau. Cách đây 20 năm, tôi là người đưa IBM vào Việt Nam. Trưởng đại diện của IBM tại Việt Nam có kể về sự thất bại của IBM. Hồi đầu, họ sản xuất các sản phẩm máy tính không tương thích, không lắp ghép được với loại khác và xem đây là bản lĩnh, là chiến lược sản xuất. Nhưng từ khi ra đời hệ thống điều hành của Microsoft thì họ hiểu ra rằng các thiết bị mình sản xuất ra không tương thích được, không kết nối với cái khác được, đây chính là mình tự cô lập mình với nhân loại, với thế giới. Cho nên triết lý công nghiệp đối với máy tính cũng bắt đầu thay đổi và IBM phải đi qua hai lần phá sản để có thể tái cấu trúc mình cho phù hợp với các triết lý sản xuất của thời đại. Trả lời cho câu hỏi của bạn là như thế. Chúng ta phải có được phẩm hạnh thuộc về con người, và phát triển theo những đòi hỏi tự nhiên của cuộc sống, ta mới có được năng lực thích nghi.

SV: Cháu là sinh viên năm thứ 4 của Học viện Ngoại giao, cháu đã đọc các tác phẩm của chú. Cháu thấy trong những tác phẩm của chú có nói rất nhiều đến sự tự do, cũng như từ đầu tới giờ chú cũng nhắc đến sự tự do rất nhiều lần. Cháu cảm thấy rất thích thú với tư tưởng này. Tuy nhiên cháu thấy có sự xung đột rất ghê gớm giữa sự tự do chú nói và những khuôn mẫu, những cái người ta thường làm. Chú có thể giúp cháu hiểu thêm về tư tưởng tự do và làm thế nào để giải quyết được sự xung đột ấy hay không?

NTB: Tôi nghĩ sự xung đột giữa tự do và các đòi hỏi của các quyền lực khác nhau cấu tạo ra đời sống là chuyện đương nhiên, nếu không thì tự do không có ý nghĩa nữa. Tự do bao giờ cũng là kết quả của sự đấu tranh, của sự xung đột, của sự giành giật với những đối tượng mâu thuẫn với nó. Trên thực tế không có sự dễ dãi của tự do.

Tôi chia tự do làm hai miền. Thứ nhất là tự do bên trong, tức là không gian tinh thần bên trong con người. Bạn phải sử dụng công cụ tự do để nghĩ cho hết tất cả

các giải pháp, các nội dung hay các cách thức ứng phó với cuộc sống. Còn khi nó được đem ra như một giải pháp để đối thoại hay hợp tác với bên ngoài thì nó gắn với cái mà bạn vừa nói, tức là nó mâu thuẫn. Nhưng phải có tiêu chuẩn của mình trước rồi mới có cái để thương lượng với cuộc sống. Thứ hai là tự do bên ngoài, tức là các thể chế trong quan hệ với nhà nước, là sự phải chăng, là sự đồng thuận khi thương lượng với các đối tượng dân sự khác. Nếu không có cái của mình thì bạn không thể thương lượng với ai và bạn trở thành nô lệ của người khác. Cho nên chuẩn bị cái gì đó cho mình để mình trở thành kẻ thương lượng chủ động với người khác, kể cả nhà nước là cách cấu tạo ra cuộc sống của một người có tính chủ thể. Và đừng bao giờ sợ rằng chúng ta khó khăn để tìm kiếm sự đồng thuận, kể cả sự đồng thuận với nhà nước.

Tuy nhiên, để đỡ rủi ro thì chúng ta phải giữ được thiện chí. Tôi là người viết rất mạnh bạo, nhưng tôi lương thiện, tôi có thiện chí nên các quyển sách của tôi vẫn được xuất bản. Khổng Tử trong sách Đại học có đưa ra 8 nguyên lý để rèn luyện học tập. Thứ nhất là “cách vật”, tức là phải khách quan, không hóa thân vào bất kỳ vật gì, không nói tiếng nói chủ quan. Thứ hai là “trí tri”, tức là phải có trí để nhận thức, tức là yêu mến sự thông thái. Nếu không có tình yêu đối với sự thông thái thì anh không phấn đấu học tập. Thứ ba là “thành ý”, thứ tư là “chính tâm”. Đây là hết pha thứ nhất, pha chuẩn bị những yếu tố ban đầu cho quá trình rèn luyện. Pha thứ hai cũng gồm bốn nguyên lý là “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Khi sách Đại học về đến Việt Nam thì chúng ta cắt mất một nửa, chúng ta chỉ để ý đến “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Chúng ta không xây dựng cơ sở triết học cho con người trước khi nó đi vào nhận thức. Không cách vật, tức là không khách quan, không trí tri tức là không yêu mến chân lý. Không có thành ý và cũng không chính tâm, không có yếu tố thuộc về phẩm hạnh của con người như vậy thì tu thân để làm gì, tu thân trên cơ sở gì, tề gia trên cơ sở gì. Nếu chúng ta lấy thu nhập lớn của người đàn ông để bắt nạt vợ mình thì không tề gia được. Tề gia tức là cách để chúng ta tổ chức ra một xã hội con người ngay trong chính gia đình của mình. Tu thân không biết, tề gia không biết thì làm sao trị quốc, bình thiên hạ được. Chúng ta có một trạng thái rất kỳ lạ là không chỉ đốt cháy bốn giai đoạn ban đầu mà thậm chí còn đốt cháy sáu giai đoạn ban đầu, tức là chúng ta chỉ cần trị quốc và bình thiên hạ, tôi biết có những người như thế. Đây là khuyết tật của đời sống.

Nếu chúng ta không học lại, không suy ngẫm lại tám bước cơ bản như vậy trong logic để rèn luyện thành người quân tử của Khổng Tử thì chúng ta không có công cụ để phê phán. Các bạn biết một trong những nhà triết học lớn của

nhân loại là Kant, triết học của ông ta là triết học phê phán. Chúng ta không có tất cả các công cụ lý thuyết như vậy chúng ta không biết phê phán. Chúng ta không biết phê phán thì chúng ta đành phải tự phê bình và phê bình. Phê bình và tự phê bình là bảo nhau, còn phê phán là khoa học. Khi không có công cụ lý thuyết để tiến hành các hoạt động đấu tranh trên cơ sở của triết học, của khoa học thì chúng ta sẽ rơi vào bế tắc và xung đột. Đây là những kinh nghiệm, nói xa hơn nữa thì nó không phổ cập, bạn nào cần tìm hiểu thêm thì đến tôi, cánh cửa của tôi luôn luôn mở đối với các bạn.

SV: *Cháu là sinh viên năm thứ 4 của trường. Cháu muốn trình bày một chút suy nghĩ của cháu. Từ đầu đến giờ cháu thấy các bạn đặt ra những câu hỏi mang tính chất rất vĩ mô, lý thuyết, cháu cảm thấy nó không đúng với mục đích hôm nay chúng cháu đến đây. Vì chúng cháu là sinh viên năm cuối, cái mà chúng cháu muốn biết bây giờ là làm thế nào để kiếm được công việc ngay khi ra trường và làm thế nào để có thể đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Cháu muốn hỏi hiện nay trong cộng đồng của chú có những vị trí nào cần tuyển dụng, và chỉ tiêu tuyển dụng là bao nhiêu? Chúng cháu cần phải có những năng lực, khả năng nào để đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của chú? Liệu chúng cháu có cần thiết phải có tấm bằng khá, giỏi trở lên để có thể có được một công việc như mong muốn không? Hơn nữa, hiện nay hầu hết các công ty đều cần kinh nghiệm, mà chúng cháu mới ra trường thì không thể có kinh nghiệm. Đó là những thắc mắc mà cháu muốn hỏi.*

NTB: Bạn rất có lý, nhưng bạn thiếu một chút. Người ta có thể nói về cái lý của mình, nhưng không phê phán cái lý của người khác. Nói vậy thôi nhưng những câu hỏi của các bạn ấy rất quan trọng. Người ta nhận ra giá trị của một con người đôi khi không phải là ở chỗ nói đến những vấn đề có vẻ thiết thực, bởi những giá trị thiết thực đôi khi xuất hiện ở những khía cạnh rất bất ngờ. Ngài Rockefeller chẳng hạn, ông ta không phải là người đam mê vũ khí hạt nhân, ông ta không nghiên cứu vũ khí hạt nhân, ông ta không định biến tập đoàn của mình thành một tập đoàn sản xuất vũ khí hạt nhân. Nhưng ông ta lại kiếm ngay kẻ lý giải vũ khí hạt nhân có địa vị quan trọng trong thời đại của chúng ta làm trợ lý. Và Henry Kissinger đã trở thành bộ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ bằng sự lựa chọn ban đầu như vậy.

Cho nên câu hỏi có thể đặt ra bằng nhiều cách. Bạn là một cô gái, bạn không thể nói với cậu bạn trai là: “Anh nói thẳng đi, anh có yêu tôi không thì bảo.” Đôi khi bạn phải hỏi khế hơn, hỏi khôn hơn. Tuy nhiên, bạn hỏi với một thái độ

vô tư và thể hiện sự duyên dáng bằng thái độ của mình cho nên tôi rất thích trả lời bạn. Nói thật là tôi không cần nhiều sinh viên tốt nghiệp trường ngoại giao. Tôi chỉ cần độ mười người và tôi cũng không đòi hỏi phải tốt nghiệp xuất sắc, bởi vì phải dành cho bộ ngoại giao những yếu tố mà theo quan niệm của họ là tốt nhất. Tôi nhạt nhẽo tất cả những thứ mà người khác chê để dùng cho mình.

Tôi là học sinh cá biệt trong suốt thời kỳ đi học, từ cấp 1 đến khi tốt nghiệp đại học. Phải nói thật là tôi học rất giỏi nhưng không bao giờ là học sinh tiên tiến. Tôi là một hiện tượng bất quy tắc, cho nên tôi sẵn sàng thảo luận với những người không nằm trong các khuôn khổ chấp nhận của các tiêu chuẩn phổ biến. Động cơ của tôi rất rõ là tôi đi tìm những nhân tài, mà nhân tài là bất quy tắc. Tôi có đến trường Harvard, nói chuyện với ông hiệu trưởng trường Harvard Business School. Ông ta nói về quy tắc tuyển chọn của trường là chọn 90-95% các trường hợp theo tiêu chuẩn và 5-10% các trường hợp cá biệt. Ông ta đưa ra những định nghĩa làm tôi giật mình, đó là nhân loại tồn tại bằng 90-95% những gì theo tiêu chuẩn, nhưng phát triển bằng 5-10% các bất quy tắc. Các bất quy tắc là những đột biến của cuộc sống, nhưng người nào dám dùng những đột biến ấy thì phải đủ bản lĩnh tối thiểu. Để sống cho an toàn, tôi không xui các bạn trở thành các đột biến, nhưng nếu chẳng may số phận biến các bạn thành đột biến thì các bạn có thể đến tìm tôi. Tôi là người thích dùng những cái cá biệt, còn những cái tiêu chuẩn tôi xin nhường cuộc sống.

Cán bộ: *Cháu đến từ Viện nghiên cứu chiến lược. Theo cách nhìn của cháu, trên thị trường kinh tế Việt Nam hiện nay, các doanh nghiệp của chúng ta có thể nói là đang thua thiệt so với các tập đoàn đa quốc gia. Một trong những biểu hiện là chúng ta không có khả năng sản xuất từ vật chất cho đến những sản phẩm tri thức, chúng ta đều đang thua thiệt so với các tập đoàn đa quốc gia ngay trên thị trường Việt Nam. Với những kinh nghiệm của chú, chú có thể cho cháu biết đây có phải thực trạng của thị trường chúng ta hiện nay không? Tại sao người Việt hiện nay, mặc dù đã được trang bị một số kiến thức tương đối cơ bản, nhưng các doanh nghiệp của chúng ta vẫn thua thiệt so với những tập đoàn đa quốc gia đang tiến đến thị trường Việt Nam? Chúng ta cần bổ sung những gì để có thể cạnh tranh trực tiếp với các công ty đa quốc gia hiện nay?*

NTB: Đây là những câu hỏi có chất lượng phổ quát. Tại sao chúng ta lại thua thiệt? Tôi nghĩ là chúng ta sốt ruột, chúng ta tưởng là chúng ta đã đầu tư, nhưng những cái được gọi là đầu tư ở Việt Nam chưa ăn thua gì. Cái mà chúng ta tưởng là chúng ta đầu tư thì nhân loại đã làm 200-300 năm trước rồi. Tôi lấy ví

dụ, đến trường Harvard, tôi thấy trong trường có những ngôi nhà mang tên ông Carnegie, ông Ford, ông Rockefeller, v.v. Tức là nhiều thế kỷ trước, nhiều chục năm trước đã có những con người biết cố gắng, biết suy nghĩ, biết tạo lập không chỉ các sáng tạo khoa học, mà cả sáng tạo nền tảng cho khoa học là tình yêu khoa học của xã hội. Ông Ford, ông Carnegie không phải là nhà khoa học, họ là nhà buôn, là nhà công nghiệp nhưng họ bày tỏ với xã hội Mỹ tình yêu của họ đối với các sản phẩm giáo dục. Chúng ta không có những người như vậy. Chúng ta có rất nhiều trường đại học tư thục, nhưng mục tiêu đầu tiên là kiếm tiền. Chúng ta chưa có những người thành đạt có tiền để có ý thức đầu tư vào giáo dục như một chiến lược lâu dài. Chúng ta chưa có những người thừa tiền để đi tìm triển vọng của cuộc sống, chúng ta chưa đầu tư vào triển vọng. Tất cả bây giờ đều chỉ là bước đầu tiên để đi kiếm sống.

Bây giờ Nghị quyết TW 8 khóa XI này mới bàn về đổi mới một cách căn bản nền giáo dục Việt Nam. Đáng ra sự đổi mới một cách căn bản giáo dục phải diễn ra ngay từ năm 1986, nhưng chúng ta không nhận thức được điều ấy. Tôi đã thảo luận với rất nhiều cán bộ ở Hội đồng lý luận TW Đảng, rất nhiều giáo sư ở trường Đảng. Tôi nói rằng: *“Các anh cần phải vứt bớt tất cả những nội dung không cần thiết, hành trang đến tương lai của bọn trẻ càng nhẹ càng tốt, bởi vì phải để nó nghĩ, nếu nhồi vào đầu của nó nhiều thứ quá thì nó không tự do nữa. Không tự do nữa thì không bao giờ có triển vọng. Tự do là tiên đề của triển vọng.”*

Đừng nghĩ rằng chúng ta đầu tư thế này là đã được rồi. Tôi vừa viết một bài trên báo Đất Việt nói rằng Lào và Campuchia đã vượt chúng ta rồi, trong đó phân tích tại sao chúng ta thua. Người ta phát triển bằng các công cụ cơ bản: bằng di sản tức là quá khứ, bằng tài sản tức là hiện tại, và bằng đạo đức tức là triển vọng. Chúng ta quản lý di sản kém, quản lý tài sản kém, chúng ta bỏ rất nhiều tiền nhưng khó tìm thấy trên đất nước chúng ta có một góc nào hoàn thiện. Mỗi người đều muốn có một phần dự án của mình và đất nước chúng ta nham nhở sau một phần tư thế kỷ đầu tư. Đặc biệt chúng ta không quản lý được đạo đức, xã hội chúng ta là xã hội rất chệnh mảng trong việc quản lý đạo đức. Một vùng đất mà nền đạo đức của nó như thế thì các sản phẩm của nó sẽ bị nghi ngờ về chất lượng, không bán được, mà không bán được thì không thể có phát triển kinh tế.

Bạn nói rằng chúng ta thua thiệt so với đầu tư nước ngoài, chúng ta thua thiệt còn dài dài, chúng ta sẽ thua thiệt 100 năm nữa. Chừng nào chúng ta ý thức

được rằng phải xây dựng thể chế đứng đắn, phải xây dựng hệ tiêu chuẩn kỹ thuật đứng đắn, phải xây dựng hệ thống đạo đức thương mại, thì chúng ta mới bắt đầu tiến đến bước đầu tiên của phát triển kinh tế. Bây giờ chúng ta chưa có gì cả. Một giáo sư Nhật Bản gần đây tuyên bố Việt Nam đã chính thức sa vào bẫy thu nhập trung bình. Dưới góc độ triết học, tôi đã mô phỏng nguyên lý của Kant để phân tích vấn đề ấy, tôi gọi đó là trạng thái vị thành niên mãn tính của nền kinh tế. Nền kinh tế của chúng ta là nền kinh tế không thành người lớn được nếu đánh giá ở giai đoạn hiện nay, cho nên đừng nói là tại sao chúng ta thua trên sân nhà. Chúng ta còn thua một thế kỷ nữa và chúng ta phải sửa mình một cách nghiêm túc một thế kỷ nữa. Nếu chúng ta sửa mình một cách nghiêm túc bắt đầu từ bây giờ thì một thế kỷ nữa chúng ta sẽ có một nền kinh tế thật, bây giờ chưa có.

SV: *Cháu học khoa kinh tế quốc tế, cháu muốn hỏi một câu hỏi nhỏ mang tính chất hơi suồng sã một chút, nhưng cháu nghĩ rất thực tế ngoài đời. Năm thứ nhất mới vào trường chúng cháu nghĩ là ra trường làm cán bộ ngoại giao, thứ trưởng, cuộc sống rất nhiều màu hồng. Năm thứ hai, hai rưỡi, năm thứ ba cháu không còn thấy như thế nữa, những mảng đen tối cứ hiện ra. Đến năm thứ tư cháu nghĩ chắc chắn là thất nghiệp. Bây giờ có một vài người bạn xung quanh cháu cũng bảo là không biết ra trường sẽ xin việc gì. Bản thân các bạn cũng giống như một con lạc đà không có hướng đi và phải có người dắt. Chúng cháu rất cần ra trường tìm được việc ở một công ty TNHH nào đó với quy mô nhỏ, dần dần lấy kinh nghiệm để làm cho các tập đoàn lớn. Những tập đoàn xuyên quốc gia, đa quốc gia thì chúng cháu không thể nào làm được, bởi chúng cháu kiến thức không có gì. Theo bác, chúng cháu cần phải trang bị những kiến thức gì để có thể xin được vào các công ty tư nhân nhỏ lẻ? Như bọn cháu chưa chắc đã xin được vào các công ty nhỏ chứ nói gì đến các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia?*

NTB: Cám ơn bạn, câu hỏi của bạn rất đáng để trả lời, bởi vì các bạn của bạn thể hiện một thái độ rất hoan nghênh câu hỏi này. Tất cả những câu hỏi chân thật và bức xúc đều nhận được sự hưởng ứng như vậy. Trước khi trả lời câu hỏi của bạn, tôi muốn nói với bạn rằng các bạn đã có cái gì và có thể kiếm được gì. Đừng tưởng tốt nghiệp ở trường lớn sẽ có số phận may mắn, cái đó chỉ đủ để đi hỏi vợ, nhưng không đủ để nuôi vợ. Không thiếu gì sinh viên tốt nghiệp trường Harvard thất nghiệp, mà họ không phải loại tôi. Tôi đã gặp rất nhiều người như vậy, có thể công việc ban đầu tốt, nhưng giữa đường đứt gánh. Bạn biết rằng hàng năm các tập đoàn tài chính, tập đoàn công nghiệp thải ra hàng trăm nghìn

lao động trên toàn thế giới. Cái rủi ro ấy là rủi ro triết học, không phải là rủi ro của hoàn cảnh cụ thể. Bạn chưa ra trường, chưa ra phố, chưa đối mặt với chuyện đi xin việc cho nên bạn chưa gặp cái may mắn của một kẻ may, bạn cũng chưa gặp cái rủi ro của một kẻ rủi. Bạn thế nào cũng phải gặp những thứ như vậy, lúc đấy tôi và bạn gặp nhau, tôi có địa chỉ, bạn cứ đến. Nếu bí quá có thể nói với tôi rằng cháu cần chú nhận cháu làm một năm thôi để cho cháu có cái từng trải, để đi qua cái đoạn phân vân về chuyện nghề nghiệp là cháu biết gì hay không biết gì. Trong cuộc sống người ta không dùng ngay cái bạn học để làm việc được. Tôi đã từng viết bài nói rằng rủi ro cho sinh viên đào tạo ở Việt Nam không chỉ về chất lượng của các em, mà còn chất lượng của người sử dụng lao động nữa. Bởi vì có biết bao nhiêu ông Tổng giám đốc ở Việt Nam này không biết dùng người, dùng sinh viên ở trường Việt Nam còn khó, chưa nói chuyện sinh viên ở những trường như Harvard. Nhiều nhà quản trị các doanh nghiệp bây giờ không đủ trình độ để sử dụng người lao động có đào tạo cẩn thận, cho nên rủi ro của sinh viên nằm trong cả chính đội ngũ tuyển dụng. Ngay cả nhà trường cũng rất dễ mắc phải khuyết điểm là có khi đào tạo những kiến thức bay bướm quá mà các bạn không nhìn thấy ở đâu trên lãnh thổ Việt Nam người ta đòi hỏi những kiến thức như vậy. Có thể các thầy các cô cũng lãng mạn một chút, vì các thầy các cô cũng không phải là người thật sự có kinh nghiệm trong đời sống hàng ngày. Tại sao các bạn không phản ánh chuyện đấy? Ở đây có cả các anh các chị lãnh đạo của Học viện Ngoại giao, tôi cũng nói luôn là cần phải thông báo với thị trường lao động Việt Nam những module đào tạo của trường và cần phải vẽ tròn tất cả các module đào tạo như vậy trở thành một chất lượng trọn gói để người ta đến tìm. Có thể các anh các chị đã làm rồi mà tôi không biết, nhưng với tư cách là một người đã tuyển dụng lao động, đã sử dụng lao động, tôi nghĩ cần phải làm cho thị trường lao động hiểu rõ những sản phẩm của mình. Cần phải làm như vậy chứ không thể chỉ phân tích tất cả những tư duy, tham vọng lãng mạn về ngành ngoại giao như bạn nói lúc đầu là mơ làm thứ trưởng. Cuộc sống sẽ đưa đẩy, số phận sẽ đưa đẩy, bạn đừng bi quan sớm quá. Tôi nghĩ chắc chắn các bạn phải có cái gì đó, nếu không thì các bạn làm sao sống qua 4 - 5 năm ở trường đại học này được! Tính có hướng của chương trình đào tạo phải có thì các bạn mới đi qua được, mặc dù không có sinh viên nào chăm học. Tôi thấy nhiều trường ở nước ngoài mùa thi xong rồi thì sinh viên cũng ném sách vở, họ đều rất ngán học. Chỉ có những kẻ không học thật thì mới không ngán học, còn học thật thì ai cũng ngán. Nhưng rồi dần dần chúng ta sẽ tìm thấy, cuộc sống sẽ tìm thấy những chất lượng có lý, những

kiến thức có lý ở các bạn và các bạn phải đủ vị tha để cho cuộc sống nó tìm kiếm. Các bạn tìm kiếm cơ hội của mình trong cuộc sống và cũng phải để cho cuộc sống tìm kiếm cơ hội của nó trong các bạn. Không nên bi quan và không nên khái quát bi quan đến mức tất cả các bạn đều vô tay như thế này. Sự mô tả một cách bức xúc đến mức mọi người vô tay về trạng thái bi quan của mình là một lỗi. Cuộc sống không tồi tệ đến thế, sẽ có ai đó thương bạn, sẽ có công ty nào đó thích bạn. Tôi nghĩ rằng một người đàn ông mạnh mẽ như bạn chắc là có người yêu rồi. Bạn thử hỏi tại sao mình tồi tệ thế, mình bi quan về cuộc đời mình thế mà lại có người yêu mình. Chúng ta phải dùng cái này để kiểm nghiệm cái kia. Bạn không việc gì phải bi quan như vậy, thế nào bạn cũng tìm kiếm ra các cơ hội cho mình.

SV: *Thưa chú cháu không bi quan mà cháu thấy viễn cảnh trước mắt như thế. Bản thân cháu cũng đã đi xin việc, cháu đã đi làm được hai tháng rồi. Khi cháu bắt đầu đi làm họ hỏi cháu làm được cái gì. Cháu bảo thực ra cháu học rất nhiều thứ, chú thử cho cháu làm xem cháu có làm được không. Họ bảo cháu sửa cái máy in, một việc đơn giản nhưng cháu không làm được. Ai cũng bảo sửa máy in phải dân kỹ thuật mới làm, nhưng không phải, bây giờ sửa máy in dân kinh tế cũng phải làm. Bây giờ trong công ty có những cái rất đơn giản phải biết làm. Vậy chúng cháu phải trang bị những gì để phù hợp với những công ty tư nhân như vậy?*

NTB: Bạn nên nhớ bạn được đào tạo ở một ngôi trường mà sự kiêu ngạo nó có là thật. Sự kiêu ngạo mà bạn được đào tạo làm cho bạn cảm thấy không hạnh phúc khi người ta sai bạn sửa cái máy. Einstein đã từng bị đuổi học, Galois đã từng bị trượt đại học, tất cả các nổi oan khuất có cho tất cả mọi con người và mọi mức độ tài năng. Tất nhiên ở đây chúng ta không ai có thể so với Galois hay với Einstein được, nhưng mà ngay cả những tài năng như vậy cũng gặp phải những bất hạnh. Cái mà chúng ta cần phải có là đủ dũng khí để chịu đựng những nỗi bất hạnh mà chúng ta gặp trong cuộc sống. Tôi là người như thế. Năm 36 tuổi tôi đi thi nghiên cứu sinh. Thi nghiên cứu sinh ngày ấy khó vô cùng, 1000 người có khi chỉ trúng khoảng dăm ba người. Lần tôi thi, thí sinh ngồi kín hội trường Đại học kinh tế quốc dân to gấp 4 lần hội trường này, nhưng số lượng người đỗ thì chỉ bằng dãy ghế đầu tiên. Tôi đỗ đầu nhưng các nhà quản lý ở Bộ của tôi không cho đi. Họ nói là cậu kiêu ngạo, Đảng ta sẽ rất khó khăn khi quản lý một kẻ kiêu ngạo mà lại thành tiến sĩ, cho nên tôi không được đi. Đây là một bất hạnh. Tôi còn gặp bất hạnh nữa là con gái tôi 12 tuổi bỗng nhiên bị bệnh máu trắng, không chữa được. Tôi mất đứa con. Nếu tôi là kẻ hèn

nhất có thể tôi trở thành một kẻ bất đắc chí, một kẻ thần kinh, nhưng tôi đã vượt qua tất cả những bất hạnh như vậy để trở thành tôi bây giờ.

Các bạn không được phép có một cảm giác tiêu cực rõ rệt và phổ biến cảm giác ấy đối với số đông. Chúng ta là những người được đào tạo, là những người trí thức, chúng ta phải có trách nhiệm với đời sống tập thể. Chúng ta chỉ nói những gì mà mình biết chắc sự nói ấy không có hại cho tinh thần của các đồng nghiệp của mình, các bạn hữu của mình. Tôi tin chắc chắn rằng bạn không phải là người bất hạnh, vì nếu bất hạnh thì giọng bạn không thể sang sảng như thế này được. Nghe bạn nói là thấy ngay bạn có sức khỏe tốt, bạn biết chế giễu trường của bạn là dạy toàn những điều cao siêu, đến mức người ta bảo chữa cái máy cũng không biết chữa. Bạn là kẻ thông minh, thế nào bạn cũng sẽ gặp may nếu bạn giữ được niềm tin vào cuộc sống. Tôi nói với các bạn bằng kinh nghiệm của một người đã trải qua nỗi bất hạnh thật sự chứ không phải với tư cách một người kinh doanh thành đạt hay một luật sư nổi tiếng. Sở dĩ sách tôi viết ra có nhiều người đọc và mặc dù là sách chính trị nhưng người ta vẫn in lậu để bán là vì tôi viết về những chuyện như tôi đang nói với bạn. Tôi không hề khoe khoang về sự thành đạt hay bi kịch hóa tất cả những hoàn cảnh lật vật. Chúng ta là con người, nếu chúng ta nghĩ sai chúng ta sẽ sống sai, chúng ta sống sai chúng ta sẽ mất bạn, mất cơ hội. Chúng ta phải sống đúng, muốn sống đúng thì phải nghĩ đúng. Khi nghĩ đúng rồi thì chúng ta sẽ thành công. Cuộc sống tinh khôn lắm. Có hai đối tượng thảo luận với nhau là các bạn và cuộc sống. Các bạn đòi hỏi, yêu cầu cuộc sống phải cho các bạn cơ hội thì ngược lại các bạn cũng phải cho cuộc sống cơ hội để nó tìm thấy giá trị của các bạn nếu bạn là kẻ tự tin. Kẻ tự tin là kẻ biết rõ giá trị của mình, mà kẻ biết rõ giá trị của mình thì phải tạo cơ hội cho cuộc sống tìm thấy giá trị của mình. Khi cuộc sống tìm thấy giá trị của bạn, sự thành đạt chỉ còn cách bạn 1cm.

SV: *Cháu là sinh viên năm cuối hệ cao đẳng trường Ngoại giao, cháu chuẩn bị rất nhiều câu hỏi liên quan đến sự nghiệp, kinh tế của đất nước. Nhưng bây giờ cháu hỏi một câu không liên quan gì đến những câu cháu đã chuẩn bị. Cháu muốn biết hiện tại những lúc thảnh thơi chú làm gì và những ngày bận rộn chú làm gì? Câu hỏi này có lẽ hơi mang tính riêng tư.*

NTB: Câu hỏi ấy không riêng tư, khi nào người ta tạo ra được cho mình một cuộc sống mà ngay cả những việc riêng tư nhất cũng có thể nói ra được thì đấy là người lương thiện thật sự. Lâu lắm rồi, 25 năm nay tôi không có riêng tư, chỗ riêng tư nhất của tôi là những vấn đề tôi nói với anh Tuấn, tôi nói trên báo, tôi

viết trong sách. Tôi là một người hiến mình cho khoa học, cho việc tìm kiếm để hiểu một cách thấu đáo các nếp gấp thật sự của cuộc sống và các nếp gấp thật sự trong đời sống tinh thần của con người. Đại sứ Anh David cách đây mấy chục năm, trước khi chấm dứt nhiệm kỳ có hỏi tôi: “Ông Bạt, một nhà ngoại giao tốt là một nhà ngoại giao như thế nào?”. Tôi trả lời: “Thưa đại sứ, nhà ngoại giao tốt theo quan niệm của tôi là khi họ không làm ngoại giao nữa thì họ có thể sống bình thường như một con người.” Tôi nghĩ rằng một sinh viên tốt nghiệp ngành ngoại giao là phải hiểu cuộc sống và diễn đạt nó cho tất cả mọi người đều hiểu được. Cái riêng tư của tôi là tìm mọi cách để hiểu cho được những gì diễn ra trong sự quan sát của mình. Tôi không có những sự riêng tư không nói ra được, chỉ có những sự riêng tư không muốn nói ra, bởi vì nó sẽ làm đau những việc khác, đau người khác. Không nói chứ không phải không thể không nói.

SV: *Cháu là sinh viên năm cuối của khoa Luật quốc tế, cháu đã được nghe chú chia sẻ về một số kinh nghiệm. Chú có chia sẻ buổi đầu khởi nghiệp của chú rất khó khăn và chú được đào tạo không phải cho công việc đang làm hiện nay. Việc vào được trường đại học là một mốc rất quan trọng, tuy nhiên trong khoảng thời gian 4 năm ở trường đại học, cũng có những giai đoạn chúng cháu cảm thấy mất phương hướng, cảm thấy mọi thứ không được như mình muốn và mình cũng không có đủ năng lực để đáp ứng với những gì mà môi trường yêu cầu. Có một số không nhỏ các bạn thanh niên đã nghĩ đến việc chuyển sang một hướng đi mới và bắt đầu lại mọi thứ theo suy nghĩ là bắt đầu sự nghiệp thì không đặt nặng vấn đề bằng cấp. Tuy nhiên, khi ra xã hội thì bằng cấp, nhất là tấm bằng đại học lại giữ một vị trí rất quan trọng. Cháu muốn được nghe những lời khuyên của chú đối với sinh viên.*

NTB: Các bạn mới tốt nghiệp hoặc sắp tốt nghiệp, ngoài cửa trường các bạn có thể đi làm thêm, cái đấy chưa phải là cái thật. Các bạn sẽ va chạm thật. Tôi không thích việc bày cho bọn trẻ những thứ chi li quá theo kiểu vẽ đường để hươu đi. Tôi không làm thế vì cuộc sống ngoài kia cần tất cả. 90% cán bộ của tôi tốt nghiệp trường Luật. Chúng tôi có thể cấp học bổng cho một số sinh viên khoa luật quốc tế. Chúng ta làm và chúng ta cùng rút kinh nghiệm. Công ty của tôi không thể chứa được tất cả số đông, nhưng dăm ba người thì có thể. Đối với trường Luật, trong nhiều năm chúng tôi cấp học bổng cho một số sinh viên, chúng tôi duy trì quan hệ tuyển dụng. Tất cả những công ước quốc tế, những thỏa ước quốc tế về các quyền sở hữu trí tuệ, chúng tôi biết và chúng tôi là chuyên gia. Tôi là Phó chủ tịch Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam. Chúng tôi sẵn sàng

cử các luật sư đến đây để cùng nghiên cứu xem cần làm thế nào để chương trình giảng dạy gần với thực tế hơn, đẹp với thực tế hơn thì khả năng tìm kiếm công việc, tìm kiếm sự hợp tác của các bạn với cuộc sống sẽ tốt hơn. Ở đâu cũng có thể tìm thấy cơ hội để hợp tác với nhau, năng lực hợp tác là năng lực có tính chất triết học của cuộc sống. Các bạn không nên đối đầu với cuộc sống mà nên trở thành một đối tác của nó.

SV: *Cháu học Khoa Kinh tế quốc tế của Học viện. Cháu rất cảm ơn chú đã chia sẻ với chúng cháu những điều bổ ích. Cháu muốn đặt ra câu hỏi dựa trên những điều chú đã giới thiệu. Chú là một người rất tôn trọng sự tự do và sự khác biệt để tạo ra sự thành công. Vậy tại sao chú không để cho con trai được tự do mà lại làm việc cho chính công ty của chú? Đây là câu hỏi thứ nhất. Câu hỏi thứ hai, cháu được biết chú có nói một câu đại ý là một người phải sớm biết được sở trường của mình và đầu tư thời gian, trí tuệ, tiền bạc cho nó càng sớm càng tốt. Vậy năm bao nhiêu chú tìm ra định hướng con đường của mình và ở lứa tuổi chúng cháu thì một người sẽ tìm ra những năng lực đó ở tuổi bao nhiêu?*

NTB: Thứ nhất, các con tôi làm việc ở công ty của tôi hoàn toàn không bị bắt buộc. Tôi đã từng nghĩ rằng các con tôi có quyền ở lại nước ngoài, không cần thiết phải quay về, nhưng con tôi không làm thế. Khi đã về Việt Nam thì rất khó tìm việc dễ làm hoặc thú vị hơn ở chỗ tôi. Con tôi giúp tôi được rất nhiều. Đầu tiên là phổ biến vào trong đời sống tập thể những cách sống mà tôi nghĩ rằng rất nhiều bạn trẻ thích, như tổ chức các lễ hội như thế nào cho lãng mạn, vui vẻ, tổ chức viết bài cho các tạp chí nội bộ như thế nào. Các con tôi làm cho tôi những công việc rất có ích. Tôi không hề ưu tiên theo nghĩa đó là con tôi.

Phần thứ hai của câu hỏi là tôi bắt đầu thức tỉnh về việc lựa chọn công việc cho xây dựng sự nghiệp của mình như thế nào. Lúc này tôi nói là 45 tuổi. Tôi bắt đầu nghiên cứu chính trị học từ đầu những năm 70. Năm 1968 khi Henry Kissinger đến Bắc Kinh, Nixon đến Bắc Kinh, tôi bắt đầu thích thú đời sống chính trị và tôi nghiên cứu nó. Tôi cũng là người cá biệt, tôi không hạn chế tự do suy nghĩ của mình. Không ai trên đời này có quyền chi phối tự do suy nghĩ của tôi, nhưng khi làm thì tôi phải tuân thủ các điều kiện pháp luật hiện hành. Tôi đưa ra định nghĩa tự do trong quyển “Cội nguồn cảm hứng” của tôi là: Tự do là điều kiện để cho ý nghĩ và hành vi chuyển động song song với nhau không bị cản trở. Khi nào mà ý nghĩ bị cản trở khi hành động thì tự do có vấn đề, có trục trặc. Các bạn còn ít tuổi, các bạn không biết thời bao cấp khủng

khiếp thế nào. Thường thì người ta phải dậy sớm từ 5 giờ sáng để đi xếp hàng mua gạo. Tôi nghĩ ra cách để không phải dậy sớm. Đêm trước, đi chơi về, tôi rẽ qua hàng gạo dùng bút chì viết vào bậu cửa sổ tên của tôi, viết nhỏ li ti để không kẻ nào phát hiện ra mà xóa đi. Sáng hôm sau khi đến mua gạo, tôi bảo tôi đã ghi tên ở đó rồi và tất cả mọi người phải chịu và họ bán cho tôi sớm. Thi thố tài năng ở thời kỳ bao cấp là như thế. Khi bắt đầu có những lợi ích đan xen thì tôi phải tìm cách hợp tác với nông trường này, với trại chăn nuôi kia để cuối năm phải kiếm được cho phòng, cho bộ môn tôi làm chủ nhiệm một vài con lợn hay con bò. Tất cả những bước như vậy mà đất nước phải đi qua thì tôi đều đi qua.

Tôi dự báo trước Liên Xô sẽ sụp đổ, đất nước chúng ta sẽ mở cửa và tôi bắt đầu học kinh tế. Từ những năm 70 tôi học kinh tế thông qua một loạt các tác phẩm kinh tế học, ví dụ giáo trình của giáo sư Samuelson. Tất cả những cái đó tôi tự học để tìm ra cuộc đời của mình, tìm ra con đường của mình, tìm ra sự nghiệp của mình, thậm chí tìm ra cả tiếng tăm của mình nữa một cách lăm lũi. Khi nào các bạn hành động mà không cần ai biết đến, không cần khoe ai cả, đến một ngày đẹp trời nào đó, con chim bắt đầu hát những tiếng hát đầu tiên vào buổi sáng thì lúc bấy giờ bỗng nhiên mình phát hiện ra mình đã thành công. Tôi bây giờ trở thành người của công chúng thành ra cũng không giấu được nữa, nhưng trước đây tôi đã giấu nhem tất cả những cố gắng của tôi trong suốt mấy chục năm, không ai biết. Cuộc sống biết dần đến mình sau khi mình đã tiếp cận một cách từ từ cuộc sống. Không có gì là bí mật, đấy là công nghệ. Trong cuộc sống những người có một chút thành công đều có các know-how của mình.

SV: *Cháu là sinh viên đến từ khoa Truyền thông quốc tế, khoa mới của Học viện Ngoại giao. Trước hết cháu xin cảm ơn những chia sẻ về lý tưởng và về khái niệm tự do của chú trong buổi hôm nay để giúp cháu cũng như nhiều bạn sinh viên tìm lại lý tưởng màu hồng giống như bạn sinh viên Khoa Kinh tế nói lúc nãy. Chú luôn đề cao cũng như đi tìm những tư tưởng, lý tưởng. Nhưng đôi lúc có những lý tưởng phá cách lại không tốt, kết hợp với lý thuyết bên bờ vực của chú nói lúc đầu, liệu lựa chọn những lý tưởng phá cách ấy có mang lại rủi ro cho doanh nghiệp của chú hay không? 90% nhân lực chú chọn đều xuất thân từ Khoa Luật, vậy 10 % còn lại chú có thể có sự phá cách cho sinh viên Khoa Truyền thông của chúng cháu trong năm nay được không?*

NTB: Trước hết phải nói là có cơ hội cho sinh viên học khoa Truyền thông. Chúng tôi cần những cán bộ làm về truyền thông, bởi vì nghề truyền thông thực

chất là một nghề có thể rẽ vào khu vực quan hệ công chúng, mà bất kỳ tổ chức nào muốn phát triển đều phải xử lý tốt quan hệ công chúng.

Còn về lý tưởng thì tôi nghĩ rằng lý tưởng là cái mình yêu mến. Đã yêu mến thì đừng rón rén xem sự yêu mến ấy có phù hợp không, nó có chuẩn mực không. Phải tin vào sự lựa chọn của mình nếu mình lương thiện. Phải lương thiện và có động cơ tốt đẹp. Khi bạn thấy động cơ của bạn là tốt đẹp rồi bạn hãy tin vào sự lựa chọn của bạn, sớm muộn con người cũng sẽ bị thuyết phục bởi tính kiên định và sự lương thiện của bạn. Một âm mưu xấu xa thì dù kiên định cũng không làm cho ai yêu mến được, nhưng một động cơ không xấu thì người ta không thể ghét bỏ. Bạn nói rằng lý tưởng màu hồng, tất cả các lý tưởng đều phải màu hồng. Chúng ta phải yêu các màu hồng ấy, không có cách nào khác, nếu không thì chúng ta sống với ai, chúng ta đi đâu? Nếu chúng ta không yêu ngày mai thì chúng ta làm sao kéo dài sự sống được? Hamlet nói “To be or not to be”. Khi người ta xao động, người ta không còn tin vào chất lượng của cuộc sống, tin vào lý tưởng của mình nữa thì người ta sẽ phân vân. Không phải đến thế kỷ này mới thế, Shakespeare viết Hamlet từ thế kỷ XV. Từ thế kỷ XV con người đã bắt đầu biết phân vân thì đến thế kỷ XXI, sự phân vân phải chuyên nghiệp rồi. Bạn phải tin tưởng vào sự lựa chọn của bạn, sự yêu mến của bạn nếu bạn lương thiện. Còn bạn phân vân bao nhiêu thì tùy. Sự thông minh đến sớm thì bao giờ cũng thiếu chín chắn một chút. Thường con người thật sự thành đạt vào thời điểm ở tuổi 35 trở đi, bởi vì không phải trí tuệ, trí khôn hoặc sự lương thiện của bạn chín muồi mà xã hội chín muồi để hiểu được giá trị của bạn. Không phải là quả ngon chỉ bởi vì chúng chín. Chúng ngon còn bởi vì người ta ăn chúng. Khi sự chín chắn của người ăn và sự chín chắn của quả đi cùng với nhau thì cái đó được gọi là may mắn.

SV: *Chú nói đến năm 45 tuổi chú mới bắt đầu sự nghiệp của mình. Khi bắt đầu sự nghiệp, trong tay chú có bằng tiến sĩ cũng như chú đã là một luật sư và là một người có tầm nhìn để ông Henry Kissinger có thể mời chú sang Mỹ nói chuyện. Liệu một sinh viên Học viện Ngoại giao như chúng cháu ra trường có cần phải học lên thạc sĩ hay tiến sĩ để có thể có được tầm ảnh hưởng như chú và có thể có một đà cao hơn để bước sang tầm ảnh hưởng mới không?*

NTB: Khi tôi thành đạt, tôi chưa có bằng tiến sĩ và tôi cũng không có ý định có nó. Bằng tiến sĩ không phải là điều kiện cần và đủ cho sự thành đạt, trí tuệ của một anh tiến sĩ thì cần, nhưng cái bằng thì chưa chắc. Tôi có một người thầy đã mất rồi, đó là nhà giáo nhân dân Lều Thọ Trình. Ông tốt nghiệp khóa 1 Đại học

sư phạm, Khoa Vật lý, cùng lứa với giáo sư Nguyễn Lâm Dũng và giáo sư Nguyễn Văn Hiệu. Ông ấy không phải tiến sĩ, nhưng bằng kiến thức vật lý mà ông ấy trở thành nhà cơ học ứng dụng hàng đầu Việt Nam. Con người trong quá trình thành đạt của mình có nhiều nhánh rẽ hoặc sự đột biến rất bất ngờ, càng gần đến khoa học thật sự bao nhiêu, khoa học càng cao bao nhiêu thì tính bất ngờ trong sự sáng tạo càng lớn bấy nhiêu. Bây giờ bạn đang học kiến thức ngoại giao một cách phổ cập, nhưng nếu bạn trở thành người có khả năng lập chính sách đối ngoại chẳng hạn thì có khi sáng tạo của bạn bất ngờ đến mức các thầy cũng không biết trước được và chính bạn cũng không biết trước được. Ở nước chúng ta rất nhiều người nghĩ mình là thiên tài hoặc định trở thành thiên tài. Tôi định nghĩa thiên tài là thứ mà kẻ sở hữu nó là kẻ cuối cùng biết về nó. Khi tôi bắt đầu đi học thêm một số kiến thức, vợ tôi hỏi không biết ông Bạt nhà tôi bây giờ làm nghề gì, suốt ngày thấy lang thang ngoài đường. Tôi có một người bạn, anh ấy cũng mất rồi, vợ anh ấy là chị Minh Châu - một nghệ sĩ điện ảnh rất có tiếng. Có lần mẹ của chị Minh Châu hỏi tôi: “Anh Bạt ơi, thằng Tuấn nhà tôi nó làm nghề gì mà suốt ngày tôi thấy nó ở ngoài đường?”. Con người càng yêu công việc của mình bao nhiêu thì tính bất ngờ đối với những người thân càng lớn bấy nhiêu.

HAT: *Trước khi các bạn đặt tiếp câu hỏi, tôi có một câu hỏi với ông Nguyễn Trần Bạt. Bây giờ quay ngược trở lại 50 năm trước, giả sử ông cũng là một trong những bạn sinh viên đang ngồi ở dưới này, đang chuẩn bị tìm kiếm công việc cho mình, ông sẽ dự kiến như thế nào cho bước đi sắp tới và cuộc đời của mình?*

NTB: Tôi có một cuộc đời cũng hơi cá biệt. Khi tôi bắt đầu ý thức về sự học giỏi là năm tôi học lớp 9 thì tôi đi thanh niên xung phong. Cái thôi thúc tôi đi thanh niên xung phong là bài thơ của anh Bùi Minh Quốc. Khi tôi cảm thấy cuộc sống học đường không thỏa mãn trí tưởng tượng của tôi nữa thì tôi bỏ đi thanh niên xung phong. Khi đi thanh niên xung phong, tôi thấy thực ra mình cũng chỉ làm những việc lặt vặt, thế là tôi đi bộ đội. Tôi trở thành chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam khi chưa tròn 17 tuổi. Đi bộ đội một thời gian thì tôi bị sức ép, không đủ sức khỏe để tiếp tục phục vụ và được về. Người cho tôi về là giáo sư Nguyễn Thuyên. Tôi hỏi tại sao lại đuổi tôi về. Ông ấy bảo tôi: “Thằng ngu, về đi.” Ông ấy là chủ nhiệm khoa ngoại của bệnh viện Quân y 4, ông biết rất rõ là rất nhiều người chết, ông ấy thấy một cậu thanh niên Hà Nội trắng trẻo như thế mà chết thì phí quá nên bảo tôi về. Tôi về và quay trở lại học đại học.

Nếu tôi đã thích thì không có lợi ích nào bắt buộc tôi làm ngược lại được. Nếu tôi kiên nhẫn một chút thì tôi có thể trở thành giáo sư. Chủ nhiệm một bộ môn ở một Viện nghiên cứu thì trở thành giáo sư rất dễ. Không đi nghiên cứu sinh bên ngoài để làm tiến sĩ thì làm trong nước. Lúc ấy muốn làm tiến sĩ thì chỉ cần chịu khó thôi, mà tôi thì rất chịu khó. Nhưng tôi thấy sáng cấp ô đi, tối cấp ô về chán quá, tôi mơ tưởng như Henry Kissinger cơ. Và tôi đã nghiên cứu luật học quốc tế, nghiên cứu kinh tế quốc tế. Tất cả những chuyện ấy tôi làm âm thầm và không định bày bán cho ai, nhưng bỗng nhiên cuộc sống đổi mới, Đảng ta đổi mới và mở cửa. Tôi bảo vậy là những thứ mình làm theo ý thích của mình bây giờ có thể bán được. Khi tôi bắt đầu mở công ty này tôi chỉ có một cái xe đạp, đi ra Bờ Hồ làm việc còn bị lấy trộm mất. Nhưng hai năm sau khi lập công ty, tôi trở thành triệu phú. Lúc bấy giờ tôi bảo các đồng nghiệp của tôi ngồi đây là chịu khó lĩnh lương 500-700 ngàn trong vài tháng, chắc độ vài tháng nữa sẽ lĩnh lương bằng đô la. Các chị ấy cười bảo tôi nói phét. Nhưng đến hẹn lại lên, vài ba tháng sau, các chị ấy bắt đầu lĩnh lương bằng đô la thật. Thu nhập của các chị ấy bằng tiêu chuẩn châu Âu, đủ để nuôi con sang học ở nước ngoài mười mấy năm.

Phải nói với các bạn, cuộc sống đầy rẫy sự bất ngờ dành cho những người dũng cảm và kiên nhẫn. Nói như thế có thể có bạn nghĩ là bây giờ tôi thành công rồi nên mới nói mạnh được. Không phải thế. Sự liều mạng của tôi cũng đã từng làm cho tôi mất khá nhiều. Các bạn biết rằng chủ nhiệm bộ môn tức là có thể trở thành ông nọ bà kia dễ như chơi, nếu biết nhẫn nại một tí, biết khôn khéo một tí. Nhưng tôi vẫn đi tìm cái mình thích. Tôi không khuyên các bạn như thế, nhưng tôi muốn nói với các bạn điều ấy để các bạn thấy khi cái mình học không tạo cho mình được tương lai, không có triển vọng, bí quá thì hãy mạnh dạn mà bổ sung cái khác. Tại sao chúng ta cứ phải trói mình vào những cái được các thầy cô dạy và xem đó là tất cả mọi chân lý ở trên đời này? Nếu cái mình đã được trang bị ban đầu không đủ để mình sống thì mình làm cái khác và mình sẽ quay lại với nó ở một trạng thái khác. Sự chung tình với cái mình được học không phải là sự máy móc. Sự chung tình đối với cái mình được học chính là cách mình quay lại với nó bằng trí tuệ, bằng hiểu biết, bằng một sự liều mạng thông minh hơn. Đây là kinh nghiệm cá nhân tôi, tôi không muốn phổ quát hóa kinh nghiệm này, nhưng tôi nói với các bạn để khi bí quá thì đấy có thể là một giải pháp.

SV: *Chú nói rằng năm 45 tuổi chú mới bắt đầu có định hướng sự nghiệp của mình. Vậy từ lúc lập gia đình đến năm 45 tuổi, chú vẫn đang tìm kiếm cái mà*

mình thực sự mong muốn? Lúc mới lập nghiệp thì mới có một chiếc xe đạp và sau đó còn làm mất, vậy có bao giờ chú nghĩ rằng vợ con chú sẽ sống bằng gì không? Động lực ở đâu để chú có thể tiếp tục theo đuổi sự nghiệp của mình?

NTB: Bạn muốn hỏi xem vợ con tôi lúc đầu phải chịu đựng tôi như thế nào đúng không? Tôi nghĩ rằng lấy vợ là một việc vô cùng quan trọng, phải biết lựa mình mà lấy vợ, phải biết đo bò mà làm chuồng. Nếu mình là kẻ liều mạng, là kẻ phiêu lưu thì mình phải chọn một cô vợ ít nhất cũng phải có 50% sức chịu đựng sự phiêu lưu của mình. Tôi chuẩn bị rất kỹ cho sự phiêu lưu của mình. Tôi cũng đi buôn và kiếm được dăm bảy chục triệu gì đấy. Vợ tôi là người làm báo, là chị Thanh Tâm của báo Phụ nữ Việt Nam. Tôi bảo vợ tôi cầm tiền này để gửi tiết kiệm lấy lãi mà sống và hãy quên tôi đi dăm năm xem sao. Lãi suất vào những năm 1983-1984 là 12%/ tháng và vợ tôi đã sống rất thoải mái với số tiền gửi tiết kiệm ấy, thậm chí còn mua được vàng cất đi. Tôi cũng không muốn vợ con tôi phải phiêu lưu giống như tôi, cho nên tôi chuẩn bị cho họ chịu đựng sự phiêu lưu của tôi mà không có nhiều rủi ro. Nếu như thương vợ con quá mà không dám phiêu lưu thì cũng chỉ ôm vợ sống dở, chết dở trong sự nghèo khổ và đấy không phải là một người đàn ông. Tôi nghĩ là tôi đã hành động như một người đàn ông chuẩn mực.

SV: *Ban đầu chú có nhắc đến khái niệm công việc và sự nghiệp. Là một sinh viên sắp ra trường, ưu tiên của cháu là làm sao kiếm được một công việc để nuôi sống bản thân. Cháu không biết liệu có nên bắt chấp tất cả các công việc để đảm bảo thu nhập, không cần quan tâm đến sự nghiệp miễn là có thể nuôi sống bản thân hay là cố gắng trau dồi kiến thức để học thật tốt, chờ đến khi có cơ hội thích hợp để chọn một công việc hướng đến sự nghiệp của mình?*

NTB: Tôi không thấy có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa công việc và sự nghiệp. Những công việc có ích, những công việc có lợi cho đời sống thì bản thân nó đã hàm chứa sự nghiệp rồi. Khái quát hóa những kinh nghiệm thông thường, những công việc thông thường trở thành những đại lượng có chất lượng triết học, đó là sự nghiệp. Tất cả những gì tôi viết ra chính là sự khái quát hóa những kinh nghiệm thông thường mà tôi nhặt được trong đời sống và tôi tạo ra sự nghiệp của tôi. Đành rằng không phải là ghê gớm lắm, nhưng không ai dám nói đấy không phải là một sự nghiệp. Còn giá trị của sự nghiệp ấy bao lâu tùy thuộc xã hội. Món ăn ngon hay không không chỉ do nó mà còn do người ăn. Quyển sách của tôi là do người đọc khẳng định, ý nghĩ của tôi có giá trị hay không là do đời sống ứng dụng khẳng định. Tôi nghĩ rằng lao động một cách không

ngưng nghỉ, tích lũy một cách kiên nhẫn và khái quát hóa tất cả các kinh nghiệm hàng ngày của mình là công việc mang chất lượng của nhà khoa học. Nhà khoa học nào cũng thế, phải biết đi từ đời sống, đi từ những kinh nghiệm thực tế và biết khái quát thành những giá trị có chất lượng tư tưởng và triết học. Nếu không biết khái quát thì Einstein không có thuyết tương đối. Thuyết tương đối của Einstein là một sự khái quát các kinh nghiệm vật lý của ông.

Các bạn học ngành ngoại giao, có những quyển sách của các bậc trưởng lão trong ngành ngoại giao các bạn nên đọc, những quyển sách của bác Lưu Văn Lợi, bác Mai Văn Bộ chẳng hạn. Tôi đọc tất cả những quyển sách của hai bác ấy, thậm chí tôi đến tận nhà bác Mai Văn Bộ để xem bác ấy là người như thế nào. Tôi là người chịu khó đọc đến mức như thế. Những tác giả ấy không liên quan gì đến tôi và không phải là người nổi tiếng lắm, nhưng họ là những cán bộ ngoại giao rất căn bản của một giai đoạn rất thú vị của lịch sử ngoại giao Việt Nam. Các bạn sẽ thấy công nghệ để biến những kinh nghiệm thông thường của đời sống công việc trở thành các giá trị phổ quát như thế nào.

Hiệu phó Nguyễn Thái Yên Hương: *Tôi xin trao đổi với bác không phải với góc độ người quản lý mà là một nhà nghiên cứu và một người giảng dạy. Qua quá trình giảng dạy và qua việc nghe các em sinh viên trao đổi với bác, tôi cảm nhận phải chăng đây là lỗi của ngành giáo dục chúng tôi là tạo ra một thế hệ sinh viên không biết mình ở đâu. Năm ngoái tôi có hướng dẫn một em học rất giỏi, viết rất tốt. Khi bắt đầu ra nghề bạn ấy muốn vào Viện Nghiên cứu Biển Đông và bạn ấy thi trượt. Đến khi báo Nhân dân tuyển người thì tôi khuyên bạn ấy đi thi vì bạn ấy viết tốt. Bạn ấy đi thi và được ký hợp đồng thử việc. Khi đi làm thì bạn ấy cũng than phiền như bạn vừa nãy. Thế hệ tôi với bác khi mới đi làm, người ta bảo rửa chén, pha nước cho các bác lớn tuổi là mình lẳng lẳng làm. Nhưng có lẽ các bạn sinh viên bây giờ, dù nhà nghèo cũng đều được chiều, đến công sở mà các bác lớn tuổi bảo quét nhà là quay ra cãi. Khoảng một tháng đầu đi làm về bạn ấy kêu là các bác ấy không thương. Tôi không biết nói với bác thế nào, nhưng tôi cảm nhận là tự nhiên chúng tôi có lỗi là tạo ra một lớp sinh viên, một lớp thế hệ trẻ Việt Nam được nuông chiều quá so với thế hệ trước. Ngay cả con chúng tôi ở nhà, chúng tôi cũng không làm cho chúng hiểu được là phải lao vào cuộc sống. Tôi là một nhà nghiên cứu về Mỹ, tôi thấy suốt ngày mình lấy mô hình Mỹ ra áp dụng vào đất nước mình thì rất khó. Giáo sư Mỹ họ phải làm cả những việc như rửa ô tô, nhưng sinh viên học ngoại giao bây giờ mà bảo ra làm tiếp thị thì chắc các bạn ấy sẽ không muốn. Tôi muốn chia sẻ với bác một chút như vậy, bác có kinh nghiệm với một cơ quan có 200*

người vừa lớn tuổi, vừa trẻ tuổi, bác có lời khuyên nào với những em chuẩn bị sắp ra trường?

NTB: Cám ơn cô giáo! Tôi rất xúc động trước sự chân thành của chị với sinh viên. Sự lo lắng và sự tự kiểm điểm ấy là rất cần thiết, tuy nhiên không có cách gì để chị sửa chữa, làm cho các em ấy nhận thức khác ngay được. Cuộc sống sẽ dạy các em. Chúng ta phải nhớ rằng nhà trường không phải là nơi chấm dứt quá trình giáo dục. Nhà trường là nơi bắt đầu quá trình giáo dục, nhà trường là nơi bắt đầu quá trình rèn luyện, là nơi trang bị một số “vũ khí” và cả các nguyên lý ban đầu cho quá trình tự rèn luyện để thành một con người thành đạt. Xét về mặt hoạt động thực tiễn, nhà trường không cung cấp nhiều lắm cho sinh viên, nhà trường không nhất thiết phải chịu trách nhiệm về toàn bộ sự thành bại của sinh viên sau khi ra trường. Khi nào chị nghĩ như thế, chị sẽ thấy cái hạnh phúc của một người may mắn có học sinh thành đạt. Còn nếu như nghĩ rằng sinh viên của mình buộc phải thành đạt thì chị sẽ luôn cảm thấy sự không may mắn của một cô giáo. Tôi nghĩ là các cháu sẽ tự tìm ra và sớm hay muộn, các cháu sẽ thấy giá trị của người thầy, giá trị phải chăng mà một người thầy có thể có. Để thấy được giá trị của thầy mình không dễ.

Lỗi của nhà trường không phải là lỗi của cô giáo, hay lỗi của cô giáo cũng không phải là lỗi của nhà trường. Lỗi của nhà trường cũng không phải chỉ do nhà trường ấy tạo ra. Thể chế chính trị của chúng ta tạo ra rất nhiều lỗi. Lỗi đó được gọi một cách phổ biến là lỗi hệ thống. Tôi nghĩ lỗi hệ thống là lỗi được kéo dài một cách có hệ thống và nó nằm ở tất cả mọi khâu của hệ thống. Chị không phải buồn, chắc là chị cũng không làm hơn được, chị cũng không thể nói cho các cháu chín chắn ngay được. Chúng ta sốt ruột, chúng ta muốn các sản phẩm của mình hoàn chỉnh ngay nên chúng ta dồn bọn trẻ phải học nhiều quá. Chính cách nghĩ tạo ra sự nghiệp của các cháu chứ không phải là cái các cháu được học tạo ra sự nghiệp của các cháu. Cho nên phải làm thế nào để rèn luyện năng lực suy nghĩ một cách độc lập, một cách chủ động và một cách có hệ thống cho sinh viên. Năng lực suy tưởng chính là cái tạo ra sự nghiệp, không phải kiến thức học trong các trường đại học. Kiến thức đã vào sách giáo khoa thì nó phổ biến rồi. Muốn thành công, muốn bứt phá thì phải tạo ra sự bất ngờ trong ý nghĩ của chính mình chứ không phải sử dụng những ý nghĩ được dạy.

SV: *Cháu là sinh viên khoa Luật quốc tế. Cháu muốn chú chia sẻ với chúng cháu hai vấn đề. Vấn đề thứ nhất, cháu băn khoăn đức tính trung thực và trung thành nếu đặt lên bàn cân thì đức tính nào là quan trọng hơn đối với một nhà*

ngoại giao. Vấn đề thứ hai, lối nghĩ của người Việt Nam là “con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đũa”. Đi thực tế thì cháu thấy Giám đốc sở của tỉnh thì sẽ đưa con vào làm giám đốc một trung tâm trong sở mình quản lý. Cháu có dự đoán là sau một vài chục năm nữa lối nghĩ của người Việt Nam sẽ thay đổi? Cháu nghĩ chắc là về sau thì con vua sẽ vẫn làm vua, con sãi ở chùa thì vẫn quét lá đũa.

NTB: Nhà ngoại giao là người phải kết hợp được hai yếu tố: thứ nhất là phải trung thực như một con người, và thứ hai là phải khôn ngoan như một nhà chính trị. Tại sao tôi phải nói như vậy, bởi vì những người đối thoại với mình họ cũng là con người, họ rất nhạy cảm với những phẩm chất con người. Nếu anh chỉ diễn trò khôn ngoan thì người ta không tin anh, người ta không tin anh thì không có hiệu quả ngoại giao. Nhà ngoại giao không phải nói cho việc của mình, mà nói cho công việc của đất nước của mình, tổ chức của mình. Do đó, anh không được thay thế nghĩa vụ của mình bằng các tình cảm và phẩm hạnh riêng của mình. Cho nên phải khôn ngoan như một nhà chính trị và kết hợp một cách nhuần nhuyễn với sự trung thực như một con người. Đây là công thức tốt nhất để rèn luyện trở thành một nhà ngoại giao theo quan niệm của tôi.

Còn ý thứ hai bạn nói đến chuyện con vua thì lại làm vua. Tôi có một lý thuyết, đó là lý thuyết về các không gian. Có một cán bộ của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam hỏi tôi là có phải nhân dân làm chủ không. Tôi bảo không, kẻ làm chủ không gian chính trị là kẻ thắng thầu chính trị, và kẻ làm chủ không gian chính trị mà khôn khéo thì rất có thể trở thành kẻ làm chủ đất nước, cầm quyền đất nước. Tôi nghĩ rằng khi người ta đã cầm quyền thì chuyển giao quyền lực luôn là một vấn đề đòi hỏi khắt khe còn hơn cả chuyển giao công nghệ. Đây là chuyển giao những giá trị đầu tư, kể cả quyền lực cũng là những giá trị đầu tư có chất lượng lịch sử. Cho nên người ta phải xử sự một cách thận trọng trong mọi việc để đảm bảo không thất lạc các quyền lực. Đây là một tâm lý thông thường ở tất cả các ngành nghề. Vậy thì chúng ta phải phấn đấu để chúng ta trở thành con vua. Bởi vì vua cũng có thể có con nuôi. Nếu bạn không có may mắn là con của vua thật thì bạn phải phấn đấu để thành con nuôi của vua. Đây là lời khuyên của tôi với tư cách là một người 70 tuổi đối với bạn.

SV: *Trước hết cháu xin cảm ơn về buổi nói chuyện rất ý nghĩa của bác. Theo ý nghĩ của cháu thì bất kỳ một người thành công nào đều phải trải qua những khó khăn và những thử thách nhất định. Đối với bác, những lúc gặp khó khăn*

hay những lúc bế tắc thì đâu là động lực để vượt qua những khó khăn ấy để bước tiếp trên con đường của mình?

NTB: Đó là tinh thần trách nhiệm. Rồi bạn sẽ lấy vợ, có con. Khi nào bạn làm mọi cách để thỏa mãn trách nhiệm làm chồng, làm cha thì bạn sẽ vượt qua khó khăn mà không cần tính đếm nhiều lắm. Không có gì thay thế được sự cố gắng của người cha bằng tình yêu với con, không có gì xấu hổ hơn việc không hoàn tất nghĩa vụ làm chồng. Là một người đàn ông, bạn hãy bắt đầu thực thi trách nhiệm làm chồng và làm cha, bạn sẽ thấy các khó khăn là bé so với sự thúc bách của nghĩa vụ.

SV: *Như vậy nghĩa là bây giờ cháu chưa làm chồng, chưa làm cha thì chưa hiểu được?*

NTB: Làm gì cũng phải chuẩn bị. Để làm chồng, để hoàn tất nghĩa vụ làm chồng, bạn phải học từ bây giờ. Nhiều nền giáo dục khác người ta dạy làm chồng làm cha. Trường học không dạy thì chúng ta phải tự học thôi.